

CHƯƠNG TRÌNH SƯU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

VÕ CHÍ CÔNG



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

VỖ CHÍ CÔNG



CHƯƠNG TRÌNH SƯU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

VỖ CHÍ CÔNG



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2019

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỒNG ANH	Trưởng ban
TÔ HUY RÚA	Ủy viên
ĐINH THẾ HUYNH	Ủy viên
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Ủy viên
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

TẠ NGỌC TẤN	Chủ nhiệm
PHẠM NGỌC ANH	Phó Chủ nhiệm thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG PHONG HÀ	Ủy viên
TRẦN MINH TRƯỜNG	Ủy viên

BAN BIÊN SOẠN

PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG (Chủ biên)
 PGS.TS. TRẦN MINH TRƯỜNG
 PGS.TS. NGUYỄN DANH TIỀN
 PGS.TS. ĐỖ XUÂN TUẤT
 TS. NGUYỄN THẮNG LỢI
 ThS. TRẦN THỊ NHUẦN
 ThS. ĐINH NGỌC QUÝ
 ThS. NGUYỄN TUYẾT HẠNH
 ThS. NGUYỄN VĂN HÒA
 CN. VÕ MINH QUYẾT
 CN. LÊ MINH CHIẾN

CỘNG TÁC VIÊN

ThS. NGÔ XUÂN DƯƠNG	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
PGS.TS. TRỊNH THỊ HỒNG HẠNH	Viện Lịch sử Đảng
ThS. LÊ THỊ HIỀN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. LÊ THỊ HẰNG	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
TS. LÊ THỊ THU HỒNG	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. TRẦN THỊ HỘI	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. TRẦN THỊ HUYỀN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. TRẦN VĂN KHÔI	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
ThS. ĐỖ VĂN PHƯƠNG	Viện Lịch sử Đảng
ThS. CHU LAM SƠN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
TS. ĐẶNG VĂN THÁI	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
TS. NGUYỄN XUÂN TRUNG	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng
TS. NGUYỄN THỊ XUÂN	Viện Lịch sử Đảng
TS. TRẦN THỊ VUI	Viện Lịch sử Đảng
TS. NGUYỄN THỊ LƯƠNG UYÊN	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng

**Ngoài ra còn nhiều cộng tác viên khác tham gia
viết bài cho hai Hội thảo khoa học**



Đồng chí VÕ CHÍ CÔNG
(1912 - 2011)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Võ Chí Công - người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ cộng sản kiên cường, bất khuất, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng và Nhà nước ta. Cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí Võ Chí Công gắn liền với quá trình cách mạng và những sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng của Đảng và nhân dân ta.

Đồng chí Võ Chí Công, tên khai sinh là Võ Toàn, sinh ngày 7-8-1912, tại xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (nay là huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam). Được thừa hưởng truyền thống yêu nước của quê hương và gia đình, đồng chí đã sớm giác ngộ cách mạng. Năm 1930, đồng chí tham gia phong trào đoàn thanh niên cơ sở; tháng 5-1935, được kết nạp Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam), từ đó, đồng chí tích cực, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, bám dân, bám địa bàn, hòa mình vào phong trào cách mạng trong những năm tháng gian khổ, hào hùng từ thời kỳ tiền khởi nghĩa, kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954) đến cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở chiến trường Khu V ác liệt với các trận thắng lịch sử,... tạo đà thắng lợi cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày đất nước thống nhất, với uy tín và nhiệt thành hết lòng phụng sự đất nước, đồng chí Võ Chí Công được giao

nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước: Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng,... Dù ở bất kỳ cương vị công tác nào đồng chí cũng luôn trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, luôn phấn đấu hết mình để giữ gìn, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân; sống giản dị, khiêm tốn, được đồng chí, đồng bào quý mến, tin cậy; được bạn bè quốc tế trân trọng.

Để ghi nhớ những đóng góp to lớn của đồng chí Võ Chí Công đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, qua đó góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho toàn Đảng, toàn dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách *Võ Chí Công - Tiểu sử* do Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên soạn, nằm trong Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam. Nội dung cuốn sách khắc họa rõ nét cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của đồng chí Võ Chí Công, là những tư liệu quý giá giúp cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân hiểu hơn về nhà lãnh đạo chủ chốt xuất sắc của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 10 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Một trăm năm tuổi đời, với 77 năm phấn đấu không ngừng nghỉ dưới ngọn cờ của Đảng cho sự nghiệp vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước và đổi mới, đồng chí Võ Chí Công là một tấm gương sáng của người cộng sản kiên trung, nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước tài năng, một học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sinh ra trong một gia đình giàu lòng yêu nước, đồng chí Võ Chí Công đã sớm giác ngộ và trở thành một chiến sĩ cộng sản kiên cường, đóng góp tích cực và to lớn vào quá trình phát triển của cách mạng nước ta. Vượt qua mọi khó khăn, gian khổ trong hoạt động cách mạng và nơi ngục tù đế quốc, trải qua hai cuộc kháng chiến đầy cam go, trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, tới sự nghiệp đổi mới trong xây dựng và bảo vệ đất nước, tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của Đảng và dân tộc.

Cùng với tiến trình phấn đấu vì độc lập dân tộc và tự do, hạnh phúc của nhân dân, đồng chí Võ Chí Công đã từng bước trưởng thành, phát triển, được Đảng và

Nhà nước trao nhiều trọng trách: Bí thư Chi bộ ghép (một số xã thuộc huyện Tam Kỳ), Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Quảng Nam, Phó Bí thư và Bí thư Liên khu ủy V, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Khu ủy V, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng, Thường trực Ban Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng,...

Trên bất kỳ cương vị nào, đồng chí Võ Chí Công cũng thể hiện tinh thần cách mạng, tài năng, phẩm chất đạo đức của một người cộng sản, một nhà lãnh đạo luôn vì lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Đảng ta đã khẳng định: đồng chí Võ Chí Công là một “chiến sĩ cộng sản kiên cường, suốt đời phấn đấu cho độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân và vì lý tưởng cộng sản”; “một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta”, “một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh” mà cuộc đời “gắn liền với quá trình cách mạng và những sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng của Đảng và nhân dân ta”¹.

1. Điều văn của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban lễ tang đọc tại Lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công, ngày 12-9-2011, Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 13-9-2011.

Để ghi nhận những cống hiến to lớn của đồng chí Võ Chí Công đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, đồng thời giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng anh dũng, kiên cường của thế hệ cha anh, nhóm tác giả đã tổ chức sưu tầm tài liệu, biên soạn cuốn sách *Võ Chí Công - Tiểu sử*. Đây là sản phẩm của “Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam” theo chủ trương của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

Suốt đời phấn đấu cho lý tưởng của Đảng và cách mạng nước ta, đồng chí Võ Chí Công có nhiều hoạt động hết sức phong phú ở nhiều địa bàn, lĩnh vực và trên nhiều cương vị khác nhau trong một thế kỷ. Mặc dù nhóm tác giả đã hết sức cố gắng trong việc sưu tầm tài liệu và biên soạn với tinh thần trách nhiệm cao, nhưng cuốn sách *Võ Chí Công - Tiểu sử* khó tránh khỏi những nhược điểm và thiếu sót. Chúng tôi rất mong bạn đọc lượng thứ và đóng góp ý kiến để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần xuất bản sau.

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn sự chỉ đạo sát sao của Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm Chương trình; các tổ chức đảng và chính quyền xã Tam Xuân I, Huyện ủy Núi Thành, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam; Quân khu 5; Cục Lưu trữ Trung ương Đảng; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, II, III, các nhà khoa học, các cộng tác

viên và các cán bộ công tác cùng thời..., đặc biệt cảm ơn gia đình đồng chí Võ Chí Công đã hết sức giúp đỡ chúng tôi thực hiện và hoàn thiện cuốn sách này.

T/M BAN BIÊN SOẠN
CHỦ BIÊN
PGS.TS. PHẠM HỒNG CHƯƠNG

Chương I

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1912 - 1935)

1. Quảng Nam và Tam Xuân

Đồng chí Võ Chí Công, tên khai sinh là Võ Toàn (trong hoạt động cách mạng có bí danh Xuân, Năm Công), sinh ngày 7-8-1912, tại làng Khương Mỹ, tổng Phú Quý, phủ Tam Kỳ, nay thuộc xã Tam Xuân 1, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Theo sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi và *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn, Quảng Nam xưa “là đất Việt Thường Thị, đời Tần thuộc về Tượng Quận, đời Hán là bờ cõi quận Nhật Nam”¹. Quận Nhật Nam có Chu Ngô và Lô Dung². Đến năm 1474, vua Lê Thánh Tông thành lập *Quảng Nam Thừa tuyên* với ba phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn gồm phần đất phía nam sông Thu Bồn đến Bình Định ngày nay.

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, Viện Sử học: *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, 2006, t.II, tr.386.

2. Chu Ngô là Thừa Thiên, Lô Dung là Quảng Nam.

Đó là vùng “đất đai mở rộng về phương Nam, vâng lệnh vua để “tuyên dương đức hóa”. Đến đời vua Lê Tương Dực (1495 - 1516), Quảng Nam Thừa tuyên đổi thành *trấn Quảng Nam*.

Năm 1803, thời vua Gia Long (1762 - 1820), trấn Quảng Nam gọi là *Quảng Nam dinh*. Năm 1805, lại đổi thành *Trực lệ Quảng Nam dinh* trực thuộc kinh sư. Năm 1827, vua Minh Mạng (1791 - 1840) lại đổi Quảng Nam dinh thành *trấn Quảng Nam* và đến năm 1832 đổi thành *tỉnh Quảng Nam*.

Đến trước Cách mạng Tháng Tám (1945), tỉnh Quảng Nam có 4 phủ: Điện Bàn, Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ và 4 huyện: Hòa Vang, Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước¹.

1. Sau Cách mạng Tháng Tám, Quảng Nam và Đà Nẵng tách ra làm hai đơn vị hành chính. Tháng 11-1946, hợp nhất thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Từ năm 1950 đến năm 1952, lại là hai đơn vị hành chính độc lập. Tháng 3-1952, hợp nhất thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Năm 1962, lại tách ra thành tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Đà. Từ năm 1964 đến năm 1967, theo chỉ đạo của Khu ủy Khu V, thành phố Đà Nẵng tách khỏi Quảng Đà trực thuộc Khu ủy V. Tháng 11-1967, tỉnh Quảng Đà hợp nhất với thành phố Đà Nẵng thành Đặc khu Quảng Đà. Sau năm 1975, lại hợp nhất thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Từ ngày 1-1-1997, tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng là hai đơn vị hành chính: tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng. Quảng Nam có 15 huyện. (Dẫn theo: Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng: *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010, tr.1336-1348).

Định cư sinh sống ở Quảng Nam là lớp người Việt thứ hai tiến xuống phương Nam do sự vận động của lịch sử dân tộc¹. Bởi vậy, bên cạnh việc gìn giữ những truyền thống, phong tục tập quán căn bản của người Việt như đoàn kết, cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất, tình yêu thương con người, nhân dân ở đây cũng sáng tạo ra những nét mới trong sự giao thoa văn hóa Việt - Chăm.

Quảng Nam được xem là vùng đất học². Khắc phục khó khăn, nghèo khổ để theo việc học hành là một nét nổi bật của cộng đồng cư dân ở đây. Sách *Đại Nam nhất thống chí*, trong mục phong tục tỉnh Quảng Nam ghi rằng: “Đàn ông lo việc cày ruộng, trồng dâu, đàn bà

1. Từ thời nhà Hồ, việc khai khẩn Quảng Nam được tiến hành. Nhà Hồ hạ lệnh cho dân có của ở Nghệ An, Thuận Hóa đem vợ con vào khai khẩn, “dân ấy phải khắc hai chữ tên châu của mình trên cánh tay, lại mộ người có trâu bò đem nộp thì cấp cho phẩm tước để lấy trâu phát cho dân cày”. Sau đó, con Hồ Quý Ly là Hồ Hán Thương tiếp tục cử người chăm lo công việc khai khẩn vùng đất này.

2. Được xem là đất học bởi Quảng Nam có danh tiếng khoa bảng. Trong 32 khoa thi Hương ở trường thi Thừa Thiên dưới triều Nguyễn (1817 - 1918), được ghi trong sách *Quốc triều hương khoa lục*, có 911 người đăng khoa thì có tới 252 người quê ở Quảng Nam đỗ liên tiếp cả 32 khoa thi. Về đại khoa, Quảng Nam có 14 Tiến sĩ, 24 Phó bảng trong tổng số 558 vị trong cả nước. (Dẫn theo Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng: *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr.1349-1361).

chuyên nghề nuôi tằm, dệt vải, núi sông thanh tú cho nên nhiều người có tư chất thông minh, dễ học”¹.

Nói tới truyền thống hiếu học và khoa bảng của Quảng Nam phải kể đến “*tứ kiệt*” là Nguyễn Đình Hiến, Phan Châu Trinh, Võ Vỹ, Nguyễn Mậu Hoán đỗ Phó bảng khoa thi Tân Sửu (1901); “*tứ hổ*”: Phạm Liệu, Huỳnh Hanh (tức Huỳnh Thúc Kháng), Nguyễn Đình Hiến và Võ Hoàn cùng đỗ thủ khoa trong các khoa thi kế tiếp nhau. Đặc biệt, Quảng Nam có “*ngũ phượng tê phi*” là năm người Quảng Nam cùng đỗ khoa Mậu Tuất (1898) với ba Tiến sĩ là Phạm Liệu, Phan Quang, Phạm Tuấn và hai Phó bảng là Ngô Chuân (hay Ngô Lý) và Dương Hiến Tiến².

Nhưng nét tiêu biểu trên hết là tinh thần kiên cường, bất khuất của nhân dân Quảng Nam trong đấu tranh chống ngoại xâm. Ngay từ những ngày đầu khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta, nhân dân Quảng Nam đã anh dũng đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp.

Ngày 1-9-1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha gồm 16 tàu chiến được trang bị vũ khí hiện đại tấn công Đà Nẵng;

1. *Đại Nam nhất thống chí*, (bản thời Duy Tân), Bộ Quốc gia giáo dục xuất bản năm 1964, t.5, tr. 15.

2. Tổng đốc Quảng Nam là Đào Tấn và Đốc học Trần Đình Phong được tin này đã cho thợ thêu năm con chim phượng trên một tấm thục, gồm ba con sải cánh (tượng trưng ba Tiến sĩ) và hai con xếp cánh (tượng trưng hai Phó bảng) treo tại dinh Tổng đốc trong buổi lễ đón các vị tân khoa này.

triều đình nhà Nguyễn tổ chức lực lượng chống cự và chặn được quân xâm lược ngoài cửa biển Đà Nẵng. Sau khi Tổng đốc Lê Đình Lý bị trúng đạn trọng thương rồi hy sinh, Thống chế Chu Phúc Minh lên thay; sau đó vua Tự Đức điều Nguyễn Tri Phương, đang làm kinh lược sứ Nam Kỳ ra chỉ huy mặt trận Đà Nẵng, thay cho Chu Phúc Minh. Nguyễn Tri Phương chủ trương không đánh trực diện với địch mà tiến hành bao vây, phục kích, vận động nhân dân thực hiện vườn không nhà trống, cô lập và triệt đường tiếp tế, cung cấp lương thực tại chỗ của địch. Bởi vậy, đến hết năm 1858, quân địch không thể phá vỡ thế phòng thủ của quân và dân Đà Nẵng để mở rộng địa bàn chiếm đóng nhằm thực hiện mưu đồ đánh nhanh thắng nhanh, nên phải chuyển hướng vào Nam đánh Gia Định. Sau 18 tháng bị sa lầy, quân Pháp phải rút khỏi Đà Nẵng¹.

Sau khi triều đình nhà Nguyễn ký hiệp ước Patơnot ngày 6-6-1884 thừa nhận và chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp, ngày 5-7-1885, tiếng súng chống Pháp do Tôn Thất Thuyết khởi xướng nổ ở kinh đô Huế. Ngày 13-7, vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương hô hào dân chúng phò vua cứu nước. Hưởng ứng chiếu Cần vương, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước, quân dân cả

1. Xem Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng: *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng, Sđd*, tr. 1336-1348.

nước, trong đó có nhân dân Quảng Nam, đã kiên cường đứng lên chống quân xâm lược. Tại Quảng Nam, từ năm 1885 đến năm 1887, đã nổ ra cuộc đấu tranh vũ trang do Tiến sĩ Trần Văn Dư, Phó bảng Nguyễn Duy Hiệu, Cử nhân Phan Bá Phiến, Ấm sinh Nguyễn Thành (Tiểu La) lãnh đạo. Các ông lập Nghĩa hội kêu gọi nhân dân chống lại quân triều đình đầu hàng và quân đội Pháp. Tiến sĩ Trần Văn Dư được bầu làm Thủ lĩnh hội. Tháng 8-1885, ông ra bản cáo thị kêu gọi nhân dân Quảng Nam đáp nghĩa Cần Vương, chống thực dân Pháp. Ngày 4-9-1885, nghĩa quân bao vây chiếm tỉnh thành La Qua buộc Bố chính Bùi Tiến Tiên và Tuần phủ Nguyễn Ngoạn phải dẫn quân rút chạy. Quân Pháp và triều đình phản công vào các căn cứ của nghĩa quân, nghĩa quân bị thất thủ. Trần Văn Dư dùng kế “giải binh quy điền” nhằm bảo toàn lực lượng, tính kế lâu dài. Tháng 12-1885, giao binh quyền cho Nguyễn Duy Hiệu, ông đi Huế định gặp vua Đồng Khánh (ông vốn là phụ đạo giảng tập cho Đồng Khánh) để tìm cách giải thoát khó khăn cho Nghĩa hội. Nhưng khi qua La Thành gặp quyền Tổng đốc Quảng Nam là Châu Đình Kế, ông bị bắt và bị bắn ngày 13-12-1885.

Nguyễn Duy Hiệu nắm Nghĩa hội đã lấy thung lũng Trung Lộ (Quế Sơn) làm tổng hành dinh, gọi là *Tân tỉnh Trung Lộ* và tổ chức đánh nhiều trận, gây cho đối phương nhiều thiệt hại. Quân Pháp và triều đình bao vây và đánh thẳng vào tổng hành dinh. Biết

không cầm cự được, nghĩa quân vượt vây chạy về gần cửa biển An Hòa (Tam Kỳ). Không để nghĩa quân bị giết hại, Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự sát để tránh bị bắt, Nguyễn Duy Hiệu tự trời mình nạp mạng cho đối phương để nhận lãnh hết trách nhiệm về mình (ngày 21-9-1887). Triều đình dụ hàng, Nguyễn Duy Hiệu không nghe và bị tử hình vào ngày 15-10-1887.

Bất chấp tương quan lực lượng chênh lệch và sự đàn áp tàn bạo của thực dân Pháp và triều đình phong kiến, nhân dân Quảng Nam luôn nêu cao ý chí kiên cường, bất khuất chiến đấu chống lại kẻ thù.

Bên cạnh hình thức đấu tranh vũ trang, ở Quảng Nam cũng xuất hiện một hình thức đấu tranh mới chống thực dân Pháp xâm lược và chế độ phong kiến tay sai. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, dưới tác động của tư tưởng dân chủ phương Tây và những biến đổi của xã hội trong nước, ở nước ta xuất hiện một xu hướng cứu nước mới là phong trào Duy Tân được khởi xướng ở miền Trung bởi các sĩ phu yêu nước Quảng Nam là Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng. Các lãnh tụ phong trào chủ trương bất bạo động, khôi phục đất nước bằng con đường “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” - nâng cao dân trí, cải tổ xã hội về kinh tế, giáo dục và văn hóa, với các hoạt động thực tiễn như mở mang kinh tế, lập các nhà buôn lớn để tự lực, mở trường dạy học chữ quốc ngữ, bỏ lối học khoa bảng từ chương, chú trọng khoa học

và ngoại ngữ cũng như hướng đến nền chính trị dân chủ. Một cuộc cách mạng về lối sống như cắt tóc ngắn, mặc Âu phục cũng được thúc đẩy. Khởi đầu năm 1905, phong trào Duy Tân tác động mạnh mẽ đến tinh thần yêu nước của nhân dân cả nước, nhất là ở Quảng Nam, quê hương của các lãnh tụ phong trào.

Đầu tháng 3-1908, ở Quảng Nam đã bùng nổ một hình thức đấu tranh mới, khởi đầu cho phong trào chống thuế, xuất phát từ huyện Đại Lộc rồi lan nhanh tới các phủ, huyện trong tỉnh và kéo dài hơn một tháng ở Quảng Nam và các tỉnh khác ở Trung Kỳ. Khi thực dân Pháp mở rộng đường từ huyện Đại Lộc đi tỉnh lỵ, nhân việc phu làm đường phản đối tri huyện ăn hối lộ, các ông Trương Hoàn, Lương Châu, Hứa Tạo, Trương Tổn, Trương Côn, Trương Đính,... đã bàn nhau làm đơn lấy chữ ký của dân ở các làng xã trong huyện để trình huyện chuyển lên Tòa sứ tỉnh xin giảm nhẹ sưu, thuế.

Đêm 9-3, người dân tập hợp tại đình làng Hoàng Phước. Sáng 10-3, họ đi tới trụ sở tổng Đức Hòa. Ngày 11-3, đoàn người đi lên tỉnh đòi bỏ lệ đi xâu và giảm thuế. Nhân dân dọc đường tham gia ngày một đông. Công sứ Pháp ra lệnh đàn áp nhưng không giải tán được đoàn biểu tình. Khi Tòa sứ hứa cách chức tri huyện, không tăng sưu, thuế nữa, đoàn biểu tình mới giải tán dần. Cuộc biểu tình chống thuế kéo dài hơn một tháng với sự hưởng ứng của nhân dân trong tỉnh. Công sứ Pháp phải ra lệnh giới nghiêm và tăng cường lính cho các phủ, huyện để đàn áp biểu tình.

Nguyễn Tất Thành (Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này) đã tham gia phong trào chống thuế ở Huế. Đây là hoạt động có tính chất chính trị, yêu nước đầu tiên của Người.

Tất cả những hình thức đấu tranh trên tuy bị thất bại nhưng sự nổi tiếp của các phong trào này đã biểu thị ý chí tự cường dân tộc, góp phần duy trì ngọn lửa yêu nước và tinh thần đấu tranh anh dũng vì độc lập, tự do của dân tộc ta cũng như nhân dân Quảng Nam không bao giờ tàn lụi. Ý chí, tinh thần đó đã tác động mạnh mẽ đến mọi lớp người Quảng Nam sau này.

Tiếp theo những cuộc vận động yêu nước dồn dập đầu thế kỷ XX là phong trào đòi thả Phan Bội Châu (1925) và để tang Phan Châu Trinh (1926), sau đó ở Quảng Nam lại xuất hiện những hình thức đấu tranh mới như bãi khóa của học sinh Đà Nẵng (1926) và Hội An (1927).

Năm 1927, Ban vận động Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Nam được thành lập¹. Tháng 9-1927, Chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Đà Nẵng ra đời và phát triển nhanh chóng. Tháng 10-1927, ở Hội An, một chi bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên cũng được thành lập do Phan Thêm (Cao Hồng Lãnh) làm Bí thư. Trên cơ sở phát triển của các chi bộ, đầu năm 1928, Ban

1. Ban này được thành lập (do phái viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là Đỗ Quang vận động) gồm các thành viên người Quảng Nam: Đỗ Quang, Đỗ Quý, Lê Quang Sung, Phan Long, Thái Thị Bôi. Trường Cự Tùng được lấy làm nơi liên lạc, hoạt động của Ban (Dẫn theo: Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 67).

Chấp hành Tỉnh bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên Quảng Nam được thành lập¹.

Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Nam là cơ sở cho sự xuất hiện của Đảng bộ Quảng Nam Đông Dương Cộng sản Đảng (tháng 9-1929). Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), ngày 28-3-1930, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam đã được thành lập và ngày 1-5-1930, chi bộ cộng sản đầu tiên ở Tam Kỳ cũng ra đời. Cùng với sự xuất hiện của hệ thống tổ chức này là các hoạt động tuyên truyền theo con đường cách mạng vô sản, trở thành xu hướng chính của phong trào cách mạng ở Quảng Nam.

Trong lịch sử, Tam Xuân² là một xã đồng bằng của huyện Tam Kỳ³ cách thành phố Tam Kỳ 3km về phía bắc⁴.

1. Gồm: Đỗ Quang, Phan Thêm, Nguyễn Tường, Nguyễn Thái, Phan Long, Thái Thị Bôi, Lê Văn Hiến do Đỗ Quang làm Bí thư.

2. Năm 1983, huyện Tam Kỳ chia thành huyện Tam Kỳ và huyện Núi Thành. Tam Xuân thuộc huyện Núi Thành. Năm 1994, Tam Xuân chia thành xã Tam Xuân 1 và xã Tam Xuân 2.

3. Địa danh Tam Kỳ có xuất xứ như sau: năm 1841, phủ Thăng Hoa được vua Thiệu Trị đổi thành phủ Thăng Bình; năm 1906 (năm Thành Thái thứ 18), huyện Hà Đông đổi thành phủ Hà Đông, sau đổi thành phủ Tam Kỳ.

4. Theo đúng tiến trình lịch sử tương ứng với hoạt động của đồng chí Võ Chí Công, nhóm biên soạn sử dụng địa danh lịch sử theo vùng địa lý tương ứng là phủ (huyện) Tam Kỳ. Vì đến năm 1983, huyện Núi Thành mới thành lập và là phần đất phía nam của huyện Tam Kỳ nên có chung lịch sử của Tam Kỳ.

Phía đông, Tam Xuân giáp xã Tam Tiến; phía tây, giáp hồ thủy nông Phú Ninh và xã Tam Thạnh; phía nam, giáp xã Tam Anh Bắc; phía bắc, giáp thành phố Tam Kỳ.

Lịch sử hình thành vùng đất Tam Xuân gắn liền với hiện tượng biến động lần thứ ba của vùng đất Tam Kỳ, với sự thay đổi từ ao hồ, sông đầm trở thành đồng ruộng. Từ đó, Tam Xuân được chia thành hai vùng chủ yếu: vùng đồng bằng phía đông quốc lộ 1A bị chia cắt bởi nhiều hồ, ao trũng, vũng, đầm, với những tên gọi như Bàu Dũ, Bàu Nê, Bàu Sen...; vùng đất phía tây của xã, phía trên quốc lộ 1A, là các dãy đồng bằng nhỏ hẹp, đất đỏ khô cằn, xen kẽ các dãy núi thấp từ tây sang đông, giáp với vùng đồi núi của xã Tam Thanh, chiếm khoảng 25% diện tích tự nhiên toàn xã, gắn liền với các tục danh như núi Bà Ty, núi Trà Quân, núi đất Vĩnh An, núi Đèo Dài (Dôn Thành)...

Thuộc vùng nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình hằng năm ở Tam Xuân là 25,5°C; lượng mưa trung bình 2.050mm và phân bố không đều trong năm với độ ẩm trung bình là 83 - 85%. Bão, lũ thường xuất hiện, gây thiệt hại nhất là vào các tháng Chín và Mười âm lịch.

Đầu thế kỷ XX, hệ thống giao thông của Tam Xuân chưa được đầu tư phát triển, việc đi lại trong xã chủ yếu bằng đường đất với phương tiện thô sơ. Bị bao quanh

bởi sông ngòi và đầm lầy nên giao thông đường bộ ở đây bị hạn chế vào mùa mưa. Nhưng vì có đường thiên lý Bắc - Nam¹ đi qua nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho Tam Xuân trong giao lưu, buôn bán với các địa phương trong vùng cũng như các trung tâm thương mại An Tân, Tam Kỳ². Từ năm 1936, tuyến đường sắt Bắc - Nam do thực dân Pháp xây dựng và đưa vào khai thác đi qua Tam Xuân đã giúp cho việc đi lại, giao thương thuận lợi hơn, tạo điều kiện để Tam Xuân phát triển về các mặt kinh tế, văn hóa...

Sông Bà Bàu³ ở phía tây nam Tam Xuân, bắt nguồn từ núi Diêng Bông qua Bà Ty và núi Mã Yên, là ranh giới giữa xã Tam Xuân và xã Tam Anh Bắc. Phía bắc xã có sông Tam Kỳ, là nơi giáp ranh giữa Tam Xuân và các phường An Sơn, Hoà Hương, xã Tam Ngọc (thành phố Tam Kỳ). Sông Bà Bàu và sông Tam Kỳ hợp lưu với sông Trường Giang, do đó việc đi lại, buôn bán bằng đường thủy đến Tam Kỳ, Hội An khá thuận lợi.

Với hệ thống giao thông như vậy, lại gần ngã ba Tam Kỳ, nên Tam Xuân có nhiều thuận lợi trong giao lưu, phát triển kinh tế, văn hoá. Nhưng do thổ nhưỡng ở đây bạc màu, nên khả năng phát triển nông nghiệp có hạn.

1. Nay là quốc lộ 1A.

2. Là phần đất thuộc xã Tam Nghĩa, nay là thị trấn Núi Thành.

3. Còn gọi là sông Trường Đồng, sông Ba Túc.

Vì vậy, nhân dân Tam Xuân phải không ngừng khắc phục mọi khó khăn trong sản xuất và tìm phương thức thích hợp để bảo đảm cuộc sống của mình.

Cũng như nhiều địa phương khác ở Trung Trung Bộ, cư dân đến định cư, lập nghiệp ở Tam Xuân chủ yếu có nguồn gốc từ các tỉnh Bắc Trung Bộ (nhất là Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh)... vào mở đất, lập làng, tập trung theo ba đợt lớn dưới thời nhà Hồ, nhà Lê và các chúa Nguyễn. Gia phả của các tộc họ địa phương cho thấy các họ Mai, Nguyễn, Trần, Lê, Đỗ... vào khai khẩn vùng đất này sớm nhất và đều là người gốc Nghệ An di cư đến Tam Xuân vào khoảng nửa cuối thế kỷ XV. Đặc biệt, cư dân vùng Bắc Trung Bộ di cư vào đây nhiều nhất dưới thời Trịnh - Nguyễn (khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII). Phần lớn trong số họ là nông dân nghèo, không có ruộng đất, phải đi khai hoang theo chế độ binh điền, hoặc là những người do chống lại triều đình phong kiến nên bị bắt lưu đày, hay muốn tránh cuộc nội chiến tương tàn dưới thời Trịnh - Nguyễn... Bởi vậy, họ đều oán ghét chế độ phong kiến thối nát và chiến tranh cát cứ.

Trước những khó khăn, khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên, nhân dân Tam Xuân đã phát huy tinh thần lao động cần cù, đoàn kết đấu tranh, dần dần khai phá vùng đất khô cằn này, tạo dựng thành xóm

làng, ổn định cuộc sống. Do vậy, bên cạnh những đặc tính truyền thống của người Việt, con người nơi đây cũng hình thành những tính cách riêng mạnh mẽ và thực tế.

Hoạt động kinh tế của Tam Xuân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nhỏ, tự cấp, tự túc, lệ thuộc khá nhiều vào tự nhiên. Lúa là cây lương thực chính ở đây, nhưng phần lớn diện tích trồng lúa (vụ đông) dựa vào nước mưa và nguồn nước tự nhiên ở các hồ, đập. Để khắc phục sự khắc nghiệt của thiên nhiên, nhân dân Tam Xuân đã tận dụng các hồ nước tự nhiên trên địa bàn và xây dựng hệ thống kênh mương dẫn nước về các cánh đồng Bàu Dũ, Bàu Ốc, Bàu Nê... nhưng vào những năm khô hạn, lượng nước không đủ, làm cho năng suất lúa rất thấp. Tuy nhiên, các loại hoa màu như lạc, vùng lại phù hợp với thổ nhưỡng và khí hậu nên năng suất khá ổn định.

Trước năm 1930, nông dân chỉ có khoảng 1% ruộng đất, còn lại nằm trong tay địa chủ, phú nông. Do vậy, vào những lúc nông nhàn, nhân dân thường rủ nhau đi mua khoai, sắn, lạc ở khắp nơi về bán kiếm lời và tổ chức ép dầu lạc để bán. Nghề ép dầu lạc phát triển nhất ở khu vực các thôn Khương Mỹ, Bích Ngô.

Chăn nuôi hộ gia đình chủ yếu là trâu, bò để lấy sức kéo và phân bón cho sản xuất. Chăn nuôi gia cầm chỉ để đáp ứng nhu cầu thực phẩm hằng ngày. Những người

dân sống dọc theo sông Trường Giang có nghề đánh bắt thủy sản bằng những dụng cụ thô sơ nên sản lượng thấp, chủ yếu phục vụ bữa ăn gia đình và để trao đổi các mặt hàng thiết yếu cho đời sống.

Giao thương hàng hóa ở Tam Xuân phát triển từ khá sớm. Từ thời Gia Long, ở đây đã hình thành quán Khương Mỹ¹, sau mở rộng thành xóm quán chạy dài từ đầu cầu Tam Kỳ đến khu vực cống Trắng. Đây là nơi giao lưu, buôn bán với các địa phương khác thông qua đường bộ và đường sông Tam Kỳ. Chợ Bà Bầu (thôn Bà Bầu) được hình thành dưới thời Pháp thuộc, là nơi buôn bán, trao đổi hàng hóa với các xã trong vùng như Vân Trai (xã Tam Hiệp), Diêm Phổ (xã Tam Anh Nam), An Hòa (xã Tam Hải), Tam Hà (xã Tam Tiến), An Tân (nay thuộc thị trấn Núi Thành)...².

Ngoài ra, ở Tam Xuân còn có một số người hành nghề thuốc đông y, thợ cắt tóc, thợ may, thợ mộc. Do những khó khăn, thanh niên Tam Xuân thường đi làm ăn xa quê tới các đô thị, đồn điền,...

Tín ngưỡng ở Tam Xuân chủ yếu là thờ cúng ông bà, tổ tiên. Làng nào cũng có đình thờ thành hoàng hoặc

1. Nay thuộc thôn Khương Mỹ, xã Tam Xuân 1.

2. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, chợ Bà Bầu đáp ứng yêu cầu trao đổi hàng hóa thiết yếu của nhân dân trong vùng và cung ứng các mặt hàng phục vụ kháng chiến.

thờ tiên hiền có công khai cơ, lập nghiệp¹. Đình làng Vĩnh An², đình làng Phú Hưng³ được nhân dân xây dựng để làm nơi thờ tự các vị tiên nhân đã có công khai phá vùng đất này. Đặc biệt, giỗ Tổ Hùng Vương và cúng tiên hiền hằng năm đúng vào ngày 10 tháng Ba âm lịch hoặc vào dịp đầu năm mới. Trước năm 1930, Tam Xuân chỉ có một ngôi chùa nhỏ ở thôn Trường An.

Tam Xuân là vùng đất vốn thuộc địa bàn cư trú của người Chăm từ xa xưa, gắn với nhiều di tích lịch sử - văn hóa đặc sắc và phong phú như di tích Bàu Dũ, di tích Tam Mỹ, tháp Khương Mỹ⁴. Bởi vậy, các phong tục

1. Đến năm 1936, đạo Tin lành xuất hiện tập trung ở các làng Phú Hưng, Vĩnh An (Tam Xuân) nhưng không có nhà thờ. Tín đồ sinh hoạt cùng tín hữu Tin lành ở Tam Kỳ.

2. Đình làng Vĩnh An (xây dựng vào khoảng cuối thế kỷ XV) thờ Mai Văn Tượng và Nguyễn Tấn Thích (quê ở Nghệ An) đã có công tập hợp họ Mai, họ Nguyễn khai phá lập thành xóm, làng ở đây. Từ năm 1885 - 1887, đây là nơi Nguyễn Tấn Xuân (tức Quản Xuân) đặt đại bản doanh, chiêu mộ binh mã, tích trữ lương thực để chuẩn bị tấn công quân của Nguyễn Thân tại chiến lũy Núi Thành và Dốc Sỏi (Quảng Ngãi).

3. Nay đình này chỉ còn dấu vết là khu đình làng.

4. *Di tích Bàu Dũ*, ở làng Phú Bình, xã Tam Xuân 1, thuộc sơ kỳ thời đại đồ đá mới, cách ngày nay khoảng 6.000 năm. *Di tích khảo cổ học Tam Mỹ* ở thôn Tam Mỹ, xã Tam Xuân 1, có niên đại khoảng 500 - 300 năm trước Công nguyên. *Di tích mộ chum Phú Hoà* ở thôn Phú Hoà, xã Tam Xuân 1. *Khu phế tích Phú Hưng*, ở thôn Phú Hưng, xã Tam Xuân 1, chỉ còn nền của một nhóm tháp Chăm, nên thường gọi là tháp Một.

liên quan đến người Chăm còn tồn tại như tục cúng *tá thổ* hay *mãi thổ* và *lễ cầu bông*¹.

Định cư ở vùng đất vốn thuộc về địa bàn cư trú của người Chăm, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, nên nhân dân Tam Xuân luôn nhận thức sâu sắc về tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau, đặc biệt là tinh thần tương thân tương ái với cư dân là hậu duệ của người Chăm trên địa bàn. Tình làng nghĩa xóm luôn được nhân dân coi trọng, ngày càng được bồi đắp bền chặt và được lưu giữ, truyền lại cho đời sau.

Người dân Tam Xuân ham thích hát bài chòi, hát hò khoan đối đáp trong các đêm giã gạo, tát nước, đi cấy... với nội dung chủ yếu là ca ngợi công ơn cha mẹ, giáo dục đạo làm người (không tham lam, yêu thương người gặp hoạn nạn) hay những lời tỏ tình yêu thương của những đôi trai gái. Nơi đây còn nổi danh bởi văn thơ

1. *Lễ cúng tá thổ* được tổ chức vào ngày 18 tháng Ba âm lịch, có liên quan đến người Chăm, là lễ cúng đất với các thủ tục thuê, mượn đất từ các vị thần. Ở làng, Hương thơ (người phụ tính giấy tờ, cúng tế) đứng ra làm chủ lễ. Trong gia đình, gia chủ tiến hành hoặc mời một thầy pháp làm trung gian.

Lễ cầu bông là lễ cầu được mùa ở miền Trung được tổ chức vào sáng ngày rằm tháng Giêng. Mỗi gia đình nuôi trâu bò chuẩn bị lễ vật gồm các món thức ăn, quy ước giống nhau (bánh ít, bánh giầy, hương, hoa, trà, rượu và hình nộm người), đem đến tháp Một để trình lễ cầu cho thời tiết thuận hoà, canh tác thuận lợi, trâu bò khỏe, thóc lúa nhiều... (Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Nam: *Phong tục, tập quán và lễ hội Quảng Nam*, 2004, tr. 185-186).

trào phúng¹. Lời ca tiếng hát và văn thơ trào phúng đã làm phong phú thêm đời sống tinh thần và làm vơi đi những khó khăn và mệt nhọc của nhân dân trong lao động, sản xuất. Điều này cũng tạo nên nét riêng về văn hóa của vùng đất Tam Xuân.

Do phải khai phá, sinh cơ lập nghiệp ở vùng đất mới, nên Tam Xuân luôn có một số gia đình tự tổ chức các lớp dạy võ nghệ cho thanh niên trong vùng, vừa rèn luyện sức khỏe vừa bảo vệ làng xóm². Tinh thần thượng võ, ý chí đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược áp bức, một phần cũng xuất phát từ những hoạt động ý nghĩa này.

Trước năm 1945, bộ máy chính quyền ở Tam Xuân cũng giống như ở nhiều địa phương khác trong cả nước. Mỗi xã có lý trưởng, ngũ hương và các chức sắc khác trong hội đồng kỳ hào hay hội đồng kỳ mục³. Hội đồng này gồm những người có thế lực, học thức, nên có ảnh hưởng lớn đối

1. Tiêu biểu là cụ Tú Quờn, họ Nguyễn, làng Khương Mỹ. Học giỏi nhưng đi thi chỉ đỗ đến tú tài, nên nhân dân gọi là Tú Quờn. Cụ sáng tác thơ, văn đả kích chế độ áp bức đương thời và đả phá các thói hư tật xấu của con người.

2. Như gia đình cụ Hương Như ở Vĩnh An.

3. Ngũ hương gồm: hương kiểm (trật tự, trị an); hương thơ (giấy tờ, cúng tế); hương bộ (sinh tử, giá thú, hộ tịch); hương mục (xâu, thuế, công ích); hương bổn (quản lý tài sản, công quỹ). Vùng núi, hương bổn đổi thành thủ bổn và thêm chức hương lâm (lo khai thác, bảo vệ rừng). Hội đồng kỳ hào, kỳ mục gồm quan lại về hưu, chánh tổng, phó tổng, lý trưởng đã nghỉ việc, người có bằng cấp và những người giàu dùng tiền mua chức sắc...

với bộ máy chính quyền và phần lớn đều do con cháu của các kỳ hào, kỳ mục nắm giữ nên lũng đoạn nhiều mặt ở làng, xã. Ở thôn, ấp có các chức trùm, trưởng ấp. Số người trong bộ máy chính quyền cấp tổng, xã không nhiều, nhưng với luật lệ hà khắc đã chi phối đời sống ở nông thôn¹.

Bộ máy chính quyền địa phương ở làng, xã, tổng² là công cụ trực tiếp để chính quyền thực dân, phong kiến cai trị, bóc lột, đàn áp nhân dân. Trước sự áp bức, bóc lột hà khắc của chế độ thực dân, phong kiến tay sai, khá đông chức sắc có học thức và tinh thần dân tộc ở Tam Xuân đã ủng hộ hoặc tham gia các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nhất là từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Để duy trì sự thống trị, thực dân Pháp không chỉ sử dụng bộ máy chính quyền phong kiến tay sai mà còn dùng phần lớn bộ luật Gia Long hà khắc, nghiêm cấm dân chúng không được bàn việc nước, không được chống lại hào lý, kể cả những việc làm sai trái của chúng; không được tổ chức hội họp; phụ nữ không được bàn việc làng nước... Mỗi làng, xã đều có hương ước quy định các quan

1. Từ năm 1931, để đối phó với phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, thực dân Pháp thành lập thêm tổ chức đoàn phu có hệ thống từ phủ đến xã. Mỗi xã có đoàn trưởng, đoàn phó chỉ huy đoàn tuần đinh canh gác, tuần tra, truy bắt những người hoạt động chống đối chế độ đương thời. Ngoài ra, còn có mạng lưới mật thám, chỉ điểm để theo dõi, đàn áp các hoạt động yêu nước, cách mạng của nhân dân ta.

2. Từ 7 đến 10 xã hợp thành một tổng do chánh tổng và phó tổng điều hành. Tam Xuân thuộc tổng An Hoà.

hệ ở làng, như về ăn, ở, ngôi thứ, tế tự, cưới xin, phân chia công điền, phạt vạ... Việc lạm dụng hương ước diễn ra phổ biến làm cho đời sống của nhân dân càng thêm thống khổ.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đa số người dân Tam Xuân là nông dân, nhưng phần lớn ruộng đất tốt lại nằm trong tay địa chủ, phú nông ở địa phương và nơi khác đến xâm canh¹; trung nông chiếm 5% diện tích đất. Những gia đình nông dân nghèo phải mượn đất, đến mùa thu hoạch phải giao nộp 2/3 sản phẩm làm ra cho chủ đất. Tình trạng “ăn cơm vay, cày ruộng rẽ” là phổ biến đối với người nông dân ở đây. Bởi vậy, khi hết việc nông, nhân dân trong vùng thường rủ nhau đi buôn khoai, sắn, lạc để đắp đổi qua ngày. Thiếu vốn hoặc do hoàn cảnh quá khó khăn, người nông dân phải vay mượn với lãi suất cao. Do không có khả năng trả nợ, lãi mẹ đẻ lãi con đã đẩy họ rơi vào cảnh phải làm thuê trả nợ suốt đời.

Hàng trăm thứ thuế do thực dân, phong kiến đặt ra là gánh nặng đối với nông dân. Ngoài các loại thuế trâu bò, sông, đầm, chợ... còn có thuế thân đánh vào nam giới và thuế điền thổ ngày càng gia tăng² cùng với

1. Như địa chủ Nguyễn Thuyền (ở Bích Nam), Trịnh Phú (ở Bích Trung), Võ Chài (ở Tam Mỹ), Cửu Tộ (ở Phú Trung), Chánh Đoái (ở Phú Nam), Xã Đoàn (ở Phú Bình), Lê Khâm Duy (tức Bát Kiện, ở Tam Thanh)...

2. Thuế thân đánh vào nam giới tuổi từ 18 đến 60. Mức thuế tăng dần hàng năm: năm 1900 là 0,3 đồng, năm 1908 tăng lên 1,8 đồng, từ năm 1928 lên 3,2 đồng. Từ năm 1900 đến năm 1924 thuế điền thổ tăng gấp 4 lần.

nạn phù thu lạm bổ, gian lận trong việc tính thuế của bọn hào lý địa phương. Hằng năm, đến kỳ thu thuế, nhiều người nghèo phải vay mượn, cầm cố vật dụng trong nhà, thậm chí phải bán hoặc để vợ con đi ở đợ cho các nhà giàu để có tiền nộp thuế, hoặc phải trốn khỏi làng đi tha hương cầu thực, nếu không thì phải chịu công cùm, roi vọt... Bên cạnh thuế, người dân còn phải đi phu, đi xây, mỗi năm 2 - 3 đợt (mỗi đợt từ 20 - 30 ngày). Họ phải tự túc lương thực đi phục dịch việc làm đường, khai thác mỏ (như mỏ vàng Bồng Miêu)... ở những nơi rừng sâu, nước độc, đói khổ, bệnh tật và sốt rét rừng nên nhiều người đã phải bỏ mạng.

Cùng với sự cùng cực trong đời sống vật chất, người dân Tam Xuân còn chịu nỗi khổ bệnh tật do thiếu thốn trong sinh hoạt và lối sống lạc hậu được duy trì từ đời này qua đời khác. Tuổi thọ trung bình của người dân chỉ khoảng 45 - 50 tuổi. Người có bệnh chỉ trông cậy vào thuốc nam và các thầy lang địa phương, bệnh nặng mới cố chạy thuốc bắc. Việc sinh đẻ đều nhờ vào bà lang vườn nên tình trạng chết yểu của trẻ con khá nhiều...

Đến những năm đầu thế kỷ XX, Tam Xuân vẫn chưa có trường học¹ nên một số gia đình giàu thuê thầy về dạy tại nhà. Những gia đình có con em đến tuổi đi

1. Mãi đến năm 1939, lý hương làng Bích Ngô mới vận động các nhà giàu có trong vùng mở trường École de Bích Ngô, thu hút học sinh trong xã cũng như học sinh từ các xã khác như Tam Thanh, Tam Anh, Đức Bối, Tam Ngọc... đến học.

học thường gửi đến những lớp học này, chủ yếu chỉ để biết đọc, biết viết. Bởi vậy, trên 90% dân số của Tam Xuân mù chữ. Mặc dù vậy, người dân Tam Xuân vẫn cố gắng học hành, vươn lên. Tiêu biểu là cụ Trần Hưng Nhượng ở làng Khương Mỹ (xã Tam Xuân 1), sinh năm 1791, đỗ tú tài năm 1824, được bổ làm quan qua ba đời vua là Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, làm đến chức Án sát tỉnh Lạng Sơn.

Chính sách cai trị hà khắc, bóc lột tàn bạo của chế độ thực dân, phong kiến đã đẩy người nông dân nơi đây đến tình cảnh bần cùng nặng nề và sự thống khổ về tinh thần. Nhưng trong sự cơ cực đó, tình làng nghĩa xóm, tinh thần tương thân tương ái, cố kết cộng đồng trong truyền thống có từ thời khai phá, sinh cơ lập nghiệp ở đây đã giúp họ vượt qua nhiều khó khăn. Đó là chỗ dựa tinh thần cho những người dân nghèo tồn tại và nuôi dưỡng lòng yêu nước, chí căm hờn đối với phong kiến, thực dân. Nhờ đó, trải qua bao biến cố của lịch sử dân tộc, người dân Tam Xuân vẫn luôn lưu giữ được truyền thống yêu nước, đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Truyền thống tốt đẹp đó được phát huy mạnh mẽ và trở thành sức mạnh to lớn góp phần vào cuộc đấu tranh chung chống thực dân và phong kiến, giải phóng dân tộc¹.

1. Từ khi có Đảng tuyên truyền, lãnh đạo phong trào cách mạng, nhiều con em gia đình khá giả và cả hương lý đã giác ngộ, trở thành những cơ sở cách mạng và những đảng viên trung kiên của Đảng.

Những năm cuối thế kỷ XVIII, nhân dân Tam Xuân liên tục cùng cả nước đứng lên chống lại ách thống trị hà khắc của chế độ phong kiến nhà Nguyễn. Định cư bên đường thiên lý Bắc - Nam, người dân Tam Xuân đã hăng hái tham gia, ủng hộ cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, như mở đường đèo Ba Vía (nay thuộc xã Tam Thạnh) phục vụ nghĩa quân chuyển quân ra Bắc đại phá quân Thanh năm Kỷ Dậu 1789.

Trước sự xâm lược đàn áp của thực dân Pháp và sự nhu nhược đầu hàng của nhà Nguyễn, tinh thần đấu tranh của nhân dân Tam Xuân càng được nhân lên gấp bội. Năm 1885 - 1887, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, nhân dân Tam Xuân hăng hái tham gia phong trào Nghĩa hội Quảng Nam¹. Sau khi phong trào Cần Vương thất bại, họ lại tích cực hưởng ứng phong trào Duy Tân (1906 - 1908). Sống gần một trong những địa bàn chính của phong trào Duy Tân là Tam Kỳ, nên nhân dân Tam Xuân đã tích cực tham gia phong trào dùng hàng nội, cắt tóc ngắn, âu hóa y phục; bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan; cải cách hương ước, truyền bá thơ văn yêu

1. Ở làng Vĩnh An, cụ Nguyễn Tấn Xuân (Quản Xuân) tập hợp thanh niên Vĩnh An và các làng xung quanh xây dựng chiến lũy Núi Thành, hỗ trợ đội quân do Trần Hoán chỉ huy tiến đánh quân Nguyễn Thân tại Cầu Cháy, Dốc Sỏi (tỉnh Quảng Ngãi) và đã anh dũng hy sinh. Ở Phú Hưng có cụ Lê Cả cũng tham gia Nghĩa hội. (Dẫn theo Đảng bộ Tam Kỳ: *Tam Kỳ - Đất nước, con người và những truyền thống yêu nước trước khi có Đảng*, (Sơ thảo), 1988).

nước, mở trường dạy chữ Quốc ngữ; lập các hội tương tế giúp nhau trong sản xuất, buôn bán... Các ông Võ Dương, Ung Bá Tòng... ở Tam Xuân đã tích cực hưởng ứng và tham gia phong trào bằng các hoạt động: tổ chức diễn thuyết, tuyên truyền, vận động cải cách đời dân sinh, dân chủ. Phong trào Duy Tân đã đem lại một không khí mới trong đời sống chính trị - xã hội ở Tam Xuân, góp phần nuôi dưỡng tinh thần yêu nước của nhân dân nơi đây.

Là cái nôi của phong trào Duy Tân nhưng Quảng Nam cũng chịu tác động của phong trào Đông Du do cụ Phan Bội Châu phát động. Bởi vậy, các ông Võ Dương, Ung Bá Tòng... không chỉ tham gia phong trào Duy Tân mà còn tham gia vận động chuẩn bị cho kế hoạch bạo động đánh thực dân Pháp như luyện tập võ nghệ, kêu gọi nhân dân ủng hộ phong trào.

Trong những năm 1906 - 1907, cùng với phong trào Duy Tân, ở Tam Xuân còn xuất hiện phong trào đấu tranh chống bọn quan lại, cường hào, ác bá. Tại Tam Kỳ, số người bị thực dân Pháp bắt đi làm đường (từ Tam Kỳ đi Bồng Miêu) rất đông, đời sống và điều kiện lao động, sinh hoạt rất khổ cực, lại bị bọn cai thầu đánh đập dã man¹. Năm 1908, phong trào chống thuế nổ ra ở huyện Đại Lộc đã nhanh chóng lan rộng và nhận được sự hưởng ứng tích cực của nhân dân

1. Đặc biệt là Trần Tuệ (Đề Tuệ), một tên ác ôn, tham lam, thường xuyên sách nhiễu, đánh đập, ức hiếp dân lành.

toàn tỉnh Quảng Nam. Được sự cổ vũ của các sĩ phu yêu nước, những người bị bắt đi xấu và nhân dân trong vùng đã nhất tề đứng lên đấu tranh, từ hình thức làm đơn liên danh, ký chỉ đến biểu tình, bao vây, thị uy phủ đường, hỏi tội tri phủ¹. Toà đại lý Pháp² ở Hội An và chính quyền phong kiến đã tiến hành đàn áp các cuộc biểu tình này.

Sau khi dập tắt những cuộc đấu tranh đó, chính quyền thực dân, phong kiến tiến hành khủng bố tàn bạo những người tham gia các phong trào. Nhiều người lãnh đạo và tham gia phong trào bị tử hình, tù đầy³.

Mặc dù bị đàn áp, nhưng nhân dân Tam Xuân và phủ Tam Kỳ không khuất phục, vẫn tiếp tục tìm cách đấu tranh chống kẻ thù xâm lược và chế độ phong kiến bán nước. Năm 1916, nhân dân Tam Xuân đã hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quang phục hội do Thái Phiên, Trần Cao Vân khởi xướng dưới danh nghĩa

1. Tối 30-3-1908, hơn 3.000 người kéo đến bao vây phủ đường Tam Kỳ và hỏi tội Đề đốc Trần Tuệ. Thực dân Pháp phải phái lính đến đưa Trần Tuệ về đồn Đại lý nhưng Trần Tuệ khiếp sợ đã học máu chết.

2. Toà Đại lý (Représentant délégué): cơ quan quân sự hành chính của thực dân Pháp đặt tại các phủ lớn, quan trọng trong một tỉnh có quyền dưới công sứ trông coi việc ở địa phương.

3. Trong đó, cụ Trần Thuyết (Trùm Thuyết) bị xử chém ở đầu cầu Tam Kỳ; Cử nhân Dương Thuởng bị đày đi Lao Bảo và bị giết năm 1918; Dương Thạc bị đày đi Côn Đảo và mất ở đó.

vua Duy Tân. Các ông Võ Dương, Nguyễn Buốt (ở Khương Mỹ), Ung Bồng, Ung Bá Tòng (ở Bích Ngô)... đã tích cực tham gia chuẩn bị khởi nghĩa bằng việc vận động thanh niên tham gia luyện tập võ nghệ, mua sắm vũ khí cùng nhân dân tổng Phú Quý đánh chiếm phủ đường Tam Kỳ. Kế hoạch của cuộc khởi nghĩa của Thái Phiên, Trần Cao Vân bị lộ, chính quyền thực dân, phong kiến thẳng tay đàn áp, Nguyễn Buốt bị bắt, kết án 3 năm tù, đày đi Lao Bảo; Võ Dương bị kết án 3 năm tù, giam ở lao Hội An¹...

Trong năm 1925 và 1926, giáo viên, học sinh, nhân dân Tam Xuân tham gia phong trào đấu tranh đòi thực dân Pháp ân xá cụ Phan Bội Châu, để tang cụ Phan Châu Trinh, đã thổi những luồng sinh khí mới, làm bùng lên ngọn lửa yêu nước của nhân dân ở địa phương.

Có thể thấy, từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu yêu nước và ảnh hưởng của các phong trào đấu tranh ở trong và ngoài Quảng Nam, bằng nhiều hình thức và nội dung phong phú, nhân dân Tam Xuân đã liên tục đứng lên, chống lại bọn xâm lược và phong kiến bán nước. Mặc dù các phong trào này đều thất bại nhưng đã hun đúc thêm lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, nhất là

1. Kỷ yếu Hội thảo “100 năm Phủ lý Tam Kỳ (1906 - 2006)”, Sở Văn hoá - Thông tin Quảng Nam, tháng 12-2006, tr. 127.

thanh niên, học sinh, tạo tiền đề cho các cuộc đấu tranh mới của nhân dân Tam Xuân trong những giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Tuy địa danh tỉnh, huyện, xã có những biến đổi trong tiến trình lịch sử của đất nước, nhưng tên làng Khương Mỹ (thuộc Tam Xuân) vẫn không đổi thay. Sự tồn tại của địa danh Khương Mỹ biểu thị cái lõi văn hóa của làng đã hội tụ và duy trì được những giá trị văn hóa đặc trưng của không gian trong đó người dân Khương Mỹ sinh tồn. Những đặc trưng văn hóa truyền thống tốt đẹp của Quảng Nam, của Tam Kỳ, những nét riêng của Tam Xuân đều được tích lũy ở đây và không gian văn hóa ấy đã ảnh hưởng mạnh mẽ, tích cực tới mọi mặt đời sống của các thế hệ con người nối tiếp nhau ở Khương Mỹ.

Mảnh đất quê hương tuy nghèo khó, nhọc nhằn nhưng thấm đậm truyền thống tốt đẹp đó là nơi Võ Chí Công ra đời và được hưởng tình yêu thương, đùm bọc của gia đình, làng xóm. Không gian văn hóa với tình cảm quê hương ấy đã thấm sâu, hình thành nên nhân cách con người và luôn động viên Võ Chí Công vượt qua mọi khó khăn trên con đường cách mạng sau này.

2. Họ Võ ở Khương Mỹ và tuổi trẻ Võ Chí Công

Theo gia phả của dòng họ Võ ở Khương Mỹ, Tam Xuân được ghi nhận bắt đầu từ ông Võ Quang Trạch. Ông sinh năm 1806 và là con thứ hai trong gia đình, đã

giữ chức Chánh đội trưởng kiến công Đô úy¹ dưới triều vua Thiệu Trị và Tự Đức thời nhà Nguyễn.

Là người quê ở miền Bắc², do chống lại sự hà khắc của triều đình nên bị truy bắt tử hình, Võ Quang Trạch đưa gia đình chạy vào vùng núi Nghệ An rồi tới định cư ở tổng Phú Khê, huyện Đại Lộc năm 1850, sau đó về ở thôn Lam Phụng, xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam³.

Võ Quang Trạch có 4 con trai là Võ Quang Đăng, Võ Quang Cai, Võ Quang Hay và Võ Quang Ngọc. Vì tham gia phong trào Nghĩa hội chống Pháp, Võ Quang Đăng bị bắt tù khổ sai 15 năm rồi lâm bệnh chết; Võ Quang Cai cũng bị chính quyền phong kiến bắt, xử chém; Võ Quang Hay chạy vào Duy Xuyên⁴; Võ Quang Ngọc chạy vào trú ở xã Nghi Xuân, tổng An Hòa (Tam Kỳ) và bị chết trong một chuyến đi biển. Để tránh bị truy bắt, người con duy nhất của Võ Quang Đăng là Võ Nhận chạy vào định cư ở làng Khương Mỹ, xã Tam Xuân, huyện Tam Kỳ.

Võ Nhận sinh được 3 người con là Võ Thị Định, Võ Kiệm, Võ Thị Nhất. Võ Kiệm có 2 con trai là Võ Dương, Võ Ước và 3 con gái.

1. Theo bản thân chủ thờ ông Võ Quang Trạch của gia đình lập năm 1860.

2. Hiện chưa rõ địa phương nào ở miền Bắc.

3. Ông mất năm 1858, thọ 53 tuổi.

4. Do thay tên đổi họ nên đến nay chưa tìm được nhánh này.

Võ Dương là một nhà nho thanh bần, sống chủ yếu bằng nghề nông ở làng Khương Mỹ. Ngoài làm ruộng, ông còn có nghề ép dầu lạc. Như nhiều nhà nho yêu nước khác cùng thời, ông đọc nhiều sách, báo từ Trung Quốc nhập vào nước ta nên tiếp thu những tư tưởng dân chủ tiến bộ theo triết học phương Tây do Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu truyền bá. Sau này, ông lại đọc và tiếp thu chủ nghĩa Tam dân và chính sách liên Nga, liên cộng, phù trợ công nông của Tôn Trung Sơn...

Là người yêu nước có nhuệ khí và mang trong mình nỗi căm hận chế độ phong kiến tàn bạo đối với gia đình, Võ Dương đã tham gia và hoạt động sôi nổi trong tất cả các phong trào yêu nước của dân tộc chống xâm lược Pháp và chế độ phong kiến tay sai thối nát ở đầu thế kỷ XX: từ phong trào Duy Tân, Đông Du (1905 - 1909) đến phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908). Ông cũng cùng nhân dân Tam Kỳ hưởng ứng cuộc chính biến do Thái Phiên, Trần Cao Vân lãnh đạo (năm 1916) và tích cực tham gia phong trào đòi thả Phan Bội Châu (năm 1925), để tang Phan Châu Trinh (năm 1926). Sau mỗi lần tham gia vào các phong trào yêu nước, ông đều bị chính quyền thực dân, phong kiến bắt bỏ tù. Không nản chí, khi ra tù, ông vẫn tiếp tục hoạt động.

Trong những năm 1927 - 1929, Võ Dương tham gia nhóm hoạt động yêu nước cùng các ông Nguyễn Kế,

Nguyễn Lực, Trần Xáng và Đào Quang Hiến, những người đã tham gia cuộc chính biến Duy Tân năm 1916 bị tù đầy trở về... và là cốt cán của nhóm những người yêu nước này.

Tháng 10-1930, bị chính quyền thực dân, phong kiến khủng bố, Đảng bộ Quảng Nam tan vỡ, nhiều đảng viên và quần chúng cảm tình cách mạng ở địa phương bị bắt. Ông Võ Dương cũng bị địch bắt giam vào phủ Tam Kỳ một thời gian rồi thả về địa phương quản thúc. Năm 1933, được giác ngộ, ông trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Ông Võ Dương và bà Nguyễn Thị Thân kết hôn với nhau và sinh được 8 người con nhưng chỉ nuôi được 6 người là: Võ Nghiệm, Võ Toàn (Võ Chí Công), Võ Thị Nghiệm, Võ Quý (Võ Túc), Võ Thị Lương (Võ Thị Hiệp) và Võ Phương (Võ Văn Thái).

Bà Nguyễn Thị Thân (1882 - 1974), người làng Khương Mỹ, là người nông dân thuần phác, hiền lành đôn hậu, ít nói, bà lo vun vén công việc gia đình và chịu mọi nhọc nhằn, vất vả để chồng con hoạt động yêu nước, tham gia đấu tranh cách mạng. Bà cùng chồng chăm lo dạy dỗ các con. Tuy không biết nhiều về cách mạng, nhưng bà âm thầm ủng hộ các hoạt động cách mạng của chồng con. Ông Võ Dương thường xuyên tham gia các hoạt động yêu nước và gần như một mình phải chăm lo cho cuộc sống gia đình, nhưng bà luôn

luôn chu đáo trong việc tiếp đón bạn bè, đồng chí của chồng và các con khi họ lui tới hoạt động ở địa phương. Võ Chí Công rất kính trọng và thương người mẹ hiền có lòng nhân ái và yêu nước¹.

Sau này, vì hoạt động cách mạng, bị địch truy nã, Võ Chí Công phải thoát ly, nên ông Võ Dương bị chúng bắt tra tấn và buộc phải đi tìm Võ Chí Công khắp các phủ, huyện từ Quảng Nam đến Quảng Ngãi, Bình Định... Sở mật thám giao cho ông một quyển sổ, đi đến xã nào phải xin xác nhận của lý trưởng sở tại. Ông buộc phải đi, nhưng không phải để tìm Võ Chí Công cho giặc. Trở về, ông lại bị giam cầm, tra tấn, đến khi có bệnh gần chết, chúng mới trả về gia đình. Sau một thời gian ngắn, ông mất năm 1943, thọ 66 tuổi².

Sinh ra trong một gia đình không giàu có nhưng Võ Chí Công và các anh, em đều được dưỡng dục chu đáo theo truyền thống của gia đình, dòng họ, quê hương.

Là nhà nho nhưng cũng biết chữ quốc ngữ, nên ông Võ Dương bắt đầu dạy chữ quốc ngữ và chữ Hán cho Võ Chí Công khi lên 6, 7 tuổi. Đến 8 tuổi, Võ Chí Công đi học ở một trường tư thục tại địa phương và được ông

1. Sau Hiệp định Giơnevơ, đầu năm 1955, bà tập kết ra miền Bắc, từ trần năm 1974, hưởng thọ 92 tuổi. Nhà nước truy tặng bà danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, vì ngoài ông Võ Dương là liệt sĩ, các con là Võ Nghiêm và Võ Quý là liệt sĩ chống Pháp, Mỹ.

2. Ông được Nhà nước công nhận là liệt sĩ.

Võ Dương gửi một thầy giáo yêu nước đầy tâm huyết và quen thân với ông để dạy Võ Chí Công¹.

Ngoài việc được giáo dục ở trường lớp, Võ Chí Công luôn được cha dạy bảo về lễ nghĩa, trung hiếu, về đạo làm người mà trước hết phải có nhân, có đức. Ông Võ Dương dạy Võ Chí Công phải xem đức là gốc, tài là cành lá, gốc có bền thì cành lá mới tốt tươi. Nói về tinh thần yêu nước, thương dân, ông giải thích cho Võ Chí Công về câu nói “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” theo nghĩa dân là gốc quan trọng nhất, thứ đến là nước nhà, sau mới đến vua. Ông khuyến khích con làm trai phải có chí lớn, có lòng yêu nước, dám vùng lên cứu nước, cứu dân và nghĩa vụ “Quốc gia hưng vong sĩ phu hữu trách”. Ông dạy Võ Chí Công về tu nhân trước hết phải chính tâm, tức là phải chính trực, trong sáng; tu nhân là có đạo đức, nhân, nghĩa, trung, hiếu... Nhờ những giáo huấn đó của cha mà Võ Chí Công học được những điều hay về khí tiết của nhà nho yêu nước, đạo làm người lấy đức làm gốc, lấy nghĩa làm trọng, lòng thương người, yêu nước thương dân và cách đối nhân xử thế ở đời... Võ Chí Công rất kính trọng, thương yêu và luôn nghe theo lời dạy bảo của cha mình.

1. Thầy giáo này đang học đệ tứ Thành Chung, do tham gia bãi khóa chống thực dân Pháp ở Trường Quốc học Huế nên bị đuổi học rồi về quê mở lớp dạy học.

Vào tuổi lên 9, 10 Võ Chí Công thường được cha kể chuyện ông nội đã tham gia phong trào Cần vương và việc ông tham gia các phong trào chống thực dân Pháp và chế độ phong kiến. Ông Võ Dương cũng hay kể cho Võ Chí Công nghe về chí khí, tài cao, đức trọng, về văn thơ kiệt xuất và hoạt động cách mạng lừng danh của các chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp...¹.

Đặc biệt, Võ Chí Công thường được cha nói về việc thực dân Pháp xâm chiếm nước ta và các phong trào chống Pháp, cứu nước của nhân dân cả nước. Qua những lời kể của cha, những sự kiện như còn nóng hổi thấm dần và in đậm vào tâm trí Võ Chí Công về việc nhân dân Đà Nẵng bất hợp tác với quân Pháp, đã thực hiện vườn không nhà trống, tham gia xây dựng phòng tuyến, đào hầm hào, vây đồn, phục kích diệt giặc Pháp,... làm cho chúng sa lầy, buộc phải rút khỏi Đà Nẵng chuyển vào đánh chiếm Gia Định. Rồi việc kinh thành Huế thất thủ, tháng 7-1885, vua Hàm Nghi xuất bôn ra Quảng Trị và xuống chiếu Cần vương làm bùng

1. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Từ tuổi lên 9 lên 10, được đọc một số bài thơ, phần nhiều là của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, đã gợi cho tôi những cảm xúc thấm thiết” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 29).

lên phong trào khởi nghĩa vũ trang chống thực dân Pháp khắp các tỉnh Trung Kỳ. Tại Quảng Nam, nổ ra cuộc đấu tranh vũ trang của Nghĩa hội với quy mô lớn. Thực dân Pháp và nhà nước phong kiến đầu hàng đã thẳng tay đàn áp, chém giết dã man những người khởi nghĩa. Bất chấp kẻ thù quân đông, tàu to, súng lớn, nhân dân đã đánh trả quyết liệt, xả thân vì nước, nêu cao ý chí quật cường, bất khuất...

Võ Chí Công cũng được cha kể cho nghe về việc quân xâm lược Pháp từng bước đánh chiếm toàn bộ nước ta, từ lục tỉnh Nam Kỳ ra Trung Kỳ, rồi đến Bắc Kỳ. Các cuộc bàn cãi trong triều đình về đánh hay hoà diễn ra liên miên nhưng chung quy chỉ là bàn cãi suông để Pháp chiếm hết cả nước: Pháp đánh Gia Định, Võ Duy Ninh tự tử; chúng đánh lục tỉnh Nam Kỳ, Phan Thanh Giản tự tử; Pháp tấn công Hà Nội lần thứ nhất, Nguyễn Tri Phương tử tiết; Pháp đánh Hà Nội lần hai, Hoàng Diệu tuần tiết. Triều đình bất lực, sau một lần bại trận đã khấn khoản “cầu hòa”, nộp tiền bồi thường chiến phí để “xử hoà”, nhưng giặc vẫn tiến công lấn chiếm, lại đánh nhau, triều đình lại xin hoà và phải bồi thường chiến phí cho giặc bằng cách bắt dân đóng thuế phụ thu. Pháp kéo quân vào kinh đô Huế, triều đình đầu hàng. Tôn Thất Thuyết cầm đầu phái chủ chiến chạy sang Trung Quốc rồi mất ở đó. Vua Hàm Nghi

chạy ra đến Quảng Bình thì bị bắt. Công cuộc chống thực dân Pháp của triều đình nhà Nguyễn kết thúc. Những vị vua có lòng yêu nước, chống Pháp như Thành Thái, Duy Tân thì bị đày ải sang châu Phi... Sự giáo dục về những trang lịch sử bi hùng đó của dân tộc do ông Võ Dương kể lại đã in đậm vào tâm trí Võ Chí Công.

Võ Chí Công cũng hay được theo cha đến thăm nhà các bạn yêu nước cùng chí hướng trong các phủ, huyện ở Quảng Nam, Quảng Ngãi. Tại những cuộc gặp gỡ này, Võ Chí Công được nghe các chí sĩ yêu nước cùng cha bàn về thời cuộc, về việc nước, việc dân và họ luôn trăn trở, tìm kiếm phương cách làm thế nào để cứu nước. Tuy còn nhỏ nhưng được nhiều lần nghe về các cuộc bàn luận ấy và thông qua lời kể của cha, từng bước Võ Chí Công cũng dần hiểu được hoàn cảnh của đất nước, nỗi băn khoăn của lớp người đi trước và dần hình dung ra được những việc phải làm của người dân nước Việt trước vận mệnh của dân tộc. Võ Chí Công cảm thấy thấm thía, thích thú những câu chuyện được cha kể và những cuộc đàm luận yêu nước như vậy¹.

1. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Khi tôi lên 8-9 tuổi đã được nghe ông thân tôi và chú Lộc - bạn của ông thân tôi - thường bàn việc nước, việc dân, bàn về văn thơ yêu nước(...) Lúc tôi còn thiếu niên, bắt đầu giác ngộ cách mạng dân tộc cũng do nhờ các ông kể chuyện, đọc thơ văn đánh Tây cứu nước” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 40-42).

Năm 1925 và 1926, có hai sự kiện quan trọng tác động mạnh đến Võ Chí Công.

Sau 14 năm hoạt động ở Pháp, tháng 6-1925, Phan Châu Trinh về nước. Hàng ngàn người dân đủ mọi tầng lớp ở Sài Gòn ra đón ông tại bến cảng. Cũng trong tháng 6-1925, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải và đưa về nước xử án tại Hà Nội¹. Cả nước theo dõi vụ án Phan Bội Châu và những hoạt động sau khi về nước của Phan Châu Trinh.

Thực dân Pháp đưa Phan Bội Châu về nước định xử bí mật. Nhưng khi bị giam ở nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), ông đã viết câu đối:

“Thất bại chi thị gia, ba đào bốn tẩu, biến thiên nhai hải giác nhị thập niên dự, nhất sự cánh vô thành, quyền huyết sơn hà vân cộng bích;

Tinh thần y nhiên hỉ, bút mặc tung hoành, dư Á kiệt, Âu anh, sở thiên lý ngoại, tái sinh chung hữu hạnh, dân quyền thế giới nhật tranh hồng”².

1. Để tránh dư luận, thực dân Pháp gán cho Phan Bội Châu là tù quốc phạm với tên gọi là Trần Văn Đức và định xử bí mật.

2. “Thất bại đến thế ư, bốn tẩu với ba đào, khắp góc bể ven trời, hơn hai mươi năm, một việc cũng không thành, ra rả cuộc kêu, máu nhuộm non sông còn vết tím;

Tinh thần nguyên như vậy, dọc ngang nhờ bút lưỡi, với kẻ Âu người Á xa vài nghìn dặm, sống thừa là hiếm có, từng bừng dân chí, quyền tranh thế giới nổi tia hồng”.

Câu đối này lọt ra ngoài gây tiếng vang trong nhân dân và tin Phan Bội Châu bị bắt đã làm bùng nổ dư luận ở Hà Nội và cả nước. Do vậy, thực dân Pháp buộc phải đưa Phan Bội Châu ra xử công khai. Trước toà án thực dân, Phan Bội Châu hiên ngang hùng biện tự bào chữa. Thực dân Pháp kết án tù khổ sai chung thân đối với ông. Tinh thần yêu nước, xả thân vì độc lập dân tộc của Phan Bội Châu đã kích động mạnh mẽ dư luận và tạo thành một phong trào đấu tranh yêu nước mới của nhân dân ta¹.

Được tin Varen (Varenne) được bổ nhiệm Toàn quyền Đông Dương², ở nhiều địa phương đã tổ chức hội họp, mít tinh, rải truyền đơn, học sinh bãi khoá và gửi điện văn tới tấp đến Varen đòi trả tự do cho Phan Bội Châu. Khi Varen đi qua các địa phương tới Hà Nội, nhiều cuộc biểu tình với khẩu hiệu đòi trả tự do cho Phan Bội Châu đã nổ ra. Để xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân ta, nhà cầm quyền thực

1. Tháng 9-1925, khi Varen sang Đông Dương nhậm chức, Nguyễn Ái Quốc đã viết bài “*Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu*” nhằm cổ động phong trào đòi trả tự do cho Phan Bội Châu, vạch trần chủ trương bịp bợm của thực dân Pháp, làm cho người Pháp tiến bộ thấy rõ tinh thần yêu nước của người dân Việt Nam.

2. Varen làm Toàn quyền Đông Dương từ tháng 11-1925 đến tháng 1-1928.

dân buộc phải tha bổng Phan Bội Châu, đưa cụ về Huế để quản thúc¹.

Phong trào đó tác động mạnh đến nhân dân Quảng Nam. Tại Tam Kỳ, phong trào vận động đòi thả Phan Bội Châu diễn ra rất sôi nổi. Các nhà nho yêu nước, thầy giáo, học trò, v.v. bàn luận nhiều về thân thế sự nghiệp, khí phách của Phan Bội Châu và về vụ tòa án thực dân xử án cụ. Phong trào đấu tranh và những luận bàn đó đã tác động, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần yêu nước của mọi tầng lớp nhân dân Tam Kỳ, Quảng Nam.

Về nước, tuy bị bệnh nặng nhưng Phan Châu Trinh cố gắng diễn thuyết thêm hai đề tài là “*Đạo đức và luân lý Đông Tây*”, “*Quân trị chủ nghĩa và dân trị chủ nghĩa*”. Với nội dung rất mới mẻ trong bối cảnh nước ta vào lúc này, quan điểm của Phan Châu Trinh đã nâng cao lòng yêu nước và sự đồng lòng hăng hái của các tầng lớp nhân dân. Hai bài diễn thuyết được ghi chép và phát tán rộng khắp có tác động mạnh đến thế hệ trẻ tại Sài Gòn và nhanh chóng lan truyền trong cả nước.

1. Trước sự công phần của nhân dân, ngày 24-12-1925, đúng một tháng một ngày sau hôm xử án tại Hà Nội kết án khổ sai chung thân, Toàn quyền Varen đã ký quyết định “ân xá” cho Phan Bội Châu và đưa về an trí ở Huế, gọi là đi dưỡng già nhưng thực chất là giam lỏng để kiểm chế và theo dõi mọi hoạt động của cụ.

Võ Chí Công cũng được đọc hai bài này và cảm thấy rất “đam mê”¹.

Ngày 24-3-1926, Phan Châu Trinh qua đời. Một ủy ban tổ chức lễ quốc tang cụ gồm nhiều thành viên là các nhân sĩ, trí thức đã được hình thành. Thực dân Pháp lo ngại, tìm cách ngăn cản quần chúng nhân dân tổ chức lễ tang. Trước tình hình đó, nhân dân cả nước mít tinh đòi nhà cầm quyền Pháp phải để nhân dân được tổ chức tang lễ Phan Châu Trinh. Phong trào đòi để tang Phan Châu Trinh trở thành một phong trào yêu nước rộng lớn trong cả nước, thức tỉnh tinh thần dân tộc của nhân dân ta.

Tại cuộc mít tinh được tổ chức ở trường học Tam Kỳ, Đốc học Trần Cảnh, một trí thức yêu nước, đã thuyết giảng về cuộc đời, sự nghiệp hoạt động chống thực dân Pháp, cứu nước, cứu dân của Phan Châu Trinh và biểu thị sự phẫn nộ, phản đối việc thực dân Pháp xử án Phan Bội Châu. Trong cuộc mít tinh này, các tầng lớp nhân dân đã hô vang khẩu hiệu phản đối Pháp kết án nhà yêu nước vô tội, sau đó gửi điện đòi Chính phủ Pháp, Toàn quyền Varen thả ngay Phan Bội Châu. Cuộc mít tinh đã gây lên một làn sóng căm thù giặc Pháp, giác ngộ lòng yêu nước trong các tầng lớp nhân dân ở Tam Kỳ cũng như toàn tỉnh Quảng Nam.

1. Võ Chí Công: *Những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.34.

Lễ truy điệu Phan Châu Trinh là sự kiện chính trị lớn, làm khơi dậy một phong trào yêu nước rộng lớn trên toàn quốc. Từ đó, nhiều người, đặc biệt là thanh niên, học sinh đã được giác ngộ, quyết tâm thân đến với các tổ chức yêu nước, cách mạng¹, trở thành lực lượng trung kiên trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và số đông sau này đã trở thành những chiến sĩ cộng sản.

Võ Chí Công được theo cha chứng kiến và tham dự cuộc đấu tranh của nhân dân Tam Kỳ trong phong trào đòi thả Phan Bội Châu, tổ chức lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh. Hai sự kiện chính trị nổi bật, kế tiếp nhau đó đã tác động mạnh và tạo ra bước ngoặt trong suy nghĩ của Võ Chí Công. Đây là cột mốc đầu tiên tham gia sự kiện chính trị của Võ Chí Công². Sau những sự kiện này, Võ Chí Công bắt đầu tìm hiểu và đọc nhiều thơ văn của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng³.

Ông Võ Dương là nhà nho nhưng luôn hướng tới cái mới và rất coi trọng ý kiến của các con. Bởi vậy, Võ Chí Công

1. Phần lớn những người này bị thực dân Pháp truy đuổi, chạy sang Quảng Châu (Trung Quốc) và tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

2. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.31.

3. Võ Chí Công viết: “Đến tuổi 12, 13 trở lên tôi đã chịu ảnh hưởng sâu sắc, nhất là cuộc đời, sự nghiệp cách mạng và thơ văn của các cụ” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 29).

hay được luận bàn mọi việc với cha mình. Ngoài những tâm sự về cuộc sống đời thường, Võ Chí Công được phép tranh luận với cha về những vấn đề trong sách vở hoặc thời cuộc. Mặc dù hiểu biết không nhiều về tư tưởng của Khổng Tử, Mạnh Tử nhưng có biết phần nào về duy vật lịch sử và phép biện chứng, Võ Chí Công đã dám tranh luận với cha về những triết gia lớn này¹. Võ Chí Công cho rằng tư tưởng, chính trị, đạo lý... xuất hiện từ xưa và không ngừng phát triển vì gắn với thực tiễn cuộc sống và lịch sử, bao giờ cũng lưu giữ giá trị tốt đẹp, nhưng không bao giờ lặp lại những gì đã lỗi thời. Khổng - Mạnh đã xây dựng nên một hệ tư tưởng đến nay vẫn còn nhiều điều hay như: nước lấy dân làm gốc, tính nhân nghĩa, đạo đức lương tri, nhân cách làm người, hiếu để thương yêu mọi người, lễ nghĩa là kính trọng mọi người, tôn lão kính trưởng, v.v.. Những điều tốt đẹp đó ở thời đại nào, dân tộc nào cũng tôn kính. Nhưng cũng có những điều không thích hợp với hiện thời và điều kiện của đất nước, như quan điểm “*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*”², hoặc “*Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu*”³, v.v., hay thuyết tam tông⁴ quá khắc nghiệt với phụ nữ,... Là người có tư tưởng

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 24-26.

2. Vua khiến tôi phải chết, tôi không chết là không trung.

3. Cha bảo con chết, con không chết là bất hiếu.

4. Tại gia tông phụ, xuất giá tông phụ, phu tử tông tử.

cách tân, ông Võ Dương cho rằng lý lẽ của Võ Chí Công có lẽ đúng¹.

Có lúc, vì thấy nhiều việc bất bình, không thể cam chịu trước những bất công, Võ Chí Công muốn tập hợp bạn học diệt bọn ác ôn, cứu dân lành. Biết ý nghĩ đó, ông Võ Dương đã uốn nắn Võ Chí Công và giải thích rằng mong muốn là chuyện bình thường, nhưng còn làm cho được mới là chuyện khó, cái tính của thanh, thiếu niên là sôi nổi nhưng còn chứa đầy ảo tưởng, tuy có chí khí, có tâm huyết nhưng chưa có đủ cơ hội, chưa trưởng thành đủ lông, đủ cánh mà muốn làm việc tày trời thì không tránh khỏi thất bại. Ông khuyên Võ Chí Công phải ra sức học hỏi và biết kiên nhẫn mới làm nên sự nghiệp lớn².

Là người ham thích hoạt động xã hội, tham gia phong trào cách mạng, Võ Chí Công giao lưu với nhiều bạn bè, phần lớn là con cháu các nhà Nho yêu nước đã hy sinh hoặc bị chế độ thực dân, phong kiến bắt tù tội. Họ không quên thù nhà, nợ nước, nhưng chưa biết bắt đầu từ đâu. Theo đuổi con đường của các sĩ phu yêu nước thì uất hận vì bị đàn áp, tù đầy, thậm chí bị chết. Tập hợp những bạn bè có thù nhà, nợ nước, cùng ý chí tổ chức lực lượng vũ trang đánh thực dân Pháp và tay sai, cứu dân, cứu nước thì chưa đủ điều kiện để làm.

1, 2. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 26, 28.

Những câu hỏi lớn đó thường xuyên xuất hiện, in đậm trong tâm trí Võ Chí Công.

Sinh ra và lớn lên trong không gian văn hóa Quảng Nam, mang trong mình truyền thống đoàn kết, kiên cường, bất khuất trong lao động sản xuất cũng như trong đấu tranh chống xâm lược, mà những sự kiện như còn nóng hổi qua hoạt động của những người yêu nước Quảng Nam cũng như của gia đình, với sự giáo dục của cha mẹ và được tham gia những hoạt động yêu nước, Võ Chí Công từng bước tiếp thu truyền thống tốt đẹp đó và sớm hun đúc thành tình cảm, ý chí cách mạng. Chịu ảnh hưởng sâu sắc và bước đầu có ý chí theo chân cha ông và các bậc tiền bối cách mạng ở Quảng Nam, Võ Chí Công đã sớm tham gia vào phong trào yêu nước và cách mạng tại quê hương.

Chương II

TRƯỞNG THÀNH TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC (1935 - 1945)

1. Từ người yêu nước trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp

Sự hình thành và phương pháp tổ chức hoạt động mới theo quan điểm Nguyễn Ái Quốc của Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên ở Quảng Nam (1929) và sự ra đời của Đảng bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở Quảng Nam (tháng 9-1929) cũng như sự thành lập của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam vào ngày 28-3-1930¹ đã đánh dấu quá trình chuyển biến về chất của phong trào yêu nước và cách mạng ở Quảng Nam. Cùng với quá trình ra đời, hoạt động theo con đường cách mạng vô sản của các tổ chức trên đã tác động mạnh mẽ vào nhân dân Quảng Nam và

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 73-77.

trở thành xu hướng chính của phong trào cách mạng ở đây.

Chuyển biến rõ nét nhất của những người yêu nước ở Tam Xuân là từ sự hình thành những nhóm hoạt động yêu nước chuyển thành các tổ chức trung gian, để từ đó các cá nhân của những tổ chức này phấn đấu trở thành những đảng viên cộng sản và trên cơ sở đó tiến tới thành lập chi bộ cộng sản của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Diễn hình của quá trình đó ở Tam Kỳ và Tam Xuân là những người yêu nước được tổ chức dưới danh nghĩa Hội buôn bán nông - lâm sản (“hội kín”) để vận động cách mạng. Trong khoảng thời gian từ năm 1927 đến năm 1929, nội dung hoạt động của các nhóm này còn là sự pha trộn giữa hai xu hướng cách mạng quốc gia và cách mạng vô sản, nhưng chủ yếu là vận động chống chế độ thống trị của thực dân, phong kiến để cứu dân, cứu nước. Võ Chí Công cũng tham gia vào “hội kín” và hoạt động cách mạng dưới danh nghĩa của một hương kiểm ở địa phương¹.

1. Thiếu tướng Phùng Đình Ấm, khi là chiến sĩ trong đoàn quân tình nguyện làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia (1950) đi từ Bình Định đến Quảng Nam đã dừng ở xóm Lò Gạch, xã Tam Xuân, Tam Kỳ, được nhân dân ở đây cho biết: “Vào những năm đầu của thập kỷ 30, phong trào “hội kín” ở Quảng Nam phát triển mạnh, thực dân Pháp và bọn tay sai bắt những người tình nghi, gây xáo động vùng quê yên tĩnh. Lúc đó, ông Võ Toàn (tức

Tháng 10-1930, chính quyền thực dân, phong kiến phát hiện ra cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam và đã tiến hành khủng bố dữ dội. Hầu hết đảng viên của Chi bộ Đảng Cộng sản ở Tam Kỳ bị bắt. Là người tham gia vào nhóm hoạt động yêu nước dưới danh nghĩa buôn bán nông - lâm sản, ông Võ Dương cũng bị Pháp bắt giam vào nhà lao phủ Tam Kỳ một thời gian, nhưng vì không có chứng cứ kết tội nên chúng trả ông về địa phương quản thúc.

Năm 1932, sau cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, thực dân Pháp tăng cường đàn áp, không chỉ những tổ chức cộng sản mà cả các tổ chức yêu nước khác. Để tránh khủng bố, những nhóm yêu nước ở Tam Kỳ chuyển thành Hội Cứu tế đỏ¹ nhằm duy trì hoạt động.

Để khôi phục phong trào cách mạng và phát triển lực lượng, những người cộng sản ở Quảng Nam đã tiến hành vận động, giác ngộ các cá nhân tích cực trong các tổ chức yêu nước, trong đó có Hội Cứu tế đỏ và những

Võ Chí Công) được trúng cử vào bộ ngũ hương (gồm hương kiểm; hương bộ; hương mục; hương bổn; hương dịch) và nhận chức hương kiểm. Từ ngày ông nhận chức hương kiểm cai quản tuần đinh, tuần tra canh gác ngày đêm thì trật tự trong xóm làng được ổn định, yên tĩnh, những vụ bắt người tình nghi làm “hội kín” hầu như giảm hẳn, dân làng rất tín nhiệm ông. Cho đến lúc ông bị bắt đi tù, dân mới biết ông là người của cách mạng đứng ra làm cái vỏ bọc để che chở cho phong trào, nhân dân càng tín nhiệm, thương mến nhiều hơn” (Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 388-389).

1. Hội này tồn tại đến cuối năm 1935.

người yêu nước bị Pháp bắt giam trở về để giác ngộ và kết nạp họ trở thành những đảng viên cộng sản, từng bước hình thành chi bộ cộng sản đầu tiên ở Tam Xuân. Trên cơ sở đó, ngày 2-12-1932, Chi bộ Đảng Cộng sản An Hòa được thành lập. Tháng 4-1933, Chi bộ An Hòa được công nhận là chi bộ chính thức do Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi trực tiếp chỉ đạo¹.

Cuối năm 1933, Chi bộ Đảng Cộng sản ở Diêm Trường (Vân Trai, xã Tam Hiệp) liên lạc với ông Võ Dương và sau đó kết nạp ông vào Đảng. “Võ Dương trở thành người đảng viên đầu tiên của đất Tam Xuân”².

Tháng 6-1934, Hội nghị Phủ ủy Tam Kỳ, họp ở ấp 3 An Hòa, đã kiểm điểm tình hình và bàn kế hoạch khôi phục, phát triển tổ chức đảng và quần chúng, tuyên truyền và phát huy ảnh hưởng của Đảng trong nhân dân, đồng thời tiến hành vận động tài chính cho hoạt động³. Theo chủ trương đó, các chi bộ đảng trong phủ Tam Kỳ

1. Chi bộ này có 3 đảng viên: Võ Minh, Trần Học Giới, Lương Hợp Phố, trong đó Võ Minh là Bí thư (Huyện ủy Núi Thành - Đảng bộ xã Tam Xuân 1 - Đảng bộ xã Tam Xuân 2: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Tam Xuân*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2015, tr. 56).

2. Huyện ủy Núi Thành - Đảng bộ xã Tam Xuân 1 - Đảng bộ xã Tam Xuân 2: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Tam Xuân*, Sđd, tr.57.

3. Xem Thành ủy Tam Kỳ - Huyện ủy Núi Thành - Huyện ủy Phú Ninh: *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ (1930 - 1945)*, tháng 1-2007, tr.58.

vận động phát triển Hội Cứu tế đỏ để tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, vận động tài chính ủng hộ cách mạng, vận động thanh niên tham gia vào các tổ chức yêu nước biến tướng để tập hợp quần chúng như hội buôn thuốc bắc, hội lợp nhà, hội nuôi lợn,... Ở Khương Mỹ có một tổ Cứu tế đỏ gồm 10 hội viên hoạt động rất tích cực.

Theo chủ trương của Phủ ủy Tam Kỳ, để thuận lợi cho hoạt động theo thực tế ở địa phương, cần thành lập thêm một số chi bộ ghép. Tháng 5-1935, dưới sự chỉ đạo của Phủ ủy Tam Kỳ, chi bộ ghép Khương Mỹ - Danh Sơn được thành lập gọi là Chi bộ Mỹ Sơn.

Là người nung nấu ý chí cứu nước, cứu dân, Võ Chí Công cũng tích cực cùng cha tham gia hoạt động trong nhóm yêu nước ở Tam Xuân. Được sự dìu dắt, giúp đỡ của cha¹ và sự giác ngộ của những người cộng sản khác, Võ Chí Công được kết nạp trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương cũng vào tháng 5-1935 tại Chi bộ ghép Mỹ Sơn².

1. Võ Chí Công viết: “Trong bối cảnh vừa tình cha con, vừa tình đồng chí cùng lý tưởng đã tạo nên cho tôi một tình cảm thiêng liêng khó nói ra lời. Tình cảm cha con khá đặc biệt, ông luôn luôn khuyên tôi phải lo làm cách mạng, mọi việc trong gia đình đều do ông quán xuyến, hơn nữa ông còn hết lòng chăm sóc cho tôi có điều kiện hoạt động” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 24).

2. Thời gian vào Đảng của đồng chí Võ Chí Công, chúng tôi lấy theo bản khai lý lịch của đồng chí viết năm 1995, lưu tại gia đình, và đã được công bố trong lời điều của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc tại lễ viếng đồng chí.

Trở thành người cộng sản vào thời điểm địch đánh phá, đàn áp khốc liệt hàng tiêu diệt các tổ chức cộng sản, đồng chí Võ Chí Công cùng với các đảng viên cộng sản tại địa phương và phong trào cách mạng ở Quảng Nam đã biểu thị ý chí kiên cường, quyết tâm cứu nước, cứu dân theo con đường mới do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây là bước ngoặt quan trọng đầu tiên trong cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí. Từ người yêu nước trở thành người cộng sản, đồng chí từng bước trưởng thành trên con đường cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Lúc này, Chi bộ Mỹ Sơn có 4 đảng viên là Võ Dương, Võ Oanh, Võ Chí Công (Võ Toàn) và Nguyễn Hoàng¹. Đồng chí Võ Chí Công được cử ngay làm *Bí thư chi bộ Đảng đầu tiên* trên đất Tam Xuân².

Trên cương vị Bí thư chi bộ đầu tiên của Tam Xuân, dưới sự chỉ đạo của Phủ ủy Tam Kỳ, đồng chí đã tiến hành một loạt các hoạt động nhằm xây dựng, củng cố chi bộ mới thành lập. Nội dung chủ yếu lúc này là vấn đề thực hiện đúng chế độ sinh hoạt của một chi bộ mới thành lập, bao gồm việc học tập Điều lệ

1. Còn có tên gọi khác là Nguyễn Phước, Nguyễn Chiêm.

2. Xem Huyện ủy Núi Thành - Đảng bộ xã Tam Xuân 1 - Đảng bộ xã Tam Xuân 2: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Tam Xuân, Sđd*, tr.58.

của Đảng, nắm vững nội dung các tài liệu, sách báo tuyên truyền cách mạng, phổ biến tình hình cách mạng trong và ngoài nước, xây dựng tinh thần chiến đấu cho đảng viên...

Mặt khác, theo chủ trương của Đảng bộ Tam Kỳ, đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo chi bộ tiến hành đẩy mạnh công tác vận động quần chúng đấu tranh với các khẩu hiệu đòi nhà cầm quyền thực dân, phong kiến bỏ các loại thuế vô lý như thuế chợ, thuế đò, thuế muối, thuế thân... Là địa phương gắn liền với sản xuất nông nghiệp, đồng chí tập trung chỉ đạo Chi bộ Mỹ Sơn tập trung vào việc vận động nông dân đòi giảm tô, giảm tức, hoãn nợ khi mất mùa, bỏ lễ ngày mừng 5, ngày tết cho chủ điền...

Những hoạt động của Chi bộ Mỹ Sơn gắn với những đòi hỏi thiết thực của đời sống, vừa có tác dụng củng cố, nâng cao về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho đảng viên của chi bộ mới thành lập, vừa rèn luyện cho họ khả năng vận động quần chúng, đồng thời tạo ra chỗ đứng vững chắc của tổ chức đảng và những người cộng sản trong nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, phong trào cách mạng ở địa phương được củng cố thêm một bước thông qua hoạt động của các tổ chức quần chúng, đồng thời làm tăng thêm uy tín của Chi bộ Mỹ Sơn trong nhân dân.

Từ năm 1936, tình hình trong nước và thế giới có những biến chuyển có lợi cho cách mạng Việt Nam. Tháng 6-1936, với sự thắng lợi của Mặt trận bình dân ở Pháp, chính phủ cánh tả lên cầm quyền đã buộc chính quyền thực dân ở Đông Dương phải thi hành một số quyền tự do dân chủ. Trước tình hình đó, ngày 26-7-1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Thượng Hải (Trung Quốc) đã chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế (sau đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương) nhằm triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp tập hợp nhân dân và hướng dẫn quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao, để giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng thông qua việc đấu tranh chống chế độ thực dân phản động ở thuộc địa, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình, đòi thả tù chính trị...

Tháng 8-1936, nhân việc Quốc hội Pháp cử phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương tổ chức Đại hội Đông Dương, nêu ra 12 yêu cầu về tự do, dân chủ làm cơ sở cho Đại hội thảo luận để tiến tới soạn thảo “Dân nguyện” gửi Chính phủ Pháp. Chủ trương này của Đảng được phổ biến tới Đảng bộ Trung Kỳ.

Ngày 20-9-1936, Hội nghị toàn kỳ Đại hội Đông Dương họp ở Huế với sự tham gia đông đảo của các chính trị phạm người Quảng Nam bị tù đầy được trở

về. Mặc dù chính quyền thực dân ra lệnh cấm phong trào Đông Dương đại hội trên toàn Trung Kỳ, nhưng những chính trị phạm, sau khi dự họp ở Huế trở về Quảng Nam, vẫn xúc tiến vận động nhân dân thu thập nguyện vọng, lấy chữ ký, làm cho khí thế cách mạng ở địa phương được nâng lên. Tận dụng điều kiện này, các đảng viên trong tỉnh Quảng Nam đã móc nối xây dựng lại các cơ sở đảng ở các phủ, huyện và thành lập lại Tỉnh ủy lâm thời ở Quảng Nam vào cuối năm 1936¹.

Do đứng vững trước sự khủng bố của địch vào thời gian cuối năm 1935, nên Chi bộ Mỹ Sơn hoạt động theo chủ trương của Đảng và sự lãnh đạo của Đảng bộ Tam Kỳ và Quảng Nam. Theo đó, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Chi bộ ghép Mỹ Sơn phát động nhân dân các làng

1. Tháng 4-1935, đại biểu tỉnh ủy các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa họp ở Quảng Ngãi (dưới sự chỉ đạo của đồng chí Tổng Văn Trân được Trung ương cử về giúp xây dựng các đảng bộ các tỉnh ở miền Nam) bàn kế hoạch kỷ niệm ngày 1-5, giao trách nhiệm cho Tỉnh ủy Quảng Nam liên hệ với nhóm Vòng Hồng ở Bắc Trung Kỳ và lập Ban Cán sự Trung Nam của Xứ ủy Trung Kỳ. Sau vài ngày, địch phát hiện và tổ chức đánh phá phong trào ở Trung Kỳ, nhiều tỉnh ủy, phủ ủy, huyện ủy ở Trung Kỳ bị tan vỡ (Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 97-98, 106).

tổ chức viết đơn, lấy chữ ký, vận động cả hương lý, phú nông và cử đại biểu mang đơn đến Viện Dân biểu Trung Kỳ đòi quyền lợi¹.

Ngày 28-2-1937, phái bộ Gôđa (Godard) đến Đà Nẵng và tiếp sau đó trên đường đi vào Quảng Ngãi, Phủ ủy Tam Kỳ đã huy động quần chúng xuống đường từ Tam Kỳ vào Quảng Ngãi để hô vang các khẩu hiệu, đưa “dân nguyện”. Tam Xuân là địa phương nằm trên đoạn đường phái đoàn đi qua, đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo Chi bộ Mỹ Sơn bí mật vận động nhân dân tập trung đông đảo ở đoạn đường khu vực Bà Bầu hô các khẩu hiệu đòi tự do, dân chủ và đưa “dân nguyện” góp phần vào khí thế cách mạng chung của nhân dân Quảng Nam trong phong trào đấu tranh này².

Sau các phong trào trên, do được củng cố vững chắc về tổ chức và hoạt động đúng theo nguyên tắc bí mật, Chi bộ Mỹ Sơn không những tiếp tục được củng cố mà còn phát triển thêm một số đảng viên mới, xây dựng mới các tổ chức quần chúng như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Thanh niên phản đế... làm nòng cốt cho phong

1. Xem Huyện ủy Núi Thành - Đảng bộ xã Tam Xuân 1 - Đảng bộ xã Tam Xuân 2: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Tam Xuân*, Sđd, tr. 62.

2. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr.115.

trào cách mạng ở địa phương. Đồng thời, Chi bộ Mỹ Sơn cũng tiến hành củng cố các tổ Cứu tế đỏ và đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức biến tướng như các hội lợp nhà, hội trợ tang, hội bóng đá... để tập hợp nhân dân. Các tổ chức quần chúng này cũng đã tiến hành tốt các đợt vận động ủng hộ tài chính, công sức và giúp đỡ gia đình những người bị địch bắt...

Từ đầu năm 1936, tận dụng điều kiện chung, bên cạnh việc lãnh đạo Chi bộ Mỹ Sơn tích cực tham gia các hoạt động trên, đồng chí Võ Chí Công đã trực tiếp tiến hành một loạt các chuyến đi vận động nhân dân tham gia cách mạng và từng bước vượt qua khỏi địa bàn hoạt động ở Tam Xuân. Bằng cách cải trang làm người đi buôn bán dầu lạc để tiện hoạt động, che mắt mật thám, bên cạnh việc vận động giới trẻ, đồng chí đi tới những gia đình có tinh thần yêu nước, nhất là những người có quan hệ với ông Võ Dương, hoặc quan hệ bạn bè của mình để vận động họ tham gia cách mạng và gây dựng những người này thành cơ sở cách mạng.

Bằng cách khơi gợi tinh thần yêu nước, sự bất công của xã hội thuộc địa, phong kiến, đồng chí đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng mới, góp phần mở rộng địa bàn hoạt động của Đảng. Do cùng ăn, cùng ở, cùng làm và làm tốt công tác tuyên truyền vận động, nhiều gia đình không chỉ trở thành cơ sở cách mạng mà còn coi

đồng chí như người thân thiết trong gia đình¹. Từ những cơ sở đó, đồng chí Võ Chí Công tiếp tục mở rộng hoạt động vận động quần chúng để xây dựng những cơ sở mới, kể cả các địa phương khác ở trong và ngoài địa phận phủ Tam Kỳ. Hoạt động bên bí này đã từng bước tạo ra một mạng lưới cơ sở cách mạng rộng khắp ở Quảng Nam, bảo đảm cho mọi hoạt động cách mạng của đồng chí và tổ chức của Đảng ở thời kỳ đầy khó khăn này cũng như về sau.

Năm 1937, ông Võ Dương cưới vợ² cho đồng chí Võ Chí Công. Mặc dù đã có gia đình riêng, nhưng đồng chí vẫn dành hết thời gian, công sức cho thực hiện nhiệm vụ của Chi bộ Mỹ Sơn và mở rộng hoạt động xây dựng thêm các cơ sở cách mạng ở các địa phương khác. Công tác vận động nhân dân, xây dựng cơ sở cách mạng, phát triển Đảng và mở rộng phong trào cách mạng không thể thực hiện trong thời gian ngắn nên

1. Là người yêu nước, ông Lộc được Võ Chí Công giác ngộ trở thành cơ sở cách mạng. Đồng chí viết: “Chú mong muốn tôi ở luôn nhà chú để hoạt động cách mạng và luôn ở gần bên ông. Bất cứ việc gì của cách mạng tôi bàn, chú đều tích cực làm như: đi vận động các nhà cách mạng yêu nước trước đây cũng như bạn bè quen thân tuyên truyền trong quần chúng, quyền tiên - mà bản thân chú cũng tham gia - cho cách mạng, giúp đỡ anh chị em hoạt động. Đặc biệt chú luôn tạo điều kiện cho tôi hoạt động cách mạng tốt” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, *Sđđ*, tr. 43).

2. Tên là Nguyễn Thị Nghi.

đồng chí Võ Chí Công phải thường xuyên đi xa và lưu lại nhà một số cơ sở tin cậy ở phủ Tam Kỳ.

Tháng 5-1939, theo chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Nam, Phủ ủy Tam Kỳ tổ chức lễ truy điệu Phan Thanh¹ tại bãi cát Bà Tình² và Cồn Súp³, đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo chi bộ Mỹ Sơn huy động hàng trăm người đến dự, đồng thời cử một số cơ sở cách mạng đi dự lễ tang Phan Thanh do Tỉnh ủy tổ chức ở làng Bảo An, quê Phan Thanh. Những hoạt động này của Chi bộ Mỹ Sơn đã tập hợp được đông đảo nhân dân, góp phần tuyên

1. Phan Thanh (1908 - 1939), quê ở Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, là đảng viên Đảng Xã hội Pháp (S.F.I.O), dân biểu của Viện Dân biểu Trung Kỳ, thành viên Đại hội đồng Kinh tế - Tài chính Đông Dương, thành viên của Hội đồng thành phố Hà Nội. Ông là người góp phần xây dựng Hội Truyền bá quốc ngữ trong những ngày đầu, với vai trò Tổng Thư ký kiêm Trưởng ban Cổ động của Hội.

Năm 1938, ông phối hợp với nhóm *Tin tức*, cơ quan ngôn luận công khai của Đảng Cộng sản Đông Dương, tổ chức thành công buổi kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5 tại Nhà Đấu xảo Hà Nội với gần 2,5 vạn người tham gia; là người tán thành cùng nhóm *Tin tức* thành lập "Ủy ban hành động chung". Khi chính quyền thực dân đàn áp phong trào dân chủ, ông chủ trì việc hoàn chỉnh hồ sơ về "tình hình đàn áp khủng bố ở Đông Dương" gửi đến Pháp, gây một phong trào phản kháng ở Pháp...

Là chính khách, nhà giáo, nhà báo Việt Nam, Phan Thanh có nhiều đóng góp cho cách mạng nước ta trong thời kỳ 1936 - 1939.

2. Nay thuộc xã Tam Quang.

3. Nay thuộc xã Tân Phú.

truyền cách mạng và củng cố, cổ vũ tinh thần đấu tranh của quần chúng cách mạng ở Tam Xuân.

Tháng 7-1939, thực hiện chủ trương tập hợp rộng rãi quần chúng cách mạng của Tỉnh ủy Quảng Nam, Phủ ủy Tam Kỳ tổ chức mít tinh nhân kỷ niệm Cách mạng Pháp (14-7-1789) tại núi Quảng Phú¹. Đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo Chi bộ Mỹ Sơn vận động nhân dân Tam Xuân tham gia cuộc mít tinh. Tại thời điểm này, Võ Túc² và Hồ Ngọc Thành đã treo cờ búa liềm và khẩu hiệu ở sân vận động Tam Kỳ, nhân dân Tam Xuân treo cờ và khẩu hiệu ở đầu cầu Tam Kỳ. Cuộc mít tinh với các hoạt động biểu dương lớn được tổ chức chặt chẽ của lực lượng cách mạng ở Tam Kỳ đã gây ra tiếng vang ở Quảng Nam. Lo sợ trước diễn biến liên tục của các sự kiện trên, chính quyền thực dân, phong kiến tăng cường đàn áp phong trào cách mạng ở địa phương.

Ngày 1-9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương lập tức tiến hành xóa bỏ các quyền tự do, dân chủ tối thiểu do nhân dân ta đấu tranh giành được trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 - 1939) và thực hiện chính sách phát xít, khủng bố trắng phong trào cách mạng³.

1. Núi Cẩm, nay thuộc xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ.

2. Túc Võ Quý, em trai đồng chí Võ Chí Công.

3. Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương Catoru ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn và thi hành các chính sách thời chiến trên toàn cõi Đông Dương. Ngày 5-10-1939, Bảo Đại ký dụ cấm dân hội họp, tuyên truyền cộng sản.

Trước tình hình đó, trong tháng 9-1939, Phủ ủy Tam Kỳ triệu tập cuộc họp mở rộng tại trảng cát Bà Mù¹ bàn kế hoạch ổn định phong trào, giữ vững, phát triển phong trào cách mạng. Tại hội nghị này, đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Chi bộ Mỹ Sơn, được bầu bổ sung làm *Phủ ủy viên Tam Kỳ*.

Nắm được ý đồ hoạt động của địch sắp tới sẽ khủng bố dữ dội hơn, đồng chí Nguyễn Phùng, Bí thư Huyện ủy Tam Kỳ, nói với đồng chí Võ Chí Công: vì có người bị địch bắt và đã khai ở Tam Kỳ có ba chi bộ cộng sản², nên Phủ ủy Tam Kỳ có thể bị chúng đánh phá; bởi vậy, phải bàn kế hoạch giữ vững ba chi bộ đó và không để vỡ lây đến các chi bộ khác, đồng thời phải tìm mọi biện pháp bảo vệ những đồng chí không bị lộ để tiếp tục hoạt động. Đồng chí Nguyễn Phùng yêu cầu đồng chí Võ Chí Công phải thoát ly ngay để có người chỉ đạo phong trào sau này và giới thiệu đồng chí đến các chi bộ trong phủ Tam Kỳ với tư cách là Phủ ủy viên Tam Kỳ để liên lạc, hoạt động.

Từ tháng 9-1939, trong điều kiện hoạt động như vậy và trên cương vị, trọng trách mới, đồng chí Võ Chí Công phải thay đổi phương thức hoạt động cho phù hợp. Đồng chí *bắt đầu thoát ly* gia đình để đi vào hoạt động bí mật trước khi có chỉ thị của Trung ương và lúc Tỉnh ủy Quảng Nam bị địch phá vỡ. Phải hoạt động bí mật xa

1. Nay thuộc xã Tam Hiệp, thành phố Tam Kỳ.

2. Thực sự lúc này ở Tam Kỳ có 12 chi bộ.

nhà, nhưng thỉnh thoảng đồng chí vẫn về xã Tam Xuân và thị trấn Tam Kỳ vào ban đêm để gặp ông Võ Dương bàn việc, xin tiền và dặn dò gia đình...

Thoát ly gia đình để hoạt động cách mạng, từ đây Võ Chí Công trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp.

2. Lãnh đạo khôi phục Đảng bộ và phong trào cách mạng Quảng Nam

Để thuận tiện cho hoạt động trên cương vị mới ở địa bàn rộng hơn và cũng phát hiện thấy mật thám bắt đầu theo dõi các gia đình cơ sở cách mạng của mình, đồng chí Võ Chí Công quyết định chuyển nơi ở khỏi các cơ sở cũ để tránh liên lụy đến họ, nhưng vẫn giữ mối liên lạc chặt chẽ với những cơ sở này¹.

Cuộc khủng bố, bắt bớ của địch đã xảy ra như dự kiến của Phủ ủy Tam Kỳ. Đảng bộ Quảng Nam bị thiệt hại lớn². Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ là Nguyễn Phùng và nhiều đảng viên ở các phủ, huyện ở Quảng Nam bị địch bắt. Các chính trị phạm và những người hoạt động công khai trong phong trào dân chủ từ năm 1936 đến năm 1939 cũng bị địch bắt để quản thúc hoặc bị tù đầy. Trong số 12 chi bộ ở Tam Kỳ, có 3 chi bộ (do bị

1. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Đến giữa năm 1939 tôi không ở nhà chú Lộc nữa vì bị địch theo dõi và cũng bắt đầu thoát ly” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 45).

2. Các Tỉnh ủy viên Nguyễn Xuân Nhĩ, Khuư Thúc Cự, Nguyễn Như Khuê bị địch bắt.

khai báo) bị lộ và bị bắt hết; 2 chi bộ bị địch bắt một số đồng chí.

Chi bộ Mỹ Sơn, nơi trước đó đồng chí Võ Chí Công làm bí thư (đến tháng 9-1939), do tuân thủ tốt nguyên tắc hoạt động bí mật trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, vẫn được giữ vững. Nhanh chóng thoát ly và rút vào hoạt động bí mật nên đồng chí Võ Chí Công cũng vượt qua được đợt khủng bố ác liệt này của địch.

Trước những diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế, chính quyền thực dân, phong kiến càng điên cuồng khủng bố dữ dội và tiến hành chống phá cách mạng ngày càng trắng trợn. Bọn mật thám hoạt động lộ liễu hơn, lính tuần tiễu các nơi có phong trào cách mạng cao để uy hiếp tinh thần nhân dân. Trước sự khủng bố ác liệt của kẻ thù, số hương lý, chánh tổng đã đi theo phong trào cách mạng bị phân hóa. Một số ít ra mặt chống cách mạng, số khác nằm im chờ thời nhưng cũng chưa dám liên lạc với cách mạng. Một số người giác ngộ thực sự vẫn tiếp tục hoạt động cho cách mạng.

Về kinh tế, chính quyền thực dân, phong kiến cho lập các liên đoàn chè, dầu lạc độc quyền kinh doanh và bắt nhân dân trồng đay để phục vụ chiến tranh. Chúng lập hội hướng đạo để lôi kéo thanh niên, lập hội Phật học để tuyên truyền gây ảo tưởng, đẩy quần chúng xa rời con đường đấu tranh cách mạng,...

Tình hình đó làm cho hoạt động của các tổ chức đảng ở Quảng Nam nói chung và Tam Kỳ nói riêng gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, do đa số chỉ bộ trong phủ Tam Kỳ vẫn được giữ vững và trong các tổ chức của địch lập ra có cơ sở cách mạng của ta nên phong trào cách mạng ở địa phương vẫn được duy trì. Các tổ chức quần chúng, các chi bộ đảng ở Tam Kỳ vẫn tiến hành lãnh đạo nhiều cuộc đấu tranh đòi không tăng thuế, không mua quốc trái, chống mua rẻ lúa gạo, lạc, chè, chống bắt lính, tăng lương, giảm giờ làm, v.v..

Nhưng cuộc khủng bố ác liệt của chính quyền thực dân, phong kiến vào cuối năm 1939 đã làm cho Đảng bộ Quảng Nam, cũng như ở Tam Kỳ bị phá vỡ về tổ chức vì nhiều đồng chí lãnh đạo cấp tỉnh, cấp huyện bị địch bắt, tra tấn, giam cầm. Bởi vậy, việc khôi phục lại các tổ chức đảng ở Quảng Nam nói chung và Tam Kỳ nói riêng trở nên cấp thiết, không chỉ nhằm giữ vững phong trào các mạng ở địa phương mà còn đáp ứng tình hình, điều kiện mới, đặc biệt là sau khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11-1939) về việc toàn Đảng chuyển sang hoạt động để “dự bị những điều kiện bước tới bạo động làm cách mạng giải phóng dân tộc”¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.6, tr.552.

Nắm được chủ trương chung của Đảng và yêu cầu của Đảng bộ Quảng Nam, trên cương vị của mình, đồng chí Võ Chí Công đã tiến hành một loạt các hoạt động nhằm khôi phục tổ chức đảng ở Tam Kỳ nói riêng và Quảng Nam nói chung.

Thông qua cơ sở hợp pháp ở Hội An, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Nguyễn Sắc Kim bí mật liên lạc với Ban liên lạc tù chính trị ở nhà lao Hội An. Nhờ đó, hai đồng chí được các đồng chí chủ chốt của Tỉnh ủy bị bắt giam trong nhà lao Hội An giới thiệu các cơ sở và đảng viên còn lại ở các phủ, huyện để móc nối, thành lập lại cấp ủy mới của Phủ ủy Tam Kỳ và trên cơ sở đó liên lạc với các phủ, huyện ủy khác trong tỉnh. Đồng thời, đồng chí Võ Chí Công cũng nhận được ý kiến chỉ đạo của các đồng chí trong tù về những công tác cần tiến hành trong thời điểm này.

Từ các thông tin lấy được từ nhà lao Hội An, vượt qua các cạm bẫy của mạng lưới mật thám và sự đàn áp của địch ở các địa phương, đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí còn lại trong Phủ ủy Tam Kỳ phân công nhau ngày đêm đi khắp nơi chấp nối liên lạc với các chi bộ và đảng viên còn lại. Đồng chí Võ Chí Công trực tiếp đi chấp nối liên lạc với đảng viên ở Xuân Quang, An Hòa và mở rộng liên lạc đến các đảng viên ở các nơi khác. Những hoạt động này của đồng chí đã góp phần củng cố tinh thần của các đảng viên và quần chúng cách mạng trong lúc khó khăn, đồng thời hướng dẫn các công việc

cụ thể cho tổ chức đảng tiếp tục duy trì hoạt động và phát triển phong trào cách mạng ở huyện Tam Kỳ và toàn tỉnh Quảng Nam.

Tháng 1-1940, đồng chí Nguyễn Thuởng, cán bộ tỉnh Quảng Trị thoát ly vào Quảng Nam hoạt động, bắt được liên lạc với đồng chí Nguyễn Sắc Kim ở Thọ Khương. Đồng chí Võ Chí Công được mời dự họp với những đồng chí này.

Tại hội nghị, đồng chí Nguyễn Thuởng thông báo cho hai đồng chí Nguyễn Sắc Kim và Võ Chí Công biết về tình hình mới và chủ trương của Đảng có những thay đổi trong chỉ đạo thực hiện đường lối, việc xây dựng Mặt trận phản đế với nhiệm vụ đánh đổ đế quốc, giải phóng dân tộc và chủ trương các hình thức tổ chức của Đảng và quần chúng đều phải chuyển vào hoạt động bí mật. Nhờ đó, hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim biết được phần nào đường lối, chủ trương chung của Đảng trong tình hình cách mạng đã biến chuyển. Trong cuộc họp này, các đồng chí đã quyết định củng cố cho được các chi bộ, phát triển đảng viên và tiến hành giáo dục, lãnh đạo tư tưởng, cũng như đề ra các phương pháp chống khủng bố. Về tổ chức quần chúng, các đồng chí chủ trương thành lập các đoàn thể công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên phản đế và những tổ chức biến tướng khác cho phù hợp với tình hình mới. Tổ chức nào bị lộ thì không sinh hoạt nữa, không giải tán các tổ chức hợp pháp nhưng phải hoạt động khéo léo để tránh sự

khủng bố của địch. Vấn đề liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ và Trung ương Đảng cũng được đặt ra ở cuộc họp này.

Trên cơ sở thống nhất quan điểm và phương thức hoạt động, cộng với các chi bộ đảng đã được chấp nối, Phủ ủy Tam Kỳ được củng cố lại. Đồng chí Võ Chí Công được cử làm *Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ* và được phân công trực tiếp phụ trách các phủ, huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, Hội An, Thăng Bình và nhà lao Hội An. Hội nghị quyết định giao Phủ ủy Tam Kỳ đứng ra đảm nhiệm việc bắt liên lạc với các phủ, huyện khác để lập lại Ban Tỉnh ủy lâm thời ở Quảng Nam. Nắm vững được những chủ trương mới của Đảng, đồng chí Võ Chí Công và Phủ ủy Tam Kỳ vững tâm tiếp tục hoạt động bằng những phương thức mới phù hợp với tình hình thực tế lúc bấy giờ.

Sau hội nghị, đồng chí Võ Chí Công đi Hội An gặp đồng chí Hứa Nhung tại hiệu may Năm Đảm. Đồng chí Hứa Nhung giới thiệu Võ Chí Công gặp đồng chí Xý ở nhà lao Hội An để nhận những tài liệu của các đồng chí trong lao viết đưa ra¹. Những tài liệu này cho biết các cơ sở còn lại ở các phủ, huyện, một số tình hình mà các đồng chí trong nhà lao biết được và những ý kiến tham gia vào các hoạt động bên ngoài. Đồng chí Võ Chí Công cũng báo cáo tình hình và chủ trương hoạt động bên ngoài cho các đồng chí trong nhà lao Hội An biết.

1. Đồng chí Xý mỗi khi ra làm khổ dịch ở ngoài, đã chuyển tài liệu cho đồng chí Võ Chí Công.

Năm được thông tin cần thiết do đồng chí Hứa Nhung giới thiệu, đồng chí Võ Chí Công đến gặp đồng chí Võ Huyền, nguyên là Thường vụ Phủ ủy Điện Bàn (ở Đông Quan), để trao đổi về những vấn đề đã quyết định của Phủ ủy Tam Kỳ và mời đồng chí Võ Huyền vào Ban liên lạc tỉnh. Sau đó, đồng chí đi Duy Xuyên gặp đồng chí Huỳnh Cự, một cán bộ chủ chốt ở Duy Xuyên, và một số đồng chí khác ở Trà Kiệu. Đồng chí Võ Chí Công trao đổi với đồng chí Huỳnh Cự nội dung như đã bàn với đồng chí Võ Huyền, đồng thời đề nghị đồng chí Huỳnh Cự tham gia Ban liên lạc của tỉnh.

Cuộc họp giữa đồng chí Võ Chí Công với các đồng chí Huỳnh Cự, Võ Huyền bàn thành lập Ban liên lạc tỉnh được tiến hành tại Trà Kiệu. Các đồng chí dự họp đã cử đồng chí Võ Chí Công làm Trưởng ban liên lạc của tỉnh. Cuộc họp cũng truyền đạt nội dung của hội nghị ở phủ Tam Kỳ và phân công đồng chí Võ Huyền chịu trách nhiệm hoạt động ở Điện Bàn, đồng thời bắt liên lạc và xây dựng cơ sở của Đảng ở huyện Hòa Vang; đồng chí Huỳnh Cự phụ trách Duy Xuyên. Như vậy, Ban liên lạc của tỉnh do đồng chí Võ Chí Công làm Trưởng ban làm nhiệm vụ của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam.

Đồng chí Võ Chí Công đề nghị đồng chí Nguyễn Thường ra hoạt động ở khu vực Cẩm Phô, Cẩm Tú ở huyện Thăng Bình và đề nghị đồng chí giúp cho tỉnh về công tác huấn luyện. Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ,

vì có quen và hoạt động với một số người như thầy giáo Dân, Khiêm (ở Cẩm Tú, Cẩm Phô), thầy giáo Tạo (ở Bình Sa, Thăng Bình), nên đồng chí Võ Chí Công đưa đồng chí Nguyễn Thuởng ra Thăng Bình để giới thiệu với các đồng chí ở địa phương này. Đồng chí cũng nói rõ với đồng chí Nguyễn Thuởng đặc điểm của khu vực Thăng Bình phải hoạt động khác các địa phương khác, vì ở đây đã cải lương lương tục và những người hoạt động ở khu vực này là những người có địa vị trong phủ (như ông Nghè Châu là nhà nho yêu nước có tiếng, Phó Hiến, Giáo Khiêu, Giáo Dân...). Trong số này, nhiều người rất hăng hái hoạt động và lôi kéo được quần chúng tham gia rất sôi nổi nhưng dễ bị lộ và dễ bị khủng bố, nên cần phải hướng dẫn chuyển công tác vào hoạt động bí mật, kín đáo, khéo léo để giữ vững phong trào cách mạng...

Thực hiện nhiệm vụ bắt liên lạc với cấp trên, theo sự giới thiệu của đồng chí Nguyễn Thuởng, đồng chí Võ Chí Công bí mật đi Huế tìm gặp cơ sở để bắt liên lạc với Xứ ủy nhằm báo cáo tình hình và xin chủ trương. Ra tới Huế, mặc dù đã mấy lần đến cơ sở được giới thiệu, nhưng đồng chí cũng không bắt liên lạc được với Xứ ủy. Tuy vậy, đồng chí cũng liên lạc được với Đảng bộ Thừa Thiên, nhưng Đảng bộ Thừa Thiên cũng không liên lạc được với Xứ ủy. Trong hoàn cảnh như vậy, việc bắt liên lạc với Xứ ủy trở nên rất khó khăn, hơn nữa, là cán bộ thoát ly, bị địch truy nã từ

lâu rất dễ bị bắt và công việc ở Quảng Nam còn nhiều việc phải giải quyết, đồng chí Võ Chí Công quyết định trở về Quảng Nam.

Đầu tháng 3-1940, không chờ chỉ đạo của Xứ ủy, để có bộ máy lãnh đạo cấp tỉnh nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng, đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Võ Huyền, Huỳnh Cự, Khưu Thúc Cự tiến hành họp để quyết định thành lập Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam.

Tại cuộc họp này, về tổ chức, đồng chí Võ Chí Công giới thiệu đồng chí Khưu Thúc Cự làm Bí thư lâm thời vì đồng chí Cự nhiều tuổi hơn Võ Chí Công (hơn 5 - 6 tuổi), có học thức (đã học Trường Quốc học Huế, do bãi khoá nên bị đuổi), lại vào Đảng sớm hơn. Nhưng các đồng chí dự họp kiên quyết đề nghị Võ Chí Công làm Bí thư lâm thời. Đồng chí Võ Chí Công nhận nhiệm vụ của *Bí thư Tỉnh ủy lâm thời*; đồng chí Lê Tấn Sửu thực hiện nhiệm vụ của Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ thay đồng chí Võ Chí Công.

Từ tháng 3 đến cuối năm 1940, do chưa chuyển kịp cách thức hoạt động, ở Điện Bàn vẫn tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ (8-3), Phủ ủy Tam Kỳ tổ chức mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế lao động (1-5) và thanh niên Tam Kỳ tổ chức đám cưới lại trưng khẩu hiệu mang dòng chữ “Chung tay tát cạn Biển Đông”. Ở huyện Thăng Bình và huyện Quế Sơn, thanh niên tự tổ chức đốt hàng chục miếu thờ để bài trừ mê tín, dị đoan... Các

hoạt động bị lộ, địch đã tiến hành một số vụ bắt bớ làm mất một số đảng viên và phá vỡ nhiều cơ sở đảng. Tháng 6-1940, đồng chí Nguyễn Thường và một số đồng chí lãnh đạo khác ở huyện Thăng Bình bị địch bắt. Các đồng chí do Xứ ủy phái vào Quảng Nam như Hoàng Thị Ái, Nguyễn Đức Dương, Hoàng Thị Tiến cũng bị bắt ở Đà Nẵng¹. Tình hình đó đã gây tổn thất cho Đảng và cách mạng, nhưng về tư tưởng, quần chúng thấy Đảng và cách mạng vẫn luôn tồn tại và phát triển.

Sau khoảng một năm mất liên lạc với cấp trên, dự đoán tình hình quốc tế và trong nước biến chuyển lớn, mặc dù đã nắm được phần nào chủ trương của Trung ương Đảng qua ý kiến của đồng chí Nguyễn Thường, nhưng thấy không còn cách nào khác nên đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam bên cạnh việc tìm mọi cách bắt liên lạc với Xứ ủy, vẫn tiếp tục hoạt động theo sự hiểu biết của mình.

Tháng 8-1940, đi công tác ở huyện Duy Xuyên, đồng chí Võ Chí Công bất ngờ gặp đồng chí Hồ Ty - một cán bộ được Xứ ủy Trung Kỳ phái vào Quảng Nam hoạt động². Được biết đồng chí Hồ Ty là phái viên của Xứ ủy vào tăng

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 -1975)*, Sdd, tr. 153.

2. Xứ ủy Trung Kỳ phái vào Quảng Nam các đồng chí: Hồ Ty, Lê Chuông, Hoàng Thị Ái, Nguyễn Đức Dương, Nguyễn Thị Nậu, Nguyễn Thị Tiến.

cường truyền đạt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nên tuy chưa quen biết nhau, nhưng Võ Chí Công rất mừng vì đã liên lạc được với Xứ ủy để nắm vững chủ trương chung của Đảng, tránh được các hoạt động theo suy nghĩ chủ quan. Sau khi trao đổi những nhiệm vụ mới quan trọng, hai đồng chí thống nhất cần tiến hành Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam (mở rộng) bàn về nội dung, phương pháp hoạt động trong tình hình mới cũng như xác định địa điểm họp hội nghị...

Thời điểm này, về căn bản, Phủ ủy Tam Kỳ, Điện Bàn, Duy Xuyên đã được củng cố. Ở Tam Kỳ xây dựng được 9 chi bộ, Điện Bàn: 1 chi bộ, Quế Sơn: 2 chi bộ, Hội An: 2 chi bộ, tổng số có gần 70 đảng viên. Thăng Bình có 2 chi bộ với 8 đảng viên¹. Tình hình đó đảm bảo cho việc tổ chức Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam mở rộng theo dự kiến của đồng chí Hồ Ty và Võ Chí Công.

Tháng 10-1940, Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam (mở rộng) được tiến hành tại chùa Hang, xã Tam Nghĩa, phủ Tam Kỳ. Dự hội nghị có các đồng chí trong Tỉnh ủy lâm thời, đại biểu của 8 phủ, huyện của Quảng Nam và các đồng chí Hồ Ty, Trương An, đại biểu của Xứ ủy Trung Kỳ.

Hội nghị nghe báo cáo kiểm điểm tình hình và đã đánh giá cao những cố gắng phục hồi tổ chức cơ sở đảng

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 152 - 153.

và cơ sở quân chúng cách mạng ở các phủ, huyện. Hội nghị tập trung thảo luận quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 11-1939) về chuyển hướng chỉ đạo thực hiện đường lối và tổ chức cho phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế đã thay đổi. Đồng thời, Hội nghị cũng thảo luận chỉ thị của Xứ ủy về việc hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ có thể nổ ra.

Qua thảo luận, Hội nghị xác định ở Quảng Nam không đủ điều kiện để hưởng ứng khởi nghĩa Nam Kỳ bằng một cuộc khởi nghĩa trong tỉnh, mà chỉ có thể hưởng ứng với mức độ như rải truyền đơn, phá đường cản trở dịch chuyển quân đến đàn áp cuộc khởi nghĩa. Hội nghị cũng thống nhất việc tiếp tục nhiệm vụ củng cố và phát triển Đảng, xây dựng chi bộ, củng cố các huyện ủy, tổ chức các hội phản đế và thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân, thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế ở Quảng Nam và việc tiến hành giáo dục đường lối, chủ trương, công tác cách mạng cho đảng viên, quân chúng trong các tổ chức. Trước tình hình mới, Hội nghị quyết định ra tờ báo *Khởi nghĩa* để làm phương tiện tuyên truyền của Đảng bộ tỉnh.

Hội nghị đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam chính thức gồm năm đồng chí: Hồ Ty, Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim, Trương An, Huỳnh Cự. Đồng chí Hồ Ty làm Bí thư. Đồng chí Võ Chí Công được phân công trực tiếp phụ trách huyện Tam Kỳ và Tiên Phước.

Hội nghị ở Chùa Hang có ý nghĩa như một đại hội của Đảng bộ Quảng Nam¹, đánh dấu bước chuyển căn bản về nhận thức đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng bộ và đi vào thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị những điều kiện cần thiết hướng tới khởi nghĩa giành chính quyền theo chủ trương chung của toàn Đảng.

Sau hội nghị ở Chùa Hang, đồng chí Võ Chí Công ở lại hoạt động ở Tam Kỳ theo sự phân công của Tỉnh ủy Quảng Nam.

Theo chỉ thị của Xứ ủy Trung Kỳ, đồng chí Hồ Tỵ đi bắt liên lạc với các tỉnh phía Nam nên đã giao cho đồng chí Võ Chí Công phụ trách công việc chung của Tỉnh ủy. Nhưng đến Quảng Ngãi, đồng chí Hồ Tỵ bị địch bắt cùng với người liên lạc của Chi bộ Thanh Khê. Chi bộ Thanh Khê bị vỡ. Một đại biểu Hòa Vang cũng bị bắt, do không chịu nổi đòn roi đã khai báo, nên địch biết rõ về hội nghị ở Chùa Hang. Chúng tiến hành khủng bố dữ dội, truy khắp nơi để lùng bắt các đồng chí trong Tỉnh ủy và bắt các cơ sở liên quan đến việc tổ chức hội nghị ở Chùa Hang. Tình hình lại trở nên rất khó khăn đối với Đảng bộ Quảng Nam cũng như Tỉnh ủy và đồng chí Võ Chí Công².

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 155.

2. Qua vụ bắt bố này, các chi bộ ở Hòa Vang, Đà Nẵng bị vỡ. Pháp bắt 28 người đem ra giam ở Hỏa Lò, Hà Nội (Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 155).

Nhanh chóng nhận biết tình hình khó khăn đó, để bảo đảm an toàn cho Tỉnh ủy, đồng chí Võ Chí Công bàn với đồng chí Nguyễn Sắc Kim đi vào Nam Tam Kỳ gặp đồng chí Lê Tấn Sửu - Bí thư Phủ ủy - và các đồng chí trong Phủ ủy bàn việc củng cố Phủ ủy và phân nhau đi củng cố các chi bộ và chống khủng bố của địch...

Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ ở Nam Tam Kỳ, hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim quyết định đi tới xã Tam Thanh vì ở đây có đảng viên là bạn thân¹ của đồng chí Võ Chí Công và có quần chúng tốt, ủng hộ cách mạng nên có điều kiện tránh được sự truy nã của địch.

Địch tập trung truy nã khắp nơi để bắt các đồng chí Nguyễn Sắc Kim và Võ Chí Công. Bởi vậy, hai đồng chí chỉ ở xã Tam Thanh một thời gian ngắn rồi bí mật đi bằng thuyền đến Bến Đá, xã Bình Sa, huyện Thăng Bình.

Đến khu vực chợ Bến Đá, đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí cùng đi vào ở nhà ông Tú Phùng, một nhà nho yêu nước, là người quen thân từ trước với ông Võ Dương và Võ Chí Công. Đồng chí Võ Chí Công ở lại đây một ngày, một đêm.

Hôm sau, đồng chí Võ Chí Công chuyển đến ở nhà Bí thư chi bộ xã Bình Sa (đồng chí Tạo, tức Giáo Long), vì xã này có chi bộ vững, nắm gần hết quần chúng, có điều kiện bảo vệ an toàn. Tuy là xã đồng bằng dưới quốc lộ nhưng

1. Gia đình đồng chí Lê Đạn (tức Lê Huy Lưu), là đảng viên và là bạn thân của đồng chí Võ Chí Công, gia đình có truyền thống cách mạng.

địa thế Bình Sa rất cơ động, kín đáo, an toàn và từ đây có thể liên lạc đến được nhiều nơi rất thuận lợi.

Đồng chí Võ Chí Công và cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam ở Bình Sa một thời gian để lãnh đạo các địa phương, đồng thời tiến hành củng cố một số chi bộ và xây dựng phong trào cách mạng ở một số xã vùng này. Tại đây, đồng chí đã mời một số người quen biết cũ, có cảm tình đảng lúc hoạt động công khai (1936 - 1939) để bàn việc lập một tổ chức nòng cốt hoạt động ở các xã nhằm tiến đến lập chi bộ. Đồng thời, đồng chí cũng cho bắt liên lạc với các cơ sở cũ ở chợ Được, Cẩm Phổ, chợ Hà Lam, Thăng Bình, nhằm lập những tổ chức nòng cốt để hoạt động.

Sau một thời gian hoạt động ở Bình Sa, tình hình cách mạng ở Thăng Bình có tiến bộ rõ rệt, hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim bàn việc di chuyển cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam ra huyện Quế Sơn.

Đồng chí Võ Chí Công và Tỉnh ủy Quảng Nam chọn Quế Sơn vì đây là nơi địa lợi, nhân hoà cho mọi hoạt động của cơ quan tỉnh¹. Nhân dân ở đây chủ yếu là

1. Quế Sơn là huyện trung du, có xã Lộc Đại có đồng ruộng tốt; phía đông là xã Nghi Sơn với nhiều đồi tranh, đi đến đường xe lửa khoảng 8 - 9km; dưới đường xe lửa là một vùng đồng bằng, dân cư đông đúc, nơi có truyền thống cách mạng; về phía nam cách xã Đại Lộc khoảng 9 - 10km là tỉnh lộ từ quốc lộ 1 đến huyện Quế Sơn; về phía tây là các làng xã ở trên gò, dưới là ruộng xen kẽ nhau; phía bắc, cách khoảng 2 - 3km có vùng núi thấp, cây cối rậm rạp đến các xã Phú Nham, Trà Kiệu thuộc huyện Duy Xuyên. Từ Nghi Sơn đi đến các nơi thuận lợi. Nếu địch lùng sục thì chuyển qua, chuyển lại trong các xã, hoặc rút lên núi.

nông dân chất phác, phần lớn đã được giác ngộ cách mạng, những người còn lại cần cù làm ăn, không làm lộ bí mật. Nhiều hương lý ở địa phương cũng tham gia hoặc có cảm tình với cách mạng.

Lúc này, trên thực tế, các đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim đi đến đâu coi như cơ quan Tỉnh ủy chuyển đến đó. Bởi vậy, sau khi chuyển tới Quế Sơn, đồng chí Võ Chí Công họp Tỉnh ủy gồm các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Huỳnh Cự, Trương An tại nhà đồng chí Đoàn Sơ (tức Sửu)¹ ở Ba Nghi - Lộc Đại². Cuộc họp đã kiểm điểm tình hình địch, ta và đề ra nhiệm vụ công tác sắp đến, nhất là về nơi đóng cơ quan Tỉnh ủy lâu dài, ra báo (theo quyết định từ Hội nghị Chùa Hang) và đi liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ.

Tại Quế Sơn, đồng chí Võ Chí Công và Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định bắt đầu ra báo *Cứu quốc* của Tỉnh ủy, mỗi số in trên 300 bản. Đây là công việc rất khó khăn vì các đồng chí phải vừa viết bài, tiến hành in bằng bản đá và trực tiếp đi phát hành. Tuy có giao thông phát hành báo, nhưng khi đi công tác, đồng chí Võ Chí Công cũng mang báo đi phân phát cho các phủ, huyện. Tờ báo có tác dụng rất lớn. Nhờ đọc báo, đảng

1. Đồng chí Sơ là Bí thư chi bộ xã, sau này có thời gian là Tỉnh ủy viên tỉnh Khánh Hòa. Cả gia đình đồng chí có tình cảm sâu sắc với cán bộ cách mạng.

2. Ba Nghi là Nghi Sơn, Nghi Trung, Nghi Hạ và xã Lộc Đại, huyện Quế Sơn. Đồng chí Võ Chí Công chủ yếu ở tại nhà của đồng chí Đoàn Sơ.

viên và quần chúng cách mạng biết được đường lối, chủ trương của Đảng nên càng phấn khởi và tin tưởng.

Vừa di chuyển tránh sự truy nã của địch, vừa lãnh đạo hoạt động nên mặc dù địch khủng bố gắt gao sau khởi nghĩa Nam Kỳ, nhưng đồng chí Võ Chí Công và Tỉnh ủy Quảng Nam vẫn duy trì và phát triển phong trào cách mạng ở Quảng Nam. Cũng chính trong thời gian này, đồng chí đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong tổ chức lãnh đạo cách mạng, xây dựng nơi đứng chân của Tỉnh ủy, nhất là vào những lúc phải tự quyết định mọi mặt khi mất liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ và Trung ương Đảng.

Tháng 7-1941, sau một thời gian từ Quế Sơn lãnh đạo đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các địa phương, đồng chí Võ Chí Công và các tỉnh ủy viên đã họp phân công nhau đi kiểm tra, củng cố và phát triển phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh Quảng Nam. Hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim đi về Tam Kỳ, đồng chí Huỳnh Cự đi phụ trách Duy Xuyên, Đại Lộc; đồng chí Trương An đi xây dựng các chi bộ ở Điện Bàn, Hòa Vang và tiến hành việc liên lạc ra Đà Nẵng để tìm Xứ ủy Trung Kỳ. Qua đợt hoạt động này, phong trào cách mạng Quảng Nam đã ổn định và phát triển một bước, nhưng vẫn chưa liên lạc được với Xứ ủy Trung Kỳ.

Để bắt liên lạc với Xứ ủy Trung Kỳ, từ Điện Bàn, đồng chí Trương An đi Huế và sau đó ra Quảng Trị. Tại đây, biết được các đồng chí trong Xứ ủy Trung Kỳ đã bị địch bắt, đồng chí Trương An ra Hà Nội để liên lạc với

Trung ương Đảng. Tối Hà Nội, đồng chí bắt liên lạc và gặp được đồng chí Hoàng Văn Thụ, Thường vụ Trung ương Đảng, tại làng Chèm. Sau khi đồng chí Trương An báo cáo về tình hình Quảng Nam và Xứ ủy Trung Kỳ, đồng chí Hoàng Văn Thụ thông báo với đồng chí Trương An về nội dung của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng và chỉ thị phải tiến hành lập lại Xứ ủy Trung Kỳ.

Tháng 10-1941, chấp hành chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Chuông vào Quảng Nam tổ chức Hội nghị tái thành lập Xứ ủy Trung Kỳ. Xứ ủy Trung Kỳ được thành lập gồm có các đồng chí: Lê Chuông, Trương An, Trương Hoàn, Võ Chí Công. Đồng chí Lê Chuông làm Bí thư Xứ ủy¹. Cơ quan Xứ ủy đóng tại La Thọ, Điện Bàn, Quảng Nam. Là Ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ, đồng chí Võ Chí Công đảm nhiệm công tác mới trên phạm vi địa bàn hoạt động vượt khỏi tỉnh Quảng Nam.

Tháng 10-1941, sau Hội nghị tái thành lập Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy Quảng Nam tiến hành họp hội nghị tại huyện Quế Sơn. Hội nghị đã nghe và quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 do Xứ ủy Trung Kỳ trực tiếp

1. Có tài liệu viết: Xứ ủy Trung Kỳ được 3 đồng chí Trương An (Trương Văn An), Lê Chuông, Trương Hoàn họp với nhau tại cơ quan Tỉnh ủy Quảng Trị (Gia Đăng, Triệu Phong, Quảng Trị) lập lại Xứ ủy Trung Kỳ do đồng chí Lê Chuông (ủy viên Xứ ủy cũ) làm Bí thư. Do phong trào Bắc Trung Kỳ lúc này bị đánh phá, nên Xứ ủy chuyển cơ quan vào La Thọ.

truyền đạt và quyết định một số nhiệm vụ trong việc triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng¹.

Theo quyết định của Xứ ủy, Hội nghị tiến hành củng cố lại Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam và quyết định Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Nam gồm có các đồng chí: Trương Hoàn, Võ Chí Công, Nguyễn Sắc Kim. Đồng chí Trương Hoàn làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam².

1. Đó là: 1) Phổ biến sâu rộng Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đến tận cơ sở, làm cho quần chúng nắm được chương trình của Mặt trận Việt Minh, điều lệ của các đoàn thể cứu quốc, nghe bức thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, qua đó phát động phong trào cứu quốc rộng rãi, sôi nổi trong toàn tỉnh. 2) Củng cố tổ chức đảng từ phủ, huyện đến tận cơ sở, đẩy mạnh phát triển đảng viên, xây dựng chi bộ đảm bảo lãnh đạo quần chúng hoàn thành nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Đặc biệt chú trọng xây dựng cơ sở ở thành phố Đà Nẵng. 3) Chuyển tất cả các tổ chức quần chúng phản đế và chưa phản đế thành các đoàn thể cứu quốc, tuyên truyền điều lệ, phát triển hội viên. 4) Mở rộng Mặt trận Việt Minh (...). Xây dựng các đội tự vệ, luyện tập quân sự, rèn sấm vũ khí, xúc tiến việc lập các chiến khu, chuẩn bị các điều kiện đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. 5) Kết hợp mục tiêu giải phóng dân tộc với việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành các quyền lợi đời sống hàng ngày như chống khủng bố, cướp bóc, chống mua quốc trái, lạc quyền, bắt xấu, bắt lính... (Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sdd, tr. 159).

2. Sau đó bổ sung đồng chí Ngô Diên và Trương Kiểm (tức Trương Chí Cương).

Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam lần này đánh dấu bước chuyển quan trọng về nhận thức, tổ chức và hoạt động của Đảng bộ Quảng Nam đúng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Nhờ nắm bắt được chủ trương, đường lối mới của Đảng, qua các tài liệu của Mặt trận Việt Minh và thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, phong trào cách mạng ở Quảng Nam phát triển. Cơ quan đảng có đầy đủ ở các phủ, huyện. Báo *Cứu quốc*, báo *Dân tộc* mỗi loại in 400 - 500 bản, phân phối đi các nơi vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu. Nhờ vậy, các tầng lớp quần chúng tích cực tham gia phong trào cứu nước, phong trào cách mạng ở Quảng Nam phát triển khá nhanh. Nhiều cuộc mít tinh đã diễn ra ở Lộc Đại, Quế Sơn thu hút hàng trăm quần chúng đến dự để nghe nói về tình hình, đường lối, chủ trương của Đảng và nghe hát các bài hát cách mạng kêu gọi cứu nước.

Là Xứ ủy viên, đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí Lê Chuông, Trương Hoàn và cơ quan Xứ ủy đóng ở Điện Bàn, Quảng Nam¹. Để thúc đẩy phong trào, các đồng chí Lê Chuông, Trương Hoàn, Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim đã họp bàn về công tác đẩy mạnh phong trào các tỉnh ở miền Trung, tìm cách bắt liên lạc, đưa cán bộ đi gây cơ sở ở các tỉnh, nhất là các tỉnh phía Nam.

Tháng 2-1942, Xứ ủy Trung Kỳ quyết định thành lập chi bộ đặc biệt, dưới hình thức đi làm ăn, để đưa vào

1. Đồng chí Trương An lúc này ra công tác và bị địch bắt ở Nghệ An năm 1942.

hoạt động ở các tỉnh phía Nam. Khi bắt được liên lạc với Quảng Ngãi, đồng chí Trương Hoàn vào công tác ở đây. Sau hội nghị, theo phân công, đồng chí Võ Chí Công cũng liên tục đi công tác tới các huyện ở Quảng Nam trong một thời gian dài¹.

Từ tháng 2 đến tháng 3-1942, trước sự phát triển khá rầm rộ của phong trào cách mạng ở Quảng Nam, địch tiến hành khủng bố rất ác liệt, bắt bớ tràn lan, tổ chức đảng bị phá vỡ ở nhiều nơi. Hơn bốn ngàn đảng viên, cán bộ và cơ sở trong tỉnh Quảng Nam bị bắt, trong đó phải chịu án tù là 819 người. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam có 5 đồng chí, bị địch bắt 3 người. Nhiều xứ ủy viên cũng bị bắt. Xứ ủy Trung Kỳ chỉ còn đồng chí Võ Chí Công ở Quảng Nam. Đồng chí Trương An hoạt động ở Nghệ An đã bị địch bắt, không liên lạc được.

Trước tình hình đó, các đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim bàn bạc tạm lánh vào phía Nam vừa để hoạt động gây cơ sở, vừa tiến hành tìm cách bắt liên lạc với Trung ương Đảng bằng cách thông qua các đồng chí quen biết đang hoạt động ở Sài Gòn, để từ đó liên lạc với Trung ương khi có điều kiện.

Trước khi đi vào phía Nam, hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim đi xuống các phủ, huyện lãnh

1. Do hoạt động bí mật và luôn phải vắng nhà nhiều ngày, nhất là từ sau khi đồng chí Võ Chí Công thoát ly hoạt động, hạnh phúc gia đình tan vỡ. Mặc dù đã có một con gái là Võ Thị Nghĩa (sinh năm 1938) nhưng gia đình và tổ chức đảng phải quyết định cho đồng chí ly dị vợ vào khoảng thời gian này (1942).

đạo công tác chống khủng bố, củng cố tinh thần và chỉ đạo những việc cần thiết cho các chi bộ, đảng viên và các tổ chức quần chúng còn lại.

Dự định đi từ Trung Kỳ vào Nam Kỳ không thực hiện được vì không có thể căn cước¹, nên hai đồng chí phải đi Phan Thiết để gây dựng cơ sở cách mạng. Tới Phan Thiết, hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim tìm đến nhà anh Tý, người làm nghề buôn bán, quê ở Duy Xuyên (Quảng Nam), có cha là cơ sở cách mạng mà các đồng chí thường đến ở nhà ông. Sau khi nghe đồng chí Võ Chí Công nói rõ tình hình, anh đồng ý tạo điều kiện cho hai đồng chí ở lại nhà để hoạt động.

Để sinh sống và che mắt địch, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Nguyễn Sắc Kim phải đi tìm việc làm. Sau ít ngày tìm kiếm, Võ Chí Công xin vào làm công cho hiệu mua giày của Nhật². Cơ sở này không bị địch để ý nên khá an toàn. Công việc hằng ngày là ghi chép việc mua giày nên ban ngày đến nơi làm việc, buổi tối Võ Chí Công có thời gian và điều kiện hoạt động cách mạng. Tại nơi làm việc, đồng chí giác ngộ được một thanh niên tốt thành cơ sở cách mạng và che chở cho đồng chí hoạt động. Sau đó, từng bước, hai đồng chí đã xây dựng ở Phan Thiết một chi bộ và tổ chức được một số tổ quần chúng cách mạng.

1. Lúc này đi lại từ Trung Kỳ vào Nam Kỳ phải có thể căn cước.

2. Đồng chí Nguyễn Sắc Kim xin làm thợ mộc ở một cơ sở khác.

Đã có chỗ đứng chân vững để hoạt động, đồng chí Võ Chí Công tìm cách liên lạc về Quảng Nam để chỉ đạo và theo dõi tình hình. Mặt khác, hai đồng chí phân công nhau mở rộng hoạt động. Đồng chí Nguyễn Sắc Kim, ngoài hoạt động ở Phan Thiết, còn ra Phan Rí gây cơ sở và tìm cách vào Sài Gòn tìm những đồng chí người Quảng Nam để qua đó liên lạc với Xứ ủy Nam Kỳ. Đồng chí Võ Chí Công ra Nha Trang và sau đó lên Đà Lạt hoạt động.

Trong trang phục kiểu công chức, Võ Chí Công đi Nha Trang bằng xe lửa. Đến Nha Trang, đồng chí vào một nhà trọ nhưng bất ngờ bị mật thám tới kiểm soát nhà. Thấy tình huống nguy hiểm, Võ Chí Công trốn vào nhà vệ sinh giấu tài liệu và thoát được. Sáng hôm sau, đồng chí đi tìm một phụ nữ, đã từng là cơ sở cách mạng ở Tam Kỳ vào Nha Trang làm ăn với chồng. Được sự giúp đỡ của cơ sở này, Võ Chí Công gây dựng và thành lập được một tổ cơ sở cách mạng tin cậy tại Nha Trang.

Từ Nha Trang, đồng chí Võ Chí Công vào Phan Rang bằng xe lửa rồi đi lên Đà Lạt. Đến Đà Lạt, đồng chí đi tìm một người quen, nhưng không thấy, đành phải vào một quán trọ ở ba ngày trong cái rét lạnh vì không quen với thời tiết ở đây và thiếu quần áo ấm.

Nhưng trong thời gian này, đồng chí Võ Chí Công tìm hiểu và biết được Cầu Đất (cách Đà Lạt hơn 10km) là khu vực có đồn điền chè, cơ sở khai thác gỗ thông tập trung nhiều công nhân nên đi tới đây tìm việc làm để che mắt địch và hoạt động. Tới Cầu Đất, tìm vào một

xóm công nhân làm nghề đốn cây, xẻ gỗ, đồng chí gặp được nhiều người quê ở Quảng Nam. Những người lao động xa xứ dễ làm quen, nên Võ Chí Công nhanh chóng kết thân và thuyết phục những người thợ cho đi xẻ gỗ cùng. Không quen việc nên phải cố gắng nhiều hơn, nhưng do sức khỏe yếu, chỉ làm được ít ngày rồi những người thợ cho đồng chí ở nhà lo việc nấu ăn. Nhưng nấu ăn cũng không quen, đồng chí chuyển sang dạy học cho các con của công nhân ở đây và bắt đầu tiến hành vận động, tuyên truyền cách mạng.

Sau một tháng, từ tuyên truyền giác ngộ cách mạng được một công nhân, Võ Chí Công đã tổ chức được một tổ gồm năm người. Khi tuyên truyền giác ngộ được 20 người, đồng chí chia thành 4 tổ và chọn ba người khá nhất lập Ban chỉ đạo hoạt động.

Sau ba tháng vừa tránh khủng bố của địch, vừa hoạt động ở Nam Trung Kỳ, các đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim trở về Quảng Nam¹. Đi tới đâu, hai đồng chí cũng được cơ sở nuôi giấu, che chở².

1. Về Quảng Nam, đồng chí Võ Chí Công tiếp tục cho người vào các địa phương nói trên để liên lạc với các tổ chức cách mạng đã xây dựng được.

2. Việc đi từ ga Nha Trang đến ga Đà Nẵng được sự giúp đỡ của cơ sở cách mạng là ê kíp lái xe và thợ lò. Lúc vào Nha Trang cũng như lúc đi ra, hai đồng chí được cơ sở hướng dẫn: khi tàu dừng lại thì lên nơi chứa than của đầu máy là an toàn; lúc đi ra không xuống ga Đà Nẵng mà xuống ga Kỳ Lam sẽ an toàn hơn...

Tháng 6-1942, Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Hội An tổ chức Hội nghị liên tịch quyết định thành lập Ban Chấp hành Liên Thành, Tỉnh ủy Quảng Nam - Hội An - Đà Nẵng, đồng chí Võ Chí Công được cử làm Bí thư¹.

Sau Hội nghị, các đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim tìm cách liên lạc ngay với các phủ, huyện và chuẩn bị cho cuộc họp thành lập Ủy ban vận động Việt Minh gồm cả Quảng Nam, Hội An, Đà Nẵng. Hội nghị cử đồng chí Võ Chí Công làm Trưởng ủy ban để phát triển thực lực và mở rộng hoạt động ra toàn tỉnh.

Tháng 12-1942, Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam (mở rộng) họp ở Hội An, chủ trương khôi phục tổ chức đảng, thành lập các phủ, huyện ủy ở những nơi chưa có; thảo luận kế hoạch hoạt động trong toàn tỉnh cũng như việc tuyên truyền, tổ chức phát triển rộng rãi Mặt trận Việt Minh và đào tạo cán bộ. Hội nghị quyết định cử ra Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam thay cho Ban Chấp hành Liên Thành, Tỉnh ủy Quảng Nam - Hội An - Đà Nẵng. Hội nghị cử đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư Tỉnh ủy.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, việc chuẩn bị lực lượng vũ trang được đặt thành một vấn đề quan trọng, nên Hội nghị chủ trương tiến hành tổ chức tự vệ, chế tạo vũ

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)*, Sđd, tr. 169.

khí, lập chiến khu từ Phú Nham sang Ba Nghi - Lộc Đại đến Trung Phước, phát triển lên Tiên Phước, ra Tây Duy Xuyên đến Đại Lộc, lên Bến Giằng. Đồng thời, Hội nghị cũng chủ trương phát hành vé xổ số cứu quốc để có tài chính hoạt động và quyết định Đà Nẵng, Hội An, Quảng Nam thống nhất như cũ.

Sau Hội nghị, nhờ có sự chỉ đạo tập trung thống nhất, phong trào cách mạng Quảng Nam phát triển đều khắp sau thời gian bị địch đàn áp dữ dội. Những nơi trước đó phong trào còn yếu như Hội An, Tiên Phước, Đà Nẵng, Hoà Vang đã phát triển dần. Duy Xuyên trở thành địa phương có phong trào cách mạng mạnh nhất. Ở Đà Nẵng, phong trào phát triển mạnh vào các trường học... Thời gian này, phong trào cách mạng ở Quảng Nam phát triển đều khắp và mạnh nhất Trung Kỳ.

Từ kết quả trên, đồng chí Võ Chí Công và Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định lấy Quảng Nam làm địa bàn để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ mở rộng hoạt động vào các tỉnh miền Nam Trung Kỳ và từ Huế trở ra. Nhờ vậy, sau Hội nghị ba, bốn tháng, các cơ sở từ Phú Yên đến Phan Thiết, Đà Lạt được mở rộng, phong trào cách mạng ở Trung Kỳ phát triển.

3. Tham gia lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám ở Quảng Nam

Tháng 3-1943, phát hiện được vé số cứu quốc ở huyện Duy Xuyên, địch mở hàng loạt cuộc vây ráp, bắt

bố khắp nơi để tìm nơi in vé số và đã phá vỡ nhiều cơ sở cách mạng trong tỉnh Quảng Nam. Riêng trong tháng 4-1943, chúng tiến hành 162 vụ, bắt hàng loạt đảng viên, cán bộ, quần chúng cách mạng vào tù. Thành ủy viên của Đà Nẵng và Hội An bị bắt gần hết. Tỉnh ủy phải rút cơ quan về đóng ở Tiên Phước.

Tại Tiên Phước, thấy tình hình trở nên nghiêm trọng do sự đàn áp của địch, đồng chí Võ Chí Công quyết định họp với các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Hàng, Phan Thị Nể để bàn cách đối phó với địch, giữ vững cơ sở và phong trào cách mạng. Cuộc họp đang tiến hành thì được tin báo cơ sở ở Duy Xuyên¹ bị vỡ, nên đồng chí Võ Chí Công phân công đồng chí Nguyễn Hàng và Phan Thị Nể về củng cố cơ sở, chống khủng bố rồi trở lại họp tiếp.

Cuộc họp tiếp tục diễn ra sau đó², bàn về vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, đào tạo cán bộ, phát triển thêm số cán bộ thoát ly, tiếp tục và tăng thêm số lượng tờ báo đã có... Hai giờ sáng, đang họp, phát hiện mật thám đến bao vây, hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim chạy thoát, đồng chí Phan Thị Nể bị địch bắt³.

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 171.

2. Cuộc họp thiếu đồng chí Nguyễn Hàng do về chậm.

3. Phát hiện địch, ba đồng chí chạy xuống bếp đẩy tấm phen mỏng, chạy thoát ra phía sau nhà. Đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim chạy thoát được. Đồng chí Phan Thị Nể không chạy kịp bị địch bắt.

Ra tới rừng, Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim bàn nhau đi Tam Kỳ, nhưng thấy cần phải nắm tình hình trước khi đi nên hai đồng chí quyết định nán lại trên đồi rừng tới sáng để tìm đến một nhà cơ sở. Tại đây, các đồng chí bàn bạc, dặn dò cơ sở việc bảo vệ lực lượng, chống khủng bố... và cho người đi đón đồng chí Nguyễn Hàng để khỏi bị địch bắt¹.

Làm việc với cơ sở xong, hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim đi xuống Tam Kỳ và lấy Tam Kỳ làm nơi Tỉnh ủy chỉ đạo các địa phương. Tại đây, hai đồng chí phân công nhau đi Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Hội An... gặp các phủ, huyện ủy để củng cố tinh thần và chỉ đạo hoạt động chống lại khủng bố của địch.

Tháng 6-1943, đồng chí Lê Bá và Cao Tiến Khai trốn khỏi căng an trí Trà Khê về liên lạc với cơ sở ở xã và tìm đến gặp đồng chí Võ Chí Công đang ở Vĩnh Đại (Tam Hiệp). Tin tưởng những người đã trốn tù ra, đồng chí Võ Chí Công mời đồng chí Lê Bá và Cao Tiến Khai ra Duy Xuyên. Mặc dù có nghi ngờ về thái độ thân Nhật của Cao Tiến Khai, không đưa Khai đến các nhà cơ sở, nhưng vì bị đứt liên lạc với cấp trên đã lâu và vì Khai nói biết được nhiều cơ sở ở các tỉnh Bắc Trung Kỳ có thể tìm được, nên Tỉnh ủy đồng ý để Cao Tiến Khai đi tìm Xứ ủy. Cao Tiến Khai đi một thời gian đã bị địch bắt

1. Do không liên lạc được, đồng chí Nguyễn Hàng cũng bị mật thám bắt.

nhưng lại thoát được và về thôn Tịch Tây bắt liên lạc với đồng chí Lê Bá. Hai người đến gặp đồng chí Võ Chí Công ở nhà một cơ sở gần ga An Tân.

Sau lần gặp này, đồng chí Võ Chí Công bị địch bắt¹.

Bọn mật thám tra khảo bắt đồng chí Võ Chí Công khai ra nơi ở của đồng chí Nguyễn Sắc Kim và Lê Bá. Mặc dù sử dụng tất cả mọi thủ đoạn tra tấn dã man nhưng chúng không lấy được bất kỳ một lời khai nào của đồng chí. Sau đó, chúng đưa Võ Chí Công vào giam ở phủ Tam Kỳ và sáng hôm sau đưa lên xe chở ra Hội An. Đồng chí bị giam vào xà lim kín, diện tích chưa đầy 2m², thiếu không khí, hôi thối nồng nặc, lại bị rệp cắn, muỗi đốt.

Vì hai đồng chí Nguyễn Sắc Kim và Lê Bá cũng bị bắt, nên Võ Chí Công khẳng định Cao Tiến Khai là chỉ điểm². Nhưng, đồng chí chỉ nhận vì thù oán cá nhân nên Cao Tiến Khai nói bậy.

1. Do đêm trước không ngủ được, nên đêm đó đồng chí Võ Chí Công ngủ rất say. Khi bọn mật thám Hội An chặn cây lên cổ, búng và chĩa súng vào người, đồng chí mới biết. Ngày hôm sau, Cao Tiến Khai gặp hai đồng chí Nguyễn Sắc Kim và Lê Bá ở Tam Kỳ. Không biết Khai là chỉ điểm, hai đồng chí theo Khai đi Đà Nẵng. Đang nghỉ ở một quán nước gần ga Nam Ô thì hai đồng chí cũng bị địch bắt.

2. Khi mật thám Hội An đưa một sơ đồ chỉ rõ Tỉnh ủy có những ai, người nào, ở đâu và có những cơ sở nào thì Võ Chí Công khẳng định Cao Tiến Khai là chỉ điểm đã báo cho chúng các việc hấn đã biết (dù chỉ biết một phần nhỏ).

Bọn mật thám cho rằng Võ Chí Công là cộng sản gốc, phải dùng tra tấn cực hình mới đạt mục đích. Vì vậy, ngoài những tên mật thám khét tiếng độc ác, chúng dùng hai tên to lớn, lực lưỡng tra tấn đồng chí suốt cả ngày với mọi loại dụng cụ mà chúng có và nghĩ ra được¹. Bị tra tấn ròng rã trong hai tháng, đồng chí chết đi, sống lại nhiều lần, không thể đi, đứng được. Mặc dù vậy, chúng vẫn không lay chuyển được tinh thần, ý chí của đồng chí Võ Chí Công mà chỉ làm tăng thêm sự kiên cường với quyết tâm “4 không” của đồng chí: không khai; hỏi không nhận; không viết tờ khai; không ký biên bản mà chúng viết.

Khi hết thời gian bị tra tấn, Võ Chí Công lại cùng các đồng chí trong nhà lao đấu tranh. Đồng chí đã tuyệt thực 11 ngày tới mức kiệt sức, gần chết. Cuối cùng, địch nhượng bộ yêu sách của các đồng chí. Nhờ một thầy thuốc quen biết, có cảm tình với cách mạng thường đến xem bệnh, cho thuốc và săn sóc nên đồng chí Võ Chí Công dần hồi phục sức khỏe.

Không dùng cách gì để lung lạc được người cộng sản trung kiên, chính quyền thực dân, phong kiến đã

1. Đánh xong, chúng cột hai tay chéo sau lưng, nắm đầu dìm vào thùng nước và cột hai tay gấp chéo sau lưng treo lơ lửng giữa nhà. Hai tên tra tấn đánh qua, đánh lại như người tập võ dấm bao cát. Sau đó, chúng đổ nước vôi vào miệng rồi giậm lên bụng, dùng điện tra tấn làm người đau nhức nhối, hôn mê...

kết án tù khổ sai chung thân đối với đồng chí Võ Chí Công¹. Đồng chí Nguyễn Sắc Kim bị kết án 25 năm tù². Khi đưa đồng chí Võ Chí Công đi đầy lên nhà đầy Buôn Ma Thuật³, chúng tuyên án đồng chí 25 năm tù khổ sai, đầy biệt xứ; đồng chí Nguyễn Sắc Kim 20 năm tù.

Gọi là nhà đầy Buôn Ma Thuật, nhưng Võ Chí Công bị nhốt vào nhà giam đặc biệt như tù cầm cố. Nhà giam

1. Khi có người tự xưng là đại diện Tổng đốc Ngô Đình Khôi đến truyền đạt bản án, Võ Chí Công cười mỉa mai, nói: “Chúng tôi là người yêu nước nên vô tội, kẻ có tội là bọn bắt dân ta làm nô lệ, chà đạp lên một dân tộc đã được tôn vinh trong lịch sử, từng chiến thắng vẻ vang. Án gì không có tòa án xử, không có luật nước nào thời này làm như vậy, một kiểu xử án của thời dã man chưa có luật thành văn, chúng tôi không nhận án”. Tên này không nói được một lời nào nữa, lủi thủi đi ra (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.77-78).

2. Ra tù, đồng chí Nguyễn Sắc Kim về tham gia Cách mạng Tháng Tám, sau đó trở thành Trung đoàn trưởng ở Khánh Hòa, hy sinh năm 1948.

3. Đây là nhà đầy lớn nhất ở rừng núi của Trung Kỳ mà thực dân Pháp chọn làm nơi đầy ải để giết dần, giết mòn những người cộng sản. Nơi đây rộng hơn 1ha, có tường cao bao bọc, bốn góc có lô cốt canh gác với đèn pha chiếu sáng rực vào ban đêm. Bên trong có sáu nhà lao, mỗi nhà giam hàng trăm tù nhân. Tù nhân bị đánh đập dã man và phải lao dịch khổ sai làm đường hoặc xây dựng công sở, trại lính. Do ăn uống rất thiếu thốn, bị cùm hai chân khi đi ngủ nên người tù ở đây đấu tranh ngày càng quyết liệt. Họ đã viết bài, bí mật đưa ra cho báo tiến bộ, nên một nhà báo Pháp đã đến đây điều tra, công bố tài liệu về nhà tù này và gây phản ứng mạnh mẽ trong dư luận Pháp, buộc thực dân Pháp phải nhượng bộ một số yêu sách của tù nhân.

này có tường cao bốn phía, các góc đều có chốt gác, chỉ có một cửa thông ra các nhà giam khác. Ở đây, tù nhân không được ra ngoài, không được đi lao dịch vì chúng sợ họ vượt ngục. Nhưng người tù lại có thời gian để học thêm về lý luận, văn hóa từ một số đồng chí có trình độ lý luận cao, có học vấn và từ sách báo. Nhà giam này có khoảng 80 người tù, toàn loại tù nặng. Ban lãnh đạo của tù nhân ở nhà tù Buôn Ma Thuột cũng tập trung ở đây.

Đến nhà đày Buôn Ma Thuột, đồng chí Võ Chí Công tiến hành ngay việc tìm hiểu tình hình để tham gia vào các hoạt động đấu tranh ở trong tù. Trước khi đồng chí đến, nhà đày Buôn Ma Thuột đã lập một ban lãnh đạo của tù nhân là đảng viên cộng sản và tổ chức thành từng nhóm bí mật gọi là “lực lượng trung kiên”. Lực lượng này gồm những người trung kiên nhất để làm nòng cốt trong cuộc đấu tranh, lãnh đạo các mặt trong nhà lao và chọn người vượt ngục. Do có nhiều người đã quen biết và thông qua các cuộc tranh luận về quan điểm, lý luận, đồng chí Võ Chí Công nhận thấy trong các chính trị phạm hầu hết đều là tích cực cách mạng, chỉ có một số rất ít dao động, có phần hữu khuynh. Khi thấy nhóm gồm các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trần Hữu Dục, Trần Tống, v.v. có quan điểm đúng đắn, Võ Chí Công tham gia vào lực lượng trung kiên và tham gia bí mật lãnh đạo các hoạt động của những người tù cộng sản trong nhà lao.

Ngoài việc bàn bạc tổ chức các cuộc đấu tranh đòi quyền lợi hằng ngày trong nhà lao, đồng chí Võ Chí Công

cùng với một số đồng chí trong ban lãnh đạo nhà tù bàn việc vượt ngục, trở về hoạt động. Trong thảo luận, đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Sắc Kim đã nói rõ và nhận bảo đảm sử dụng những cơ sở cũ ở Phan Thiết, Nha Trang để có thể giúp đỡ người vượt ngục đi qua, hoặc ở lại hoạt động vì Quảng Nam là nơi có nhiều cơ sở cách mạng, bảo đảm hoạt động an toàn.

Tháng 5-1944, các đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Trần Hữu Dục, Võ Chí Công và một số đồng chí trung kiên khác họp bàn kế hoạch vượt ngục bằng cách giả bị bệnh quai bị (bệnh lây). Giả bị bệnh quai bị nên phải đánh cho sưng má. Võ Chí Công và các đồng chí làm như vậy rồi báo để thầy thuốc đến khám. Khi dịch đến kiểm tra lại phải làm ống đo nhiệt nóng lên 39⁰-40⁰ độ để chúng tin. Sau khi khám thấy mọi hiện tượng của bệnh quai bị nên chúng cho mọi người ra ở buồng cách ly. Đây là nơi có khả năng vượt ngục vì có một chỗ có thể dễ ngói lợp là thoát ra được. Nhưng, do dịch đột nhiên canh giữ nghiêm ngặt khu vực cách ly, việc vượt ngục của đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí khác không thành.

Sau đó, ở nhà đày Buôn Ma Thuật nổ ra một cuộc đấu tranh quyết liệt của tù nhân đòi không được cắt giảm mức sinh hoạt, do bọn cai ngục luôn tìm mọi cách giảm chế độ ăn uống của tù nhân và nếu họ đấu tranh là lập tức bị khủng bố. Biện pháp thường xuyên của chúng là chỉ cho tù nhân uống nước, không cho ăn và

bắt cùm cả ngày, đêm. Mặc dù vậy, cuộc đấu tranh của tù nhân vẫn diễn ra và lần này kéo dài một tuần. Cuối cùng, bọn cai ngục đã phải nhượng bộ.

Sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 9-3-1945), Nhật dựng lên Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, gây ra sự biến động tình hình chính trị ở Việt Nam. Tuy là chính phủ tay sai của Nhật, nhưng trong đó một bộ phận có tinh thần yêu nước như Trần Đình Nam, Hồ Tá Khanh, Phan Anh, Trịnh Đình Thảo,... đã đề xuất với Nhật thả tù chính trị. Để mua chuộc dư luận, Nhật đồng ý thả tù chính trị ở các tỉnh, sau đó thả tù nhân ở nhà đày Buôn Ma Thuột.

Khi tin tức đến, ở nhà đày Buôn Ma Thuột xảy ra cuộc tranh luận giữa hai phái tù chính trị về việc nên lợi dụng Nhật, hay chống Nhật. Một số ít người tù chủ trương lợi dụng Nhật, còn đa số chủ trương chống Nhật. Bộ phận đa số này cho rằng Nhật thuộc trực phát xít, xâm chiếm nước ta và là đối tượng của cách mạng Việt Nam, nên nhất thiết không lợi dụng Nhật, không chào cờ Nhật và cờ quẻ ly. Đồng chí Võ Chí Công ủng hộ quan điểm này.

Nhật và bọn tay sai tổ chức một cuộc mít tinh lớn với hàng ngàn người dự ở thị xã Buôn Ma Thuột gọi là “lễ mừng độc lập” với cờ Nhật, cờ quẻ ly và bắt mọi người phải chào cờ. Chúng cũng bắt 500 tù nhân từ nhà đày ra dự cuộc mít tinh. Tất cả tù nhân có mặt, kể cả số

ít người chủ trương lợi dụng Nhật, đều không chào cờ và phản đối bằng cách nói chuyện ồn ào. Phần lớn người dân phải tham gia thấy vậy cũng không chào cờ. Ý định của Nhật và bọn tay sai thất bại.

Biết chắc Nhật và Chính phủ Trần Trọng Kim dùng việc thả tù chính trị để mị dân, đồng chí Võ Chí Công và các cán bộ cốt cán của Quảng Nam bị tù ở nhà đày Buôn Ma Thuật đã bí mật bàn kế hoạch và phân công nhau về các tỉnh để hoạt động. Kế hoạch đặt ra là, khi chúng đưa mọi người tới Nha Trang thì phải tìm đường thoát ngay và đề phòng chúng bắt lại. Hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Xuân Nhĩ về Quảng Nam, đồng chí Nguyễn Sắc Kim đi Phan Thiết, v.v..

Khi đến Nha Trang, theo đúng kế hoạch, đồng chí Võ Chí Công đi tới ga xe lửa. Tại đây, đồng chí bất ngờ gặp được chị Tài, cơ sở cũ đã xây dựng từ năm 1943. Mặc dù được mời về nhà chị ở, nhưng đồng chí quyết định nhờ chị mua vé tàu suốt để đi về Đà Nẵng. Sau đó, đồng chí đi xe lửa về ga Tam Kỳ, Quảng Nam.

Trở về Khương Mỹ, Tam Xuân, trong nỗi mừng vui khôn xiết của gia đình, làng xóm, nhưng Võ Chí Công rất buồn vì người cha, người đồng chí Võ Dương đã ra đi mãi mãi¹. Trước bàn thờ cha, Võ Chí Công nguyện với cha sẽ tiếp tục con đường đấu tranh mà ông đã chọn.

1. Ông Võ Dương mất năm 1943.

Do quen biết nhau từ trước, nên khi được tin Võ Chí Công ra tù, một số người cơ hội chính trị ở Tam Kỳ, có khuynh hướng theo Nhật, kéo đến nhà khuyên đồng chí tham gia Hội đồng tư vấn của Nhật ở Quảng Nam, với lập luận phải lợi dụng Nhật, để sau đó tạo điều kiện đẩy Nhật đi giành độc lập. Đồng chí nói rõ quan điểm của mình: Nhật là nước phát xít xâm lược nước ta, không bao lâu sẽ bại trận và hơn nữa Nhật cũng không dễ để ta lợi dụng. Cách mạng nhằm đánh đuổi bọn cướp nước, giải phóng dân tộc, không thể lợi dụng Nhật. Vì đây là những người quen biết nhưng trình độ chính trị non nớt, nên Võ Chí Công khuyên giải họ không dính dáng đến Nhật. Được đồng chí thuyết phục, sau đó những người này cũng không làm việc cho chính quyền thân Nhật.

Trong thời gian này, để đáp lễ với họ hàng và cũng tránh sự chú ý của địch do tụ họp ở nhà, đồng chí Võ Chí Công chủ động đi thăm bà con trong làng, đảng viên và quần chúng cách mạng trong xã để họ không phải đến nhà nữa. Đồng thời, đồng chí đi gặp các đồng chí quen biết ở thị trấn Tam Kỳ, An Hòa, Văn Trai,... để chấp nối các chi bộ và chuẩn bị địa bàn cho các hoạt động sau này. Từ đó, đồng chí tìm ra phương thức hoạt động mới và tìm gặp được các đồng chí Đoàn Kim, Trần Hoài Ân ở Duy Xuyên.

Để trở lại hoạt động, đồng chí Võ Chí Công tìm cách bắt liên lạc và gặp được các đồng chí trong Tỉnh ủy

Quảng Nam để trao đổi tình hình¹. Tỉnh ủy Quảng Nam mời đồng chí dự họp Tỉnh ủy (mở rộng) để quyết định những công tác quan trọng của Đảng bộ Quảng Nam trong tình hình mới.

Tháng 6-1945, tại Thọ Khương, Tam Kỳ, Hội nghị Tỉnh ủy (mở rộng) họp đã quyết định bổ sung một số đồng chí vào Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh Quảng Nam². Hội nghị nhất trí bổ sung hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Xuân Nhĩ vào Ban Chấp hành Việt Minh Vụ Quang³. Đồng chí Phan Thị Nể, Tỉnh ủy viên, phụ trách công tác binh vận⁴. Từ nơi tù ngục trở về, được tin tưởng và phân công công tác ngay, đồng chí Võ Chí Công phấn khởi lao vào hoạt động cách mạng⁵.

1. Tháng 2-1944, đồng chí Trần Văn Quế và Nguyễn Tiến Chế thoát tù về Quảng Nam đã thành lập lại Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam (tháng 4-1944, ở Hội An).

2. Là các đồng chí Phan Quang Trọng, Phan Tồn, Phan Thị Nể, Nguyễn Quang Chung, Hồ Tên, Phan Thêm (Phan Quang Trọng là anh trai đồng chí Phan Thị Nể; Phan Tồn là anh họ đồng chí Phan Thị Nể).

3. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 178-179.

4. Sau Hội nghị, Ban phụ vận được thành lập, đồng chí Phan Thị Nể làm Trưởng ban.

5. Sau đó, Thường vụ Tỉnh ủy gặp riêng đồng chí Võ Chí Công mời tham gia Tỉnh ủy. Lấy lý do mới ở tù ra, theo nguyên tắc của Đảng phải qua một thời gian mới được khôi phục đảng tịch, đồng chí không nhận. Tuy vậy, đồng chí vẫn được mời dự họp Tỉnh ủy và làm các công việc như một Tỉnh ủy viên.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam (mở rộng) ở Thọ Khương và Hội nghị các tỉnh miền Trung Trung Bộ, tháng 7-1945 (họp tại Quảng Ngãi), việc chuẩn bị khởi nghĩa ở Quảng Nam được tiến hành khẩn trương hơn¹. Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam giao cho đồng chí Võ Chí Công phụ trách công tác ở các huyện Duy Xuyên, Quế Sơn và Đại Lộc.

Trước tình hình lúc này, đồng chí Võ Chí Công bàn với các đồng chí trong Tỉnh ủy phải dùng các hình thức bán công khai, chủ yếu là công khai về tuyên truyền và tổ chức quần chúng, khẩn trương chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền, đẩy mạnh phong trào lên cao. Đồng chí cũng góp ý kiến về chỉ đạo chung của Tỉnh ủy và đề nghị phát động phong trào nhanh hơn, cao hơn để khẩn trương chuẩn bị các điều kiện khởi nghĩa giành chính quyền.

Những huyện do đồng chí Võ Chí Công được phân công phụ trách phong trào phát triển sôi nổi; nơi nào lãnh đạo huyện chỉ đạo hoạt động dè dặt, đồng chí phê bình ngay nên phong trào cứu nước ở Quảng Nam được đẩy mạnh hàng ngày. Ở Duy Xuyên, Đại Lộc, hàng loạt cuộc mít tinh nổ ra với sự tham gia đông đảo của nhân

1. Trước tình hình mới, vì Xứ ủy Trung Kỳ chưa được lập lại, Hội nghị ở Quảng Ngãi được triệu tập để các tỉnh ủy ở Trung Kỳ phối hợp với nhau. Phái viên của Trung ương là đồng chí Tố Hữu đã đến Hội nghị truyền đạt chỉ thị của Đảng là phải khẩn trương chuẩn bị mọi mặt trong giai đoạn tiền khởi nghĩa, cử đại biểu dự hội nghị Tân Trào...

dân¹, có cán bộ Việt Minh diễn thuyết và được sự bảo vệ của lực lượng tự vệ vũ trang.

Trước sự phát triển đó, đồng chí Võ Chí Công trao đổi với Thường vụ Tỉnh ủy về tình hình đang thay đổi nhanh, thời cơ mới đã xuất hiện và tiến đến tiền khởi nghĩa. Vì thế, tỉnh cần phải đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động với hình thức mít tinh, tuyên truyền công khai rầm rộ, tổ chức phát triển mạnh lực lượng chính trị và vũ trang ở các địa phương.

Bởi vậy, trước ngày khởi nghĩa, toàn tỉnh Quảng Nam đã phát động một phong trào cứu nước sôi nổi, đều khắp chưa từng có. Uy tín của Việt Minh lên cao trong các tầng lớp nhân dân và đã lôi kéo được nhiều quần chúng từng chịu ảnh hưởng của các xu hướng chính trị khác nhau. Nhân dân Quảng Nam đã sẵn sàng khởi nghĩa. Việc vận động binh lính địch cũng có nhiều kết quả, gây được nhiều cơ sở. Phong trào cứu nước lên cao đã đập tan luận điệu của bọn Cao Đài thân Nhật và của nhóm phản đế giả danh cách mạng. Các đảng phái phản động bị cô lập, bộ máy bù nhìn thân Nhật hoang mang, dao động, bất lực.

Ngày 12 và 13-8-1945, trước tình thế đó, Tỉnh ủy Quảng Nam triệu tập cuộc họp khẩn cấp tại nhà ông Ung Bá Tông (sau chuyển xuống nhà ông Nguyễn Chiến) ở

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 181-182.

Khương Mỹ, Tam Xuân, Tam Kỳ. Hai đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Xuân Nhĩ được mời dự họp.

Vào lúc 16 giờ ngày 13-8-1945, cuộc họp Tỉnh ủy đang bàn kế hoạch tổ chức quần chúng và lực lượng tự vệ để chuẩn bị khởi nghĩa, đấu tranh và cô lập phái có khuynh hướng sai lầm là lợi dụng Nhật, v.v. thì đồng chí Huỳnh Ngọc Huệ, Thành ủy viên Đà Nẵng, đến báo cáo cho biết về khả năng chính phủ Nhật đầu hàng không điều kiện Đồng minh.

Được tin đó, Hội nghị lập tức chuyển trọng tâm sang bàn chủ trương khởi nghĩa ở Quảng Nam. Lúc này, Ủy ban khởi nghĩa Trung ương đã ra mệnh lệnh tổng khởi nghĩa nhưng Quảng Nam chưa nhận được. Tuy vậy, do quán triệt “Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, nắm vững về thời cơ cách mạng, Tỉnh ủy Quảng Nam đã quyết định phát động toàn dân trong tỉnh tổng khởi nghĩa. Để thực hiện nhiệm vụ trọng đại và rất khẩn trương vào lúc này, Hội nghị quyết định chuyển tất cả các cấp ủy đảng và Ủy ban Việt Minh các cấp thành Ủy ban bạo động để lãnh đạo giành chính quyền ở tỉnh Quảng Nam.

Ủy ban bạo động giành chính quyền tỉnh Quảng Nam được thành lập gồm 15 tỉnh ủy viên¹ và 2 ủy viên

1. Trần Văn Quế, Lê Thanh Hải, Nguyễn Thúy, Nguyễn Văn Ứng, Huỳnh Đắc Hương, Huỳnh Ngọc Huệ, Phan Bá, Chu Huy Mân, Nguyễn Tiến Chế, Nguyễn Quang Chung, Phan Tồn, Hồ Tên, Phan Quang Trọng, Phan Thị Nể, Phan Thêm.

cứu quốc là đồng chí Võ Chí Công và Nguyễn Xuân Nhĩ. Bộ phận thường trực của Ủy ban bạo động gồm 5 thành viên là Trần Văn Quế, Nguyễn Thúc, Lê Thanh Hải, Võ Chí Công, Nguyễn Xuân Nhĩ. Đồng chí Võ Chí Công được trao nhiệm vụ vạch kế hoạch khởi nghĩa.

Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, nhưng với lý do chưa đủ thời gian khôi phục Đảng tịch sau khi ra tù, đồng chí Võ Chí Công đề nghị cử đồng chí Bí thư hoặc một đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy giữ trọng trách này. Tuy nhiên, Tỉnh ủy vẫn yêu cầu đồng chí chấp hành thực hiện nhiệm vụ, không bàn thêm nữa. Tỉnh ủy Quảng Nam cũng quyết định: để thuận lợi cho lãnh đạo, các ủy viên đang phụ trách địa phương nào về lãnh đạo khởi nghĩa ở địa phương đó, chỉ điều chỉnh, tăng cường một số đồng chí cho những nơi là trung tâm, địa bàn trọng yếu.

Tỉnh ủy Quảng Nam chủ trương phát động ngay một đợt tuyên truyền rầm rộ bằng mọi hình thức, sau đó, từ ngày 18 đến ngày 22-8-1945, sẽ tổ chức tổng biểu tình ở các phủ, huyện, chuẩn bị sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ phủ, huyện trước rồi đến toàn tỉnh, tập trung lực lượng kéo về giành chính quyền ở tỉnh lỵ Hội An.

Sau khi được giao trách nhiệm trong Ủy ban bạo động, đồng chí Võ Chí Công đi ngay đến Nam Phước, Duy Xuyên, họp với các đồng chí trong Ủy ban bạo động triển khai nội dung cuộc họp Tỉnh ủy. Ủy ban đã quyết định kế hoạch như sau:

Một là, gấp rút đẩy mạnh tuyên truyền, cổ động rầm rộ ở các địa phương với nội dung nổi dậy giành chính quyền với mọi hình thức công khai; lãnh đạo quần chúng nổi dậy uy hiếp tinh thần bộ máy chính quyền địch. Các tổ chức cứu quốc ở nông thôn phải huy động đông đảo nhân dân ra đường biểu tình chính trị một cách rộng rãi và sôi nổi với khẩu hiệu lật đổ chính quyền bù nhìn thân Nhật, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân, cách mạng Việt Nam thành công; hoan nghênh quân đội Đồng minh vào Việt Nam giải giáp quân đội phát xít Nhật.

Hai là, từ ngày 18 đến ngày 22-8-1945, lãnh đạo tổ chức tổng biểu tình thị uy ở các phủ, huyện nhằm làm tan rã chính quyền xã, tổng và chuyển lên giành chính quyền phủ, huyện trước. Thời gian giành chính quyền ở các phủ, huyện phải được tiến hành đồng loạt trong khoảng thời gian từ tối 20 đến rạng ngày 21-8-1945.

Ba là, sau khi hoàn thành việc giành chính quyền ở các phủ, huyện quan trọng, huy động và tập trung lực lượng ở các phủ, huyện gần, cấp tốc chuyển lên giành lấy chính quyền tỉnh ở Hội An vào tối 21 rạng ngày 22-8-1945. Riêng Đà Nẵng và Hòa Vang, nơi có quân Nhật đóng, tùy tình hình sẽ quyết định sau.

Nhằm bảo đảm cuộc khởi nghĩa diễn ra nhanh chóng, ít đổ máu, Ủy ban bạo động chủ trương không có hành động khiêu khích quân Nhật, yêu cầu quân Nhật giữ trung lập, án binh bất động; đối với người Pháp dân

sự coi như kiều dân ngoại quốc; đối với tỉnh trưởng, phủ trưởng, huyện trưởng, kể cả loại gian ác thì kêu gọi không chống lại cách mạng sẽ được đảm bảo tính mạng, tài sản và gia đình của họ; đối với các đảng phái khác thì không đánh mà phải tranh thủ, cô lập bọn ngoan cố. Tinh thần chung là hết sức tránh tình trạng thêm kẻ thù để dồn sức giành chính quyền.

Để có lực lượng nòng cốt trong khởi nghĩa, Ủy ban chủ trương tập trung số tự vệ đã tổ chức sẵn, xúc tiến mạnh tổ chức tự vệ; đồng thời tích cực vận động binh lính dịch đi theo cách mạng hoặc trung lập, án binh bất động trước các hoạt động của cách mạng, v.v..

Sau đó, Thường trực của Ủy ban bạo động họp tiếp ở Nam Phước về việc chuyển cơ quan Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban bạo động ra nhà đồng chí Nguyễn Xuân Vân ở Bích Trâm, Điện Bàn, để thuận tiện cho nắm tình hình và chỉ huy cuộc khởi nghĩa toàn tỉnh. Đồng chí Võ Chí Công cũng đi tới điểm này dự họp Thường trực Ủy ban bạo động tiếp tục bàn và viết các chỉ thị bổ sung về chủ trương, với các hướng dẫn cụ thể, để gửi hỏa tốc cho các ủy ban bạo động các phủ, huyện và thị xã Hội An. Đà Nẵng có chỉ đạo riêng.

Sau các cuộc họp này, Ủy ban bạo động gấp rút được thành lập ở các phủ, huyện, thành phố.

Thấy phải trực tiếp nắm rõ về những vị trí quan trọng của địch, đồng chí Võ Chí Công đề nghị với Thường trực Ủy ban bạo động cho đồng chí đi Hội An

kiểm tra tình hình chuẩn bị khởi nghĩa, vì đây là đầu não của địch ở Quảng Nam. Được chấp nhận, đồng chí đi xe đạp đến Hội An.

Vào lúc 15 giờ ngày 17-8-1945, đồng chí Võ Chí Công tới nhà đồng chí Nguyễn Thanh Sơn ở xóm Ngọc Thành, sau đó đạp xe quanh Hội An một vòng để quan sát tình hình địch và nhân dân, rồi trở về tổ chức họp Ủy ban bạo động Hội An. Lấy danh nghĩa Ủy viên Thường trực Ủy ban bạo động tỉnh, đồng chí triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ủy ban bạo động Hội An¹ bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An.

Cuộc họp đang tiến hành thì nhận được tin bọn Quốc dân Đảng phối hợp với Tỉnh trưởng Tôn Thất Giáng định tổ chức mít tinh ở rạp hát Hội An nhằm ra mắt “chính quyền độc lập” để đón lực lượng Đồng minh, phá kế hoạch của ta. Trước diễn biến đó, đồng chí Võ Chí Công khẳng định với hội nghị là thời cơ khởi nghĩa ở Hội An đã chín muồi, phải khởi nghĩa giành chính quyền ngay trong đêm 17 rạng sáng 18-8-1945, không nên để chậm hơn nữa. Đồng chí cho rằng, đây là thời cơ phải giành lấy chính quyền, bẻ gãy âm mưu của địch, vì các lực lượng chính trị, vũ trang cách

1. Gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Ứng, Huỳnh Kim Ảnh, Võ Văn Thắng và Nguyễn Hàng. Đồng chí Phan Thị Nể là Tỉnh ủy viên, phụ trách phụ vận và binh vận đang ở Hội An cũng được triệu tập đến họp.

mạng ở Hội An đã được chuẩn bị sẵn sàng, phần lớn lực lượng bảo an của địch có cảm tình với cách mạng và cơ sở của ta trong lực lượng này cũng sẵn sàng làm nội ứng. Hội nghị quyết định khởi nghĩa ngay trong đêm 17-8-1945 và nhất trí cử đồng chí Võ Chí Công chỉ huy cuộc khởi nghĩa ở Hội An, vì đây là cơ quan đầu não của địch ở tỉnh Quảng Nam.

Đồng chí Võ Chí Công lập tức soạn thảo tối hậu thư của Ủy ban bạo động và giao cho đồng chí Trần Đình Tri mang gửi Tỉnh trưởng Tôn Thất Giáng, yêu cầu phải đầu hàng ngay trong chiều ngày 17-8-1945 và hứa sẽ bảo đảm an toàn tính mạng và gia đình của ông ta.

Quyết định của Ủy ban bạo động Hội An về thời gian tiến hành khởi nghĩa ở Hội An vào đêm 17-8-1945 là làm trước ngày đã định (và các phủ, huyện làm tiếp theo), đảo ngược so với kế hoạch chung của Ủy ban bạo động tỉnh. Bởi vậy, đồng chí Võ Chí Công lập tức viết báo cáo và giao đồng chí Nguyễn Văn Ứng đi lên Thường trực Ủy ban bạo động tỉnh (đóng ở làng Bích Trâm, Điện Bàn) xin ý kiến chỉ đạo thống nhất của tỉnh và đề nghị Tỉnh ủy hướng dẫn Tam Kỳ chặt cây cản đường ngay trong đêm 17 rạng ngày 18-8 để chặn xe Nhật từ Quảng Ngãi ra; hướng dẫn quân dân Hoà Vang chặn xe Nhật từ Đà Nẵng vào. Khởi nghĩa ở Hội An xong sẽ giải tỏa đường.

Trong lúc chờ đợi Ủy ban bạo động tỉnh trả lời, hội nghị tiếp tục bàn kế hoạch và phương án cụ thể về từng

bước khởi nghĩa ở Hội An, cụ thể là: trước hết tiến hành chiếm đồn bảo an, sau đó sẽ chiếm tỉnh đường.

Trong đêm 17 rạng sáng ngày 18-8, chờ đến 3 giờ sáng chưa thấy Tỉnh ủy trả lời, đồng chí Võ Chí Công quyết định dù chưa có ý kiến của Tỉnh ủy, nhưng thời cơ tới phải tiến hành khởi nghĩa. Đồng chí cho rằng, nắm rõ tình hình và hành động đúng chắc chắn tỉnh sẽ đồng thuận¹.

Sự quyết đoán của đồng chí Võ Chí Công về phương án giành chính quyền trước ở Hội An được Ủy ban bạo động đồng tình và lãnh đạo khẩn trương triển khai ngay từ chiều 17-8-1945 bằng việc tiến hành tuyên truyền công khai, rầm rộ, rộng rãi trong quần chúng với các cuộc hội họp được tổ chức công khai, treo cờ đỏ sao vàng, rải truyền đơn và viết thư cho Tỉnh trưởng Tôn Thất Giáng yêu cầu phải trao chính quyền cho Việt Minh. Truyền đơn của Việt Minh được rải khắp thành phố để tạo thêm lòng tin tưởng, quyết tâm nổi dậy của quần chúng, gây hoang mang và phá tan ý đồ của các phe phái phản động ở Hội An. Kế hoạch đối phó với Nhật, chính quyền, quân đội địch và các phe phái khác nhau cũng được xác lập.

1. Sau đó đồng chí Nguyễn Văn Ứng về báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các đồng chí Thường trực Ủy ban bạo động đồng ý các đề nghị của đồng chí Võ Chí Công, trước hết là đề nghị phương án cướp chính quyền ở Hội An trong đêm 17-8-1945.

Sau khi nhận được tối hậu thư, Tỉnh trưởng Tôn Thất Giáng đã trực tiếp xuống đồn bảo an ra lệnh thu vũ khí bỏ vào kho, đồng chí Võ Chí Công quyết định tập trung lực lượng chiếm đồn bảo an, lấy vũ khí trang bị cho tự vệ, sau đó sẽ đánh chiếm Tòa Tỉnh trưởng, đồng thời phân bố lực lượng đi chiếm các cơ sở khác của địch ở Hội An.

21 giờ ngày 17-8-1945, Ủy ban bạo động Hội An tiến hành thiết quân luật trong khu vực Ngọc Thành nằm trong nội thị (nơi có cơ quan chỉ huy khởi nghĩa đóng), tập hợp tự vệ thành đội ngũ chỉnh tề (với 500 tự vệ được chia thành 5 đại đội). Quân chúng trong các tổ chức cách mạng cũng được tập hợp lại để làm nòng cốt cho nhân dân nổi dậy tiến hành khởi nghĩa. Bởi vậy, nhân dân được huy động tham gia khởi nghĩa mỗi lúc một đông. Đến nửa đêm 17-8-1945, đã có hàng vạn quân chúng mang gậy, giáo mác ngồi chờ lệnh khởi nghĩa.

3 giờ sáng ngày 18-8-1945, sau khi được tin báo từ đồn bảo an cho biết địch đã cho súng vào hết trong kho, khoá lại và lính đang gác là cơ sở cách mạng, đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí Phan Thị Nể, Nguyễn Văn Ứng dẫn đầu đội ngũ được tập hợp bắt đầu kéo đến các điểm theo kế hoạch. Tiếng trống, mõ ở Ngọc Thành và các khu phố bắt đầu nổi lên vang dội cả thị xã Hội An. Đoàn người rầm rộ đi qua các phố lớn xuống Chùa Cầu. Đi đến đâu, quân chúng ở hai bên đường phố cũng

nhANH chóng nhậP vào đOàn để tham gia khởi nghĩa, vừa đi vừa hô khẩu hiệu cách mạng.

ĐOàn khởi nghĩa kéo vào con đường nhà máy dây thép, rồi đi xuống trước cửa đồn bảo an. Thấy khí thế rầm rộ của nhân dân, tên quản đồn hốt hoảng bỏ trốn. Lính gác là cơ sở cách mạng lập tức mở cửa đồn. Tự vệ và quần chúng tiến ngay vào kho vũ khí lấy súng phân phát cho tự vệ và biên chế thành đội ngũ rồi theo các đồng chí có trách nhiệm đi chiếm các công sở quan trọng như kho bạc, cơ quan mật thám, bưu điện, v.v. ở tỉnh lỵ Hội An đúng như phương án đã định.

Sau khi chiếm đồn lính bảo an, đồng chí Võ Chí Công và một số đồng chí trong Ủy ban bạo động Hội An dẫn hai tiểu đội tự vệ có vũ trang đến chiếm Tòa Tỉnh trưởng. Tại đây, Tỉnh trưởng Tôn Thất Giáng chờ sẵn, cúi đầu xin giao ấn tín, tài liệu, sổ sách cho cách mạng.

6 giờ sáng ngày 18-8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An đã thành công. Nhận thấy đông đảo nhân dân kéo đến tỉnh đường, Ủy ban vận động khởi nghĩa Hội An tổ chức ngay cuộc mít tinh ngắn tuyên bố đánh đổ chế độ bù nhìn của Nhật, thành lập chính quyền cách mạng lâm thời của nhân dân, đọc Mười chính sách lớn của Việt Minh, kéo cờ đỏ sao vàng lên thay cho cờ quẻ ly và tung truyền đơn kêu gọi đồng bào tham gia bảo vệ chính quyền cách mạng.

Trước tình hình rất khẩn trương, ngay sau thắng lợi của khởi nghĩa giành chính quyền ở Hội An, đồng chí Võ Chí Công tổ chức họp với một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Thị ủy và Ủy ban bạo động Hội An dặn dò và giao một số công việc cấp bách phải làm gấp để ổn định trật tự, chính trị, xã hội trong thành phố; truy bắt bọn Việt gian phản động đầu sỏ có nhiều tội ác; tổ chức lực lượng vũ trang và chọn nòng cốt quần chúng bảo vệ chính quyền, bảo vệ các cơ quan công sở, cơ quan đảng, đoàn thể; tiếp tục tuyên truyền chính sách Việt Minh, động viên nhân dân sản xuất, làm ăn bình thường, v.v..

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở Hội An, đồng chí Võ Chí Công khẩn trương tập hợp và tổ chức đội vũ trang để hỗ trợ cho các nơi tiến công giành chính quyền, nhất là ở các phủ, huyện quan trọng và thuận đường ô tô. Đồng chí chọn 70 chiến sĩ tự vệ và cơ sở, chọn người chỉ huy các đơn vị và huy động 9 xe ô tô chuyển tiền bạc và các tài liệu, vũ khí thu được của địch đưa lên huyện Duy Xuyên để sẵn sàng nếu có tình hình phức tạp xảy ra thì chuyển lên căn cứ ở Tây Duy Xuyên.

Sau thời gian ngắn chuẩn bị rất khẩn trương, đoàn quân hướng Duy Xuyên lên đường. Đi qua huyện Điện Bàn, thấy khởi nghĩa và việc bàn giao chính quyền ở đây diễn ra yên ổn, đồng chí Võ Chí Công và đoàn xe vũ trang tiếp tục hành quân. Trên đường đi, đồng chí viết thư gửi Thường vụ Ủy ban bạo động tỉnh đề nghị cho người xuống giúp huyện Quế Sơn, Đại Lộc làm theo kế hoạch.

Đoàn quân đi đến cầu chợ Củi gặp một tiểu đội lính Nhật với súng máy ra chặn đoàn xe và dọa bắn. Nhờ một người biết tiếng Nhật phiên dịch, đồng chí Võ Chí Công yêu cầu quân Nhật giữ thái độ trung lập, không được can thiệp vào công việc của Việt Nam. Quân Nhật đồng ý và đề nghị đoàn thông báo các nơi không đánh vào quân Nhật. Đồng chí nhận lời. Đoàn xe tiếp tục đi vào Duy Xuyên.

Đoàn xe vũ trang đến huyện Duy Xuyên đúng lúc Phủ trưởng Duy Xuyên giao nộp ấn tín, tài liệu cho Ủy ban bạo động ở đây. Sau khi bàn giao tiền bạc và tài liệu thu được ở Hội An cho Duy Xuyên bảo quản, đồng chí Võ Chí Công đưa đoàn xe vũ trang tiến vào huyện Thăng Bình.

19 giờ cùng ngày, đoàn xe vũ trang đến Thăng Bình. Tại đây, sau khi được biết bọn phản đế và một nhóm theo đạo Cao Đài giả danh Việt Minh đã bàn với Phủ trưởng Thăng Bình giữ chính quyền, lấy tiền, súng, đồng chí Võ Chí Công lập tức ra lệnh tước vũ khí của chúng. Phủ trưởng Nguyễn Phổ sợ hãi đầu hàng, xin giao nộp toàn bộ vũ khí, tiền bạc của phủ cho Ủy ban bạo động.

Sau khi ổn định tình hình, để một số tự vệ vũ trang ở lại Thăng Bình, đồng chí Võ Chí Công dẫn đoàn xe vũ trang tiếp tục đi vào phía nam hỗ trợ cho khởi nghĩa ở phủ Tam Kỳ và huyện Tiên Phước.

21 giờ ngày 18-8, đoàn xe vũ trang đến bến xe thị trấn Tam Kỳ, đồng chí Võ Chí Công cho đoàn dừng lại để phân công nhiệm vụ: một đội vũ trang tấn công đồn Đại Lý, một đội khác tấn công phủ lý, một đội ít hơn đánh đồn Thương Chánh. Đồng chí trực tiếp chỉ huy lấy đồn Đại Lý vì đây là nơi quan trọng và có tên đồn trưởng rất gian ác¹. Việc tiến đánh các nơi diễn ra nhanh gọn. Toàn bộ chính quyền ở Tam Kỳ về tay nhân dân.

23 giờ ngày 18-8, Ủy ban bạo động Tam Kỳ tập hợp các đoàn quần chúng đi giành chính quyền tập trung đến bến xe Tam Kỳ dự mít tinh. Phát biểu tại đây, đồng chí Võ Chí Công thông báo với nhân dân về việc giành chính quyền trong tỉnh và động viên cán bộ, quần chúng bảo vệ chính quyền. Sau đó, đồng chí tiếp tục chỉ huy đoàn xe vũ trang đi hỗ trợ khởi nghĩa ở huyện Tiên Phước.

Theo kế hoạch chung, ngày khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện Tiên Phước được định vào ngày 19-8. Lực lượng khởi nghĩa đã tập trung thành từng cánh, trèo đèo, vượt suối suốt đêm tiến về huyện lỵ để thực

1. Đồng chí Võ Chí Công lập kế hoạch lấy đồn này như sau: một bộ phận cắt rào thâm nhập vào trong bao vây đồn, chặn giữ kho súng; một số chiến sĩ đi với đồng chí vào thẳng cửa trước đồn bắt lính gác. Đang hỏi lính gác nơi ở của quản Lộc (là tên phản động gian ác, chuyên đánh đập, tra khảo tù chính trị ở nhà lao Hội An), bất ngờ thấy tên này từ trong đồn đi ra một mình, đồng chí Võ Chí Công nói nhỏ với mấy chiến sĩ đến bắt và giải về tỉnh xét xử.

hiện theo kế hoạch và giờ quy định. Nửa đêm 18-8, các cánh quân khởi nghĩa đến gần huyện lỵ và dừng lại chờ lệnh của Ủy ban bạo động Tiên Phước. Nhưng, vào lúc 20 giờ ngày 18-8, đồng chí Huỳnh Đắc Hương, Trưởng Ủy ban bạo động huyện Tiên Phước, đi kiểm tra tình hình ngang qua cổng huyện bị mật thám bắt giam vào huyện đường.

Vào 3 giờ sáng ngày 19-8, đoàn xe vũ trang do đồng chí Võ Chí Công dẫn đầu đến gần huyện lỵ Tiên Phước gặp lực lượng khởi nghĩa đang chờ lệnh, đã lập tức dẫn lực lượng này tiến vào huyện đường tước vũ khí của lính gác, bắt huyện trưởng đầu hàng và cứu được đồng chí Huỳnh Đắc Hương.

Với sự lãnh đạo trực tiếp của đồng chí Võ Chí Công, đoàn quân vũ trang đã nhanh chóng thực hiện thành công nhiệm vụ hỗ trợ cho khởi nghĩa giành chính quyền ở các phủ, huyện phía nam tỉnh Quảng Nam. Với quyết tâm và sự khẩn trương cao độ, tiến công liên tục với lực lượng chính trị của quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Nam Quảng Nam diễn ra thành công nhanh chóng từ đêm 17 và ngày 18-8. Riêng huyện Tiên Phước khởi nghĩa hoàn thành vào hồi 3 giờ sáng ngày 19-8.

Hoàn thành nhiệm vụ, đồng chí Võ Chí Công trở về tỉnh cùng Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban bạo động tỉnh họp bàn việc giành chính quyền ở huyện

Hòa Vang và thành phố Đà Nẵng. Cuộc họp này¹ kéo dài suốt đêm 25-8 và đã quyết định khởi nghĩa giành chính quyền thành phố Đà Nẵng vào sáng ngày 26-8-1945.

Đúng 8 giờ ngày 26-8-1945, theo quy ước, khi tiếng còi tầm thành phố vang lên là mệnh lệnh khởi nghĩa giành chính quyền của Ủy ban bạo động thành phố phát ra cho tất cả các lực lượng và toàn dân Đà Nẵng. Tất cả các lực lượng tự vệ, cơ sở bí mật bố trí ở đâu nổi lên giành chính quyền ở đó. Đồng bào nổi dậy treo cờ đỏ sao vàng tại chỗ. Ủy ban khởi nghĩa thành phố và một nhóm lực lượng vũ trang đi tiếp quản Tòa Đốc lý. Tại nơi làm việc, Đốc lý Đà Nẵng bàn giao chính quyền, toàn bộ giấy tờ, ấn tín cho đồng chí Lê Văn Hiến, Chủ tịch Ủy ban bạo động Đà Nẵng². Tại đồn bảo an binh, sĩ quan và binh lính đứng về hàng ngũ cách mạng. Tự vệ vũ trang ở cơ sở nòng cốt được bố trí chiếm lĩnh tất cả các cơ quan, công sở. Toàn bộ chính quyền ở thành phố Đà Nẵng về tay nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Quảng Nam, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng thắng lợi hoàn toàn. Chính quyền tay sai của phát xít Nhật, xiềng xích nô lệ của đế quốc Pháp, Nhật bị xóa bỏ, chế độ phong kiến hàng ngàn

1. Cuộc họp tại nhà đồng chí Nguyễn Đăng Khoa.

2. Sau đó, đồng chí Lê Văn Hiến làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời thành phố Đà Nẵng.

năm ở địa phương bị đánh đổ. Với sự chủ động nắm thời cơ, táo bạo và kiên quyết, đồng chí Võ Chí Công đã trực tiếp góp phần quyết định vào thắng lợi chung của Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam trong Cách mạng Tháng Tám.

Chương III

GÓP PHẦN BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG VÀ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 - 1954)

1. Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, tình hình cả nước và Quảng Nam có những thuận lợi cơ bản song cũng đứng trước nhiều khó khăn, thử thách nghiêm trọng.

Theo thỏa thuận giữa các nước Đồng minh chống phát xít ở Hội nghị Potsdam (từ ngày 17-7 đến ngày 2-8-1945), quân đội Tưởng Giới Thạch kéo vào miền Bắc (từ vĩ tuyến 16 trở ra) và quân đội Anh vào miền Nam (từ vĩ tuyến 16 trở vào) Việt Nam để giải giáp quân đội phát xít Nhật. Nhưng, theo chân quân đội Tưởng Giới Thạch là bọn phản cách mạng thuộc các đảng phái tay sai của chúng và quân đội Pháp cũng núp sau quân đội Anh vào nước ta. Được sự bảo trợ của quân đội Đồng minh, các lực lượng phản động

trong nước ra mặt chống phá cách mạng ở khắp nơi. Ngày 23-9-1945, quân đội Pháp đã trắng trợn nổ súng gây hấn ở Sài Gòn - Gia Định.

Ngày 15-9-1945, 3.000 quân thuộc Quân đoàn 60 của Tưởng Giới Thạch kéo vào Đà Nẵng. Lấy cớ vĩ tuyến 16 chạy qua Hội An, Vĩnh Điện, chúng đã chiếm đóng cả hai nơi này và ra sức cướp bóc, tung tiền Quan kim mất giá bắt nhân dân ta tiêu thụ gây thêm khó khăn về kinh tế, tài chính của đất nước. Dựa vào quân Tưởng, bọn phản động tay sai ngóc đầu dậy, công khai thành lập Đảng bộ Quốc dân Đảng ở Quảng Nam, tiến hành in ấn, phân phát tài liệu kích động đồng bào ta nổi dậy chống chính quyền cách mạng, gây bất ổn về chính trị, xã hội. Trước bối cảnh đó, Quảng Nam vốn đã khó khăn về kinh tế - xã hội do chính sách bóc lột nặng nề của chính quyền thực dân, phong kiến, nay lại càng khó khăn hơn gấp bội trước áp lực mọi mặt của quân đội nước ngoài và sự chống phá điên cuồng của bọn phản động. Ngày 21-8-1945, thực dân Pháp đã cho nhiều toán gián điệp nhảy dù xuống Phủ Duy Xuyên bắt liên lạc với bọn tay sai cũ, chuẩn bị cơ sở cho quân Pháp trở lại chiếm miền Trung.

Sau khởi nghĩa, để nhanh chóng ổn định tình hình, ngày 2-9-1945, tại thị xã Hội An, Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh Quảng Nam tổ chức mít tinh mừng thắng lợi Tổng khởi nghĩa và ra mắt Ủy ban nhân dân

cách mạng. Đồng chí Võ Chí Công được cử làm Ủy trưởng tư pháp.

Trong điều kiện Cách mạng Tháng Tám mới thành công, trước những khó khăn, thử thách do hậu quả chiến tranh gây ra và sự non yếu của chính quyền cách mạng vừa mới giành được thì việc ổn định xã hội là cực kỳ quan trọng. Do đó, nhiệm vụ mà đồng chí Võ Chí Công đảm nhiệm là mới và khá nặng nề, liên quan đến nhiều vấn đề quan trọng, phức tạp.

Lúc này, nhiệm vụ của Ủy trưởng tư pháp trong Ủy ban nhân dân cách mạng là chỉ đạo cả công an và tòa án trong việc điều tra, xét xử. Trong tình hình chính trị, kinh tế, xã hội khó khăn, phức tạp, với chức năng đa nhiệm và rất mới đó, để hoàn thành nhiệm vụ đòi hỏi đồng chí Võ Chí Công phải nỗ lực cao độ. Xác định rõ mục tiêu của cách mạng giải phóng nhân dân, giải phóng con người, quán triệt đúng đắn tư tưởng đại khoan hồng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, gắn bó với thực tiễn và nhân dân, vừa làm vừa học hỏi, đồng chí đã hình thành được quan điểm đúng trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện chức trách, nhiệm vụ của mình. Đó là, trừ những tên đại gian ác đối với nhân dân, còn những người, kể cả người có chức, có quyền cao của chính quyền cũ do lầm đường hoặc bị bắt buộc vì cuộc sống phải làm việc cho địch, thì chủ yếu lấy giáo dục, tuyên truyền, vận động, cảm

hóa để họ đứng vào hàng ngũ của dân tộc chống lại kẻ thù xâm lược; một số ít tên Việt gian đầu sỏ, có nhiều tội ác thì kiên quyết bắt giam; những kẻ có tội ác nghiêm trọng phải thực hiện xử án nghiêm khắc. Đối với những người bị địch lôi kéo hoặc do hoàn cảnh bị bắt buộc hoặc bị tình nghi chống phá cách mạng thì giáo dục, cải tạo rồi thả về.

Với quan điểm như vậy, đồng chí Võ Chí Công đã thực hiện thành công các nhiệm vụ, góp phần giữ vững chính quyền cách mạng, đảm bảo an ninh xã hội trong những năm tháng đầu tiên sau cách mạng hết sức khó khăn, phức tạp ở tỉnh Quảng Nam.

Giữa tháng 9-1945, để đáp ứng những yêu cầu mới về quân sự đặt ra sau khi giành được chính quyền, nhất là sau khi quân Đồng minh kéo đến cũng như việc quân đội Pháp đã bắt đầu trắng trợn thực hiện mưu đồ trở lại thống trị nước ta một lần nữa; sau khi thấy rõ thực tế khả năng về quân sự trong những ngày lãnh đạo khởi nghĩa của đồng chí Võ Chí Công, Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định giao thêm cho đồng chí nhiệm vụ làm Chính trị viên Chi hội Giải phóng quân, tức Chính ủy Trung đoàn 93 của tỉnh Quảng Nam.

Khi được tin thực dân Pháp cho bọn biệt kích nhảy dù xuống Mỹ Sơn ở phía tây huyện Duy Xuyên, đồng chí trực tiếp đưa một tiểu đoàn và huy động quần chúng đến bao vây bắt được bọn này, phá tan mưu đồ

của chúng định gây cơ sở nắm tình hình, liên lạc với bọn thân Pháp chuẩn bị tiến công xâm lược, trước hết là Đà Nẵng.

Vừa làm công tác tư pháp, vừa đảm nhiệm công tác quân sự của tỉnh, công việc trở nên bận bịu vì hai công tác này phải quyết định nhiều công việc cụ thể khác nhau và đều là những công tác mới mẻ đối với đồng chí Võ Chí Công. Là người cách mạng chuyên nghiệp, tuy chưa được đào tạo về lý luận, nhưng trải qua thực tiễn cách mạng phong phú, cộng với tinh thần sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng từ cơ sở, nên mặc dù ở cương vị mới, đồng chí Võ Chí Công đã từng bước rút kinh nghiệm, giải quyết tốt các vấn đề tư pháp, quân sự, hoàn thành nhiệm vụ được Đảng giao phó.

Dự đoán trước tình hình, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống Pháp sẽ xảy ra, Đảng ta đã chủ trương xây dựng, phát triển lực lượng vũ trang rộng khắp các địa phương. Chấp hành chủ trương của Đảng, nhằm tăng cường cho công tác quân sự ở địa phương, Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định để đồng chí Võ Chí Công thôi công tác Ủy trưởng tư pháp và chuyển hẳn sang công tác quân sự. Đồng chí Võ Chí Công cùng với các đồng chí Phan Quang Trọng, Huỳnh Đắc Hương... làm nhiệm vụ tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang, đào tạo cán bộ quân sự, xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang ở Quảng Nam.

Cuối năm 1945, thi hành chỉ thị của Bộ Quốc phòng xây dựng ở mỗi tỉnh một trung đoàn vệ quốc quân mạnh, đồng chí Võ Chí Công bàn với các đồng chí chịu trách nhiệm quân sự khẩn trương tuyển quân, cử người tập luyện quân sự, mở trường đào tạo cán bộ quân sự và công tác chính trị trong quân đội, phát động phong trào xây dựng lực lượng du kích, phong trào nhân dân bố phòng và việc cung cấp trang bị cũng như công tác xây dựng Đảng trong lực lượng vũ trang.

Tháng 10-1945, chấp hành Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh về thành lập Phòng quân giới, Bộ Quốc phòng, tỉnh Quảng Nam thành lập Ban Tạo tác vũ khí¹. Cuối năm 1945, tỉnh Quảng Nam thành lập xưởng Phan Đăng Lưu tại Đại Lộc, sau đó lại lập thêm xưởng Cao Thắng ở Quế Sơn, nhằm thu hút công nhân các ngành nghề liên quan và cả những hàng binh Nhật sửa chữa và sản xuất vũ khí. Để giải quyết những vấn đề đặt ra trong nhiệm vụ này, đồng chí Võ Chí Công đã tiến hành phối hợp công tác, cho người đi tìm các kho đạn, thuốc nổ của Nhật, Pháp còn lại và tìm cán bộ, công nhân cơ khí ở Đà Nẵng để lập xưởng quân giới làm lựu đạn và sửa chữa vũ khí ở Tân An (Quế Sơn).

1. Do đồng chí Nguyễn Xuân Lâm làm Trưởng ban.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy về mua sắm vũ khí, một số cán bộ được cử ra Hải Phòng tìm cách mua vũ khí của quân đội Tưởng Giới Thạch. Đồng chí Võ Chí Công cũng ra hợp ở Bộ Quốc phòng vào thời gian này.

Việc mua vũ khí ở Hải Phòng gặp phức tạp vì việc giao dịch mua súng của quân đội Tưởng Giới Thạch phải thông qua người trung gian. Khi việc mua bán đã thực hiện xong, do chưa có điều kiện chở ngay súng về được nên cán bộ ta phải gửi lại và nhờ người trung gian này giữ hộ. Nhưng người này đưa số súng đó đi giấu chỗ khác rồi nói dối là đã bị quân Tưởng cướp lại. Một cán bộ quân sự Quảng Nam phụ trách mua vũ khí ở Hải Phòng phải lên Hà Nội, tìm gặp đồng chí Võ Chí Công nhờ giải quyết. Trước tình hình đó, đồng chí lập tức xin Bộ Quốc phòng cho một số cán bộ, chiến sĩ và đi gấp xuống Hải Phòng¹ và lấy lại được 500 khẩu súng cho bộ đội. Nhờ đó mà thời gian này, trang bị vũ khí của bộ đội Quảng Nam có phần khá hơn so với các tỉnh khác ở Khu V.

1. Đến Hải Phòng, sau khi nghe báo cáo tình hình rõ hơn, đồng chí Võ Chí Công cho gọi người môi giới đến và nghiêm khắc hỏi lý do mất súng. Người này vẫn nói do quân Tưởng cướp lại. Đồng chí đoán là hắn lấy súng nên nói rõ hắn là tên lừa đảo, dám cướp súng của Nhà nước, của quân đội và dọa: một là trả súng lại thì được tha tội, nếu không trả thì chết, sống hay chết, chọn lấy một. Nói xong, đồng chí cho các chiến sĩ trời hấn lại. Tên này hoảng sợ xin tha tội và dẫn đến chỗ giấu súng. Ta lấy lại được số súng đã mất.

Sau ngày 23-9-1945, được quân Anh yểm trợ, quân Pháp bắt đầu đánh rộng ra Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ. Cuối tháng 9-1945, một đơn vị quân Anh đổ bộ lên thị xã Nha Trang đã trang bị vũ khí cho 1.200 quân Pháp bị Nhật giữ ở đây và cùng quân Nhật đánh chiếm rộng ra miền Trung.

Quân dân miền Nam kiên quyết kháng chiến. Các tỉnh rầm rập đưa quân cùng các đoàn quân Nam tiến từ miền Bắc vào mặt trận Nam Trung Bộ để ngăn chặn quân Pháp. Lúc đầu, Quảng Nam đưa đi một đại đội, hai trung đội vào mặt trận cực Nam¹. Đến tháng 5-1946, Khu V biên chế các chi đội thành ba đại đoàn. Đại đoàn 31 có bốn trung đoàn phụ trách Quảng Ngãi, Trung đoàn 93 và 96 ở Quảng Nam.

Sau khi giành được chính quyền, nhiều nhiệm vụ với yêu cầu mới và rất phức tạp đặt ra. Ngoài nhiệm vụ chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng chính quyền, quân đội, đoàn thể, kinh tế, xã hội, văn hoá, an ninh trật tự, v.v., Khu V còn phải đối phó với 5.000 quân Nhật và 6.000 quân Tưởng đóng ở Đà Nẵng, Hội An, Vĩnh Điện. Quân Tưởng Giới Thạch âm mưu giúp bọn phản động, nhất là Quốc dân Đảng, đánh đổ chính quyền ta, lập chính quyền tay sai. Đây là đội quân ô

1. Lúc này, theo biên chế, một đại đội bằng một tiểu đoàn, một trung đội bằng một đại đội ngày nay.

hợp, đói rách nên đã tiến hành cướp bóc của nhân dân, phá hoại an ninh rất trắng trợn. Cùng với việc lợi dụng bọn tay sai Quốc dân Đảng, Hoa kiều phản động chống phá cách mạng, đi tới đâu đội quân này cũng hăm hiếp phụ nữ, ăn không trả tiền mà còn đánh đập nhân dân, gây ra nhiều căm thù, phẫn uất trong nhân dân.

Trước tình hình đó, để ngăn chặn và giảm bớt những hành động bất lương của đội quân cướp bóc dưới danh nghĩa quân Đồng minh, đồng chí Võ Chí Công được cử làm đại diện giao thiệp với chỉ huy quân Tưởng ở Quảng Nam. Một mặt, đồng chí tiến hành đấu tranh với cấp chỉ huy của quân đội Tưởng ở đây; mặt khác, lãnh đạo, tổ chức nhân dân đấu tranh với bọn bên dưới bằng các biện pháp vừa kiên quyết vừa khéo léo, mềm mỏng. Đồng chí đã trực tiếp đến gặp tên sư trưởng đấu tranh bằng lý lẽ, và tranh thủ y.

Những hành động khiêu khích, cướp bóc ngang ngược của quân đội Tưởng Giới Thạch cũng làm một số cán bộ chỉ huy quân sự Quảng Nam bức xúc. Những đồng chí này bàn nhau dùng lực lượng vũ trang đánh úp quân Tưởng. Lúc này, đồng chí Võ Chí Công đang đi công tác. Khi trở về, nghe được báo cáo và thấy đây là việc làm manh động, không tính đến hậu quả, đồng chí Võ Chí Công lập tức đến thuyết phục các cán bộ này chấm dứt chủ trương bột phát đó, vì nếu hành động như vậy không những gây thêm khó khăn, có hại

cho công tác chuẩn bị kháng chiến chống Pháp ở Quảng Nam mà còn ảnh hưởng đối với cả nước. Hiểu rõ được vấn đề, việc đánh úp quân Tưởng đã không diễn ra ở Quảng Nam.

Cũng vào thời gian này, hạm đội Pháp đòi đưa quân lên Đà Nẵng. Được thông tin đó, từ Hội An, đồng chí Võ Chí Công đi ngay ra Đà Nẵng thảo luận với đồng chí Trần Đình Tri, Chủ tịch Ủy ban hành chính Đà Nẵng, để tìm cách đối phó. Các đồng chí đã đến gặp đại diện Pháp và kiên quyết không chấp nhận yêu cầu của Pháp với lý lẽ Đồng minh chỉ phái quân Tưởng vào giải giáp quân Nhật, còn quân Pháp không có nhiệm vụ đó. Trước những lý lẽ ấy, đại diện quân Pháp phải nhượng bộ.

Đầu năm 1946, một trung đoàn bộ binh cùng xe tăng, pháo binh của Pháp đổ bộ lên Đà Nẵng và lập tức tiến hành các hành động mở rộng phạm vi chiếm đóng. Trước hành động chiến tranh của quân đội thực dân Pháp, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng lập tức đứng lên chống giặc. Ủy ban kháng chiến thành phố Đà Nẵng dời cơ quan ra ngoại thành. Nhân dân phối hợp với bộ đội đào hầm, đắp ụ, xây dựng các khu chiến đấu trong và xung quanh thành phố và giúp Trung đoàn 96 đánh địch. Trung đoàn 93 tiến hành đánh địch ở phía nam cầu Cẩm Lệ ngăn chặn bước tiến quân của Pháp.

Trong thời gian này, đồng chí Võ Chí Công trực tiếp tham cuộc gia chiến đấu cùng Trung đoàn 93 để cầm cự không cho quân Pháp mở rộng khu vực chiếm đóng về phía nam Đà Nẵng.

Giữa năm 1946, đồng chí Võ Chí Công được điều động vào Quảng Ngãi nhận công tác mới. Thời gian đầu, đồng chí được phân công làm Phó Ban Cán bộ, sau đó được giao kiêm thêm công tác thanh tra của Ủy ban kháng chiến miền Nam.

Ngày 19-12-1946, theo *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Cùng với cả nước, nhân dân Khu V nhất tề đứng lên giết giặc, cứu nước với tinh thần “Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Khắp các địa phương đều vang lên lời thề “Hy sinh vì Tổ quốc”, “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

Ngày 20-12-1946, quân Pháp bắt đầu tiến công từ cảng Đà Nẵng, chia thành hai cánh đánh lên phía bắc và phía nam Đà Nẵng. Sau đó, chúng tăng thêm quân, dùng bộ binh, xe tăng, máy bay, pháo binh tiến công đánh chiếm các cao điểm phía nam thành phố và nam sông Cẩm Lệ. Đầu tháng 3-1947, 5.000 bộ binh Pháp với máy bay, xe tăng, pháo binh, tàu chiến yểm trợ, chia làm hai cánh đánh vào Vĩnh Điện, Hội An và đánh lên

Ái Nghĩa, Giăng. Đến tháng 6-1947, chúng mở nhiều đợt tiến công vào khu vực sông Thu Bồn rồi mở rộng chiếm vùng nông thôn đồng bằng từ cuối phía nam đèo Cả, Khánh Hòa đến Bình Thuận cũng như các thị xã, huyện lỵ lớn và các vùng xung quanh các thị xã ở Tây Nguyên. Từ khoảng giữa năm 1947, với các lực lượng hải, lục, không quân của quân Pháp tăng cường đánh phá nhằm tiến xuống Bình Định - nơi có nhiều lương thực, thực phẩm, dân đông, trù phú.

Trước tình hình đó, Khu ủy V chủ trương lập Ban quân sự mặt trận Bình Định gồm một trung đoàn chủ lực của Quân khu và quân địa phương của tỉnh Bình Định, chủ yếu là ở mặt trận phía tây, để đối phó với địch thực hiện âm mưu mở các cuộc càn quét lớn từ An Khê tiến xuống nhằm lấn chiếm từng bước tỉnh Bình Định. Đồng chí Võ Chí Công được giao nhiệm vụ phụ trách công tác Chính trị ở Ban quân sự mặt trận. Đầu tháng 7-1947, 2.000 quân địch chia làm ba cánh đánh xuống huyện Bình Khê phối hợp với thủy quân bắn phá ven biển. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra quyết liệt, Ban quân sự đã quyết định cử đồng chí Võ Chí Công trực tiếp làm Bí thư Trung đoàn 95 - trung đoàn chủ lực của khu - phối hợp với quân dân địa phương tiến hành đánh địch. Đồng chí đã chỉ đạo lực lượng ta thực hiện chiến thuật bao

vây, phục kích, đánh vu hồi, tập kích, làm cho địch bị động, tổn thất nên cuộc hành quân của Pháp bị thất bại, buộc phải rút quân. Với thất bại này, quân Pháp không còn đủ sức mở những cuộc tấn công bằng bộ binh nữa, chúng chỉ dùng phi pháo bắn phá và cố thủ ở những vùng chúng chiếm được trước đây từ An Khê trở lên¹.

Đầu năm 1948, thực hiện nhiệm vụ vừa củng cố tổ chức, vừa đẩy mạnh công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ theo Sắc lệnh 71/SL, ngày 22-5-1946 của Chính phủ², là đại diện của Trung ương ở miền Trung, đồng chí Phạm Văn Đồng chủ trương mở Trường Trung học bình dân để nâng cao trình độ học vấn cho cán bộ cũ, cán bộ lãnh đạo khu, tỉnh. Theo chủ trương đó, đồng chí Võ Chí Công được cử đi học ở Trường Trung học bình dân quân sự Quân khu 5³.

1. Sau chiến thắng này, Ban quân sự mặt trận Bình Định hết nhiệm vụ và giải thể.

2. Theo Sắc lệnh này, cuối tháng 5-1946, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam quyết định cải tổ các chi đội vệ quốc đoàn, sau đó tiến hành củng cố tổ chức và đẩy mạnh huấn luyện, đào tạo cán bộ nên đã thành lập nhiều lớp đào tạo, huấn luyện cho cán bộ quân sự các cấp.

3. Trường đóng tại Sở Nông khí của Nhật ở xã Tịnh Ấn, Sơn Tịnh, Quảng Ngãi với khoảng 400 học sinh, chia thành lớp trẻ là 20 tuổi, một lớp trên 30 tuổi và một lớp thiếu sinh quân từ 12 đến 14 tuổi.

Tại trường này, đồng chí Võ Chí Công được cử làm Bí thư Đảng ủy của trường, có nhiệm vụ lãnh đạo cả học viên, cán bộ, công nhân viên và thầy giáo của trường. Vì điều kiện kháng chiến nên việc học tập rất khẩn trương, riêng lớp lớn (từ 30 - 35 tuổi) có ngày phải lên lớp hai buổi, đêm học bài, sinh hoạt đảng, sinh hoạt chính trị vào chủ nhật. Thấy rõ tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ mọi mặt của mình, mặc dù phải học tập trong điều kiện gian khổ, nhưng đồng chí rất quyết tâm vừa học tập, vừa hoàn thành công tác đảng và tốt nghiệp ra trường. Trong thời gian đi học, đồng chí Võ Chí Công kết hôn với đồng chí Phan Thị Nễ¹.

1. Đồng chí Phan Thị Nễ (bí danh Tân) sinh ngày 6-11-1915, trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Thọ Khương, tổng Đức Hòa, phủ Tam Kỳ (nay là thôn 6 xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành), tỉnh Quảng Nam.

Đồng chí sớm được giác ngộ cách mạng, được kết nạp vào Đảng tháng 1-1938; tham gia nhiều phong trào, hoạt động cách mạng ở Quảng Bình, Đà Nẵng; bị địch bắt giam nhiều lần nhưng luôn kiên định đi theo Đảng, trung thành với cách mạng. Trong thời gian hoạt động cách mạng, đồng chí được giao nhiều trọng trách như: Bí thư Phụ nữ cứu quốc tỉnh Quảng Nam; Ủy viên Ban Chấp hành Nông hội Khu V, Bí thư Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Nam, v.v.. Ở cương vị công tác nào, đồng chí cũng thực hiện tốt chức trách của người cán bộ, đảng viên, đóng góp vào sự thành công chung của cách mạng cả nước. Đồng chí mất ngày 1-1-1998.

2. Thực hiện nhiệm vụ quốc tế và kháng chiến ở Quảng Nam

Giữa năm 1950, Trung ương Đảng chủ trương tăng cường giúp cách mạng Campuchia khôi phục và mở rộng phong trào kháng chiến ở các tỉnh Đông Bắc của nước này để phối hợp với chiến trường Tây Nguyên và Hạ Lào, Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh Liên khu V quyết định tách nhóm công tác Đông Bắc Campuchia (có từ trước) trong Ban Cán sự Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia, bổ sung một số cán bộ và thành lập Ban Cán sự khu Đông Bắc Campuchia¹. Đúng thời gian này, đồng chí Võ Chí Công vừa ra trường, Liên khu ủy giao ngay nhiệm vụ cho đồng chí làm Bí thư, kiêm Chính ủy Ban Cán sự khu Đông Bắc Campuchia², lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc tế theo chủ trương của Đảng.

Để thực hiện nhiệm vụ mới rất khó khăn đó, thời gian đầu, đồng chí Võ Chí Công và Ban Cán sự tập trung vào nhiệm vụ về tổ chức nhằm chuẩn bị kỹ lưỡng cho việc thành lập hai tiểu đoàn quân tình nguyện và một số cán bộ dân vận, kinh tế, sắp xếp đội ngũ, bồi dưỡng cán bộ, tổ chức hậu cần để tiến hành nhiệm vụ quốc tế. Đây là công việc phức tạp, trước hết là phải lựa chọn người phù hợp

1. Ban Cán sự Hạ Lào - Đông Bắc Campuchia thành lập từ giữa năm 1949, do đồng chí Nguyễn Chính Cầu (Nguyễn Chính Giao) làm Bí thư (Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, 1986, t.1, tr. 148-149).

2. Đồng chí Trần Hoài Ân làm Phó Bí thư.

với điều kiện công tác khó khăn cả trong khi hành quân đến thực hiện công tác đa nhiệm vụ rất xa hậu phương và ở ngoài nước. Sau khi tuyển lựa người và sắp xếp tổ chức xong, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo tiến hành tổ chức học tập, quán triệt nhiệm vụ để mỗi chiến sĩ có thể đáp ứng tốt các yêu cầu hoạt động được giao của quân tình nguyện. Trong đó, đồng chí đặc biệt nhấn mạnh tới việc quân tình nguyện phải hiểu rõ ý nghĩa công việc mình làm, phải tôn trọng bạn và nhân dân nước bạn, không được vi phạm một điều gì ảnh hưởng đến uy tín của bộ đội ta và tình đoàn kết giữa nhân dân hai nước. Do hoạt động xa hậu phương, đường hành quân qua nhiều địa hình phức tạp, luôn bị địch đánh phá, ngăn chặn, đồng chí quyết định tổ chức một đoàn tiền trạm đi trước chuẩn bị đường hành quân và chiến trường cho đoàn công tác chính lên đường.

Tháng 8-1950, sau khi hoàn thành việc chuẩn bị mọi mặt, đồng chí Võ Chí Công và đoàn công tác bắt đầu xuất quân từ Bình Định. Đi bằng xe lửa từ ga Bồng Sơn ra ga An Tân, rồi từ đây đoàn công tác đi bằng thuyền đến Trung Phước, Quế Sơn. Từ Trung Phước, đồng chí Võ Chí Công và hơn 1.000 cán bộ, chiến sĩ bắt đầu cuộc hành trình đi bộ qua dãy Trường Sơn, tiến sang Hạ Lào rồi đi xuống Đông Bắc Campuchia¹.

1. Cuộc hành quân này thường được gọi là “Cuộc hành quân Tân chinh Nam chiến”.

Hành quân từ Liên khu V qua Hạ Lào đến Đông Bắc Campuchia phải vượt qua nhiều dãy núi cao liên tiếp, có những đỉnh cao chót vót như Công Tơrơ, Đẳng Đam, Đắc Úc. Sáng đi từ chân núi, trưa mới tới đỉnh, tối mới xuống tới chân núi bên kia. Trên đỉnh núi nhiệt độ còn khoảng 12°C, lạnh buốt xương. Đường đi phần lớn theo lối mòn trong rừng nhưng không ít đoạn phải có người đi trước mở lối mới đảm bảo cho hành quân đông người. Mỗi người đều phải mang theo vũ khí, các trang thiết bị khác và phải mang gạo, lương khô dùng trong khoảng 20 ngày. Đoàn quân ngày đi, đêm nghỉ giữa núi rừng, đến giờ nghỉ tối từng tiểu đội phân công nấu ăn, treo võng hoặc chặt cây lá làm chõi đơn sơ để nghỉ. Đồng chí Võ Chí Công và phần lớn đoàn quân là người Liên khu V, quen với nắng nóng của miền Trung, ban ngày có gió khô nóng như lửa đốt còn chịu đựng được, nhưng phải chịu lạnh vào ban đêm trên núi, thiếu chăn, áo ấm, mất ngủ, nên sức lực giảm đi nhanh chóng, lại thêm sốt rét, bệnh tật vô cùng gian khổ.

Vượt qua núi cao, sang đất Lào, đội quân phải vượt qua nhiều sông lớn, nhất là các sông Xê Xan, Mê Kông và qua một số đồn địch. Dọc đường hành quân, do làm tốt công tác dân vận nên đoàn công tác được nhân dân nước bạn giúp đỡ cả về vật chất và thông tin để nắm vững tình hình địch trên đường đi. Lúc qua sông, nhân dân huy động hàng trăm thuyền độc mộc đưa bộ đội qua sông. Tuy có nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng nhờ

sự tổ chức chặt chẽ của đồng chí Võ Chí Công, sau một tháng hành quân, đoàn quân làm nhiệm vụ quốc tế đã đến địa điểm ở Đông Bắc Campuchia an toàn.

Vùng Đông Bắc Campuchia gồm tỉnh Krachiê, Kongpong Thơm và huyện Lam Phát, địa hình bằng phẳng với nhiều cánh đồng rộng lớn và cả những cánh rừng nguyên sinh bạt ngàn nằm dưới chân dãy Trường Sơn; phía tây giáp sông Mê Kông (Thái Lan); phía đông giáp Việt Nam (Liên khu V); phía bắc giáp Lào. Do điều kiện tự nhiên khá thuận lợi nên khu vực này có nhiều bản làng, dân cư khá đông đúc.

Thực hiện kế hoạch tái chiếm Việt Nam và Đông Dương, từ tháng 10-1945, thực dân Pháp đưa quân từ Sài Gòn lên chiếm đóng Đông Bắc Campuchia, dùng làm bàn đạp tiến công Hạ Lào và tiến đánh Tây Nguyên. Trước năm 1949, trên các tuyến đường 19, 15, 20 qua đây, chúng đã lập được hệ thống đồn bốt để ngăn chặn quân kháng chiến từ Tây Nguyên và Hạ Lào sang hoạt động. Từ đầu năm 1950, để đối phó với phong trào kháng chiến đang phát triển, địch đẩy mạnh bắt lính, tăng số quân ở các đơn vị chiếm đóng lên 2 đến 3 đại đội, thành lập trung đoàn cơ động để yểm trợ giữ đường 13 và các thị xã, thị trấn trong khu vực chiến lược này.

Là vùng chiến lược quan trọng liên quan tới cách mạng ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, từ cuối năm 1948, một đội vũ trang tuyên truyền do đồng chí Phan Thanh

chỉ huy, từ bàn đạp Đắc Min, Đắc Lắc, vượt biên giới Việt Nam - Campuchia sang hoạt động giúp đỡ bạn ở phía bắc tỉnh Krachiê.

Đầu năm 1950, Ban Cán sự Hạ Lào tổ chức thêm một đội vũ trang do đồng chí Tổng Đình Phương chỉ huy, sang hoạt động ở vùng đông bắc tỉnh Stung Treng. Tiếp đó, đội thứ ba do đồng chí Phan Phong chỉ huy sang cùng với đội của đồng chí Tổng Đình Phương hoạt động ở địa bàn Stung Treng. Còn một đội nữa chia làm ba bộ phận hoạt động ở ba vùng để tăng cường hoạt động ở Đông Bắc Campuchia¹.

Đến đất Campuchia, để có một địa điểm tương đối an toàn, đủ lương thực, thực phẩm để trú quân, tiến hành học tập và chỉnh đốn tổ chức, bàn kế hoạch hoạt động, đồng chí Võ Chí Công cho một đội tiên trạm đi chuẩn bị trước và tìm được một thị trấn đáp ứng được yêu cầu này. Đây là địa phương gần ngã ba biên giới nhưng đông dân, thuận tiện cho đóng quân trong nhà dân.

Để nắm tình hình cụ thể ở một chiến trường mới lạ, tiếng nói, phong tục chưa biết, đồng chí Võ Chí Công đã

1. Sau đó, Bộ Tư lệnh Quân khu 5 giao Trung đoàn 120 ở Tây Nguyên đưa thêm hai đội sang hoạt động. Các đội nói trên thực hiện nhiệm vụ tiến xuống vùng đông dân, mở rộng phong trào, xây dựng cơ sở ở nhiều vùng. Nhưng từ đầu năm 1951, địch đánh phá ác liệt, đóng thêm đồn bốt, khống chế các vùng dân cư đông và chặn các đường giao thông quan trọng, các đội vũ trang tuyên truyền nói trên bị địch đánh bật ra rừng, tổn thất nhiều, có đơn vị mất hẳn sức chiến đấu.

dành thời gian lắng nghe ý kiến của các đồng chí đến chiến trường trước, cùng nhau đánh giá tình hình, thế của địch và ta, đặc biệt là lòng dân ở khu vực Đông Bắc Campuchia, rồi tiến hành sắp xếp, phân bổ lực lượng và hoạch định kế hoạch công tác. Mặt khác, đồng chí chỉ đạo tiến hành ngay một nhiệm vụ rất quan trọng là chấp nối các cơ sở cách mạng tại chỗ. Do bị địch đánh phá nhiều lần nên cơ sở ở đây còn lại không nhiều. Mặc dù vậy, khi đồng chí tổ chức cuộc họp đầu tiên của Ban Cán sự khu Đông Bắc Campuchia trên đất bạn cũng đã có một số đồng chí hoạt động cũ tới dự, giúp Ban Cán sự đánh giá tình hình địch, ta và bàn chủ trương, sách lược, kế hoạch hoạt động của đoàn công tác ở vùng chiến lược này.

Sau khi nghiên cứu mọi mặt, nhận định về tình hình, đồng chí Võ Chí Công cho rằng: Về phía địch, lực lượng của chúng tương đối mạnh, đã chiếm giữ các tỉnh, huyện lỵ và các vùng nông thôn rộng, đông dân, xây dựng các đồn bốt trên các đường giao thông chiến lược và có trung đoàn cơ động phối hợp với quân ở trong các đồn bốt càn quét sẽ gây cho ta nhiều khó khăn. Tuy nhiên, chúng vẫn còn nhiều sơ hở vì không đủ quân kiểm soát, càn quét lớn và nhất là tinh thần kém. Về phía ta, tuy quân số ít, gặp khó khăn do địch luôn tiến hành càn quét, đánh phá liên miên, nhưng với tinh thần cách mạng cao, có khả năng vận động được quần chúng đi theo cách mạng. Bởi vậy, nếu kết hợp hoạt

động vũ trang và vận động chính trị khéo léo, lấy hoạt động chính trị làm chính, vũ trang hỗ trợ và tự vệ thì nhất định sẽ giành được dân, dần mở rộng phong trào ở đây lên từng bước.

Trên cơ sở nhận định đó, đồng chí Võ Chí Công và Ban Cán sự khu Đông Bắc Campuchia quyết định nhiệm vụ hàng đầu lúc này là giúp bạn xây dựng Ủy ban Mặt trận Ítxarác, cơ quan chỉ huy của bạn, để tập hợp lực lượng đoàn kết và làm chủ lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến trên phạm vi toàn miền. Dựa vào hai cán bộ của Campuchia thoát ly tham gia kháng chiến là các đồng chí Xiđà¹ và Đamsaipắc, đồng chí Võ Chí Công mời một số thân sĩ yêu nước như ông Áchnha Còn², Achăn Khuxềng³ và một số cán bộ khác là những người đã trưởng thành từ phong trào kháng chiến tại chỗ để bàn bạc hướng phát triển phong trào kháng chiến. Được đồng chí Võ Chí Công giúp đỡ, dưới sự chủ trì của ông Xiđà, các nhân sĩ yêu nước và cán bộ Campuchia đã tổ chức Hội nghị thành lập Ủy ban Mặt trận Ítxarác miền, do ông Xiđà làm Chủ tịch. Ủy ban Mặt trận đã ra lời kêu gọi toàn dân Đông Bắc Campuchia đứng lên kháng chiến chống Pháp.

1. Tên thật là Kim Xiêng.

2. Là người giác ngộ đi theo cách mạng và nguyên là Huyện đội phó huyện Vưon Sai.

3. Là một hòa thượng nổi tiếng ở chùa Xêmo đã hoàn tục.

Từ tháng 10-1950 đến giữa năm 1951, sau khi chuẩn bị xong địa bàn đứng chân, theo chủ trương, kế hoạch được bàn bạc kỹ lưỡng của Ban Cán sự, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo mở một đợt hoạt động dài ngày trên địa bàn rộng ở các tỉnh thuộc Đông Bắc Campuchia. Đợt hoạt động này nhằm mục đích thu hẹp vùng địch, làm tiêu hao, tan rã một bộ phận địch bao gồm lực lượng quân đi càn quét, đồn bốt nhỏ, loại bỏ những tên phản động gian ác trong chính quyền thôn, xã, giải tán chính quyền địch ở xã, thôn hỗ trợ cho các hoạt động của lực lượng kháng chiến Campuchia.

Với chủ trương dựa vào dân¹, quân tình nguyện đã kết hợp các mặt hoạt động cả quân sự, chính trị, binh vận với kinh tế, văn hoá,... kết hợp các lực lượng cán bộ Việt Nam và Khmer, mở lớp đào tạo cấp tốc cán bộ Khmer, xây dựng lực lượng quân sự và cán bộ chính trị, binh vận. Đặc biệt, ngoài việc chỉ đạo công tác của Ban Cán sự, đồng chí Võ Chí Công còn hết lòng bồi dưỡng về năng lực, lề lối làm việc cho bạn, làm cho các thân sĩ và cán bộ kháng chiến Campuchia mến phục, tin tưởng vào đồng chí và quân tình nguyện Việt Nam.

1. Nhân dân ở vùng này phần lớn theo đạo Phật, được giáo dục, giúp đỡ, hướng dẫn làm ăn, nên rất quý cán bộ, bộ đội và căm ghét bọn địch khủng bố, bóc lột. Vì vậy, họ tích cực giúp đỡ cách mạng chống địch càn quét, bảo vệ cán bộ, bộ đội, tự nguyện đóng góp lương thực, thực phẩm để nuôi bộ đội.

Để thực hiện nhiệm vụ, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo chia đoàn công tác thành từng đội vũ trang tuyên truyền, đi sâu vào vùng địch (chủ yếu là quy mô đại đội độc lập, khi có điều kiện mới lập tiểu đoàn tập trung), phân công từng khu vực cho từng đơn vị phụ trách để bám sát dân, bám sát địch vừa tổ chức đánh địch, vừa vận động quần chúng, v.v.. Diện hoạt động của đoàn công tác rộng khắp ba tỉnh, nhưng lấy trọng điểm là Stung Treng vì tỉnh này đông dân, kinh tế phát triển, gắn liền với Hạ Lào và Kon Tum của Việt Nam. Thời gian hoạt động là sáu tháng, nhưng chia thành từng đợt. Sau mỗi đợt hoạt động, đồng chí Võ Chí Công lại triệu tập các cuộc hội nghị để rút kinh nghiệm ở từng khu vực và học tập lẫn nhau.

Hoạt động của đoàn công tác đã khích lệ, động viên quân dân ước bạn đứng lên chiến đấu giải phóng nhiều khu vực, mở rộng và xây dựng chính quyền cách mạng ở nhiều địa phương, tăng cường vũ trang, mở rộng căn cứ cách mạng. Thế liên hoàn nối liền khu vực Hạ Lào, Tây Nguyên, Đông Bắc Campuchia được xác lập có lợi cho kháng chiến của cả ba nước.

Để nắm vững kết quả hoạt động và rút kinh nghiệm cho các hoạt động tiếp theo, đồng chí Võ Chí Công triệu tập Hội nghị Ban Cán sự (mở rộng) khu Đông Bắc Campuchia. Hội nghị nhận định, sau một thời gian tiến hành công tác, quân tình nguyện Việt Nam đã thực hiện

được phân quan trọng nhiệm vụ theo chủ trương của Đảng. Nhân dân một vùng nông thôn rộng lớn ở Đông Bắc Campuchia đã được giải phóng và xây dựng được chính quyền cách mạng. Căn cứ địa Đông Bắc Campuchia đã kết nối liên hoàn với khu Hạ Lào, nối liền với Tây Nguyên (Liên khu V) của Việt Nam, có hành lang giáp phía sông Mê Kông, tạo ra được một hành lang tương đối an toàn nối liền từ Hạ Lào, Tây Nguyên và Đông Bắc Campuchia. Các mặt xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, quân sự, kinh tế đã khá hơn trước, nhưng vẫn còn nhiều mặt yếu và khó khăn. Địa bàn kiểm soát của địch đã bị co hẹp nhưng vẫn còn rộng, lực lượng của chúng còn mạnh và vẫn giữ được đường chiến lược 13. Chúng ta chỉ kiểm soát được từng đoạn trên đường 19 và 15.

Sau một thời gian vừa hoạt động vừa rút kinh nghiệm, kết hợp nhiều hình thức đấu tranh, Ban Cán sự khu Đông Bắc Campuchia, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, đúng đắn của Bí thư Ban Cán sự Võ Chí Công, cùng sự nỗ lực của đảng viên, cán bộ, chiến sĩ tình nguyện, bước đầu đã thực hiện thành công nhiệm vụ quốc tế đặt ra.

Tháng 7-1951, khi các hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam đã ổn định và tiến triển tốt ở Đông Bắc Campuchia, Liên khu ủy V lại điều đồng chí Võ Chí Công về nước nhận nhiệm vụ mới.

Sau chiến thắng Biên giới cuối năm 1950, tình hình quốc tế và cuộc kháng chiến của nhân dân ta có những biến đổi thuận lợi rất quan trọng. Để đáp ứng yêu cầu

lãnh đạo cuộc kháng chiến trong tình hình mới, Đảng ta quyết định ra hoạt động công khai.

Từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tổ chức tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng nước ta là hoàn thành giải phóng dân tộc, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Đại hội cũng đề ra những chính sách quan trọng để đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng.

Từ ngày 16-7 đến ngày 2-8-1951, để quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần thứ II được tổ chức tại An Lão, Bình Định. Đồng chí Võ Chí Công là đại biểu chính thức của Đại hội.

Đại hội Đảng bộ Liên khu V đã chủ trương lấy việc rèn luyện lập trường, tư tưởng là nhiệm vụ chủ yếu, quyết định mở rộng và xây dựng cơ sở ở vùng địch hậu, phá chính sách “bình định” và củng cố Tây Nguyên của địch¹. Đại hội đã bầu Liên khu ủy V mới gồm 21 đồng chí chính thức. Đồng chí Võ Chí Công được bầu là Liên khu ủy viên chính thức, công tác tại Liên khu ủy V.

Cuối năm 1951, Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng triệu tập Hội nghị cán bộ nhằm chấn chỉnh các mặt yếu kém trong công tác ở vùng địch hậu, trong

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 301.

xây dựng lực lượng vũ trang, phát triển cơ sở cách mạng và tiến hành củng cố lại tổ chức cho phù hợp với tình hình mới của cuộc kháng chiến.

Thời gian này, do thiên tai, hạn hán và bão lụt xảy ra liên tiếp, địch lại tăng cường đánh phá làm cho tình hình và phong trào kháng chiến của Quảng Nam - Đà Nẵng gặp rất nhiều khó khăn. Ở hậu phương, do bị nắng hạn kéo dài, vụ đông năm 1951 mất trắng, đến vụ xuân năm 1952, bão lũ lại làm mất mùa lớn ở nhiều huyện; vùng ven biển còn bị địch đánh phá, hủy hại ngư cụ. Tình hình đó làm cho Quảng Nam - Đà Nẵng trở nên thiếu lương thực, thực phẩm gay gắt, dẫn tới nạn đói năm 1952.

Tháng 3-1952, Tỉnh ủy Quảng Nam và Thành ủy Đà Nẵng triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ III¹. Đồng chí Võ Chí Công tham dự Đại hội.

Đại hội đã tập trung bàn về công tác vùng bị địch chiếm, kiểm điểm công tác, rút ra những ưu, khuyết điểm và quyết định những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ trong giai đoạn trước mắt. Đại hội nhận định: do tư tưởng nôn nóng tập trung bộ đội địa phương và du kích lên trên quá sớm làm cho cơ sở yếu, hoạt động vũ trang chính trị chưa phù hợp điều kiện từng vùng; ở thành phố hoạt động bề nổi nhiều, thiếu lo xây dựng cơ sở bên trong; tách Đà Nẵng thành đơn vị trực thuộc Quân khu nhưng thiếu hỗ trợ giữa nông thôn và thành phố.

1. Tổ chức tại xã Tiên Lập, Tiên Phước, Quảng Nam.

Đại hội đề nghị với Liên khu ủy V sáp nhập lại thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam.

Để lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ nặng nề được thông qua tại Đại hội Đảng bộ Liên khu V và khắc phục những khó khăn, về mặt tổ chức, Đại hội Đảng bộ tỉnh quyết định sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo các cấp, tinh giảm biên chế, thống nhất Quảng Nam và Đà Nẵng thành một tỉnh. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 16 ủy viên chính thức và 6 ủy viên dự khuyết. Liên khu ủy V chỉ định đồng chí Võ Chí Công làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng¹.

Hoàn thành nhiệm vụ quốc tế, trở về nước và lại trực tiếp lãnh đạo kháng chiến ở Quảng Nam, sau Đại hội của Đảng bộ Quảng Nam, đồng chí Võ Chí Công và Tỉnh ủy Quảng Nam bắt tay vào lãnh đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và lực lượng vũ trang của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Theo chủ trương của Trung ương Đảng, cùng với việc tạm dừng việc kết nạp đảng viên, đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo Đảng bộ Quảng Nam tập trung công tác củng cố về tổ chức và tư tưởng, tiến hành sửa đổi lề lối làm việc, đơn giản hóa bộ máy lãnh đạo các cấp cho phù

1. Đồng chí Võ Văn Đặng làm Phó Bí thư, trực tiếp làm Bí thư Thành ủy Đà Nẵng (Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 304).

hợp với hoàn cảnh mới của cuộc kháng chiến lâu dài. Để rút kinh nghiệm về tinh giản bộ máy, đồng chí và Tỉnh ủy Quảng Nam chỉ đạo tiến hành thí điểm đưa một số cán bộ ở huyện Đại Lộc, Duy Xuyên về tăng cường cho chi bộ xã, chia lại tổ đảng và kiện toàn phương thức lãnh đạo.

Từ tháng 4-1952, chấp hành chủ trương của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V, đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành công tác chỉnh Đảng trong cán bộ, đảng viên toàn tỉnh Quảng Nam. Nhiều lớp chỉnh Đảng được mở với hàng trăm học viên theo học. Sau quá trình học tập chỉnh Đảng, củng cố tổ chức và tư tưởng, Đảng bộ Quảng Nam tiến hành việc bầu cử lại các thành ủy, huyện ủy, đồng thời tiến hành bổ sung một số huyện ủy viên cũ về tăng cường cho các huyện Đại Lộc, Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn và cử một số tỉnh ủy viên về trực tiếp làm Bí thư Đại Lộc, Điện Bàn, Trà My, Tiên Phước... Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, thực hiện việc tinh giản bộ máy, sắp xếp lại tổ chức, Đảng bộ Quảng Nam đã tiến hành đưa ra khỏi tổ chức đảng và chính quyền những phần tử sa sút tinh thần và ý chí. Nhờ làm tốt công tác này, bộ máy kháng chiến của Quảng Nam tinh gọn, chất lượng đảng viên được nâng lên. Tỉnh ủy Quảng Nam cũng tiến hành vận động phong trào toàn dân tham gia nuôi quân và đã đem lại nhiều kết quả. Nhờ các hoạt động đó, phong trào kháng chiến cả ở vùng tự do và vùng tạm bị địch chiếm ngày một phát triển.

Giữa năm 1952, để phối hợp với chiến trường cả nước sau thắng lợi của chiến dịch Hòa Bình, Liên khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Nam chủ trương mở chiến dịch hè 1952 tại Quảng Nam - Đà Nẵng nhằm mục đích giành lại vùng du kích và phá thế uy hiếp của địch, tác chiến tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta. Lực lượng tham gia bao gồm lực lượng chủ lực của Liên khu V (Trung đoàn 803) và lực lượng dân quân của tỉnh Quảng Nam nhằm đánh đồn bốt, chống càn quét, phá tề, trừ gian, thu hẹp vùng địch tạm chiếm, vận động binh lính địch, hỗ trợ phong trào chiến tranh du kích và đấu tranh của nhân dân, giành dân, mở rộng vùng của ta và xây dựng các mặt, nhất là xây dựng lực lượng vũ trang...

Công tác chuẩn bị cho chiến dịch phải mất ba tháng mới xong vì phải kết hợp chuẩn bị trong vùng địch tạm chiếm, ở thành phố, vùng tranh chấp, căn cứ lõm du kích và vùng tự do. Nhận thấy cần phải trực tiếp nắm tình hình chuẩn bị chiến trường cho chiến dịch phối hợp quan trọng này nên đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí Bùi San, Nguyễn Bá Phát và một đoàn công tác gồm 50 người thuộc các lĩnh vực quân sự, quân báo, binh vận, dân vận, công tác thành phố đi vào vùng căn cứ lõm ở vùng trung huyện Điện Bàn.

Trong chuyến đi này, đoàn công tác phải vượt qua một loạt đồn bốt của địch, lớn nhất là đồn Vân Ly. Sau khi qua đồn này, đoàn lại phải vượt qua tỉnh lộ 100

giữa hai đồn địch, cách nhau 1km và phải đi qua một vùng địch kiểm soát nữa mới vào tới căn cứ lõm. Đến địa điểm, đồng chí Võ Chí Công và đoàn công tác bắt tay ngay vào việc bám sát địch để nắm chắc tình hình và chuẩn bị các hoạt động ở phía sau lưng chúng nhằm phân tán lực lượng của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho chiến dịch thắng lợi.

Trong lúc đang tiến hành các công tác chuẩn bị chiến trường ở huyện Điện Bàn, đồng chí Võ Chí Công được tin hai tiểu đoàn lính Âu - Phi và quân ngụy ở các đồn xung quanh sẽ phối hợp càn quét vùng này. Đồng chí ra lệnh chuẩn bị các phương án chống càn và tiến hành các biện pháp bảo đảm an toàn cho đoàn công tác. Đoàn công tác được đưa đến các hầm bí mật ở ven bờ sông, vừa an toàn, vừa tiện cho việc chỉ đạo cuộc chiến đấu chống càn¹. Từ hầm bí mật, đồng chí Võ Chí Công thường xuyên góp ý kiến cho các đồng chí lãnh đạo quân sự chỉ đạo đánh địch.

Được xe tăng, phi cơ, pháo binh yểm trợ, quân địch đánh phá rất ác liệt. Lực lượng của ta chỉ có một đại đội của huyện, du kích cùng nhân dân dựa vào địa thế của xã để bám sát đánh địch liên tục. Bị thiệt hại khá nặng

1. Hầm của đồng chí Võ Chí Công gần đường đi nhưng rất bí mật vì hầm này nằm dưới một bụi tre, đường vào hầm ở dưới nước sâu 1,5m. Đi vào hầm phải bỏ trang phục, dùng ni lông gói lại, rồi lặn xuống nước để vào cửa hầm rồi lên chỗ hầm khô.

nên đến chiều cùng ngày quân địch buộc phải bỏ cuộc càn quét.

Chiến dịch hè năm 1952 ở Quảng Nam (mở đầu từ tháng 7, kết thúc tháng 8-1952) có phạm vi rộng, bao gồm các huyện có địch chiếm đóng, cả nông thôn, thành phố và được tiến hành kết hợp cả đấu tranh quân sự, chính trị, binh vận, kinh tế. Trọng điểm của chiến dịch là huyện Điện Bàn với điểm mở đầu chiến dịch là đánh cứ điểm Xuân Đài vì đây là cứ điểm quan trọng (Gò Nổi) và đánh diệt một số đồn bốt ở các nơi khác.

Đồng chí Võ Chí Công trực tiếp đến Sở Chỉ huy chiến dịch đóng tại Gò Nổi để tham gia chỉ huy đánh cụm cứ điểm Xuân Đài. Nắm rõ ưu thế của địch ở cứ điểm này cũng như sự hỗ trợ từ các đồn bốt quanh khu vực, đồng chí và các cán bộ chỉ huy chiến dịch ra quyết tâm phải đánh thắng địch để gây tiếng vang lớn trên chiến trường, tạo thế đánh liên tục. Đánh chiếm cụm cứ điểm Xuân Đài, ta thực hiện phương án bao vây, vận động phục kích diệt viện. Quân tiếp viện của địch từ Đà Nẵng vào đã trúng kế, lọt vào giữa thế trận phục kích của quân ta. Cụm cứ điểm Xuân Đài cùng viện binh của địch đều bị tiêu diệt. Cùng với hướng tấn công chính vào cụm cứ điểm Xuân Đài, quân ta tiến đánh nhỏ khắp nơi kết hợp với nghi binh, làm cho địch phải bị động đối phó. Qua chiến dịch này, đồng chí Võ Chí Công và lực lượng vũ trang Quảng Nam rút được nhiều kinh nghiệm thực tế, từ quá trình chuẩn bị đến tác chiến cụ thể với địch trên chiến trường.

Sau hơn hai tháng hoạt động, quân và dân ta đã thực hiện được nhiệm vụ đề ra: san bằng 12 đồn và hàng loạt tháp canh, diệt hơn 1.200 tên, hơn 1.000 lính nguy tan rã. Trong chiến dịch, ta tổ chức thả 60 lính Âu - Phi và 20 sĩ quan ngụy, gây tác động lớn trong hàng ngũ địch. Nhiều xã được giải phóng, vùng du kích mở rộng đến ven thành phố Đà Nẵng. Thế trận chiến tranh nhân dân ở Quảng Nam - Đà Nẵng được củng cố và phát triển. Kết quả của chiến dịch làm cho Đảng bộ, chính quyền, quân dân Quảng Nam - Đà Nẵng phấn khởi, nâng cao quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, tiếp tục củng cố và thúc đẩy cuộc kháng chiến ở địa phương.

Trong thời gian diễn ra chiến dịch, cũng là lúc Quảng Nam xảy ra nạn đói ở các huyện Thăng Bình, Tam Kỳ, Quế Sơn, Tiên Phước, Đại Lộc, Duy Xuyên. Xem nhiệm vụ chống đói là nhiệm vụ trọng tâm và cấp bách, mặc dù bận chỉ huy ở chiến trường nhưng đồng chí Võ Chí Công vẫn luôn góp ý kiến với Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam phải đồng thời tập trung chỉ đạo cứu đói cho nhân dân. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, Tỉnh ủy Quảng Nam đã thành lập Ban chống đói ở các cấp và thực hiện cuộc vận động nhân dân giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn này¹. Sau chiến dịch, đồng chí Võ Chí Công phân công các tỉnh ủy viên đi các nơi cứu

1. Biết tin này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho chuyển 500 tấn gạo cho những vùng bị đói trầm trọng trong tỉnh (Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr. 311).

đói và đồng chí cũng trực tiếp đi cứu đói ở những xã bị đói nặng nhất ở huyện Tam Kỳ.

Đến xã Nguyễn Chí (Tam Giang), Tam Kỳ, đồng chí Võ Chí Công thấy nhiều đồng bào bị đói nằm la liệt, một số người đã chết, những người khác đang trong tình trạng hấp hối. Không có lương thực, nhân dân ở đây phải ăn trái mắm, loại trái xưa nay chưa ai ăn. Trước tình cảnh đó, nhớ lại những năm thoát ly trước Cách mạng Tháng Tám, lúc gặp địch khủng bố gay gắt nhất phải lui về xã này, đồng bào tuy nghèo, ăn khoai, sắn vẫn dành gạo cho cán bộ, nuôi giấu và che chở cho mình, đồng chí hiểu rõ tấm lòng tình nghĩa đó của nhân dân với cách mạng và thấy rằng phải tìm mọi cách cứu đói cho dân, vì còn dân thì còn cách mạng.

Bởi vậy, mặc dù biết kho gạo tại Tam Kỳ là kho dự trữ của tỉnh, bất cứ ai cũng không có quyền xuất, nhưng đồng chí Võ Chí Công vẫn ra lệnh xuất gạo của kho dự trữ này để cứu đói cho dân. Xác định việc cứu đói là trên hết, đồng chí nhận “hoàn toàn chịu trách nhiệm dù vi phạm kỷ luật, thậm chí ở tù cũng vui lòng nhận”¹. Để tổ chức cứu đói, đồng chí phân công cán bộ, thầy thuốc cứu đói và quán triệt tinh thần cứu đói lúc này phải khẩn trương hơn là chiến dịch đánh

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 132.

địch. Mặt khác, đồng chí cũng trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động toàn tỉnh sản xuất, tiết kiệm, tương trợ nhau, cùng nhau chống lại nạn đói đang hoành hành tại địa phương.

Đến cuối năm 1952, do thực hiện chủ trương đúng đắn của Tỉnh ủy Quảng Nam, với thái độ kiên quyết và khẩn trương trong lãnh đạo, chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, sự ủng hộ và tham gia tích cực của nhân dân trong sản xuất và tương trợ lẫn nhau, nạn đói ở Quảng Nam cơ bản đã chấm dứt. Mặc dù vậy, đồng chí vẫn chỉ đạo Tỉnh ủy tiếp tục cuộc vận động nhân dân tương trợ lẫn nhau, đẩy mạnh sản xuất, xây dựng vùng tự do trên tất cả các lĩnh vực tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hoá, an ninh, xây dựng Đảng... Bởi vậy, phong trào kháng chiến của Quảng Nam từng bước vượt qua được khó khăn, tiếp tục phát triển.

Sau đợt cứu đói này, đồng chí Võ Chí Công và Tỉnh ủy Quảng Nam tiến hành kiểm điểm, nhận rõ những khuyết điểm chủ quan là chỉ tập trung lãnh đạo đánh địch, coi trọng mặt trước, còn nhẹ về chỉ đạo cứu đói cho dân, chưa chú trọng xây dựng hậu phương...

3. Tham gia cải cách ruộng đất ở miền Bắc

Tháng 11-1953, để đẩy mạnh kháng chiến, Ban Chấp Trung ương Đảng khóa II triệu tập Hội nghị toàn quốc lần thứ 5 bàn về nhiệm vụ cải cách ruộng đất,

phát động quần chúng giảm tô và thực hiện cải cách ruộng đất. Liên khu ủy V cử sáu cán bộ đi dự hội nghị, đồng chí Võ Chí Công là Trưởng đoàn.

Tháng 9-1953, đoàn cán bộ của Liên khu V lên đường ra miền Bắc. Đồng chí Võ Chí Công và đoàn đi bằng xe lửa từ thị trấn Bồng Sơn, Bình Định ra ga An Tân; sau đó, đoàn đi thuyền tới thị trấn Tam Kỳ, rồi đi Đại Lộc. Từ Tam Kỳ, đồng chí về Tỉnh ủy Quảng Nam để bàn giao công việc, sau đó đi tới điểm tập kết ở Đại Lộc để lên đường ra Bắc¹.

Từ Đại Lộc, đồng chí Võ Chí Công dẫn đoàn cán bộ đi Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình. Ngày đi, tối nghỉ ở từng trạm, đoàn vượt qua vùng bị địch kiểm soát rồi đi bộ theo quốc lộ đến Nghệ An và vào nghỉ tại Khu ủy Khu IV. Tại đây, đồng chí gặp Bí thư Khu ủy Hoàng Anh².

Trong mấy ngày nghỉ tại Khu ủy IV, đồng chí Võ Chí Công cùng đồng chí Hoàng Anh trao đổi tình hình, kinh nghiệm đánh Pháp của hai địa phương. Sự trao đổi này làm phong phú thêm những hiểu biết về đấu tranh cách mạng của đồng chí Võ Chí Công và đặc biệt là làm sâu sắc thêm tình cảm giữa hai người bạn, người đồng chí cùng bị tù ở nhà đầy Buôn Ma Thuột. Để giúp

1. Điểm tập kết là trạm giao liên ở xã Đại Lãnh, huyện Đại Lộc.

2. Đồng chí Hoàng Anh sau này làm Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.

đoàn đi nhanh, đồng chí Hoàng Anh đã mua giúp đoàn sáu chiếc xe đạp¹.

Từ Liên khu V đến chiến khu Việt Bắc, vừa đi vừa nghỉ mất gần một tháng rưỡi. Đối với đồng chí Võ Chí Công, quãng đường của cuộc hành trình này tuy dài, nhưng không gian khổ bằng cuộc hành quân sang Lào, xuống khu Đông - Bắc Campuchia mà đồng chí từng trải qua trước đó².

Gần tới huyện lỵ Sơn Dương (Tuyên Quang), đồng chí Võ Chí Công và đoàn cán bộ Liên khu V được đưa vào nghỉ trong nhà khách của An toàn khu. Sau năm ngày nghỉ, đoàn được chuyển sang ở địa điểm gần nơi tổ chức hội nghị. Đến nơi, khi đoàn cán bộ Liên khu V còn đang sắp xếp chỗ nghỉ thì được Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm mà không báo trước. Lần đầu tiên được gặp Người, đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí trong đoàn rất bất ngờ, mừng rỡ và xúc động.

Trong bộ trang phục giản dị, giọng nói ấm áp, vui vẻ, Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi thăm về chuyến đi và sức khỏe của đoàn. Đại diện cho đoàn, không giấu được sự xúc động, đồng chí Võ Chí Công cảm ơn sự thăm hỏi và

1. Nhưng dọc đường, đoàn phải bán xe đạp để có tiền chi tiêu.

2. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Chuyến này nhẹ nhàng hơn, được ăn no, mặc ấm, có nhà ở đàng hoàng, đèo dốc không dài, không có những dãy núi cao chọc trời, không có phi pháo, không phải qua đồn bắt dịch, v.v.”. (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, *Sđđ*, tr. 134).

bày tỏ vui mừng được gặp Người. Đồng chí bất ngờ hơn khi Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi về nguyên nhân Liên khu V để xảy ra vụ biến Sơn Hà (Quảng Ngãi) và lý do để xảy ra nạn đói ở các tỉnh Trung Bộ.

Đồng chí Võ Chí Công trình bày với Người, nêu rõ Liên khu ủy V đã thấy rõ khuyết điểm lớn là lãnh đạo Liên khu và Tỉnh ủy còn chủ quan, không sát dân, giải quyết không kịp thời nên để xảy ra nạn đói. Liên khu ủy V, Tỉnh ủy đã kiểm điểm và ra sức sửa chữa nên đến cuối năm 1952 cơ bản khắc phục tình trạng đói ở địa phương. Sau khi báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh cụ thể về tình hình đời sống xã hội và truyền thống cách mạng của nhân dân Sơn Hà, đồng chí Võ Chí Công trình bày rõ với Người về nguyên nhân chủ yếu dẫn đến vụ biến ở đây là do cán bộ làm việc cứng nhắc, không nắm được tình hình nên đã bị kẻ địch lợi dụng, kích động nhân dân. Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Huyện ủy Sơn Hà đã chủ quan không nắm rõ tình hình, khi xảy ra vụ việc lại nặng về dùng biện pháp quân sự nên làm cho tình hình đã không giảm bớt mà còn căng thẳng hơn¹. Liên khu ủy V

1. Sau Cách mạng Tháng Tám, Sơn Hà là huyện đi đầu các phong trào thi đua trong các huyện miền núi của Liên khu V thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và xây dựng đời sống mới. Nhưng một số cán bộ người Kinh về công tác có tác phong mệnh lệnh, áp đặt, không được nhân dân đồng tình. Một số ít người thuộc tầng lớp trên của người dân tộc bị đụng chạm quyền lợi đã

và các tỉnh ủy đã kiểm điểm và xin nhận khuyết điểm, sửa chữa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ôn tồn chỉ bảo đồng chí Võ Chí Công: trong lãnh đạo không được chủ quan, phải sát dân, dựa vào dân. Hai sự kiện đó phải kiên quyết giải quyết cho thật tốt. Trong kháng chiến còn nhiều khó khăn gian khổ, phức tạp, phải nắm vững đường lối, vận dụng linh hoạt, nâng cao tinh thần chiến đấu trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thì kháng chiến nhất định thắng lợi...

lôi kéo quần chúng chống lại chính quyền trong khi đó Huyện ủy, Tỉnh ủy không nắm được tình hình. Mặt khác, với âm mưu chiếm miền Tây Quảng Ngãi làm bàn đạp đánh chiếm vùng tự do Liên khu V, Pháp cho lính lùng bắt một số dân về đồn tuyên truyền mua chuộc rồi thả về địa phương để hù dọa, lôi kéo quần chúng. Cuối tháng 1-1950, bọn phản động địa phương kích động nhân dân nhiều xã nổi dậy, giết nhiều người Kinh, sau đó chúng lôi kéo 200 người chạy lên đồn và được đồn trưởng người Pháp cấp súng đạn. Sau sự kiện đó, cấp ủy, chính quyền tỉnh bàn cách đối phó nhưng nặng về quân sự, nên tình hình vẫn căng thẳng. Cuối tháng 4-1950, quân Pháp từ Kon Tum đánh xuống Sơn Hà, bị bộ đội và du kích đánh bại. Nhưng bọn phản động vẫn hoạt động, bí mật nhận súng của Pháp đưa về phát cho dân đánh bật cán bộ ra khỏi phần lớn các xã của huyện Sơn Hà. Sau khi phát hiện sai lầm của ta, Liên khu ủy V chủ trương lấy công tác vận động nhân dân làm chính, chỉ dùng quân sự trong trường hợp đặc biệt, đẩy mạnh tuyên truyền giải thích chính sách; cán bộ mắc sai lầm phải kiểm điểm trước quần chúng; đồng thời vận động tầng lớp trên, cô lập bọn phản động ngoan cố, chăm lo đời sống nhân dân ở địa phương. Hai tháng sau, 2.000 người cầm súng trở về với nhân dân.

Cuối buổi gặp, Võ Chí Công rất xúc động khi Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi về quê hương, gia đình của đồng chí và kể về những truyền thống đặc biệt của người Quảng Nam với sự thấu hiểu sâu sắc của Người¹. Qua cuộc gặp gỡ này, đồng chí đã thấu nhận được những giá trị lớn qua cách làm việc cũng như những chỉ dạy cụ thể của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thấy tự hào khi nhận sự quan tâm sâu sắc của Người đến đồng bào, đồng chí miền Nam cũng như cá nhân mình.

Từ ngày 14 đến ngày 21-11-1953, dự Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa II và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng, đồng chí Võ Chí Công được nghe báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Về tình hình trước mắt và nhiệm vụ của cải cách ruộng đất*”; báo cáo “*Thực hiện cải cách*” của Tổng Bí thư

1. Được biết đồng chí Võ Chí Công là người Quảng Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói khi Người đi vào Nam đã đi qua Đà Nẵng, Quảng Nam, các tỉnh ven biển miền Trung. Sau khi nói Quảng Nam có những nhà yêu nước nổi tiếng cả nước là Hoàng Diệu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, nhiều người học giỏi như “ngũ phụng tề phi”, Người hỏi vui: Nhưng “Quảng Nam hay cãi” có đúng không? Đồng chí thưa với Người: dân Quảng Nam thường hay nói, hay cãi là chống lại chế độ thực dân phong kiến, hay cãi cũng là hay tranh luận. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Chú cũng đang cãi đó”. Người và các cán bộ Liên khu V cười vui vẻ. (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 137-138).

Trường Chinh và nghiên cứu về *Luật cải cách ruộng đất*, chính sách, kế hoạch giảm tô và cải cách ruộng đất. Đồng chí nhận thấy các văn kiện được Trung ương Đảng chuẩn bị rất đầy đủ với nhiều nội dung mới. Hội nghị đã tiến hành thảo luận sôi nổi và đã thông qua các văn kiện của Đảng về cải cách ruộng đất.

Sau hội nghị, Trung ương Đảng yêu cầu đồng chí Võ Chí Công và các cán bộ Liên khu V ở lại làm công tác phát động quần chúng giảm tô. Sáu cán bộ của Liên khu V được phân công ở sáu đội¹. Lúc đầu, đồng chí Võ Chí Công được phân công làm đội phó rồi sau đó làm đội trưởng trong cuộc giảm tô ở tỉnh Phú Thọ.

Đây là một nhiệm vụ rất mới đối với Võ Chí Công. Đồng chí thấy rằng, thảo luận trong hội nghị về lý thuyết là sáng tỏ, nhưng do chưa có thực tế, nên khi đi vào giải quyết những vấn đề cụ thể rất mới và phức tạp thì “như đi vào rừng sâu”². Là người luôn gắn bó với hoạt động thực tiễn cách mạng, đồng chí cho rằng

1. Mỗi đội có từ 15-20 người, từ cấp huyện ủy viên trở lên. Mỗi đội phụ trách một xã, chia ra 3-4 phân đội, mỗi phân đội phụ trách 1-2 thôn. Một hoặc hai tỉnh có đoàn ủy. Lúc giảm tô, các đội phối hợp với các cấp ủy đảng xã, huyện, tỉnh. Khi tiến hành cải cách ruộng đất, các cấp ủy đảng không được tham gia, chỉ theo hệ thống: đội, đoàn và bộ phận cải cách ruộng đất của Trung ương.

2. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, *Sđd*, tr. 139.

trong tình hình như vậy không có cách nào khác là phải vừa làm, vừa học trong thực tế và nhất định sẽ làm được.

Phát động quần chúng tiến hành giảm tô là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, được tiến hành theo từng bước khá chặt chẽ. Đồng chí Võ Chí Công thực hiện theo đúng kế hoạch đó trong vai trò là lãnh đạo của một đội giảm tô¹.

Phát hiện đầu tiên của đồng chí Võ Chí Công về sự phức tạp trong thực hiện nhiệm vụ là ở khâu tìm kiếm, “bắt rết” những người tích cực trong bản, cổ nông. Qua quá trình tiến hành, đồng chí nhận thấy, nói chung những người thuộc thành phần bản, cổ nông là những người tốt, chất phác, trung thực, biết gì nói nấy và hăng hái tham gia trong công việc phát động giảm tô. Nhưng cũng có một số người, tuy được xác định thành phần là bản, cổ nông, nhưng thực chất không phải là những nông dân nghèo. Họ nghèo vì cờ bạc, rượu chè rồi sinh ra lừa đảo, trộm cắp... nên khi tố khổ, họ hay cường điệu, làm sai lệch thực chất.

1. Các đội chia nhau xuống những xã đã định trước. Xã ủy phối hợp với đội, có đội cũng có cán bộ huyện ủy hoặc tỉnh ủy tham gia. Việc đầu tiên là tiến hành điều tra và phân định thành phần địa chủ, phú nông, trên cơ sở họ chiếm hữu ruộng đất, phát canh thu tô; đồng thời xem xét thành phần nông dân, nhất là bản, cổ nông. Tiếp theo là thăm dò, tìm kiếm, “bắt rết” người tốt, tích cực trong bản, cổ nông.

Đồng chí cho rằng, nếu dựa vào những người này làm nòng cốt sẽ tổn hại đến chính sách của Đảng, nhất là sự đoàn kết ở nông thôn. Một vấn đề khó khăn hơn nữa là có cán bộ trong đội cải cách lại xem những người này là có “lập trường đấu tranh giai cấp quyết liệt” vì họ “đấu tố” mạnh...

Cuộc phát động quần chúng giảm tô ở Phú Thọ đã phát huy khí thế mạnh mẽ của nông dân, giảm tô được 40 - 50%, nông dân phấn khởi, do đó đã động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia kháng chiến, đóng góp thuế nông nghiệp cho Nhà nước tăng lên, tích cực tòng quân, đi dân công, đẩy mạnh sản xuất, v.v.. Nông dân phấn khởi vì giành được quyền lợi và nâng cao uy thế chính trị của mình, thu hẹp sự bóc lột và hạ uy thế chính trị của địa chủ, phú nông, cường hào, tranh thủ được địa chủ, phú nông kháng chiến. Qua giảm tô cũng củng cố được tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, huyện.

Tuy vậy, đồng chí Võ Chí Công cũng nhận thấy trong phát động cải cách ruộng đất có một số ít đội hoặc một số việc, do chỉ đạo không chặt chẽ, nhất là bị ảnh hưởng quan điểm lấy đấu tranh giai cấp là then chốt của cố vấn Trung Quốc nên cường điệu, phóng tay phát động, dẫn tới việc đấu tố bừa bãi, không đúng, làm cho một số địa chủ và phú nông kháng chiến lo sợ, bất mãn.

Phát hiện những vấn đề trên đồng chí Võ Chí Công cho rằng, đến khi tiến hành thí điểm cải cách ruộng đất, cùng với việc giữ vững lập trường của giai cấp công nhân, cần phải quán triệt bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bàn về cải cách ruộng đất, nhất là quan điểm của Người về nền tảng của cách mạng dân tộc là vấn đề nông dân, vì nông dân là đại đa số trong dân tộc; nền tảng của cách mạng dân chủ cũng là vấn đề nông dân, vì nông dân là lực lượng cách mạng đông nhất chống đế quốc, phong kiến. Muốn kháng chiến thắng lợi, muốn có dân chủ thực sự thì phải bảo đảm quyền lợi kinh tế, chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân, thực hiện đúng đắn chính sách đoàn kết nông thôn, đoàn kết dân tộc để kháng chiến thắng lợi...

Tham chiếu từ quan điểm đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với thực tế cuộc cải cách, đồng chí Võ Chí Công nhận thấy, trên cơ sở kết quả đạt được qua đợt phát động quần chúng giảm tô, chia ruộng đất của địa chủ và một phần phát canh của phú nông cho nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất, cũng như việc tiếp tục củng cố tổ chức, đẩy mạnh sản xuất là đạt được mục đích, yêu cầu của cuộc giảm tô, cải cách ruộng đất. Do vậy, không cần thiết phải tiến hành một cuộc cải cách ruộng đất nữa, không lãng phí thời gian, công của, mà quyền lợi ruộng đất cho nông dân vẫn đạt được,

nhất là không gây ra sự rối loạn về chính trị và đoàn kết ở nông thôn cũng như đoàn kết dân tộc¹.

Phát hiện thấy thực tiễn của cuộc cải cách ruộng đất sai với quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, Võ Chí Công và một số đồng chí cùng quan điểm đã trực tiếp trình bày ý kiến của mình với cán bộ phụ trách Đoàn ủy. Nhưng, vì các đồng chí này không đủ thẩm quyền, hoặc bận nhiều việc, đã không báo cáo với Trung ương và cũng không chấp thuận các kiến nghị đó. Đồng chí Võ Chí Công cho rằng những cán bộ trong Đoàn ủy đã không giữ vững tư tưởng, quan điểm độc lập, tự chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta.

Qua theo dõi thực tiễn, đồng chí thấy việc thực hiện cải cách ruộng đất theo phương pháp giáo điều với sự cường điệu, đấu tố tràn lan, gay gắt là không phù hợp

1. Đồng chí viết: “Trong cải cách ruộng đất, chính đồn tổ chức biết bao cán bộ, đảng viên, thậm chí cả huyện ủy viên, tỉnh ủy viên tốt bị xử lý oan, đây là tổn thất quá lớn. Nguyên nhân chính là do chúng ta giáo điều, rập khuôn theo mô hình tả khuynh của Trung Quốc, theo ý kiến của cố vấn Trung Quốc, hoàn toàn không phù hợp với tình hình thực tế, điều kiện và đường lối của Đảng ta và Bác Hồ. Năm 1967, tôi có đi trong đoàn anh Lê Duẩn hội đàm ở Trung Quốc. Trong giờ nghỉ, tôi có hỏi riêng đồng chí Chu Ân Lai, Trần Nghị về phát động quần chúng cải cách ở Việt Nam, các đồng chí nói: việc làm đó là tả khuynh, là sai”. (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 141).

với tập quán xã hội Việt Nam¹ và cách làm như vậy là trái với đạo đức, nhân cách của dân tộc ta, trái với tinh thần “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” của Chủ tịch Hồ Chí Minh².

Đầu năm 1954, đồng chí Võ Chí Công tham gia lãnh đạo ở Đoàn ủy cải cách ruộng đất, trực tiếp phụ trách một số đội, mỗi đội làm một xã. Lúc này, mục đích, yêu cầu được đẩy lên cao hơn nhằm xóa bỏ giai cấp địa chủ, giành lại ruộng đất cho nông dân. Đây là vấn đề thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Đảng, giải phóng dân tộc và thực hiện dân chủ nhưng vẫn theo phương pháp cũ.

1. Đó là việc xác định thành phần giai cấp địa chủ, phú nông theo tiêu chuẩn, số lượng phần trăm của cố vấn đã định sẵn, nếu không đủ thì phải nâng phú nông lên địa chủ, trung nông lên phú nông. Không làm như vậy sẽ bị gán là bao che địa chủ. Việc tố khổ diễn ra cả ngày đêm, lần lượt từng người. Ngoài kể khổ về bị hành hạ, bóc lột, có người còn chửi bới, đánh người bị đấu tố, v.v. biểu thị thái độ căm thù. Địa chủ, phú nông đã dự các buổi đấu tố hoảng sợ, không dám ra khỏi nhà, nếu lỡ bước ra ngoài thấy ai cũng chấp tay cúi lạy chào. Tiếp đến, đội cải cách tập trung nhân dân cả xã, hoặc 2 - 3 thôn ra bãi rộng, đưa địa chủ ra đấu diễn hình, một đêm làm được một người. Do hoảng sợ, địa chủ nhận tất cả mọi việc dù có hay không, nếu không chịu thì đấu tiếp rồi cũng phải nhận. Tình trạng đó gây nên không khí căng thẳng, khủng khiếp không chỉ trong cuộc đấu mà tràn ngập cả xã đến huyện, tỉnh. Ngay ngày hôm sau, địa chủ phải giao ruộng đất, tài sản, trâu bò theo đúng quy định.

2. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, *Sđđ*, tr.143.

Lúc này, đồng chí Võ Chí Công thấy rõ sự giáo điều, công thức, cường điệu, tả khuynh, thiếu thực tế, thiếu nghiên cứu, thiếu quan điểm độc lập, tự chủ trong thực hiện cải cách ruộng đất ở nhiều nơi. Là những người đi sát thực tế, có suy nghĩ độc lập, qua điều tra, nghiên cứu kỹ thành phần địa chủ, phú nông, nông dân, tình hình chiếm hữu ruộng đất, tổ chức đảng,... đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí cùng quan điểm đã làm báo cáo thực tế để thấy rõ sự giáo điều đó. Số liệu điều tra thực tế theo tiêu chuẩn ở ba xã cho thấy số địa chủ, phú nông chỉ khoảng 3%, không phải là 5% theo công thức của cố vấn. Về tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể tuy còn có khuyết điểm nhưng chỉ cần kiểm điểm, sửa chữa là được, không nên giải tán tổ chức và truy oan các đảng viên vô tội, gây nên xáo trộn, làm cho tổ chức đảng yếu đi. Những báo cáo này bị cố vấn xem là hữu khuynh, là sợ địa chủ, sợ phản động. Bởi vậy, đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí đồng quan điểm đã không nhất trí với cán bộ Đoàn ủy chủ chốt cũng như với cố vấn về cách làm trong cải cách ruộng đất. Do nghe lời cố vấn, Đoàn ủy không đồng ý với quan điểm của đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí cùng quan điểm, chỉ giao cho họ những việc giản đơn. Trở thành “đảm quan thất sủng” nhưng các đồng chí vẫn chấp nhận, “thà thất sủng còn hơn làm bậy, gây họa cho nước”¹.

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, *Sđd*, tr. 144.

Từ thực tiễn trên, đồng chí Võ Chí Công đã có được bài học rất quan trọng: trong bất cứ thời kỳ nào, không kể công việc gì, để thực hiện tốt nhiệm vụ, yêu cầu, mục đích của Đảng, đều phải quán triệt tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

Sau này, trong cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, rút kinh nghiệm từ thực tiễn giảm tô, cải cách ruộng đất ở miền Bắc, khi Trung ương Cục họp nêu tình hình giải quyết vấn đề ruộng đất ở miền Nam, đồng chí Võ Chí Công đã đề nghị thực hiện bằng cách vận động địa chủ, phú nông hiến ruộng hoặc giao cho nông dân một số ruộng, chỉ tịch thu ruộng của địa chủ phản động giao cho nông dân. Quá trình giải phóng nông thôn đến đâu, giải quyết ruộng đất cho nông dân đến đó, mục đích thì đạt được, nhưng phương pháp nhẹ nhàng, không cần đoàn, đội, không có đấu tố. Kết quả là đem lại ruộng đất cho nông dân mà không gây không khí chính trị căng thẳng, lại động viên được một phong trào đoàn kết các tầng lớp nhân dân để đẩy mạnh kháng chiến, đẩy mạnh sản xuất và sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước¹.

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 145-146.

Chương IV

KIỆN CUỒNG THAM GIA LÃNH ĐẠO ĐÁNH BẠI CÁC CHIẾN LƯỢC LEO THANG CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở KHU V (1954 - 1968)

1. Bám trụ giữ gìn lực lượng cách mạng ở Liên khu V

Ngày 21-7-1954, sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ (Geneva) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết đã quy định nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới quân sự tạm thời để chuyển quân dưới sự giám sát của Ủy ban quốc tế; sau hai năm, hai miền sẽ hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhân cơ hội này, với âm mưu xâm lược nước ta từ lâu, đế quốc Mỹ đã tiến hành các hoạt động để hắt cẳng Pháp, lập chính quyền tay sai của Mỹ, hiện thân thành kẻ thù chính của nhân dân ta¹.

1. Ngày 16-6-1954, Mỹ ép Pháp và Bảo Đại buộc Thủ tướng Bửu Lộc từ chức và thay thế bằng Ngô Đình Diệm. Ngày 7-7-1954, nội các chính phủ do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng được thành lập.

Ở Việt Bắc, theo dõi diễn biến tình hình, nắm được nhận định đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, đồng chí Võ Chí Công mừng vì miền Bắc đã được giải phóng khỏi ách đế quốc, nhưng lại lo miền Nam đang từng bước bị đế quốc Mỹ và tay sai thống trị. Trước tình hình đó, đồng chí quyết định đề nghị Trung ương Đảng cho phép được về hoạt động bí mật ở Liên khu V. Liên khu ủy V cũng điện xin đồng chí về. Trung ương Đảng đồng ý để đồng chí thu xếp về miền Nam hoạt động.

Tối 24-7-1954, trước ngày lên đường, đồng chí được Văn phòng Trung ương Đảng báo đến cơ quan gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến nơi, đồng chí mới được biết Người và các đồng chí trong Bộ Chính trị mời cơm thân mật để tiễn đồng chí vào miền Nam.

Tại cuộc chia tay thân mật này, đồng chí Võ Chí Công được Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí cùng dự nói rõ những chủ trương của Đảng về cách mạng miền Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: về hoạt động ở miền Nam trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ và có thể là lâu dài, đồng chí phải cố gắng cùng đồng bào miền Nam chiến đấu vượt qua để làm tròn trách nhiệm. Sau khi dặn dò phải cảnh giác, giữ bí mật, Người chúc đồng chí mạnh khỏe và thành công trong giai đoạn cách mạng sắp đến. Đồng chí Võ Chí Công thưa với Người và các đồng chí Bộ Chính trị xin khắc ghi lời huấn thị và hứa quyết tâm thực hiện trọn vẹn những lời dạy bảo của

Người và Bộ Chính trị, nguyện cống hiến cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Đồng chí Võ Chí Công không bao giờ quên cuộc chia tay đầy tình cảm cách mạng và mang ý nghĩa lịch sử này.

Nhiệm vụ hàng đầu mà Trung ương Đảng trao cho đồng chí Võ Chí Công là đi truyền đạt chủ trương của Đảng về cách mạng miền Nam. Cùng thực hiện nhiệm vụ này có đồng chí Lê Đức Thọ. Đồng chí Võ Chí Công về Liên khu V, đồng chí Lê Đức Thọ vào Nam Bộ.

Ngày 25-7-1954, hai đồng chí đi ô tô từ Tuyên Quang đến Phủ Lỗ và nghỉ tại địa điểm của Ban Liên hiệp đình chiến Việt - Pháp. Tại đây, đồng chí Võ Chí Công gặp Trưởng phái đoàn của ta là đồng chí Văn Tiến Dũng. Đi ô tô trên đường xấu rất mệt mỏi, nhưng về miền Nam để ở lại chiến đấu thì cần phải biết nhiều về kẻ địch mới nên đồng chí tranh thủ dành thời gian trao đổi tình hình với đồng chí Văn Tiến Dũng. Qua trao đổi, đồng chí được biết rõ thêm về thái độ của Pháp, âm mưu của Mỹ và sự “thay thầy đổi chủ” của bọn tay sai đế quốc ở miền Nam.

Ngày 26-7-1954, hai đồng chí Võ Chí Công và Lê Đức Thọ tiếp tục đi ô tô xuống sân bay Gia Lâm (Hà Nội). Sau chín năm mới trở lại Hà Nội, đồng chí rất vui mừng và xúc động khi thấy được tình cảm, niềm tin của các tầng lớp nhân dân các địa phương đối với cách mạng.

Từ Gia Lâm, hai đồng chí đi máy bay (của Pháp) đến sân bay Đồng Hới rồi tiếp tục bay vào Quy Nhơn. Đồng chí Võ Chí Công xuống Quy Nhơn¹. Trở lại miền Trung, đồng chí bắt tay ngay vào cuộc chiến đấu với kẻ thù mới, thâm độc và tàn bạo hơn.

Trong hai ngày 27 và 28-7-1954, Liên khu ủy V tổ chức Hội nghị (mở rộng) để đồng chí Võ Chí Công truyền đạt chủ trương của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách mạng nước ta, đồng thời bàn các biện pháp cấp bách để thực hiện nhiệm vụ trước mắt, trước hết là tách Liên khu ủy V làm hai bộ phận: bộ phận thực hiện nhiệm vụ tập kết và bộ phận chuẩn bị mọi mặt cho cơ quan Liên khu ủy ở lại hoạt động.

Giữa tháng 9-1954, đồng chí Nguyễn Duy Trinh vào Liên khu V truyền đạt Nghị quyết Bộ Chính trị² và cùng Liên khu ủy sắp xếp lại cán bộ của Liên khu. Đồng chí Võ Chí Công làm *Phó Bí thư Liên khu ủy V*³.

1. Đồng chí Lê Đức Thọ tiếp tục đi vào Nam Bộ.

2. Họp từ ngày 5 đến ngày 7-9-1954, Hội nghị bàn về cách mạng miền Nam và ra chỉ thị chỉ rõ kẻ thù trước mắt của nhân dân ta và những nhiệm vụ cụ thể và phương châm hoạt động của cách mạng miền Nam.

3. Liên khu ủy V gồm 9 đồng chí: Trương Quang Giao, Nguyễn Côn, Ngô Đức Đệ, Võ Chí Công, Trần Lê, Trương Chí Cương, Huỳnh Lắm, Trương Quang Tuân, Nguyễn Xuân Hữu. Sau đó các đồng chí Nguyễn Côn, Ngô Đức Đệ, Trương Chí Cương, Huỳnh Lắm ra miền Bắc, Liên khu ủy còn lại 5 đồng chí. (Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.228).

Trong những tháng cuối năm 1954 và đầu năm 1955, trên cương vị mới, đồng chí Võ Chí Công cùng Liên khu ủy khẩn trương lãnh đạo chuẩn bị cho các hoạt động đấu tranh trong giai đoạn cách mạng mới ở Liên khu V. Trước hết là lãnh đạo thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ ở địa phương theo chủ trương của Đảng¹. Đây không chỉ là nhiệm vụ lãnh đạo về tổ chức mà hàng đầu và bao trùm là lãnh đạo tư tưởng trước việc cán bộ, quân đội đi tập kết và bộ phận ở lại chiến đấu trong giới hạn thời gian quy định của Hiệp định Giơnevơ. Vào thời điểm này, diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, đồng bào rất phức tạp.

1. Ngày 1-8-1954, lệnh ngừng bắn có hiệu lực ở Nam Trung Bộ. Việc tập kết theo đúng kế hoạch: Tháng 10-1954, quân ta trong khu vực 80 ngày (bắc sông Trà Khúc) rút vào phía nam sông Trà Khúc. Tháng 11-1954: rút khỏi khu vực 100 ngày (bắc sông Vệ). Ngày 19-3-1955, rút khỏi khu vực 200 ngày (bắc sông Lại Giang) vào nam sông Lại Giang. Ngày 28-4-1955, rút khỏi bờ bắc sông La Tinh. Ngày 12-5-1955, ta bàn giao ở phía tây đến Đồng Phó, phía bắc đến Đập Đá. Ngày 16-5-1955, Trung đoàn chủ lực 803, đơn vị cuối cùng của ta rút khỏi Quy Nhơn.

Cảng Quy Nhơn là điểm duy nhất để đưa lực lượng tập kết của Liên khu V ra Bắc. Số lượng người tập kết rất lớn, gồm toàn bộ lực lượng vũ trang, phần lớn cán bộ, thanh niên xung phong, một số gia đình cán bộ, con em cán bộ, học sinh do gia đình gửi ra miền Bắc học tập cùng một số đồng bào quê miền Bắc xin hồi hương... Tất cả số người trên đều tập trung về Quy Nhơn để xuống tàu ra miền Bắc.

Chiến dịch Xuân - Hè năm 1954 là chiến thắng lớn nhất của quân và dân Liên khu V trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp¹, làm cho quân, dân, Đảng bộ Liên khu V phấn khởi, bùng bùng khí thế, nên việc phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ không phải không có những diễn biến tư tưởng khác nhau. Đó là phải để lại cho địch tiếp quản vùng tự do Liên khu V, một vùng rộng lớn từng là căn cứ địa của cuộc kháng chiến chống Pháp trong chín năm, đã được xây dựng mọi mặt về kinh tế, xã hội, giáo dục, văn hóa, y tế, ổn định chính trị... Mặt khác, nhân dân Liên khu V có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, chủ yếu đấu tranh vũ trang, nhưng nay bước vào cuộc chiến đấu mới, chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị; từ có chính quyền, có quân đội sang hoạt động bí mật và hợp pháp là một bước ngoặt thay đổi thực chất về đường lối, phương pháp đấu tranh với địch, là bước chuyển mới mẻ, đột ngột trong sự thay đổi căn bản về thế và lực giữa ta và địch ở miền Trung.

Đó là thực tiễn và cũng là những nguyên nhân làm cho tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân dân băn khoăn, lo lắng, thắc mắc, thậm chí bức xúc. Cán bộ,

1. Trong chiến dịch này, ta diệt 28.000 quân địch, thu hơn 7.500 khẩu súng, diệt binh đoàn Âu - Phi của quân viễn chinh Pháp, giải phóng trên nửa triệu dân, làm chủ đại bộ phận Bắc Tây Nguyên, đánh thắng cuộc hành quân Átlăng (Atlante) lớn nhất của địch ở Liên khu V, chuyển cuộc chiến tranh du kích ở sau lưng địch lên thế chủ động tiến công địch.

đảng viên ở lại gặp lúng túng, khó khăn trong việc vận dụng phương châm đấu tranh, phương pháp công tác trong tình hình mới.

Bởi vậy, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V chỉ đạo bộ phận lo công tác tập kết phải tập trung làm công tác tuyên truyền, giáo dục công khai về Hiệp định Giơnevơ qua báo chí, mít tinh quần chúng để động viên tinh thần đấu tranh đòi thi hành đúng hiệp định, giữ vững hòa bình, đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống,... Bộ phận Liên khu ủy chuẩn bị việc ở lại phải khẩn trương tổ chức sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo và đoàn thể từ các cấp, nhất là ở những địa phương địch tiếp quản trong thời gian từ 30 đến 80 ngày; chuẩn bị chuyển hướng hoạt động ở vùng tự do, vùng căn cứ du kích cũ; đình chỉ sinh hoạt của các đảng viên ở cơ sở, chọn một số đảng viên có tư tưởng vững vàng, có thể giữ được hợp pháp và tự nguyện hoạt động để tổ chức thành chi bộ mới, bí mật, nhỏ gọn; có đảng viên để đơn tuyến và chuyển một bộ phận đảng viên sang địa phương khác vừa làm ăn, vừa hoạt động bí mật; một số chuyển vào thành phố hoạt động hợp pháp lâu dài...¹.

1. Kon Tum có 120 cán bộ ở lại hoạt động bí mật (trong đó có 30 cán bộ quân đội); Gia Lai: 131 (trong đó có 59 bộ đội); Đăk Lăk: 120; Ninh Thuận: 100; Phú Yên: 150; Bình Định: 240... Mỗi tỉnh có từ 5 đến 7 tỉnh ủy viên, huyện có từ 3 đến 5 huyện ủy viên ở lại hoạt động (Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sdd, tr. 229).

Tháng 3-1955, Trung ương Đảng điều động đồng chí Trần Lương, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam vào làm Bí thư Liên khu ủy V. Tháng 4-1955, Bộ Chính trị quyết định từ sông Bến Hải (Quảng Trị) trở vào và Thừa Thiên do Liên khu V chỉ đạo; dưới liên khu thành lập bốn liên tỉnh¹. Mỗi liên tỉnh có ban cán sự đảng giúp Liên khu ủy V chỉ đạo các tỉnh ủy. Tình hình đó lại đặt ra vấn đề phải sắp xếp lại tổ chức và cán bộ. Nhiều liên khu ủy viên được phân công đi phụ trách các liên tỉnh, cơ quan Liên khu ủy V chỉ còn một số đồng chí, trong đó có đồng chí Võ Chí Công và một liên khu ủy viên phụ trách văn phòng cùng một bộ phận cán bộ giúp việc theo dõi, nghiên cứu tình hình địch, ta.

Trong thời gian này, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy trực tiếp lãnh đạo chuẩn bị lực lượng ở lại. Trước hết là duyệt và kiểm tra cán bộ ở lại để xây dựng các cấp ủy của tỉnh và huyện. Các tỉnh ủy chuẩn bị cán bộ cấp xã. Để làm tốt nhiệm vụ quan trọng đó, đồng chí Võ Chí Công luôn lưu ý về tiêu chuẩn của cán bộ ở lại phải là những người thực sự tình nguyện, phẩm chất chính trị vững vàng, tinh thần chiến đấu cao, chịu gian khổ, có năng lực, đã được rèn luyện qua chiến đấu.

1. Liên tỉnh 1 gồm: Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng; Liên tỉnh 2 gồm: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; Liên tỉnh 3 gồm: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng; Liên tỉnh 4 gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk.

Để chuẩn bị mọi mặt cho những đồng chí ở lại, đồng chí Võ Chí Công quyết định cấp tốc mở một số lớp bồi dưỡng cán bộ cấp tỉnh về đường lối, phương pháp, phương châm và hình thức tổ chức, hoạt động bí mật. Đồng thời, lãnh đạo khẩn trương tiến hành việc sắp xếp các cấp ủy, bộ máy từ Liên khu ủy đến các tỉnh ủy, huyện ủy, bố trí cán bộ ở các ngành, các vùng; tiến hành tổ chức hệ thống thông tin liên lạc bí mật¹ và đường dây liên lạc giữa tỉnh ủy với Liên khu ủy, giữa Liên khu ủy V với Xứ ủy Nam Bộ.

Để nắm vững tình hình địch ở mọi cấp, ngành, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo tiến hành bố trí cán bộ hoạt động hợp pháp ở các thành phố lớn, kể cả ở Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, v.v.. Những cán bộ này khó chọn hơn cán bộ hoạt động bí mật khác, vì ngoài quan điểm, lập trường, phải có điều kiện sống hợp pháp và năng lực hoạt động bí mật trong lòng địch. Phần nhiều những người được lựa chọn là phụ nữ, trong giới trí thức, có người là con quan chức và công chức cao cấp cũ².

Đối với các tổ chức quần chúng, Liên khu ủy V quyết định đình chỉ hoạt động của các đoàn thể cũ, dần

1. Bằng vô tuyến điện, mỗi tỉnh có một máy vô tuyến điện 15 W.

2. Sau này, những tin tức quan trọng của địch mà Liên khu ủy nắm được là nhờ những đồng chí hoạt động hợp pháp này. Có người đã vào làm trong dinh của Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu và dinh của Ngô Đình Cẩn ở Huế.

dần hình thành các tổ chức hợp pháp, nửa hợp pháp mang màu sắc nghề nghiệp văn hóa, văn nghệ của nhân dân và các tổ chức nòng cốt trong quần chúng.

Sau khi lựa chọn và bố trí xong cán bộ, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V phân công một số liên khu ủy viên đi phụ trách các tỉnh, bố trí cán bộ tình báo, binh vận và kiểm tra việc phân công cán bộ hoạt động bí mật hợp pháp, những địa điểm liên lạc ở thành phố, nhất là Đà Nẵng, Huế, Quy Nhơn, Nha Trang, thị xã Buôn Ma Thuột và Sài Gòn.

Số lượng công việc chuẩn bị cho đấu tranh lâu dài với địch rất lớn và phải đảm bảo bí mật, lại bị giới hạn thời gian từ tháng 7-1954 đến tháng 5-1955, nên đòi hỏi công tác lãnh đạo và tổ chức rất khẩn trương, nhưng phải hết sức cẩn trọng, chu đáo.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trên, đồng chí Võ Chí Công suy nghĩ nhiều tới khả năng sau tập kết nếu không thực hiện được đấu tranh hòa bình để thống nhất Tổ quốc thì phải chuyển ngay sang phương pháp bạo lực để thực hiện mục tiêu đó. Nhưng theo Hiệp định Giơnevơ, tập kết quân bao gồm cả vũ khí trang bị nên lực lượng ở lại không có súng, thiếu cán bộ quân sự (đặc công, quân báo, trinh sát cũng không có) nên phải chuẩn bị trước. Trước mắt, để tự vệ cần phải có một số vũ khí trang bị cho cán bộ từ Liên khu đến huyện và một số cán bộ quân sự ở lại.

Với suy nghĩ đó, đầu năm 1955, đồng chí Võ Chí Công quyết định đi Hà Nội để báo cáo với Trung ương Đảng về tình hình tập kết ở miền Trung và việc chuẩn bị cho lực lượng ở lại lâu dài, đồng thời xin chủ trương, cán bộ quân sự, vũ khí, phương tiện cần thiết cho hoạt động của lực lượng ở lại.

Đến Hà Nội, đồng chí trình bày suy nghĩ của mình với một số đồng chí trong Bộ Chính trị về hai khả năng có thể xảy ra ở miền Nam. Qua trao đổi, đồng chí nhận thấy trong không khí của tinh thần hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất đất nước, quan điểm chung là thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ nên phải hạn chế việc cung cấp vũ khí, chỉ đồng ý bổ sung một số cán bộ quân sự và bộ đội đặc công. Trước thực tế kẻ thù sẽ khủng bố ác liệt ngay khi chúng tràn vào tiếp quản ở một số nơi, đồng chí Võ Chí Công và những người ở lại miền Nam hoạt động cho rằng sẽ không có tổng tuyển cử, hoà bình thống nhất. Do đó, đồng chí cố gắng đề xuất để đạt được những yêu cầu cần thiết nhất và nhận được cho Liên khu V một số cán bộ quân sự, bộ đội đặc công và một số vũ khí nhẹ để tự bảo vệ¹.

Tháng 5-1955 là giới hạn cuối cho tập kết, nên sau khi thực hiện xong nhiệm vụ ở Hà Nội, đồng chí Võ Chí Công lập tức trở lại Liên khu V để tiếp tục chỉ đạo chuẩn bị

1. Trang bị súng ngắn cho các liên khu ủy viên, tỉnh ủy viên; mỗi huyện ủy được 3 súng ngắn và một số súng tiểu liên cho lực lượng bảo vệ.

cho giai đoạn lập thế trận đấu tranh với kẻ thù trong giai đoạn mà chúng khủng bố vô cùng ác liệt, cách mạng miền Nam bị tổn thất và khó khăn nhất.

Về tới Liên khu V, sau khi nắm lại tình hình, đồng chí Võ Chí Công và các liên khu ủy viên ở lại tổ chức gặp các liên khu ủy viên đi tập kết cuối cùng để bàn thêm những việc cần thiết và chia tay bằng một bữa cơm đơn giản. Cuộc chia tay thân mật, xúc động này đã củng cố thêm tình cảm, quyết tâm cho cả người đi tập kết và người ở lại trong suốt tiến trình chiến đấu lâu dài, gian khổ để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ngày 16-5-1955, chuyến tàu cuối cùng chở người đi tập kết rời cảng Quy Nhơn. Đến theo dõi tình hình ở đây, nhìn cảnh chia tay cảm động của cán bộ, bộ đội, nhân dân¹, đồng chí Võ Chí Công càng thấy rõ những khó khăn của những ngày sắp tới. Vì cơ quan Liên khu

1. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Kẻ đi người ở vẫy tay không ngớt, chúc nhau những lời tốt đẹp, nhưng đều đau lòng, bù người rơi nước mắt. Nhiều người nghĩ theo hiệp định kẻ Bắc người Nam, chỉ xa cách nhau có hai năm. Nhưng chúng tôi, những người ở lại miền Nam thì có cảm giác sẽ sa vào bối cảnh đen tối, nhất là giai đoạn đầu, bởi vì có linh cảm những người ở lại dưới chế độ của kẻ thù sẽ bị khủng bố ác liệt, bắt bớ, tra tấn, tù tội, đầu rơi máu chảy. Những người đi tập kết tuy trong cảnh chia tay buồn bã, nhưng cũng có hy vọng vài năm gặp lại nhau và ai cũng muốn biết miền Bắc và ra học tập, công tác nên hồ hởi ra đi nhẹ nhõm” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng* (Hồi ký), *Sđd*, tr.155).

ủy phải di chuyển và địch sẽ tới tiếp quản ngay, tranh thủ thời gian còn lại của ngày cuối cùng này, đồng chí đi làm việc với các đồng chí công tác trong Ban Liên hiệp đình chiến để bàn về những vấn đề phục vụ cho hoạt động sau này. Đồng thời, đồng chí cũng đến gặp một số đồng chí Ba Lan trong Ủy ban quốc tế để bàn cách thức liên lạc, tìm cách giúp đỡ cách mạng miền Nam, nhất là biết tình hình địch, hỗ trợ nhân dân đấu tranh với chúng...

22 giờ ngày 16-5-1955, trên cương vị quyền Bí thư Liên khu ủy¹, đồng chí Võ Chí Công dẫn cán bộ cơ quan Liên khu ủy rời địa điểm về căn cứ. Xuất phát từ phía nam Bồng Sơn, đi ô tô qua chợ Tài Lương, đoàn đi bộ lên đóng cơ quan ở vùng cao La Vuông, phía tây huyện Hoài Nhơn².

Sau khi sắp xếp nơi ở và làm việc của cơ quan Liên khu ủy tương đối ổn định, đồng chí Võ Chí Công bắt đầu chỉ đạo tổ chức đầu mối liên lạc hợp pháp tại thị trấn An Lão để nắm tình hình và góp ý kiến chỉ đạo hoạt động cho các địa phương. Đồng thời, đồng chí và Liên khu ủy tập trung nghiên cứu, phân tích tình hình

1. Vì đồng chí Trần Lương đi công tác ra miền Bắc.

2. Vùng này địa hình trung du mát mẻ, xóm làng với từng khu ruộng và rừng thưa xen kẽ nhau. Từ đây nhìn được xuống đồng bằng thấy rừng dừa bạt ngàn với đường xe lửa, quốc lộ và biển, rất tiện liên lạc xuống Tam Quan, Bồng Sơn và lấy tin tức các nơi đưa về.

địch, ta, so sánh với thời kỳ kháng chiến chống Pháp để xác định tư tưởng và hướng hoạt động trong thời kỳ đấu tranh mới. Trước hết là phân tích, xem xét, xác định kẻ thù của cách mạng trong giai đoạn này.

Đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V đều thấy rõ âm mưu của Mỹ thay thế Pháp xâm lược Việt Nam từ lâu. Tập kết vừa xong, theo lệnh Mỹ, Ngô Đình Diệm tuyên bố bác bỏ hiệp thương thống nhất đất nước và mọi quan hệ với miền Bắc, không thừa nhận và xé bỏ Hiệp định Giơnevơ. Mỹ đã hất cẳng Pháp để dựng lên một chế độ tay sai đại diện cho giai cấp địa chủ và tư sản mại bản phản động nhất nhằm biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và đẩy lùi chủ nghĩa xã hội ở vùng Đông Nam Á. Trước mắt, chúng gấp rút thực hiện mục tiêu cơ bản là tiêu diệt những người cộng sản và phong trào yêu nước của nhân dân ta ở miền Nam. Rõ ràng, kẻ thù xâm lược, đối tượng chiến lược của cách mạng miền Nam trong giai đoạn này là đế quốc Mỹ¹, đúng như Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9-1954 đã khẳng định.

1. Ngay từ tháng 11-1954, đại sứ đầu tiên của Mỹ ở Sài Gòn (Côlin) đã vạch ra biện pháp chiến lược với kế hoạch bước đầu là: Xây dựng chính quyền Sài Gòn; Lập các đảng phái phản động; Thực hiện quốc sách “tố cộng, diệt cộng”; Lừa bịp “cải cách điền địa”, “lập khu trù mật”; Đào tạo các loại cán bộ tay sai trung thành, tăng các đoàn cố vấn Mỹ, viện trợ ồ ạt mọi mặt và gấp rút thành lập “Việt Nam Cộng hòa”.

Phân tích cẩn trọng âm mưu và hành động thực tế của địch vào lúc này, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V đi đến kết luận: sẽ không có tổng tuyển cử; kẻ thù đã và sẽ tiếp tục chỉ dùng bạo lực khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng miền Nam, nếu chỉ đấu tranh chính trị một chiều sẽ không thể thực hiện được nhiệm vụ chiến lược là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ. Lúc này chỉ có con đường bạo lực là duy nhất đúng, phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực của kẻ thù mới thực hiện được mục tiêu của cách mạng nước ta.

Về phía ta, đứng trước tình hình mới, các đồng chí thấy rằng, mặc dù về tình cảm có nhiều lo lắng và trước những khó khăn chồng chất do địch gây ra ở vùng địch mới chiếm đóng, nhưng cán bộ và nhân dân vẫn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng, nên rất nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương của Đảng, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sẵn sàng tiếp tục đấu tranh không ngại gian khổ, ác liệt và hy sinh trong giai đoạn mới. Về cơ bản, do chuẩn bị và chuyển hướng hoạt động sớm, kịp thời nên lực lượng cách mạng ở Liên khu V được giữ gìn. Nhiều nơi nhân dân không chấp hành sự áp chế

mọi mặt của địch và có nơi đã vũ trang thô sơ chống lại chúng, đi theo cách mạng và trở thành căn cứ địa cách mạng.

Đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy thấy rõ những khó khăn của Liên khu V (tập trung ở các tỉnh từ Quảng Nam tới Phú Yên) trong việc chuyển trạng thái hoạt động ở vùng tự do vào hoạt động bí mật, bảo tồn lực lượng. Vì từ chỗ có chính quyền, quân đội hoạt động công khai chuyển sang hoạt động bí mật, đấu tranh hợp pháp là bước thay đổi đột ngột, rất cơ bản về thế và lực giữa ta và địch, cho nên không khỏi gặp lúng túng, khó khăn trong việc vận dụng phương châm đấu tranh và phương pháp công tác mới. Về cán bộ, do hoạt động công khai ở vùng tự do cũ, nên trừ một bộ phận nhỏ đảng viên giữ được bí mật, còn phần lớn đã bị lộ không chuyển vào bí mật được nên bị địch bắt tập trung, tra tấn và tù đày.

Các đồng chí nhận định, miền núi Liên khu V là một vùng rộng lớn, có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng, chẳng những ở vùng này mà cả miền Nam nước ta (nối tiền phương với hậu phương lớn miền Bắc và Đông Nam Bộ) và là địa bàn chiến lược của cả Đông Dương. Nơi đây, kinh tế tự túc, địa thế hiểm trở, đồng bào các dân tộc một lòng trung thành với Bác Hồ, với

cách mạng, sẵn sàng chống lại càn quét, khủng bố của địch. Do đó, ở đây thế của ta mạnh, địch yếu, nên chúng không thực hiện được tổ cộng, không lập được chính quyền, một số nơi có chính quyền địch nhưng phần lớn là do ta nắm. Bởi vậy, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V quyết định xây dựng miền núi Liên khu V thành căn cứ địa cách mạng, kết hợp xây dựng kinh tế, chính trị, kết hợp đấu tranh vũ trang thô sơ và đấu tranh chính trị, binh vận từ đầu để giữ vững và phát triển phong trào.

Liên Khu V là trọng điểm “tổ cộng, diệt cộng” của địch nên chúng tiến hành đánh phá ác liệt, liên tục, vừa đàn áp quần chúng cách mạng, vừa xây dựng lực lượng phản cách mạng để kìm kẹp nhân dân, làm các tổ chức đảng tan vỡ. Vì địch có chính quyền, quân đội, còn quân ta phải tập kết, chúng dùng mọi hình thức bạo lực đàn áp, ta chỉ đấu tranh chính trị đơn thuần, do đó ta ở trong hoàn cảnh bị thất thế, bị động hoàn toàn. Bởi vậy, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V thấy không có con đường nào khác là phải thay đổi phương thức hoạt động và đấu tranh, chuyển từ đấu tranh chính trị một chiều sang kết hợp giữa đấu tranh chính trị với vũ trang. Trước mắt, phải dùng bạo lực cách mạng cần thiết để diệt ác ôn, bảo tồn lực lượng, giữ vững phong trào.

Liên khu ủy V đóng ở La Vuông (tây Hoài Nhơn) một thời gian, nhưng vì cán bộ, quần chúng chưa quen bí mật, lại bị bọn mật thám đóng giả kẻ đi buôn, đi thăm người nhà để dò la, cơ quan dễ bị lộ, nên phải di chuyển. Lúc đầu, Liên khu ủy chuyển sang huyện An Lão, rồi đến huyện Vĩnh Thạnh¹. Khu vực này thuận lợi cho Liên khu ủy chỉ đạo vùng trọng điểm là các tỉnh tự do cũ - nơi địch đang tập trung đánh phá ác liệt - cần phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống khủng bố, đồng thời tìm mọi phương pháp giữ gìn cán bộ, cơ sở cách mạng...

Trong thời gian này, để nắm vững tình hình, đồng chí Võ Chí Công trực tiếp đi xem xét, nghiên cứu kỹ một số địa bàn đã diễn ra những cuộc đấu tranh quyết liệt của quần chúng và sự khủng bố ác liệt của địch. Đồng chí thấy rõ những tổn thất với sự kiên cường, hy sinh anh dũng của cán bộ, đảng viên, của nhân dân cho cách mạng và những thủ đoạn, sự tàn bạo vô nhân tính của địch với những chiến dịch “tổ cộng” liên tục của chúng nhằm khuất phục con người

1. Nơi đây có các thôn của đồng bào dân tộc ở giáp ranh với đồng bằng cách 1 - 2km rất tốt với cách mạng và ít người đi lại. Hơn nữa, dân có nhà ngoài rẫy, với bấy, hầm cấm chông ngụy trang chống thú rừng nên địch sợ không dám lùng sục.

về tư tưởng, hoặc bị tiêu diệt¹. Bên cạnh áp lực đó, chúng cho cướp tài sản, ruộng đất của nhân dân, bắt nông dân thoái tô², trả ruộng đất cho địa chủ³, lấy công điền đấu giá bỏ vào quỹ của chúng, nâng đỡ bọn phản động ở xã, thôn làm giàu để biến bọn này thành chỗ dựa, là cơ sở chính trị - xã hội chống cách mạng đến cùng.

1. Ở thôn, xã nào địch cũng mở lớp khai báo, tập trung sấm hối, dùng tấn công tư tưởng làm mệt mỏi tinh thần, chia rẽ gia đình, thôn xóm bằng cách tố cáo lẫn nhau; bắt vợ bỏ chồng, bỏ người yêu đi tập kết, thoát ly; bắt ai cũng tố cộng, chửi, xé cò, ly khai cộng sản; bắt tù đầy, chém giết hàng loạt. Chúng bắt đảng viên, quần chúng tích cực kháng chiến cũ “đầu hàng xuất thú”, nhận làm gián điệp cho chúng; bao vây, khống chế, cô lập, hành hạ gia đình có người tập kết, thoát ly, giết cả trẻ nhỏ để “trừ nọc độc cộng sản”, “nhỏ cỏ tận gốc”... Bởi vậy, chúng đã gây nên không khí khủng khiếp, làm cho người dân sợ sệt, ngờ vực lẫn nhau để tách Đảng khỏi quần chúng, nhằm tiêu diệt tổ chức, đảng viên và quần chúng yêu nước. Chúng cưỡng bức nhân dân phải vào các tổ chức, đoàn thể, đảng phái do chúng dựng lên (như Đảng “Cần lao nhân vị”) và sử dụng thần quyền, giáo lý để kìm kẹp tư tưởng nhân dân. Tất cả mọi thủ đoạn đó đều nhằm đầu độc quần chúng về tư tưởng, kìm kẹp con người trong tổ chức, đi đôi với khủng bố, làm cho quần chúng xa cách mạng, cam chịu làm nô lệ cho đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai.

2. Thoái tô: nông dân phải trả tô đã được giảm trước đó cho địa chủ.

3. Ở vùng tự do Liên khu V, chúng cướp 5 vạn ha đất công bằng cách xáo lại công điền, bỏ vào quỹ xã 25% (Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975, Sđd, tr. 233)*).

Trước hành động phá hoại Hiệp định Giơnevơ và sự khủng bố tàn bạo của địch hằng ngày, hằng giờ, ta bị thay đổi cả thế và lực, nhưng phải thi hành theo chủ trương chung, nên đã xuất hiện “tâm trạng lo âu, thắc mắc là Đảng bỏ quên chúng”. Bởi vậy, đồng chí Võ Chí Công thấy “lo lắng, bồn khoăn” và cảm thấy ở trong một tình huống “lúng túng như gà mắc tóc, gần như bế tắc vậy”¹. Đó là bước ngoặt khó khăn lớn mà đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V phải vượt qua để giữ gìn lực lượng, từng bước khôi phục phong trào cách mạng.

Tháng 5-1955, để bám sát phong trào và yêu cầu chỉ đạo hai thành phố lớn là Đà Nẵng và Huế, đồng chí Võ Chí Công quyết định chuyển cơ quan Liên khu ủy V từ Bình Định ra vùng núi huyện Phú Lộc (Thừa Thiên Huế), và tháng 12-1955 lại chuyển về Quảng Nam, đóng tại Trung Mang².

Cũng từ thời điểm này đến năm 1958, trong Liên khu ủy V và các tỉnh ủy có sự tranh luận quyết liệt về tình hình, đường lối cách mạng miền Nam³. Cuối cùng, trước thực tế không thể khác, tư tưởng thống nhất là

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 166.

2. Cách thành phố Đà Nẵng 15km về phía tây.

3. Tình hình này cũng diễn ra trong Xứ ủy Nam Bộ.

phải dùng bạo lực mới đánh thắng địch, cách mạng mới phát triển và đi đến thắng lợi.

Giữa năm 1958, Liên khu ủy V họp hội nghị kiểm điểm tình hình và sự chỉ đạo, bởi từ sau Hiệp định Giơnevơ đã thấy trong *đánh giá địch, ta có nhiều sai lệch, không nắm bắt kịp thời âm mưu, thủ đoạn của địch nên đối phó bị động...; việc sắp xếp tổ chức cán bộ không kịp thời, còn chấp vá, tạm bợ; cầm nắm đường lối cứng nhắc, một chiều dựa vào pháp lý Hiệp định Giơnevơ, vào đấu tranh chính trị, không tính toán đến khả năng phải dùng đến bạo lực vũ trang - nhất là trong những năm 1957 - 1958 khi địch trắng trợn khủng bố*¹.

Bởi vậy, phong trào đấu tranh ở đồng bằng từ cuối năm 1956 bị đàn áp dữ dội nên dần dần bị tắt, lực lượng cách mạng ngày càng tổn thất nặng. Từ tháng 7-1954 đến cuối năm 1957, ở đồng bằng 90% đảng viên bị bắt, bị tù và bị giết. Khi địch tiếp tục “tố cộng” đợt 2 lại càng ác liệt hơn, thủ đoạn thâm độc hơn. Đến năm 1958, chúng gây cho cách mạng nhiều khó khăn, tổn thất nặng nề, tổ chức đảng bị vỡ, nhiều cán bộ bị bắt. Nhiều nơi trong một năm xây dựng chi bộ mới đến ba lần, có huyện ủy thay mới gần hết. Vùng tự do ở đồng bằng khi phong trào bị khủng bố, lúc thấp nhất chỉ còn 120 chi bộ, 3.000

1. Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 260-261.

đảng viên, hơn một vạn cơ sở quần chúng trung kiên; tỉnh khá chỉ còn trên một nửa xã có cơ sở.

Lường định trước tình hình, ngay từ đầu, Liên khu ủy đã ra sức xây dựng căn cứ cách mạng ở Tây Nguyên và miền tây các tỉnh Liên khu V nên dù địch đánh phá¹ cũng không lập được chính quyền và tiến hành tố cộng như ở đồng bằng, chỉ xây dựng được những đồn bót quanh các thị xã và một số huyện lỵ lớn ở Tây Nguyên. Trong kháng chiến chống Pháp, lực lượng đảng viên bộc lộ nhưng không có đảng viên nào bị bắt do đồng bào dân tộc thuần khiết, trong thôn xã không có phản động. Cán bộ, đảng viên hòa mình giáo dục, lãnh đạo quần chúng đấu tranh và lợi dụng địa hình hiểm trở, dùng công, bẫy đối phó với địch. Cơ quan Liên khu ủy ở trong các thôn, xã vùng giáp ranh đồng bằng được nhân dân bảo vệ². Bởi vậy, mặc dù địch tiến hành đủ kiểu đàn áp, khủng bố, càn quét, nhưng lực lượng đảng viên, phong trào quần chúng vẫn được giữ vững. Thực tế đó cho thấy, ta chỉ mới dùng bạo lực hạn chế đã tạo được thế và lực tiến công của địch, bảo vệ được lực lượng cách

1. Bằng các cuộc hành quân, biệt kích, đóng đồn, dồn dân, lập tề, phát triển gián điệp, mở các chiến dịch thượng du vận, tuyên truyền lừa bịp, mua chuộc quần chúng, khơi lại hận thù, xích mích cũ, chia rẽ kỳ thị dân tộc...

2. Ở đây, bọn ác ôn người Kinh đều bị diệt, lính địch đến đều bị đánh nên chúng sợ không dám vào thôn, xã. Vì thế địch không lập được chính quyền của chúng.

mạng và phong trào cách mạng¹; hệ thống chỉ đạo từ Liên khu đến tỉnh, huyện, xã tuy có bị tổn thất lớn, gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn tồn tại².

Đến năm 1957, tư tưởng đấu tranh vũ trang trong Đảng bộ và nhân dân Liên khu V đã ngấm ngấm sục sôi vì thấy không thể chỉ dùng con đường đấu tranh chính trị mà giành được chính quyền. Cho nên, khi được truyền đạt tinh thần Nghị quyết XX của Đảng Cộng sản Liên Xô về thế giới có khả năng hòa bình giành chính quyền, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí trong Liên khu ủy cho rằng đó là điều kiện của Liên Xô, không hợp với miền Nam, trái ngược với suy nghĩ của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Đi truyền đạt nghị quyết đó ở Quảng Nam, đồng chí Võ Chí Công nói rõ quan điểm không tin rằng không

1. Ở miền núi, từ đấu tranh chính trị đến kết hợp vũ trang thô sơ, chống địch càn quét, khủng bố, trở thành khởi đầu cho phong trào nổi dậy vũ trang chống địch, quyết liệt như làng Mực (Quảng Đà) năm 1958, ở Tà Lốc, Tà Lét, Hà Ri (Bình Định) cuối năm 1958. Năm 1958, các khu căn cứ hình thành: Tung Bung, Cô Xia, Tân Túc, Đắc Nia, Xã Đoàn, Xã Hiến (Kon Tum); các huyện: huyện 7 nam đường 19, Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ (Quảng Ngãi), Vĩnh Thạnh (Bình Định), huyện Hiên (Quảng Nam), Thô Lô, Bắc Ma Du (Phước Yên), Đô Lây (Đắk Lắk), Bắc Ái (Ninh Thuận), v.v..

2. Trong quá trình cách mạng, kể cả lúc gặp khó khăn nhất, đồng chí Võ Chí Công và cán bộ đi công tác dài ngày đến các huyện, xã vẫn an toàn.

dùng bạo lực mà lại giành được chính quyền. Đây là kinh nghiệm xương máu từ cuộc sống, là thực tiễn, là chân lý được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Cách mạng miền Nam không thể đi ngoài quy luật lấy bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, phải dựa vào sức mạnh bạo lực của quần chúng, tức là lực lượng chính trị kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân¹.

Cuối năm 1957, trước tình hình như vậy, đồng chí Võ Chí Công đề nghị với Liên khu ủy để đồng chí ra miền Bắc gặp Trung ương Đảng báo cáo tình hình và trình bày quan điểm của mình. Giữa đường ra miền Bắc, được tin đồng chí Lê Duẩn cũng trên đường ra Hà Nội, đồng chí hy vọng đồng chí Lê Duẩn sẽ có nhiều ý kiến dựa trên thực tế ở miền Nam. Đến Quảng Trị, được biết Tỉnh ủy Quảng Trị tổ chức họp tại Vĩnh Linh (phía bắc giới tuyến quân sự tạm thời), đồng chí Võ Chí Công đề nghị và xin Trung ương chuyển địa điểm họp của Tỉnh ủy Quảng Trị ra Hà Nội để vừa có lãnh đạo Liên khu V, vừa gần Trung ương, sẽ xin ý kiến trực tiếp được.

Đầu năm 1958, ngay sau khi tới Hà Nội và liên tục mấy ngày sau đó, đồng chí Võ Chí Công gặp đồng chí Lê Duẩn để báo cáo tình hình. Đồng chí nói rõ những tổn thất rất nặng của ta, nhất là ở đồng bằng ở Liên

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 178-179.

khu V từ năm 1955 đến năm 1957, qua những cuộc tàn sát của địch ở Hướng Điền (Thừa Thiên), Chợ Được, Cây Cốc, Chiên Đàn, Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Ngân Sơn, Chí Thạnh (Phú Yên) và nói rõ nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân Liên khu V không dừng lại ở đấu tranh chính trị một chiều mà mong muốn được Trung ương cho phép chuyển sang đấu tranh vũ trang, lấy bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của quân thù. Thực tế là, ở vùng núi Liên khu V, đồng bào dùng vũ khí thô sơ chống lại nên địch không làm được gì, còn ta lại củng cố được phong trào và phát triển thành căn cứ vững chắc. Trước hết là phát động quần chúng nổi dậy và kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng vùng rừng núi rộng lớn ở miền Nam thành căn cứ địa,... Những nhiệm vụ này phải tiến hành từ thấp đến cao với sự chi viện của hậu phương miền Bắc...

Lắng nghe và biểu thị sự đồng tình với các ý kiến của đồng chí Võ Chí Công, đồng chí Lê Duẩn nhất trí tán thành phải phát động quần chúng đứng lên dùng bạo lực cách mạng để lật đổ ách thống trị của bọn cướp nước và bán nước, nhưng lưu ý rằng cần nghiên cứu phương pháp chiến lược, hình thức kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang sao cho phù hợp với so sánh lực lượng ta - địch ở cả ba vùng chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam cũng như bối cảnh quan hệ quốc tế... và nhất là phải được sự nhất trí trong lãnh đạo của

Đảng. Đồng chí được đồng chí Lê Duẩn cho xem bản *Đề cương cách mạng miền Nam* và yêu cầu ở lại chờ họp Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương.

Qua trao đổi và nghiên cứu *Đề cương cách mạng miền Nam*, đồng chí thấy rõ quan điểm của đồng chí Lê Duẩn về dùng bạo lực cách mạng nhưng phải nghiên cứu phương pháp, hình thức, mức độ, quy mô kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang trong từng lúc (nhất là lúc đầu) và ở từng vùng cho phù hợp với thực tiễn mới có hiệu quả. Đồng chí cũng rất tâm đắc tinh thần chỉ đạo của đồng chí Lê Duẩn là: có những việc còn phải mò mẫm, cứ làm rồi sẽ thấy, dám đi mới thấy đường đi cụ thể.

Tại Hà Nội, đồng chí Võ Chí Công được mời tới báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị về tình hình trước và sau tập kết ở các tỉnh và cả ba vùng của Liên khu V. Đồng chí báo cáo rõ căn cứ ở miền núi được giữ vững, củng cố và phát triển nhờ có Đảng bộ lãnh đạo quần chúng sử dụng bạo lực cách mạng với nhiều hình thức vũ khí thô sơ và nhấn mạnh: ở vùng tự do cũ, cán bộ, đảng viên bị lộ hầu hết, địch dùng bạo lực khủng bố tàn bạo nhằm tiêu diệt tổ chức đảng và phong trào quần chúng nên nhiều cán bộ, đảng viên đã anh dũng hy sinh. Đảng bộ từ Liên khu đến tỉnh, huyện có bị tổn thất lớn, nhưng vẫn được kiện toàn. Ở cơ sở, tổ chức đảng và quần chúng vùng tự do cũ bị tan rã nhiều. Riêng vùng tự do cũ chỉ còn những chi bộ mới xây dựng lại, có khoảng 120 chi

bộ với 3.000 đảng viên, phần nhiều hoạt động đơn tuyến; tổ chức quần chúng cốt cán trung kiên còn hơn một vạn. Nhân dân rất căm thù địch, quyết đi theo Đảng, nhưng phong trào cách mạng Liên khu V ở vào điều kiện bất lợi vì địch dùng bạo lực, ta tay không, địch dùng chiến tranh một phía, ta đấu tranh chính trị đơn thuần, do đó, địch bắt bớ, tra tấn, tù đầy, thủ tiêu, chém giết hàng chục vạn cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng...

Nghe đồng chí Võ Chí Công báo cáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất xúc động vì sự hy sinh của cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng, đồng thời Người khen ngợi tinh thần anh dũng, kiên cường của cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng, khen ngợi phong trào cách mạng ở thành phố, nhất là vùng miền núi vẫn giữ được và phát triển là điều kiện thuận lợi để khôi phục và phát triển phong trào toàn Liên khu. Nhưng Người cũng phê bình việc để vùng tự do cũ của ta còn chậm chuyển về tư tưởng, tổ chức vào hoạt động bí mật, bộc lộ hết lực lượng để cho địch khủng bố...

Sau cuộc gặp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Hồ Tây thăm đồng chí Võ Chí Công và mời đồng chí đến nhà ăn cơm cùng với Người. Trong bữa cơm, vừa ăn vừa nói chuyện, đồng chí trình bày với Chủ tịch Hồ Chí Minh về khả năng và triển vọng tình hình cách mạng ở Liên khu V và miền Nam tùy thuộc vào việc được phép đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang; không được như vậy tình hình ở đồng bằng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

Được Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi về ý kiến cá nhân đối với những vấn đề nêu ra, đồng chí đề nghị Người cho bắt đầu kết hợp vũ trang tuyên truyền, diệt ác ôn, hỗ trợ đấu tranh chính trị, bảo vệ phong trào quần chúng, bảo vệ Đảng; tiếp theo, phát động phong trào quần chúng nổi dậy có vũ trang để hỗ trợ phá kim kẹp, giành quyền làm chủ; xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang tiến lên từng bước ngày càng mạnh, kết hợp song song với đấu tranh chính trị.

Trực tiếp lắng nghe tiếng nói và kiến nghị của người lãnh đạo ở chiến trường, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: phong trào cách mạng có quy luật khi lên khi xuống là lẽ thường nhưng vẫn phát triển, do địch và do ta nữa, nếu làm đúng thì phong trào lên nhanh. Người giải thích cho đồng chí rõ việc phải ký Hiệp định Giơnevơ là một bước tạm ngừng chiến để xây dựng lực lượng rồi sẽ tiến hành kháng chiến giải phóng cả nước. Người cho rằng, địch dùng bạo lực khủng bố cách mạng, ta muốn đánh thắng địch, giành chính quyền về tay nhân dân thì cũng phải dùng bạo lực, bạo lực là lực lượng quần chúng và lực lượng vũ trang. Vũ trang thì có sức mạnh nhưng cũng rất phức tạp, do đó cần cân nhắc kỹ thời điểm, mức độ và với hình thức gì ở từng vùng cho đúng, nếu không biết cách làm thì phong trào không thể lên. Đây là những vấn đề bức thiết, quan trọng, phải để Hội nghị Trung ương Đảng quyết định. Cuối cùng, Người nói đồng chí Võ Chí Công ở lại họp Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Được Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Lê Duẩn yêu cầu ở lại chờ họp Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Chí Công lập tức viết thư về cho Liên khu ủy V thông báo phải khẩn trương chuẩn bị lực lượng vũ trang để kết hợp với đấu tranh chính trị, tăng cường xây dựng căn cứ ở miền núi; vũ trang tuyên truyền, diệt ác ở đồng bằng, dùng bạo lực vũ trang chống càn ở miền núi. Bởi vậy, trước khi có Nghị quyết 15, không khí vũ trang đã thâm nhập rất nhanh vào các cấp ở Liên khu V.

Trong thời gian ở Hà Nội, đồng chí Võ Chí Công dành thời gian tới dự họp với Tỉnh ủy Quảng Trị. Đồng chí đã phê bình thẳng thắn bản báo cáo của Tỉnh ủy dài nhưng không xác định rõ tình hình cũng như về đánh giá phong trào và phương hướng nên yêu cầu viết lại cho đúng thực chất để có biện pháp ổn định, từng bước đẩy phong trào tiến lên. Trước khó khăn của Quảng Trị chỉ còn ba chi bộ, đồng chí cho rằng việc giữ được ba chi bộ ở Quảng Trị là khá, vì nhiều nơi còn khó khăn hơn, đồng thời nêu lên những phương thức, biện pháp cụ thể cần thiết để vừa đấu tranh, vừa giữ vững và phát triển phong trào ở Quảng Trị. Đồng chí cho rằng, việc đấu tranh vũ trang cần có ý kiến của Trung ương nhưng cũng phải cân nhắc vì Quảng Trị là vùng đệm, cán bộ ta đi ra, vào đều qua đây, làm mạnh quá địch sẽ kiểm soát gay gắt. Trước mắt, cần tiêu diệt những tên ác ôn quá gian ác, nhưng phải khéo. Những ý kiến của đồng chí

đã “tháo gỡ nhiều vướng mắc về nhận thức cũng như hành động” cho Tỉnh ủy Quảng Trị¹.

Trong thời gian chờ họp Hội nghị Ban Chấp hành Đảng, đồng chí Võ Chí Công đề nghị Trung ương cho Liên khu V một số cán bộ, đặc công, vũ khí.

Cuối năm 1958, Trung ương Đảng điều đồng chí Trần Lương ra Trung ương và quyết định đồng chí Võ Chí Công làm *Bí thư Liên khu ủy V*.

Tháng 1-1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Đảng (mở rộng) họp² và thông qua Nghị quyết về đường lối cách mạng miền Nam nêu rõ: “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”³ và “Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp*

1. Xem Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr. 279-281.

2. Hội nghị họp trong nhiều đợt. Còn nhiều tài liệu khác nhau về thời gian họp đợt cuối của Hội nghị. Theo sách Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, PGS.TS. Nguyễn Quý (Chủ biên): *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.114: Đợt II Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương (chỉ có các đồng chí Ủy viên Trung ương dự) họp từ ngày 10 đến ngày 15-7-1959.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.20, tr. 82.

với lực lượng vũ trang để đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân”¹. Trong điều kiện tình hình quốc tế phức tạp², Nghị quyết 15 ra đời có ý nghĩa hết sức

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.20, tr. 82.

2. Đồng chí Võ Chí Công kể đồng chí Lê Duẩn nói với đồng chí về thái độ của Trung Quốc và Liên Xô: “Đầu những năm 60, trong sự nghiệp cách mạng miền Nam sau Nghị quyết 15 chuyển sang giai đoạn mới là dùng bạo lực chính trị và vũ trang thì hai ông anh lớn của ta không tán thành. Liên Xô nói với ta về cách mạng miền Nam: Bắc, Nam Việt Nam phải chung sống hòa bình, Việt Nam thì đua hòa bình. Liên Xô cho rằng nếu ta làm cách mạng để giải phóng miền Nam thì sẽ xảy ra chiến tranh lớn làm nguy hại đến hòa bình thế giới. Liên Xô không tin rằng ta có thể thắng được ở miền Nam, Liên Xô cũng cho rằng Việt Nam là một nước nhỏ, đối với thế giới không quan trọng lắm. Nhưng trong bối cảnh giữa Liên Xô và Trung Quốc bất hòa nên Liên Xô sợ ta ngã sang Trung Quốc, hơn nữa nước ta là chỗ đứng chân của Liên Xô ở Đông Nam Á nên giúp ta về kinh tế và quốc phòng. Còn Trung Quốc, khi gặp anh Lê Duẩn, Chu Ân Lai nói: Các anh đấu tranh vũ trang ở miền Nam thì chiến tranh sẽ lan ra miền Bắc. Nếu chiến tranh lan ra miền Bắc thì tôi báo cho các anh biết Trung Quốc không thể gửi quân sang giúp các anh như trước kia giúp Triều Tiên để đánh Mỹ được đâu. Nếu Mỹ đánh ra miền Bắc thì các anh gánh chịu đòn lầy. Anh Lê Duẩn trả lời: Ở miền Nam chỉ đấu tranh chính trị là chính nhưng có dùng vũ trang cần thiết để tự bảo vệ... Chu Ân Lai nói: Nếu thế thì chấp nhận được. Vì Trung Quốc sợ dính líu vào cuộc chiến tranh chống Mỹ. Do đó, ta phải khéo léo với hai bên để có viện trợ” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 230).

quan trọng vì đã vạch ra nhiệm vụ, phương hướng phát triển phù hợp với yêu cầu cấp bách của cách mạng miền Nam, đồng thời thể hiện quyết tâm và tinh thần độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta.

Trong thời gian họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Lê Duẩn bàn với đồng chí Võ Chí Công việc phải sớm lập Mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi ở miền Nam nhằm tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh chống Mỹ, cứu nước. Để thực hiện nhiệm vụ này, phải lựa chọn được một người trí thức tiêu biểu, vững vàng. Đồng chí Lê Duẩn giới thiệu và yêu cầu đồng chí Võ Chí Công tìm cách đưa luật sư Nguyễn Hữu Thọ, đang bị địch đưa đi an trí ở Phú Yên, ra đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Mặt trận. Đồng chí hứa với đồng chí Lê Duẩn cố gắng thực hiện nhiệm vụ quan trọng này.

2. Góp phần chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam

Cuối tháng 8-1959, sau Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Chí Công về Liên khu V tổ chức ngay Hội nghị Liên khu ủy (mở rộng) để truyền đạt Nghị quyết 15. Liên khu ủy V rất vui mừng có được chủ trương của Đảng về đường lối cách mạng miền Nam và coi đây là bước ngoặt của

đường lối cách mạng, cũng là bước chuyển sang giai đoạn bạo lực của cách mạng miền Nam. Nghị quyết 15 ra đời đã giải đáp được mọi lo âu, thắc mắc, đáp ứng mong mỏi của cán bộ, đảng viên, nhân dân, phù hợp quy luật đấu tranh và thực tiễn cách mạng miền Nam.

Ngay khi Hội nghị đang bàn kế hoạch thực hiện Nghị quyết 15 thì đã xuất hiện hoạt động vũ trang ở các địa phương của Khu V. Ngày 28-8-1959, nhân dân huyện Trà Bồng nổi dậy chống địch càn quét và giành chính quyền¹. Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã phê phán huyện Trà Bồng nôn nóng làm vội. Được tin này, đồng chí Võ Chí Công điện khẩn cho tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu không được phê bình Trà Bồng, đợi đồng chí trực tiếp đến huyện Trà Bồng và sẽ cùng Tỉnh ủy Quảng Ngãi kiểm tra và quyết định.

Đi quan sát một số xã và nghe các xã trong huyện Trà Bồng báo cáo tình hình, đồng chí Võ Chí Công đã kết luận và chỉ rõ: huyện Trà Bồng với khí thế quần

1. Ngày 23-8-1959, đồng bào Kor các xã Trà Thủy, Trà Giang biểu tình tẩy chay cuộc bầu cử quốc hội bù nhìn của chính quyền Ngô Đình Diệm. Địch khủng bố, giết hại dã man 13 dân thường, ngọn lửa căm thù càng sục sôi. Được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, sáng ngày 28-8, nhân dân ở buôn làng cùng với các đội du kích dùng mọi loại vũ khí vây bắt địch. Đơn vị 339 cùng du kích và nhân dân chặn đánh địch ở nhiều nơi, tấn công trụ sở, địch rút chạy. Tin Trà Bồng được giải phóng đã lan nhanh khắp tỉnh.

chúng nổi dậy mạnh mẽ đã đánh bại cuộc càn quét của một sư đoàn địch¹, đó là thắng lợi, là hành động đúng. Đồng chí biểu dương huyện Trà Bồng và quyết định lấy điển hình này nhân rộng ra các địa phương khác và cho rằng nhất định sẽ thành công.

Ở đồng bằng Liên khu V, sau khi có Nghị quyết 15 và khởi nghĩa Trà Bồng, các đơn vị vũ trang tuyên truyền đi sâu vào vùng địch diệt ác, trừ gian, vận động quần chúng nên cơ sở cách mạng từng bước được phục hồi, nhiều chi bộ mới được thành lập. Tình hình đó đã động viên nhân dân và tác động mạnh đến tinh thần binh lính địch, làm cho sự kìm kẹp của địch suy yếu, lỏng lẻo, có nơi tan rã, khí thế cách mạng tăng lên. Phong trào cách mạng ở Liên khu V từ bị động chuyển sang thế tiến công².

1. Ngày 9-9-1959, địch dùng Sư đoàn 22 càn quét huyện Trà Bồng. Cuộc chiến đấu ở đây kéo dài hàng tháng, chúng đã phải bỏ cuộc càn quét, rút bỏ một số đồn. Đến cuối năm 1959, vùng giải phóng ở Tây Quảng Ngãi có tới 40 xã liên hoàn.

2. Tháng 2-1960, tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, một lần nữa đồng chí Võ Chí Công khẳng định: “Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi đã nổ ra kịp thời, có chuẩn bị, có lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, đi đúng đường lối cách mạng, thực hiện đúng Nghị quyết 15, đóng góp những kinh nghiệm quý báu cho việc thực hiện Nghị quyết 15 ở Nam Trung Bộ” (Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 268).

Nửa sau năm 1959 là thời gian chính quyền phát xít Ngô Đình Diệm lê máy chém đi khắp nơi tiến hành đàn áp khốc liệt, thế và lực của chúng lên cao nhất và phong trào cách mạng suy yếu xuống thấp nhất và bị động. Nhưng cũng từ thời điểm này, thực hiện Nghị quyết 15, với việc sử dụng đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang cách mạng ở miền Nam nói chung, Liên khu V nói riêng đã tạo ra thế tiến công liên tục, làm cho địch bắt đầu suy sụp, bị động, phong trào cách mạng từng bước giành thế chủ động và tiến công địch.

Vận dụng Nghị quyết 15 vào Liên khu V, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy chủ trương: *một là*, tập trung trước hết ở miền núi, nơi nào còn có chính quyền địch, nổi dậy xoá sạch chính quyền xã, thôn của địch, lập chính quyền cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang và các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, chống càn quét, bảo vệ căn cứ, làm chỗ dựa cho cuộc chiến đấu lâu dài; *hai là*, tích cực phát triển cơ sở cách mạng, cơ sở đảng và lực lượng vũ trang ở đồng bằng, đồng thời tiến công phá kìm kẹp, giành thế làm chủ, phát động quần chúng đứng lên đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Với chủ trương đó, công tác xây dựng Đảng ở Liên khu V được tiến hành đều khắp, phát triển mọi mặt, đủ sức lãnh đạo toàn diện. Đấu tranh vũ trang kết hợp với dân vận, phát động quần chúng nổi dậy, diệt

ác phá kìm, để tạo ra thế chủ động tiến công. Chỉ trong một thời gian ngắn, ở miền núi Liên khu V, phong trào cách mạng đã biến chuyển mạnh mẽ. Trong vùng giáp ranh đồng bằng, ta làm chủ ở xã, thôn, cơ sở cách mạng và số lượng đảng viên tăng lên hàng chục lần. Ở đồng bằng, ta tiêu diệt 35 đồn địch, giải phóng hàng chục vạn dân, làm chủ nhiều vùng vững chắc. Tuy mới chỉ là kết quả bước đầu của thời kỳ đồng khởi ở nông thôn Khu V, nhưng đã có tiếng vang lớn và góp phần tạo ra bước ngoặt quan trọng của cách mạng miền Nam.

Có thể nói, với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 15, thắng lợi của phong trào đồng khởi ở Liên khu V và cả miền Nam đã tạo ra chuyển biến sâu rộng làm lung lay thế của địch, báo hiệu sự sụp đổ không có cách nào cứu vãn được của chế độ Mỹ - Diệm.

Tháng 4-1960, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Liên khu ủy V họp kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết 15. Để đáp ứng sự phát triển của tình hình, Hội nghị quyết định đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa và thành lập Ban quân sự Liên khu V. Đồng chí Võ Chí Công được cử làm Trưởng ban. Trên cương vị này, đồng chí chỉ đạo thúc đẩy việc thành lập các ban quân sự của các tỉnh ủy, đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang, nhất là ở miền núi.

Từ tháng 9 đến tháng 10-1960, trên cơ sở phát triển lực lượng vũ trang¹, đồng chí Võ Chí Công và Liên khu ủy V quyết định mở một đợt hoạt động quân sự kết hợp với phát động quần chúng tiến công địch ở cả Tây Nguyên và đồng bằng, tiêu diệt 55 đồn bốt địch và đánh chiếm một số quân chi khu quan trọng², tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bức rút nhiều đồn bốt, phá hàng trăm khu tập trung, xây dựng cơ sở rộng lớn ở đồng bằng. Chính quyền xã, thôn của địch bị phá từng mảng, giải phóng hàng chục vạn dân. Hình thái chiến tranh nhân dân bắt đầu xuất hiện ở Liên khu V³.

Để cứu vãn nguy cơ sụp đổ, Mỹ chuyển sang chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, với kế hoạch Xtalây - Taylo (Staley - Taylor), dự tính bình định miền Nam trong 18 tháng. Thực hiện kế hoạch này, Mỹ và chính quyền Sài Gòn thay thế các “khu trù mật” của giai đoạn trước bằng lập “ấp chiến lược”, lấy “bình định nông thôn” và xây dựng

1. Lực lượng vũ trang của Liên khu V lúc đầu có một số đại đội bộ binh, 12 đội đặc công, các tỉnh có 1 - 3 đại đội và các đội vũ trang tuyên truyền, diệt ác ôn. Du kích phát triển mạnh ở xã, thôn. Lực lượng vũ trang từ không đến có đã tiếp tục phát triển nhanh chóng với vũ khí, trang bị lấy của địch và từ sự chi viện của miền Bắc.

2. Như ở Mang Đen, Đắc Tô, Thuận Mẫn, Ka Nắc, quận lỵ Lệ Thanh, quận lỵ Hiệp Đức, Bốc Xít, cứ điểm Vĩnh Thạnh, ở Duy Xuyên, Đại Lộc, Tuy Hòa.

3. Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 271-273.

“ấp chiến lược” làm biện pháp chiến lược chủ yếu nhằm “tát nước bắt cá”, tiêu diệt những người cộng sản và phong trào cách mạng ở miền Nam. Mặt khác, Mỹ tăng viện trợ quân sự cho chế độ Ngô Đình Diệm, giúp chúng tăng cường quân chính quy, đổi mới trang bị cho lực lượng bảo an, sử dụng cố vấn quân sự trong mọi lĩnh vực, các cấp, để chống chiến tranh du kích ở nông thôn và đánh phá, tiêu diệt lực lượng vũ trang cách mạng. Bởi vậy, chúng ra sức bắt lính để tăng quân và dùng quân đội chính quy, bảo an, tiến hành càn quét, gom dân vào ấp chiến lược (tùng thôn), bố phòng kiên cố và bố trí dày đặc các lực lượng phản động kìm kẹp và dùng mọi biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt đối với nhân dân... Đi đôi với khủng bố ác liệt, chúng ra sức tuyên truyền lừa mị dân, dùng văn hóa độc hại đầu độc thanh, thiếu niên; đẩy mạnh hoạt động chiêu hồi, chiêu hàng; tuyên truyền nói xấu cách mạng; dùng mọi cách ly gián, chia rẽ, bôi đen quần chúng bằng việc bắt mọi người vào các tổ chức phản động, tách Đảng ra khỏi dân.

Ở vùng ta làm chủ, chúng tiến hành càn quét, bắn phá dữ dội, tung biệt kích với sự hỗ trợ của máy bay, pháo binh. Lấn chiếm không được, chúng thực hiện khẩu hiệu “đốt sạch, cướp sạch, giết sạch” và tiến hành bao vây kinh tế, xúc dân tạo ra hành lang trắng, làm cho cách mạng không có nhân tài, vật lực để chiến đấu lâu dài. Trong lúc lực lượng chính trị, vũ trang của ta còn yếu, nhất là ở đồng bằng, nên với lực lượng mạnh và âm

mưu, thủ đoạn tàn độc, chúng đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất¹. Tuy nhiên, vùng căn cứ ở miền núi vẫn tiếp tục được củng cố, phong trào cách mạng vẫn sục sôi, lực lượng vũ trang tiếp tục phát triển.

Tháng 1-1961, với nhận định “thời kỳ tạm ổn định của chế độ Mỹ - Diệm đã qua và thời kỳ khủng hoảng liên tiếp, suy sụp nghiêm trọng của nó đã bắt đầu”², Bộ Chính trị đã quyết định: “Đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang... lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch cả hai mặt chính trị và quân sự”³.

Trước tình hình, nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), họp từ ngày 30-12-1960 đến ngày 5-1-1961, đã quyết định thành lập Trung ương Cục miền Nam để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở Nam Bộ và Liên khu V thay cho Xứ ủy Nam Bộ⁴. Tháng 3-1961, đồng chí Võ Chí Công được Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định làm *Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam*.

Trước khi lên đường vào nhận nhiệm vụ ở Trung ương Cục, thực hiện nhiệm vụ do đồng chí Lê Duẩn và Trung ương Cục giao về việc giải thoát luật sư Nguyễn Hữu Thọ đang bị địch quản thúc ở Phú Yên,

1. Nhưng tổn thất không lớn và kéo dài, bị động như giai đoạn 1954 - 1959.

2, 3. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sdd, tr. 280.

4. Xứ ủy Nam Bộ được thành lập tháng 10-1954.

đồng chí Võ Chí Công bàn với đồng chí Bùi Định (Tư Khiêm)¹ đi trước vào Phú Yên cùng với Tỉnh ủy Phú Yên lập các phương án quyết tâm đưa luật sư ra khỏi nơi địch quản thúc², để khi đồng chí trên đường vào Trung ương Cục sẽ ghé vào Tỉnh ủy Phú Yên góp ý kiến cho các phương án này³. Bởi vậy, khi đến Phú Yên, đồng chí Võ Chí Công họp ngay với Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên xem xét và quyết định các phương án giải thoát luật sư Nguyễn Hữu Thọ⁴, sau đó đi vào Trung ương Cục⁵.

1. Lúc này là Thường vụ Liên khu ủy.

2. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ bị chính quyền Ngô Đình Diệm bắt và đưa đi quản thúc tại Củng Sơn, Phú Yên.

3. Trước khi đồng chí Võ Chí Công đi vào Trung ương Cục, Trung ương Cục đã điện cho Tỉnh ủy Phú Yên chuẩn bị đưa luật sư Nguyễn Hữu Thọ ra.

4. Vì đã một lần tổ chức giải thoát luật sư ở nhà thương không thành nên đồng chí Võ Chí Công và Tỉnh ủy Phú Yên duyệt "kế hoạch anh Thọ" với hai phương án: 1) dùng đặc công và một đơn vị bộ binh đánh vào Củng Sơn đưa luật sư Nguyễn Hữu Thọ ra; 2) bằng cách hợp pháp nhưng bí mật ban đêm giải thoát luật sư. Để thực hiện, Liên khu ủy V chỉ viện lực lượng cho Phú Yên để thành lập đơn vị đặc công thực hiện nhiệm vụ.

5. Đêm 19-6-1961, quân ta tiến công tiêu diệt quân địch ở Củng Sơn, làm chủ quận lỵ. Một tổ đặc công theo cơ sở đến nhà luật sư ở, nhưng không gặp, vì 6 giờ chiều hôm đó, luật sư về Tuy Hòa gặp con từ Sài Gòn ra thăm. Cuộc giải thoát không thành. Rút kinh nghiệm, trong cuộc giải thoát lần ba, ta báo trước kế hoạch cho luật sư. Tối 30-10-1961, luật sư đạp xe ra địa điểm định sẵn và được một đơn vị đặc công chờ sẵn đưa về cơ quan Tỉnh ủy Phú Yên.

Tháng 10-1961, Hội nghị lần thứ nhất Trung ương Cục (mở rộng) chính thức ra mắt Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Võ Chí Công được phân công làm Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Cục, Phó Bí thư xứ ủy, phụ trách dân vận, mặt trận, kinh tế, tài chính và vấn đề phá ấp chiến lược, chống bình định của địch¹.

Trên cương vị, nhiệm vụ mới, ngoài tham gia lãnh đạo chung, đồng chí Võ Chí Công tập trung vào nhiệm vụ tổ chức cán bộ trong các ngành được phân công và chuẩn bị mọi mặt cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí, việc chuẩn bị nội dung *Báo cáo tình hình và nhiệm vụ, Chương trình, Điều lệ...* của Mặt trận được hoàn tất, công tác nhân sự cũng được chuẩn bị chu đáo. Đồng chí cũng trực tiếp chỉ đạo việc chăm lo sinh hoạt vật chất, tinh thần cũng như truyền đạt chủ trương của Đảng, các diễn biến tình hình cũng như vạch kế hoạch công tác vận động các giới... cho các nhân sĩ, trí thức mới ra vùng giải phóng tham gia Ủy ban Trung ương Mặt trận.

Từ ngày 16-2 đến ngày 3-3-1962, sau khi luật sư Nguyễn Hữu Thọ được giải thoát về Tây Ninh², Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr. 286, 320.

2. Ngày 15-12-1961, luật sư Nguyễn Hữu Thọ về đến Tây Ninh.

thứ nhất được tiến hành ở Cà Tum (Tây Ninh) đã bầu luật sư làm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Với tư cách là đại biểu của Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Võ Chí Công được cử làm đại diện của Đảng Nhân dân Cách mạng miền Nam (tên gọi công khai của bộ phận Đảng Lao động Việt Nam ở miền Nam) trong Mặt trận và được Đại hội bầu làm *Phó Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*. Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam là thắng lợi chính trị to lớn trong việc tập hợp các lực lượng yêu nước chống Mỹ - Diệm ở miền Nam, được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân yêu chuộng hòa bình, công lý trên toàn thế giới.

Tháng 4-1962, đồng chí Võ Chí Công họp Hội nghị Thường vụ Trung ương Cục quán triệt thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị căn cứ vào tình hình cụ thể ở miền Nam nhằm đánh bại kế hoạch Xtalây - Taylo của đế quốc Mỹ¹.

Tháng 4-1962, Hội nghị Trung ương Cục miền Nam chủ trương đưa các đoàn cán bộ về các địa phương để nghiên cứu tình hình, tìm cách đối phó với “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Đồng chí Võ Chí Công đề nghị với

1. Hội nghị Bộ Chính trị, họp tháng 2-1962, bàn biện pháp đánh bại kế hoạch Xtalây - Taylo của đế quốc Mỹ đã chủ trương tiến hành các công tác về đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận, phá ấp chiến lược, củng cố và mở rộng căn cứ địa ở miền Nam...

Thường vụ Trung ương Cục để đồng chí đi chiến trường đồng bằng Khu VIII, nơi địch ô ạt tiến hành càn quét, gom dân lập ấp chiến lược. Đợt công tác này vừa để kiểm tra việc thực hiện những chủ trương của Trung ương Cục, vừa nghiên cứu phương pháp phá bình định, phá ấp chiến lược, nghiên cứu cách đánh chiến thuật “trực thăng vận”, “thiết xa vận” của địch...

Vượt qua hành trình đầy nguy hiểm của mùa mưa ngập nước ở Nam Bộ với máy bay trinh sát và pháo địch bắn vào căn cứ ta suốt ngày đêm, đồng chí đi Bến Tre nghiên cứu về phong trào Đồng khởi và sau khi đến làm việc với Thường vụ Khu ủy VIII, đầu tháng 8-1962, đồng chí Võ Chí Công và đoàn công tác đến căn cứ của Tỉnh ủy Mỹ Tho¹. Qua nghiên cứu thực tiễn, thấy rõ trước áp lực ác liệt với sự càn quét, gom dân của địch, nhân dân và lực lượng vũ trang của ta đã rút chạy vô trật tự (“chạy xà dừa”) để mất đất, mất dân, tinh thần quần chúng bị ảnh hưởng, đồng chí đề xuất ý kiến chỉ đạo: phải trụ lại để phản công địch bằng đào hầm chiến đấu, dùng súng bộ binh chống “trực thăng vận”, dùng B40 chống “thiết xa vận”, dùng lựu đạn, mìn và các vũ khí có trong tay chống bộ binh địch. Để phá ấp chiến lược, đồng chí đề xuất phải phá từ trong: muốn phá kìm phải diệt bọn ác ôn ở cơ sở, lực lượng trực tiếp o ép nhân dân, diệt được chúng thì vô hiệu hóa được ấp chiến lược...

1. Đón tại chùa Phật Đá bên bờ kênh Nguyễn Văn Tiếp.

Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công đã góp phần đưa lại hiệu quả trực tiếp: trực thăng địch không dám bay thấp bắn phá, uy hiếp gọi hàng, xe bọc thép không dám càn lướt tự do, bộ binh địch không dám lung sục như trước, “quốc sách” ấp chiến lược của địch bị phá vỡ từ trong...

Trong đợt công tác này, đồng chí Võ Chí Công gặp không ít nguy hiểm với ba lần nằm trong vòng vây càn quét của địch. Lần ác liệt nhất là gặp cuộc càn quét của địch ở kênh Nguyễn Văn Tiếp, tỉnh Mỹ Tho¹. Đồng chí và một số lãnh đạo của Khu ủy và Tỉnh ủy ở trong một thôn chiến đấu ngay trong trận càn, gần nơi trực thăng địch đổ quân. Tỉnh ủy Mỹ Tho đề nghị đưa đồng chí ra khỏi vòng vây, nhưng đồng chí quyết định ở lại trực tiếp giúp Tỉnh ủy Mỹ Tho chỉ đạo chống địch và rút kinh nghiệm thực tế.

Từ thực tiễn chống càn quét của địch, đồng chí Võ Chí Công nhận thấy sức mạnh tổng hợp của việc kết hợp nhiều mặt trong xây dựng thôn, xã chiến đấu mạnh: kết hợp đấu tranh vũ trang (du kích, bộ đội địa phương tác chiến) với đấu tranh chính trị và binh vận (quần chúng ở thế hợp pháp đấu tranh chính trị, vận động binh lính địch), quần chúng chống lại cả chiến xa của địch, không cho chúng phá hoại lúa, vườn. Do vậy,

1. Địch phối hợp giữa sư đoàn chủ lực, bảo an tỉnh, với trực thăng và máy bay chiến đấu, pháo các vùng bắn đến và xuống, tàu chiến đấu chạy trên sông.

địch tuy đông, hỏa lực mạnh, phương tiện nhiều nhưng bị ta chống lại quyết liệt nên cuối cùng cuộc càn quét của địch bị thất bại.

Qua đợt công tác này, đồng chí thấy rõ thực tế hiệu quả và kinh nghiệm các phương thức đấu tranh chống bình định, phá ấp chiến lược của địch, trong xây dựng xã chiến đấu cũng như tinh thần, quyết tâm chiến đấu của quân, dân ở đồng bằng sông Cửu Long. Bởi vậy, sau chuyến đi, đồng chí đề nghị Trung ương Cục mở Hội nghị toàn miền Nam tổng kết kinh nghiệm chống bình định, phá ấp chiến lược, chống trực thăng vận, thiết xa vận của địch ở miền Nam.

Tháng 6-1963, đồng chí Võ Chí Công chủ trì Hội nghị tổng kết phong trào “chống phá địch lập ấp chiến lược” toàn Miền. Hội nghị đã nêu lên những kinh nghiệm và xác định nội dung chỉ đạo có tính nguyên tắc giúp cho các địa phương tùy tình hình so sánh lực lượng giữa ta và địch mà có phương thức thích hợp chống địch lập ấp chiến lược đến “đánh bại hoàn toàn âm mưu của chúng”¹. Tháng 7-1963, từ thành công của hội nghị này, Trung ương Cục miền Nam ra nghị quyết “về công tác chống, phá khu, ấp chiến lược, gom dân”, chủ trương đẩy mạnh tiến công nổi dậy phá ấp chiến lược giành quyền làm chủ²...

1, 2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Sđd, tr. 463-469.

Qua gần hai năm đấu tranh chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, cách mạng miền Nam từng bước giành lại thế chủ động. Trong bối cảnh đó, từ ngày 25-9 đến ngày 15-10-1963, Trung ương Cục tổ chức Hội nghị dân vận, mặt trận miền Nam. Trình bày báo cáo “Tình hình và nhiệm vụ công tác dân vận, mặt trận của Đảng”, đồng chí Võ Chí Công đã nêu rõ bước chuyển biến của công tác dân vận và mặt trận trong 9 năm đấu tranh với địch và bước đầu làm thất bại “quốc sách” áp chiến lược của chúng, đồng thời chỉ ra những nhược điểm của hai công tác này¹ và nêu lên nhiệm vụ trước mắt cũng như các nhiệm vụ cụ thể nhằm đẩy mạnh công tác dân vận và không ngừng củng cố, mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất. Đó là: phải đẩy mạnh hơn việc tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trên cơ sở tăng cường sự lãnh đạo về mọi mặt của Đảng; làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng vị trí, tầm quan trọng của công tác dân vận và mặt trận;

1. Như: chưa nhận thức đúng đắn và đầy đủ vị trí, tầm quan trọng của công tác dân vận và mặt trận; phong trào quần chúng chưa được củng cố vững chắc về tư tưởng và tổ chức; chưa tranh thủ rộng rãi được tầng lớp trên; công tác tuyên truyền ở đô thị, vùng tôn giáo, vùng dân tộc chưa thật sự rộng rãi, công tác chỉ đạo chưa sâu sát; chưa thật sự quán triệt quan điểm quần chúng và đường lối quần chúng trong mở rộng Mặt trận của Đảng (Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Sđd, tr.479).

phải kiện toàn tổ chức công tác dân vận, mặt trận ở các cấp để đáp ứng yêu cầu tình hình mới¹.

Từ thực tiễn được tổng kết, các quan điểm của đồng chí Võ Chí Công là những đóng góp quan trọng vào việc đẩy mạnh công tác dân vận và mặt trận ở miền Nam trước mắt và sau này. Trước hết là đóng góp vào hình thành những chủ trương đúng đắn của ta trong xây dựng lực lượng một cách toàn diện, đem lại những kết quả to lớn² góp phần làm sụp đổ chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm³, từng bước đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

3. Chống “chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở Khu V

Trong thời gian đồng chí Võ Chí Công vào công tác ở Trung ương Cục⁴, theo nhận xét của Bộ Chính trị, Khu V

1. Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Sđd, tr. 479-481.

2. Kết quả, đến cuối năm 1963, toàn miền có 34 triệu lượt người tham gia đấu tranh phá ấp chiến lược, phá hoàn toàn 2.895 ấp (phá đi phá lại 5.950 lần) trong số 6.164 ấp chúng lập được. Ta giành quyền làm chủ ở 12.000/17.000 thôn, giải phóng 5/14 triệu dân toàn miền Nam. Phong trào phá ấp chiến lược phát triển đều khắp (Xem Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Sđd, tr. 464).

3. Tháng 11-1963.

4. Khoảng giữa năm 1961, Liên khu V tách thành Khu V và Khu VI, Bí thư Khu ủy V là đồng chí Nguyễn Đôn. Đồng chí Võ Chí Công chuyển vào chuẩn bị làm Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, thành lập tháng 10-1961.

chưa vận dụng đúng sự kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, ba mũi giáp công, không bám sát phong trào quần chúng ở đồng bằng và tạo thế cho quần chúng nổi dậy, phương pháp đấu tranh còn thiếu linh hoạt... làm cho phong trào cách mạng của Khu V giảm sút.

Tháng 12-1963, sau Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), Bộ Chính trị chủ trương tổ chức lại chiến trường cho phù hợp với tình hình mới¹. Tháng 1-1964, Bộ Chính trị điều động đồng chí Võ Chí Công về Khu V với trọng trách Bí thư Khu ủy V và Chính ủy Quân khu 5.

Trên đường về Khu V, đồng chí trực tiếp đi xuống một số xã, huyện của các tỉnh Khánh Hòa, Đắk Lắk, Phú Yên và Quảng Nam, để vừa giúp các tỉnh này chỉ đạo phong trào, vừa nghiên cứu thực tế nhằm xây dựng kế hoạch chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở Khu V. Tình hình thực tế đúng như nhận xét của Bộ Chính trị là Khu V chưa thật quán triệt kết hợp đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị một cách nhuần nhuyễn ở vùng đồng bằng, còn đánh địch theo kiểu “chơi trâu”², giằng co

1. Đó là, giải thể Khu X; điều chỉnh lại địa bàn Khu VI (gồm Bình Thuận, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Quảng Đức, Tuyên Đức, Phước Long. Đồng chí Trần Lê làm Bí thư Khu ủy VI). Khánh Hòa và Đắk Lắk trực thuộc Khu ủy V. Khu V trực thuộc Trung ương, Khu VI trực thuộc Trung ương Cục miền Nam.

2. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 204.

ở vùng giáp ranh. Đồng chí cho rằng, tuy lực lượng địch đông, áp chiến lược còn dày đặc, nhưng ta có thể mạnh là quần chúng, nếu quán triệt đường lối đúng, có phương pháp hoạt động tốt nhất định sẽ thành công.

Tháng 6-1964, trước thực tế trên, đồng chí Võ Chí Công quyết định họp Hội nghị Thường vụ Khu ủy V để kiểm điểm tình hình và bàn định kế hoạch thực hiện các chủ trương của Đảng. Tại hội nghị, đồng chí đã báo cáo kết quả của Hội nghị tổng kết phong trào “chống phá địch lập ấp chiến lược” toàn Miền, đồng thời chỉ rõ việc quán triệt đường lối, phương châm cũng như cách thức, biện pháp hoạt động của Khu V chưa thật phù hợp.

Sau khi nhận định tình hình nhân dân làm chủ ở nông thôn, vùng đồng bằng còn ít (8% so với dân số) và giậm chân tại chỗ nên phong trào chung vẫn khó khăn¹, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, hội nghị đã tự phê bình những thiếu sót, chỉ rõ những khuyết điểm của Đảng bộ Khu V² và xác định phải quán triệt sâu sắc

1. Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Sđd*, tr. 309-310.

2. Đó là: "Đánh giá địch cao, đánh giá quần chúng thấp, chưa quán triệt phương châm đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang song song, tư tưởng hữu khuynh còn nặng, chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng thiếu khẩn trương, không nắm vững vấn đề cơ bản ở xã, thôn là phát động tư tưởng quần chúng, phát triển cơ sở, xây dựng chi bộ, xây dựng dân quân du kích và làng chiến đấu" (Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Sđd*, tr. 309, 310).

Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương (tháng 12-1963), đồng thời quyết định toàn Khu V cũng tiến hành học tập chỉ thị của Bộ Chính trị về việc phải chuyển mạnh về quân sự, đánh mạnh hơn nữa, rộng hơn nữa, phải tranh thủ đánh quy quân đội chính quyền tay sai, giành thắng lợi quyết định khi quân Mỹ chưa kịp vào...

Hội nghị đã đề ra những yêu cầu là toàn Khu V tiến hành cuộc đồng khởi, chia thành nhiều đợt liên tục, kết hợp hai chân, ba mũi, ba vùng, kết hợp đánh tiêu diệt của chủ lực và đồng khởi của quân dân địa phương phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ ở cả nông thôn, đồng bằng và Tây Nguyên, tiêu diệt bộ phận quan trọng sinh lực địch, đánh thắng các biện pháp chiến lược chủ yếu của địch (càn quét, bình định, xây dựng ấp chiến lược), cùng miền Nam đánh thắng “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Không đánh vỡ mặt thành trận chiến ở vùng giáp ranh, mà phòng giữ giáp ranh, luồn sâu vào phía sau địch, đánh đặc công vào thành phố, thị xã, kết hợp với các cuộc đấu tranh chính trị hợp pháp của quần chúng đô thị¹.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, sự tự phê bình nghiêm túc của Khu ủy V đã mở đầu cuộc đấu tranh để thống nhất tư tưởng nội bộ từ Khu đến

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.206.

cơ sở và trong lực lượng vũ trang. Sau hội nghị, các tỉnh, huyện tiến hành chỉnh huấn ngắn ngày nhằm quán triệt Nghị quyết Trung ương 9 của Đảng và Nghị quyết của Thường vụ Khu ủy, phê phán tư tưởng hữu khuynh, cố thủ, rụt rè...

Tháng 7-1964, thực hiện chủ trương của Đảng, đồng chí Võ Chí Công và Thường vụ Khu ủy V quyết định mở chiến dịch thu - đông (1964) trong toàn Khu, kể cả Tây Nguyên¹. Để chỉ đạo chiến dịch, đồng chí Võ Chí Công yêu cầu Khu ủy và Quân khu V trực tiếp chỉ đạo toàn diện chiến dịch trên cơ sở phân công các đồng chí trong Khu ủy và Quân khu ủy phụ trách từng tỉnh. Đồng chí cũng trực tiếp đi chỉ đạo thí điểm ở Quảng Nam và động viên tất cả cán bộ đi bám dân để thực hiện thắng lợi chiến dịch.

Đầu tháng 12-1964, Trung đoàn 2 của Quân khu V phối hợp với bộ đội địa phương, dân quân du kích Bình Định tiến công tiêu diệt chi khu quận An Lão. Nhân dân nổi dậy diệt tề, diệt ác ôn, phá tung ấp chiến lược, giải phóng huyện này². Bộ đội địa phương, dân quân du kích³ liên tục tác chiến hỗ trợ cho đấu tranh chính trị

1. Thời gian này, Trung ương cho lập Mặt trận B3 ở Tây Nguyên, B3 thuộc Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V.

2. Đây là địa bàn rất quan trọng nối liền các huyện miền núi Quảng Ngãi (phía bắc), các huyện miền núi Bình Định (phía nam) với Kông Hà Nùng (Đông Kon Tum), giáp Gia Lai.

3. Cuối năm 1964, Khu V có 40.000 du kích.

đã tạo ra cao trào đồng khởi của quần chúng phá áp chiến lược trong toàn Khu V. Vùng ta làm chủ được mở rộng¹, đã tạo ra khí thế chống địch và xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang khắp 11 tỉnh của Khu V. Phong trào đấu tranh của nhân dân đô thị cũng phát triển mạnh mẽ. Ngày 21-8-1964, ở Đà Nẵng, 3 vạn người tham gia bãi thị, bãi công, bãi khóa, với nhiều cuộc biểu tình lớn của các tầng lớp nhân dân. Bốn ngày sau, nhân dân chiếm Tòa thị chính Đà Nẵng, làm cho thành phố này rơi vào tình trạng hỗn loạn. Sinh viên, học sinh Huế tiến hành bãi khóa đã rầm rộ xuống đường biểu tình chống tập đoàn Khánh - Hương.

Chiến dịch này có sự kết hợp chặt chẽ giữa miền núi, đồng bằng và thành phố, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và binh vận; kết hợp đánh tiêu diệt chủ lực địch với đồng khởi giành quyền làm chủ của nhân dân với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương, du kích. Hiệp đồng kết hợp các hình thức đấu tranh trên toàn Khu, cả phía trước, phía sau làm địch bất ngờ, không đối phó nổi, đã tạo ra điều kiện tiến công địch liên tục, hết đợt này đến đợt khác, vừa kết hợp tiến

1. Sáu tháng cuối năm 1964, đã phá 1.300 ấp chiến lược trong số 2.700 ấp chiến lược của địch; số dân được giải phóng ở đồng bằng khoảng 1.230.000 dân, vùng tranh chấp 44 vạn dân; 36 vạn dân giành quyền làm chủ ở Tây Nguyên (Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.207).

công địch với mở rộng và xây dựng vùng kiểm soát của ta. Đặc biệt, Khu V vừa chiến đấu, vừa đẩy mạnh xây dựng Đảng với chủ trương lấy xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh, xây dựng chi bộ làm trung tâm, gắn với xây dựng các đoàn thể quần chúng để làm chủ cùng với xây dựng lực lượng du kích, chăm lo đời sống nhân dân thông qua đẩy mạnh sản xuất, giải quyết vấn đề ruộng đất, phát triển giáo dục, văn hóa, y tế, v.v. Tuy nhiên, cũng có một số địa phương còn yếu, nhất là ở phía nam (Khánh Hòa, Đắk Lắk), việc xây dựng vùng giải phóng không theo kịp, có nơi chỉ đạo không toàn diện, chặt chẽ.

Cuối năm 1964, cục diện chung giữa ta và địch ở miền Nam cũng như Khu V có những thay đổi lớn, nhất là tương quan lực lượng quân sự. Ở Khu V, địch tăng cường lực lượng hơn trước rất nhiều với hơn 10.000 cố vấn Mỹ, nhiều phi đội máy bay chiến đấu các loại, thiết giáp, pháo binh, sư đoàn chủ lực; tổng số quân đội Sài Gòn ở Khu V có 160.000 tên, bằng 1/3 tổng số quân đội chính quyền tay sai miền Nam. Về phía ta ở Khu V, lực lượng vũ trang cũng được tăng cường với sáu trung đoàn chủ lực cả ở đồng bằng và Tây Nguyên; các tỉnh có một số tiểu đoàn tập trung; huyện có đại đội, xã có 1-2 trung đội tập trung; lực lượng đặc công và hỏa lực cũng phát triển.

Để phát huy thắng lợi năm 1964, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V quyết định mở chiến dịch mùa xuân năm 1965 trong toàn Khu, với mục đích đánh tiêu diệt

địch lớn hơn, phá tan ấp chiến lược, cùng miền Nam đánh thắng “chiến tranh đặc biệt”, giành lại nông thôn, đẩy mạnh phong trào đấu tranh ở thành phố.

Trong đợt hoạt động từ tháng 2-1965 đến tháng 4-1965, bộ đội chủ lực quân khu, gồm cả quân chủ lực (B3 ở Tây Nguyên) tiến công địch từ ba hướng trọng điểm: Bình Định, Trung Quảng Nam (chi khu Việt An), đánh một số đồn ở đông Gia Lai, bắc Kon Tum, diệt nhiều địch. Quân dân Bình Định đánh chiếm đèo Nhông, làm chủ quốc lộ 1 đoạn Phù Mỹ - Bồng Sơn, tiêu diệt hai tiểu đoàn quân đội chính quyền Sài Gòn, tiêu diệt chi khu Gò Bồi, diệt cố vấn Mỹ ở khách sạn Quy Nhơn. Bộ đội địa phương các tỉnh Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Đà, Quảng Ngãi, Phú Yên, Khánh Hòa, phối hợp đánh nhiều đồn, tiêu diệt nhiều địch. Kết hợp với đòn tiến công quân sự, nhân dân Khu V nổi dậy phá ấp chiến lược, bức rút, bức hàng nhiều cứ điểm, đồn địch trong các huyện. Ở Bình Định, địch rút bỏ cả huyện lỵ Vân Canh, Tam Quan, ta làm chủ trên 50km quốc lộ từ Tài Lương ra đến đèo Bình Đê. Nhiều huyện trong các tỉnh, địch chỉ chiếm giữ được quận lỵ. Vùng nông thôn hầu như được giải phóng, bao vây sát thành phố. Phong trào đấu tranh chính trị chống tập đoàn Khánh - Hương, đòi dân chủ diễn ra mạnh mẽ.

Qua đợt hoạt động xuân năm 1965, Khu V đã giành thắng lợi toàn diện, tiêu diệt địch, phá gần hết ấp chiến lược, giành quyền làm chủ, mở toang đồng bằng, làm

chủ hầu hết nông thôn (trừ quanh Đà Nẵng và các thị xã, quận lỵ)¹.

Để tiện chỉ đạo phong trào, Khu ủy V chuyển xuống đóng ở bên chợ Cây Cốc, trên đường từ Tam Kỳ đi Tiên Phước. Đến đâu, đồng chí Võ Chí Công đều thấy rõ tinh thần phấn khởi, vui mừng của đồng bào.

Lúc này, lực lượng ta phát triển trên tất cả các mặt, nhất là trong sản xuất và giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân. Do đó, nhân tài, vật lực tại chỗ dồi dào, lại có hậu phương miền Bắc chi viện lớn về vũ khí, vật chất, quân số được tăng cường. Trong vòng một năm, Khu V diệt 126.000 tên địch, trong đó có 1 chiến đoàn, diệt và đánh thiệt hại nặng 29 tiểu đoàn, phá 2.100 ấp chiến lược trong tổng số 2.700 ấp. Số ấp còn lại ở sát các thành phố, thị xã, nhưng rệu rã vì buổi tối bọn đầu sỏ ở các ấp chiến lược phải chạy vào thành phố, thị xã. Về cơ bản, nhân dân vẫn làm chủ ở những ấp này. Tình hình phát triển Đảng tốt, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng.

Nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng và được chi viện lớn của hậu phương vững chắc là miền Bắc, quân và dân Khu V vượt qua khó khăn, chiến đấu ngoan cường, góp phần cùng quân dân miền Nam đánh bại

1. Trong đợt hoạt động xuân năm 1965, quân và dân Khu V đã loại khỏi vòng chiến đấu 16.000 tên địch (có 760 lính Mỹ), phá hơn 1.000 ấp chiến lược.

“chiến tranh đặc biệt” của Mỹ¹. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, Đảng bộ Khu V trưởng thành một bước quan trọng, gắn bó mật thiết với nhân dân, lãnh đạo đấu tranh quyết liệt, tuy có tổn thất nhưng vẫn phát triển².

Thắng lợi trong năm 1964 và nửa đầu năm 1965 tạo thế và lực mới cho quân và dân Khu V so với trước đây, cũng như hình thành thế trận có tính chiến lược khá mạnh để đối phó với địch. Tuyệt đại bộ phận đất đai từ miền núi đến đồng bằng được giải phóng. Phong trào ở miền núi, đồng bằng, đô thị đều phát triển mạnh; ba thứ quân, nhất là quân chủ lực đứng vững ở đồng bằng và Tây Nguyên. Hệ thống hành lang vận chuyển chiến lược Bắc - Nam và Đông - Tây Trường Sơn đang phát triển. Trong điều kiện thuận lợi đó, Khu V sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Thất bại của “chiến tranh đặc biệt” chủ yếu là thất bại của “quốc sách” áp chiến lược, chính sách bình định,

1. Hơn 4/5 số dân nông thôn đồng bằng giành quyền làm chủ, phát triển thực lực chính trị, vũ trang của ta lớn mạnh. Về lực lượng, đến cuối năm 1965, Khu V có gần 38.000 quân chủ lực, 21.000 quân địa phương, khoảng 95.000 du kích.

2. Qua những năm chống “chiến tranh đặc biệt”, (không tính đảng viên đã hy sinh là 1.800 người và không kể đảng viên trong quân chủ lực), Đảng bộ Khu V phát triển gần 20.000 đảng viên, đến tháng 6-1965 đã đưa tổng số đảng viên lên gần 40.000 đồng chí (Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 314- 320).

chiến lược phản ứng linh hoạt của Mỹ. Bởi vậy, để cứu vãn chế độ tay sai, Mỹ buộc phải chuyển sang thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”, trực tiếp đưa quân Mỹ và quân các nước chư hầu vào tham chiến ở chiến trường Việt Nam.

Ngày 6-3-1965, Tổng thống Mỹ L. Giôn-xơn (L. Johnson) buộc phải quyết định đưa quân chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Ngày 8-3-1965, Lữ đoàn số 9, Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ, đơn vị chiến đấu đầu tiên của Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng. Ngày 9-3-1965, Sư đoàn 4 thủy quân lục chiến Mỹ đổ vào Chu Lai. Sau đó, các đơn vị chiến đấu Mỹ tiếp tục đổ bộ lên Quy Nhơn, Cam Ranh, Phú Bài, thiết lập các căn cứ đầu cầu cho các cánh quân lớn vào hỗ trợ, cứu nguy cho chính quyền tay sai khỏi sụp đổ.

Cuộc chiến đấu ác liệt trực tiếp của quân và dân ta ở miền Nam chống quân viễn chinh Mỹ bắt đầu từ Khu V. Trước tiềm lực kinh tế rất lớn và quân đội Mỹ được trang bị vũ khí hiện đại, nhiều người ở trong và ngoài nước lo lắng về khả năng thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Trước tình hình mới, từ ngày 15 đến ngày 27-3-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 ra nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt cho cả nước và từng miền, chuẩn bị sẵn sàng đánh thắng địch khi chúng chuyển sang chiến lược chiến tranh mới. Ngày 10-4-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: "Dù Mỹ đưa thêm mấy chục vạn binh sĩ Mỹ và cố lôi kéo thêm quân đội các nước chư hầu vào cuộc chiến tranh tội

ác này, thì quân và dân ta cũng quyết đánh thắng chúng"¹. Phân tích rõ mặt mạnh, yếu của Việt Nam và Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta cho rằng: chỗ mạnh nhất của ta về chính trị là cuộc chiến đấu chính nghĩa vì độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc; chỗ yếu chí tử của địch về chính trị là chiến tranh xâm lược phi nghĩa, bộ mặt cướp nước của Mỹ và tay sai là chính quyền Sài Gòn bị bóc trần. Mỹ tiến hành “chiến tranh cục bộ” khiến mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Mỹ và bọn tay sai ngày càng sâu sắc; giữa Mỹ và tay sai cũng mâu thuẫn, cắn xé lẫn nhau,... Do đó, chỗ yếu nhất của đối phương lại là chỗ mạnh nhất của ta.

Khi trực tiếp đưa quân chiến đấu vào miền Nam, Bộ Chỉ huy quân viễn chinh Mỹ liên thực hiện kế hoạch chiến lược ba giai đoạn², do tướng Oétmolen (Westmoreland) đề ra, dự định thực hiện trong vòng 18 tháng, với ba nội

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.14, tr. 531.

2. Giai đoạn 1: Từ tháng 7 đến tháng 12-1965 đưa nhanh quân Mỹ và chư hầu vào miền Nam để ngăn chặn chiều hướng thua của quân đội Sài Gòn, bảo đảm an toàn cho những khu vực đông dân cư, gấp rút triển khai lực lượng, chuẩn bị cuộc phản công.

Giai đoạn 2: Từ đầu năm 1966 đến tháng 6-1966, mở các cuộc hành quân tiến công tiêu diệt lực lượng của quân giải phóng và các khu căn cứ du kích, hỗ trợ cho chương trình bình định.

Giai đoạn 3: Từ tháng 7-1966 đến giữa hoặc cuối năm 1967, mở các cuộc hành quân tiêu diệt các lực lượng còn lại của quân giải phóng và các căn cứ du kích, hoàn thành cơ bản chương trình bình định.

dung là tảo thanh, bảo đảm an ninh, tìm và diệt. Quân Mỹ, quân đội chính quyền Sài Gòn đều là lực lượng chiến lược, lấy quân Mỹ làm lực lượng chiến lược chủ yếu.

Ở Khu V, quân Mỹ gấp rút thiết lập một loạt căn cứ quân sự, sân bay, quân cảng, kho hậu cần ở Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Gò Quánh, Quy Nhơn, Đông Tác, Nha Trang, Cam Ranh. Ở Tây Nguyên, chúng xây dựng các sân bay và căn cứ hậu cần ở An Khê, Pleiku, Kon Tum, Đăk Tô, Buôn Ma Thuột. Từ những căn cứ, sân bay này, quân Mỹ mở rộng hoạt động và nối liền thành một mảng liên hoàn. Đến tháng 12-1965, quân Mỹ đã lên tới 121.000 tên, chúng đề ra các biện pháp chiến lược bảo vệ căn cứ, thành phố lớn, các đường giao thông quan trọng, hành quân tìm diệt chủ lực của ta, đánh phá căn cứ ta bằng đường bộ binh, không quân, pháo, ngăn chặn đường chi viện từ miền Bắc, ném bom miền Bắc, hòng bẻ “gãy xương sống Việt cộng”, tức là diệt chủ lực của ta, quyết định thắng lợi.

Riêng ở Khu V, từ tháng 3 đến tháng 10-1965, Mỹ đưa các lực lượng tinh nhuệ của Mỹ và chư hầu với 100.000 quân trên tổng số 185.000 quân toàn miền Nam¹. Do tình hình quân Mỹ vào ngày càng đông và liên tục càn

1. Mỹ đưa vào Khu V Sư đoàn 1, Sư đoàn 3 lính thủy đánh bộ, Sư đoàn kỵ binh không vận số 1, Lữ đoàn dù 101, một liên đoàn không quân Mỹ; quân Nam Triều Tiên có Sư đoàn Mạnh hổ và Lữ đoàn Rồng xanh và một số lữ đoàn đóng từ Đà Nẵng đến Cam Ranh, An Khê, Pleiku.

quét, chốt điểm, quân đội chính quyền Sài Gòn gượng dậy tổ chức phản công, đẩy mức độ ác liệt của chiến tranh tăng lên làm xuất hiện tâm lý ngại Mỹ¹. Vấn đề đặt ra cho đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V là làm cho quân, dân Khu V có tinh thần dám đánh Mỹ, biết cách đánh Mỹ cả về đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và qua kinh nghiệm thực tế chống “chiến tranh đặc biệt”, từ giữa năm 1965, đồng chí Võ Chí Công cùng Khu ủy V, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Nam Trung Bộ chỉ đạo các cấp, các lực lượng vũ trang tích cực chuẩn bị mọi mặt chống “chiến tranh cục bộ” của địch với nội dung quan trọng nhất là: phải làm cho toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân Khu V đều có tinh thần căm thù và quyết tâm đánh Mỹ. Kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị, phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân, phát huy sáng tạo của nhân dân, chiến sĩ, luôn luôn tiến công địch với tinh thần một người, một tổ cũng đánh, đánh địch ở cả rừng núi, đồng bằng, đô thị.

1. Ở một số nơi có hiện tượng du kích “chạy xà dừa”, không dám đánh Mỹ. Một bộ phận quần chúng thiếu tin tưởng vào khả năng đấu tranh chính trị với quân Mỹ vì cho rằng ngôn ngữ bất đồng. Nhiều phụ nữ ngại đấu tranh trực diện với lính Mỹ vì lính Mỹ hay bắn bừa, giết ấu và hãm hiếp trắng trợn, dã man” (Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Sđd, tr.478).

Với tinh thần chỉ đạo và phương châm đó, đồng chí Võ Chí Công lãnh đạo Đảng bộ Khu V tiến hành mở cuộc vận động “nhà nhà đón thư Đảng, bàn việc đánh Mỹ, cứu nước, cứu nhà” và phát động toàn dân “tham gia hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Mặt khác, đồng chí trực tiếp chỉ đạo Bộ Tư lệnh Quân khu 5 triệu tập hội nghị quân chính, hội nghị chiến tranh du kích bàn về công tác tư tưởng, xây dựng lực lượng, xây dựng vành đai diệt Mỹ và phát động phong trào thi đua “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt”, “Trả thù giặc Mỹ đánh phá miền Bắc ruột thịt”... Từ đó, nhiều địa phương tổ chức “Hội nghị Diên Hồng” bàn kế đánh Mỹ, thành lập các đội quyết tử đánh Mỹ...¹. Khu ủy V cũng quyết định mở lớp học tiếng Anh để giải quyết các vấn đề trong đấu tranh chính trị, binh vận... với địch². Quyết tâm đánh Mỹ được xây dựng thành khí thế chiến đấu trên toàn Khu V.

Về quân sự, đồng chí Võ Chí Công cùng Khu ủy V quyết định mở hoạt động hè năm 1965 nhằm mục tiêu

1. Xem *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, *Sđd*, tr.321- 322.

2. Học viên là những người có bằng tú tài toàn phần, đã học tiếng Anh. Lớp học kéo dài 2 tháng, giáo viên là thầy Hồ An - Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Trung Trung Bộ. Sau khóa học, các học viên tỏa về địa phương mở các lớp học tiếng Anh tại chỗ. Các cán bộ cốt cán ở vùng tranh chấp cũng ra vùng ta kiểm soát để học (Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, *Sđd*, tr.480.

chủ yếu tiêu diệt quân đội tay sai và ra quyết tâm đánh một số trận phủ đầu đối với quân Mỹ, hạ uy thế của chúng, gây thanh thế trong toàn quân, toàn dân ta.

Ngày 17-5-1965, một đại đội quân Mỹ từ căn cứ Chu Lai triển khai lên phía tây quốc lộ 1, chốt điểm ở Núi Thành. Đến đêm 25, rạng sáng ngày 26-5-1965, Đại đội 2 của Tiểu đoàn 70 Quảng Nam được tăng cường 12 chiến sĩ đặc công của Đại đội đặc công 16, trong 30 phút đã tiến công diệt toàn bộ đại đội lính Mỹ¹. Trận Núi Thành chưa phải trận thắng lớn, số quân Mỹ bị tiêu diệt không nhiều, nhưng chiến thắng đó là một giải đáp có tính chiến lược về lấy ít thắng nhiều trong chiến tranh, ta hoàn toàn có khả năng diệt quân Mỹ, xua tan tư tưởng sợ Mỹ dù chúng có ưu thế về trang bị, hỏa lực², củng cố tinh thần và quyết tâm chiến lược của Đảng và quân, dân ta là “quyết đánh và quyết thắng giặc Mỹ xâm lược”.

Với việc đẩy mạnh xây dựng các thôn, xã chiến đấu, tuy quy mô nhỏ, vũ khí còn thô sơ nhưng được kết nối

1. Đơn vị này được Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng cờ “Lập công đầu, diệt gọn đơn vị chiến đấu Mỹ” (Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)*, Sdd, tr.481 và *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945-1975*, Sdd, tr.336).

2. Cùng thời gian diễn ra trận Núi Thành, cách căn cứ Chu Lai khoảng 30km gần thị trấn Ba Gia (Quảng Ngãi), Trung đoàn 1 của ta diệt gọn bốn tiểu đoàn quân đội chính quyền Sài Gòn. Như vậy, Trung đoàn 1 chủ lực của Khu trong vòng chưa đầy hai tháng đã diệt 2.000 quân địch.

thành một hệ thống chiến đấu liên hoàn¹ đã có tác dụng rất lớn trong chiến đấu và bảo toàn lực lượng, làm cho quân Mỹ rất lo sợ². Các thôn, xã chiến đấu liên hoàn này được xây dựng xung quanh các căn cứ quân sự của Mỹ ở Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, An Khê, tạo thành vành đai diệt Mỹ ngày càng xiết chặt, tạo nên thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp Khu V.

Các vành đai diệt Mỹ ở Khu V có tác dụng rất lớn trong việc tạo địa bàn cho cán bộ, chi bộ, du kích luôn dựa được vào dân, bám sát địch, lãnh đạo chiến đấu và đấu tranh chính trị hợp pháp nên phát huy được sức mạnh của chiến tranh nhân dân để liên tục tiến công địch bằng ba mũi giáp công. Nhân dân tiến hành đấu tranh chống địch lập vành đai trắng trong thế hợp pháp và giữ quyền làm chủ để bộ đội, du kích có địa bàn đánh địch với nhiều hình thức linh hoạt³. Ta giữ được quyền

1. Cuối năm 1965, Khu V đã xây dựng được hàng ngàn thôn, xã chiến đấu, cắm hàng trăm triệu cây chông, đào 650km giao thông hào, xây dựng 330km địa đạo.

2. Thôn, xã chiến đấu bao gồm: hầm chông, bẫy chông, bãi chông, kết hợp rải lựu đạn, mìn, chống xe tăng, có giao thông hào cho du kích bám đánh địch.

3. Phong trào đấu tranh của nhân dân trên các vành đai diệt Mỹ phát triển mạnh. Nhân dân huyện Tam Kỳ đấu tranh chống quân Mỹ đốt nhà cửa, phá mồ mả, ủi đất đẩy dân ra khỏi làng để lập căn cứ Chu Lai. Nhân dân Hòa Vang đổ ra đồng vây trực thẳng Mỹ đổ quân, ngăn chặn quân Mỹ cướp bóc, phá mùa màng. Lần đầu tiên ở Quảng Nam, phụ nữ Điện Bàn dũng cảm chặn đầu 21 xe tăng Mỹ không cho chạy trên đồng phá hoại hoa màu... (Xem Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)*, Sđd, tr. 481-482).

làm chủ các địa bàn tiếp cận các căn cứ Mỹ và tiếp cận thành phố, giữ được thế trận bao vây, sẵn sàng tiến công Mỹ từ trong sào huyệt của chúng. Ở đây, tuy chưa có điều kiện đánh lớn, nhưng đánh du kích, đánh liên tục khắp nơi nên diệt được nhiều địch, giữ được thế liên hoàn giữa phía trước và phía sau, phá âm mưu của địch định phân tuyến, phân vùng để đánh phá ta.

Trên cơ sở khẩn trương xây dựng lực lượng¹ và nắm vững thế, lực của ta và địch, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V quyết định trước mắt đánh thắng cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966 của quân Mỹ. Từ giữa năm 1965 đến tháng 12-1965 là thời gian Khu V triển khai cuộc chiến đấu với cả quân Mỹ, quân các nước chư hầu và quân ngụy với số lượng đông, vũ khí, phương tiện chiến tranh tăng lên nhiều lần. Ba thứ quân và ba vùng đều đánh địch và giữ thế tiến công làm cho địch bị động.

1. Khu ủy V nhanh chóng phát triển bộ đội địa phương tỉnh, huyện với quân số lên đến 30.000 người, mỗi huyện có một đại đội, mỗi tỉnh có một tiểu đoàn, một số huyện có hai đại đội; các tỉnh từ Quảng Đà đến Bình Định có hai tiểu đoàn. Bộ đội chủ lực của Khu phát triển nhanh, được Trung ương tăng cường 6 trung đoàn bộ binh, sau xây dựng được 3 sư đoàn và 2 trung đoàn, 2 tiểu đoàn bộ binh, có 7 tiểu đoàn và 10 đại đội đặc công với tổng quân số 50.000 người. Đường hành lang chiến lược (đường mòn Hồ Chí Minh hay đường 559) trên địa bàn Khu V cũng như các tuyến đường cơ giới ở các tỉnh tiếp tục mở cùng với đường bộ, đường sông thành hệ thống giao thông đáp ứng được nhu cầu vận chuyển quân sự trong lúc này.

Ngày 18-8-1965, 8.000 quân lính thủy đánh bộ Mỹ, 150 máy bay lên thẳng và 80 máy bay chiến đấu, trên 100 xe tăng, xe bọc thép, 12 tàu chở quân mở cuộc hành quân phối hợp hải, lục, không quân đánh vào Vạn Tường, nhằm tiêu diệt Trung đoàn 1 của ta. Trung đoàn 1 đã phối hợp với một đại đội địa phương và du kích, chặn đánh diệt và làm bị thương hơn 900 lính Mỹ, bắn rơi 13 máy bay, phá hủy 22 xe tăng và thiết giáp. Bị thiệt hại nặng, ngày 19-8, quân Mỹ buộc phải chấm dứt cuộc hành quân. Với chiến thắng ở Vạn Tường đánh bại cuộc ra quân “tìm diệt” đầu tiên của quân Mỹ đã củng cố lòng tin và cổ vũ mạnh mẽ khí thế đánh Mỹ, thắng Mỹ của quân dân ta trên khắp chiến trường¹.

Cuối tháng 10-1965, mặt trận Tây Nguyên mở chiến dịch Pleime diệt và làm bị thương 1.700 tên, trong đó có 1.275 tên ngụy, bắn rơi 59 máy bay, phá hủy 14 xe tăng, 14 xe M113, 46 xe vận tải...². Cùng với bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương Khu V cũng chủ động

1. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Sđd*, tr. 337.

2. Đêm 19-10, Trung đoàn 33 đã đánh tiền đồn Chư Ho và vây trại biệt kích Plâyme. Không quân Mỹ ném hàng ngàn tấn bom và đưa Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ (vừa đến An Khê tháng 9-1965) và một chiến đoàn dù quân đội Sài Gòn ra quân ứng cứu nhưng bị tổn thất nặng, phải tháo chạy (Xem Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975: Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 542).

ngiên cứu đánh Mỹ góp phần vào thắng lợi chung, tiêu diệt nhiều quân địch¹.

Tính chung trong sáu tháng cuối năm 1965, quân và dân ta đã diệt và làm bị thương 15.000 quân Mỹ và Nam Triều Tiên và hàng vạn quân ngụy, bắn rơi và phá hủy 800 máy bay, phá hủy 300 xe quân sự, thu 16.000 khẩu súng. Ba phần tư số địch chết, bị thương là do bộ đội địa phương, du kích, biệt động đánh. Đồng thời, nhân dân khắp nơi đã mạnh dạn trực diện đấu tranh với quân Mỹ², phong trào đấu tranh ở thành phố cũng lên cao. Một số vùng có quân Mỹ đóng nhưng không lập được tề, nên nhân dân vẫn làm chủ, chi bộ đảng và du kích hoạt động tại chỗ. Sau nhiều trận đánh thắng quân Mỹ, tư tưởng của quần chúng lo ngại sức mạnh của địch đã giảm thiểu, lòng tin đánh thắng Mỹ trở thành khí thế sục sôi rộng khắp Khu V.

1. Ngày 3-10, bộ đội huyện Điện Bàn đánh thiệt hại nặng một đại đội quân Mỹ càn quét tỉnh Quảng Đà. Đêm 31-10, Tiểu đoàn 1 diệt gần hết một đại đội lính Mỹ trong công sự kiên cố ở Gò Nổi. Đầu tháng 10-1965, ở thung lũng Hội Sơn (Bình Định) ta bắn rơi và bắn hỏng 17 trực thăng của Sư đoàn kỵ binh không vận số 1 Mỹ, diệt Chiến đoàn số 5 quân đội chính quyền Sài Gòn ở Đồng Dương, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ ở Cẩm Khê. Nhân dân và bộ đội địa phương tiến công và nổi dậy giải phóng huyện Hiệp Đức, Minh Long. Bộ đội đặc công đột nhập sân bay phá hủy, phá hỏng 100 máy bay ở sân bay Nước Mặn (Đà Nẵng) và sân bay Chu Lai (Quảng Nam), giết và làm bị thương nhiều giặc lái Mỹ.

2. Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 340.

Tháng 12-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 12 (khóa III). Sau khi nhận định “mặc dầu đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân đội viễn chinh, *lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn*”¹, Đảng ta khẳng định: “*Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta ở cả hai miền phải giữ vững và nêu cao quyết tâm đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ, cứu nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, kiên quyết chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng*”². Thực hiện phương châm đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính nhưng cần phải cố gắng cao độ, tập trung lực lượng của cả hai miền để tranh thủ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn. Do vậy phải “*tiếp tục kiên trì phương châm đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị, triệt để vận dụng ba mũi giáp công*”³.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Võ Chí Công họp Thường vụ Khu ủy V và ra Nghị quyết: “Động viên toàn Đảng bộ, quân và dân giữ vững quyết tâm, tiến công địch liên tục, đánh bại kế hoạch mùa khô của địch, đẩy mạnh tiêu diệt quân Mỹ, tiếp tục tiêu diệt và làm tan rã quân ngụy; giữ vững, xây dựng và mở rộng hơn nữa căn cứ rừng núi và vùng giải phóng đồng bằng,

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.26, tr. 633, 635, 639.

phát triển phong trào thành phố, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận, chia cắt, bao vây địch ở căn cứ của chúng và thành phố, làm rối loạn hậu phương địch, làm cho địch càng bị động, suy yếu và thất bại nặng nề hơn, giành thắng lợi to lớn hơn nữa"¹.

Năm 1966, ở miền Nam, lực lượng địch có 385.000 quân Mỹ, 50.000 quân các nước chư hầu của Mỹ. Với lực lượng quân sự như vậy, tướng Mỹ Oétmolen quyết định mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất đầy tham vọng đánh ra năm hướng hòng tiêu diệt chủ lực ta, giành thắng lợi quyết định về chiến lược, chuyển bại thành thắng. Khu V là một trọng điểm của cuộc phản công, hướng chính là Bình Định, nhằm tiêu diệt cho được chủ lực, trước hết là Sư đoàn 3 của ta ở Bình Định.

Từ tháng 1 đến tháng 3-1966, Mỹ liên tiếp mở các cuộc hành quân với việc sử dụng toàn bộ quân ở chiến trường gồm Sư đoàn kỵ binh không vận, Sư đoàn 22 và hai chiến đoàn dù là lực lượng dự bị chiến lược quân đội Sài Gòn, một sư đoàn Nam Triều Tiên, với tổng quân số hơn 2 vạn tên (không kể quân địa phương), rất nhiều máy bay chiến đấu, kể cả máy bay B52 và trực thăng, xe tăng, pháo binh tiến công bất ngờ, ồ ạt, nhằm tiêu diệt Sư đoàn 3 của ta. Bộ đội chủ lực đã phối hợp với quân địa phương, du kích và nhân dân kiên quyết bẻ

1. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 342.

gây cuộc hành quân mang tên "Kẻ nghiền nát" này. Sư đoàn 3 của ta cơ động về bắc Bình Định: Trung đoàn 3 ở bắc Phù Mỹ, Trung đoàn 12 ở Hoài Ân và Trung đoàn 22 ở Hoài Nhơn. Theo dự kiến, nếu quân Mỹ tiến ra Bắc Bình Định, trong giai đoạn đầu chúng có thể đổ quân vào trong ba điểm nói trên. Với thế hỗ trợ này, ta có thể đồng thời ngăn chặn phía trước, tiến công vào cạnh sườn và sau lưng đội hình của địch. Địch rơi vào bẫy của ta, sau 39 ngày chiến đấu liên tục, ta đã đánh bại cuộc hành quân, diệt 8.000 tên địch (một nửa là quân Mỹ), bắn rơi và phá hỏng 300 máy bay. Tư lệnh chiến dịch, tướng Kina, bị cách chức vì đã để một phần ba quân số và 75% số máy bay trực thăng bị diệt. Đồng thời với cuộc hành quân này, quân Mỹ, quân Nam Triều Tiên và quân đội Sài Gòn tiến hành các cuộc hành quân ở Nam Quảng Ngãi, Tây Tam Kỳ, huyện Tiên Phước (Quảng Nam), Tuy Hòa (Phú Yên). Ta kết hợp các lực lượng vũ trang chiến đấu với đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng, đồng thời dùng pháo kích và đặc công đánh các sân bay lớn, diệt 5.000 tên địch, làm thất bại các cuộc hành quân này của chúng¹.

Từ tháng 1 đến tháng 3-1966, Khu V diệt và làm bị thương 23.000 địch, trong đó có 8.500 quân Mỹ và 2.000 lính Nam Triều Tiên, bắn rơi và phá hủy 450 máy bay,

1. Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 343 - 344.

bắn cháy 50 xe bọc thép¹. Bị thất bại nặng, cuối tháng 4-1966, Mỹ phải chấm dứt cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất ở Khu V sớm hơn dự định. Tuy nhiên, chúng cũng gây cho nhân dân ta những tổn thất nặng nề: trên một vạn đồng bào bị chết, bị thương, mười vạn đồng bào bị xúc lửa vào các khu dồn dân tập trung, hàng trăm xóm làng bị triệt hạ, hàng ngàn trâu bò bị giết, ruộng đồng bỏ hoang, núi rừng xơ xác vì chất độc hóa học.

Trên cơ sở thắng lợi đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ nhất của địch, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V tiếp tục chỉ đạo quân dân Khu V đẩy mạnh tiến công đều khắp và giành nhiều thắng lợi. Trong năm 1966, quân và dân Nam Trung Bộ và Trị Thiên tiến công diệt và làm bị thương 125.000 tên, hơn một nửa là quân Mỹ và Nam Triều Tiên, bắn rơi và phá huỷ 1.580 máy bay, phá huỷ 1.615 xe quân sự².

Thất bại của địch trong cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất đã thúc đẩy phong trào đấu tranh ở nông thôn và thành phố của nhân dân ta phát triển. Đồng bào nông thôn đấu tranh quyết liệt chống xúc lửa dân vào các khu tập trung, quyết giữ thế làm chủ. Do mâu thuẫn nội bộ, Tư lệnh Quân đoàn I của quân đội Sài Gòn là Nguyễn Chánh Thi bị cách chức đã ly khai

1, 2. Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 346-347, 352.

chống lại Thiệu - Kỳ. Đảng bộ Đà Nẵng đã tận dụng kịp thời mâu thuẫn nội bộ địch, phát động một phong trào đấu tranh chính trị hợp pháp rộng lớn, kéo dài 76 ngày (từ tháng 3 đến tháng 5-1966) với khẩu hiệu đòi Thiệu - Kỳ từ chức, đòi Mỹ không được can thiệp..., gây cho địch nhiều khó khăn lúng túng. Các tầng lớp nhân dân Đà Nẵng đã làm chủ tình thế, chính quyền Sài Gòn hầu như tê liệt.

Tháng 10-1966, với lực lượng quân sự lớn¹, Mỹ - chính quyền tay sai Sài Gòn mở cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai (1966 - 1967).

Bằng lực lượng được tăng cường từ xây dựng tại chỗ và chi viện từ miền Bắc vào², đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Khu ủy, Quân khu ủy V quyết định mở chiến dịch phản công đánh địch càn quét từ các tỉnh đồng bằng đến Tây Nguyên kết hợp với tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh của nhân dân ở cả nông thôn và thành phố. Với khẩu hiệu "Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám địch"; "một tấc đất không đi, một ly không rời"; "xé xác rồng xanh, phanh thây mãnh hổ"³, cuộc phản công của quân và dân Khu V ở chiến trường đồng bằng và Tây Nguyên trong

1. Năm 1967, địch có 1.200.000 quân ở miền Nam (quân Mỹ, chư hầu: 54 vạn). Khu V có 22 vạn quân Mỹ, Nam Triều Tiên và 17 vạn quân ngụy, chưa kể cảnh sát, dân vệ.

2. Tính đến mùa Thu năm 1966, Khu V có hơn 30.000 quân.

3. Khẩu hiệu này xuất phát từ sau các cuộc thăm sát của quân Nam Triều Tiên đối với đồng bào ta.

đông - xuân 1966 - 1967 đã góp phần cùng miền Nam đánh thắng biện pháp chiến lược “tìm diệt” trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ¹.

Cùng với chiến dịch phản công quân sự, cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân ở nông thôn và thành phố cũng rất quyết liệt làm thất bại mọi kế hoạch càn quét bình định của địch, căn bản giữ vững vùng kiểm soát của ta. Tuy nhiên, do lực lượng của địch đông, đánh phá ác liệt nên đã triệt phá 300 thôn, xóc 20 vạn dân, 90 xã bị trắng dân.

Trước tình hình đó, tháng 3-1967, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo tổ chức Hội nghị Khu ủy V và đã đi tới nhận định: Mặc dù đế quốc Mỹ tập trung lực lượng trên hai phần ba đơn vị chiến đấu Mỹ, chư hầu, ngụy đánh phá ác liệt, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất, nhưng về căn bản, các âm mưu của địch đã và đang bị thất bại. Từ đó, Khu ủy V đề ra nhiệm vụ tiếp tục tăng cường đẩy mạnh đấu tranh vũ trang tiêu diệt quân Mỹ - ngụy và đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, ra sức xây dựng ba thứ quân, xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức quần chúng, xây dựng kinh tế, văn hóa, v.v..

1. Chiến dịch đông - xuân 1966 - 1967, quân dân ta vừa phản công, vừa tiến công khắp các tỉnh, diệt và làm bị thương 120.000 tên địch (bằng hai lần chiến dịch đông - xuân 1965 - 1966), trong đó hơn một nửa là quân Mỹ và quân Nam Triều Tiên, diệt hàng chục đoàn bình định, hạn chế địch xóc lửa dân và nhân dân các khu dồn bung ra về làng cũ.

Sau chiến dịch đông - xuân 1966 - 1977, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Khu V mở tiếp chiến dịch hè - thu phản công và tiến công, phá bình định của địch, khôi phục vùng giải phóng. Chiến dịch này đã phá 110 khu đồn dân, trên 10 vạn dân trên quốc lộ 1 và xung quanh một số thị xã giành quyền làm chủ, phong trào đấu tranh ở thành phố tiếp tục chuyển biến tốt. Trong và sau cuộc bầu cử tổng thống của Nguyễn Văn Thiệu, từ tháng 9-1967, hàng chục ngàn sinh viên, học sinh, tín đồ Phật giáo và nhân dân Huế, Đà Nẵng và nhiều thị xã xuống đường phản đối cuộc bầu cử, đòi quân Mỹ rút về nước. Mâu thuẫn giữa Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ với Nguyễn Chánh Thi thêm gay gắt. Lợi dụng mâu thuẫn này của địch ở Huế và Đà Nẵng, cán bộ hợp pháp và cơ sở của ta đã huy động hơn 10 vạn nhân dân tiến hành tổng bãi công, bãi thị, bãi khóa, biểu tình đòi Thiệu - Kỳ từ chức, Mỹ rút quân về nước.

Đến cuối năm 1967, sau thất bại của hai cuộc phản công chiến lược, hai biện pháp "tìm diệt" và "bình định" đều bị thất bại căn bản, "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ đã bị phá sản một bước nghiêm trọng. Lực lượng của địch bị tổn thất nặng, quân Mỹ mất uy thế, tinh thần suy giảm. Về phía ta, tuy số lượng đảng viên, tổ chức quần chúng có bị tổn thất nhưng lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị vẫn tiếp tục phát triển. Đảng bộ Khu V kết nạp thêm khoảng 5.000 đảng viên.

Tháng 7-1967, Bộ Chính trị chỉ thị trên cơ sở nắm vững phương châm đánh lâu dài, cần phát huy chiến

thắng trong mùa khô vừa qua, ra sức đẩy mạnh những cố gắng chủ quan của ta đến mức cao nhất nhằm giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn. Triển khai thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Khu ủy V tiến hành một loạt các hoạt động chuẩn bị và quyết định thành lập Mặt trận 4 gồm thành phố Đà Nẵng và vùng nông thôn Quảng Nam - Đà Nẵng. Tháng 7 và 8-1967, đồng chí chỉ đạo Khu ủy V tổ chức các hội nghị chuyên đề về đấu tranh chính trị, binh vận, công tác đô thị để bàn kế hoạch thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị.

Tháng 8-1967, đồng chí Võ Chí Công ra Hà Nội báo cáo tình hình với Bộ Chính trị. Thông qua báo cáo này, đồng chí trình bày quan điểm của mình về khả năng có thể đẩy địch vào thế phòng ngự hoàn toàn và khả năng đánh thắng “chiến tranh cục bộ” của Mỹ là hiện thực. Qua hai cuộc phản công chiến lược mùa khô, địch tập trung lực lượng cao độ nhưng vẫn căn bản thất bại. Dù có tăng thêm quân Mỹ, nhưng tương quan lực lượng giữa ta và địch không thay đổi, nên ta vẫn đánh thắng. Quan trọng nhất là ý chí, tinh thần quân đội Mỹ đã sa sút, không như lúc mới vào. Tuy phía ta có tổn thất nhưng các lực lượng đều phát triển: ba thứ quân, ba vùng chiến lược, đấu tranh vũ trang và chính trị tiếp tục phát triển mạnh mẽ; ta ở trong thế chủ động và tiến công địch liên tục. Tinh thần, chí khí quân dân đang lên cao, tin tưởng và quyết tâm đánh thắng Mỹ hơn bao giờ hết.

Bộ Chính trị “nhất trí và phấn khởi” qua báo cáo và nhận định của đồng chí Võ Chí Công¹.

Thời gian này, để thực hiện chủ trương chiến lược, Bộ Chính trị cử một đoàn cán bộ cao cấp do Tổng Bí thư Lê Duẩn làm Trưởng đoàn sang Trung Quốc nhằm đàm phán tranh thủ viện trợ, nhất là viện trợ vũ khí². Đồng chí Võ Chí Công tham gia đoàn với tư cách là đại biểu chiến trường miền Nam. Hội đàm giữa đại diện hai Đảng³ kéo dài gần một tuần vì quan điểm, phương pháp, quy mô, lực lượng, địa bàn đánh Mỹ giữa Việt Nam và Trung Quốc khác nhau⁴.

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 230.

2. Đoàn gồm các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Chí Thanh, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công và một số cán bộ khác. Các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công là đại diện chiến trường.

3. Trong hội đàm, phía Trung Quốc có Chu Ân Lai (Trưởng đoàn), nguyên soái Trần Nghị và Bạc Nhất Ba, Đào Chú (Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc).

4. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Bạn bảo ta nên đánh mạnh ở phía cực nam miền Nam, không nên đánh mạnh ra phía bắc miền Nam, gần miền Bắc nước ta. Trung Quốc sợ đánh mạnh ở phía bắc (tức là Trị - Thiên), địch sẽ đánh ra Bắc Việt Nam, có nguy cơ dính líu đến Trung Quốc. Trung Quốc sợ Mỹ đe dọa Trung Quốc, ít nhất bằng không quân, có thể lôi Trung Quốc vào cuộc chiến... Còn việc đánh lớn, đánh nhỏ thực tế ta đã và đang sử dụng đến cỡ trung đoàn, sư đoàn đánh địch và bằng vận động chiến, đánh tiêu diệt cả chi khu, quận lỵ, trung đoàn địch, cố nhiên chiến tranh du kích phát triển mạnh và phổ biến. Có điều khó nói là họ muốn ta đánh du kích, tổ chức đến cỡ trung đội, v.v..” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 231).

Sau hội đàm, Đoàn đến thăm Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc Mao Trạch Đông. Đồng chí Lê Duẩn thông báo khái quát những vấn đề lớn về hội đàm với Mao Trạch Đông. Sau khi ca ngợi sự lãnh đạo của Đảng ta ở cả hai miền, Chủ tịch Mao Trạch Đông đột ngột hỏi đồng chí Võ Chí Công về cách đánh Mỹ và giải quyết ruộng đất ở miền Nam. Đồng chí rất bất ngờ nhưng trả lời gọn và rõ ràng bằng thực tế đánh Mỹ ở miền Nam trong những năm qua. Chủ tịch Mao Trạch Đông cho rằng làm được như vậy là giỏi, nắm được quy luật cách mạng, quy luật chiến tranh, nhưng Mỹ là nước mạnh, đánh thắng chúng không dễ, cần có sách lược và cách đánh khôn khéo... Đồng chí Võ Chí Công thấy ý kiến của Chủ tịch Mao Trạch Đông không ngoài ý kiến trong cuộc hội đàm giữa hai Đảng. Về đoàn, đồng chí trao đổi với đồng chí Lê Duẩn về những vấn đề trong hội đàm, đồng chí Lê Duẩn nói rõ: Ta cố tranh thủ viện trợ, còn họ nói gì không đúng, ta không nghe¹. Điều đó đã cho thấy trên thực tế quan điểm độc lập, tự chủ của Đảng ta trong đấu tranh giải phóng miền Nam.

Tháng 12-1967, nhận được chủ trương của Bộ Chính trị quyết định chuyển cuộc chiến tranh của ta

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.231-232.

sang thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi quyết định¹, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo tổ chức Hội nghị Khu ủy (mở rộng) nhằm quán triệt chỉ thị chuẩn bị về mọi mặt để thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị. Sau hội nghị, đồng chí lại trực tiếp chỉ đạo mở một loạt các hội nghị chuyên đề nhằm chuẩn bị về tư tưởng, lực lượng quân sự ba thứ quân, lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận, xây dựng cơ sở cán bộ, nhất là các thành phố ở Khu V để thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị.

Đầu tháng 1-1968, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận định: “Ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi, địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Tình hình ấy *cho phép ta chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiến công và*

1. Bộ Chính trị dự kiến ba khả năng:

1) Thành công ở các đô thị lớn, làm cho địch không gượng lại được, đề bẹp ý chí xâm lược của Mỹ, buộc chúng phải chịu thua, phải thương lượng, chấm dứt chiến tranh.

2) Tuy ta thắng lợi lớn, nhưng địch tập trung lực lượng giành lại các đô thị, tiếp tục chiến tranh.

3) Mỹ tăng thêm nhiều lực lượng mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

Khả năng thứ ba rất ít xảy ra nhưng ta phải đề phòng đối phó mọi tình huống. Dù tình huống nào ta cũng giành thắng lợi to lớn làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, có lợi cho ta.

nổi dậy giành thắng lợi quyết định"¹ và chủ trương mở cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào dịp Tết Mậu Thân, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Mỹ². Hội nghị cũng nhận định cuộc tổng công kích, tổng khởi nghĩa trong điều kiện Mỹ - chính quyền tay sai còn hơn một triệu quân, tiềm lực chiến tranh lớn, cho nên trải qua một giai đoạn, một quá trình tiến công chiến lược...

Ngày 8-1-1968, nhận được chủ trương và nhiệm vụ tổng công kích và tổng khởi nghĩa do phái viên Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam truyền đạt³, đồng chí Võ Chí Công tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Khi thảo luận, trong Thường vụ Khu ủy và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr. 50.

2. Mục tiêu chiến lược của cuộc tổng công kích và tổng khởi nghĩa là:

- Tiêu diệt và làm tan rã đại bộ phận quân đội Sài Gòn, đánh đổ một bộ phận chính quyền tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân.

- Tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ...

- Trên cơ sở đó, đập tan ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải chịu thua, chấm dứt chiến tranh, ta đạt được mục tiêu trước mắt là độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà (Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.29, tr.50).

3. Truyền đạt mệnh lệnh để đảm bảo bí mật.

Quân khu ủy V cũng có ý kiến khác nhau về khả năng thực hiện nhưng kết luận đều nhất trí chấp hành. Quan điểm của đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V là quyết tâm chấp hành chỉ thị của Bộ Chính trị và thông qua kế hoạch thực hiện tổng công kích, tổng khởi nghĩa ở Khu V.

Tuy nhiên, là những người ở chiến trường, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy, Quân khu ủy V thấy cần phải thống nhất quan điểm chỉ đạo cụ thể vì đây là vấn đề lớn, nhất là đánh và chiếm giữ thành phố phải cân cân nhắc thận trọng tương quan lực lượng giữa địch và ta vào lúc này¹. Các đồng chí cho rằng: đánh sẽ được, nhưng đánh sập toàn bộ và chiếm giữ sẽ khó khăn, do đó phải tránh tổn thất lớn. Quyết tâm đánh vào các thành phố, thị xã, một số quận lỵ, nhưng chiếm giữ phải linh hoạt, phải tùy thời cơ ứng phó bằng các biện pháp tiến công và nổi dậy linh hoạt. Còn khả năng thắng thì tùy theo điều kiện, nhưng phải bảo tồn và phát triển lực lượng. Các đồng chí xác định, mấu chốt của vấn đề là giành được thắng lợi và bảo tồn lực lượng. Ta có cách đánh và chắc chắn đánh được bằng cách kiên quyết

1. Lực lượng quân địch ở miền Nam cuối năm 1967 có khoảng 1.100.000 quân, trong đó Mỹ và chư hầu có 50 vạn, quân đội Sài Gòn có trên 60 vạn. Ở Khu V, địch có gần 40 vạn, trong đó có 22 vạn quân Mỹ và chư hầu, máy bay chiến đấu 1.600 chiếc, pháo binh, xe tăng, hỏa lực tập trung khá lớn. Các căn cứ thành phố lớn, địch tổ chức phòng ngự nhiều tuyến dày đặc.

tiến công và nổi dậy khắp các thành phố để giành thắng lợi, tiêu diệt, làm tan rã bộ phận quan trọng quân địch. Đánh vào thành phố, thị xã, thị trấn cốt yếu là tiêu diệt địch. Trường hợp giữ chắc được thì giữ, nếu khả năng không giữ được phải báo cáo lên trên cho lệnh giữ hoặc rút ra ven đô đánh quân phản kích, đánh lấn chiếm. Như vậy vừa đạt được yêu cầu đánh địch, vừa bảo tồn và phát triển các lực lượng. Trong khi lực lượng vũ trang tiến công vào các thành phố, thị xã thì ở nông thôn nổi dậy phá khu đồn dân, thành phố tiến hành đấu tranh chính trị.

Theo tinh thần đó, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Khu ủy V triển khai cụ thể việc thành lập ngay cơ quan tiền phương của Khu V và đề ra những biện pháp chủ yếu là: các sư đoàn chủ lực đánh vùng nông thôn đến giáp ranh để kéo địch ra diệt và cũng là dự bị vào thành thị khi có điều kiện thuận lợi; đánh một số chi khu, huyện lỵ để giải phóng từng vùng; lực lượng vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị tiến công có tính chất đồng khởi ở nông thôn để giành quyền làm chủ. Các lực lượng đặc công, các đơn vị bộ binh tinh nhuệ và biệt động thọc sâu đánh vào thành phố, thị xã, đánh cho được các cơ quan đầu não của địch. Pháo, đặc công đánh các sân bay; lực lượng của các huyện đánh giao thông khắp nơi, nhất là các đường chiến lược. Trên tinh thần đó, các cấp, từng thành phố, thị xã, các huyện lỵ (thị trấn), các đơn vị quân đội đều phải xây dựng phương án cụ thể.

Sau giao thừa Tết Mậu Thân, đồng chí Võ Chí Công trực tiếp đến Gò Nổi, Điện Bàn, để chỉ đạo tại cơ quan chỉ huy tiền phương. Nhận được điện báo, các thành phố, thị xã đều nhất loạt đánh vào được bên trong theo thời gian quy định là 0 giờ 30 phút trong đêm 31-1-1968.

Bị bất ngờ giáng một đòn sấm sét, quân địch không kịp đối phó. Tuy vậy, qua báo cáo từ các địa phương, nhận thấy thắng lợi đã lớn, đạt yêu cầu, nhưng chưa đủ điều kiện chiếm giữ và nếu đánh kéo dài sẽ bị địch tập trung phản kích, ta sẽ bị tổn thất, khó giữ nổi, đồng chí Võ Chí Công ra lệnh rút quân ra trong ngày và đến ngày 1-2-1968, đồng thời điều quân ta ra ven thành phố, thị xã, phục kích đánh trả sự phản công của địch. Đến ngày thứ ba của cuộc tiến công, các đồng chí Võ Chí Công và Chu Huy Mân nắm lại tình hình và quyết định chỉ dùng đặc công, pháo đánh vào thị xã, thị trấn, còn đại bộ phận chuyển về nông thôn diệt địch và giữ thế trận chiến lược này¹.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt của quân và dân Khu V trong Tết Mậu Thân 1968 với quy mô rộng khắp, mãnh liệt, với khí thế chưa từng có, là một

1. Đại tướng Chu Huy Mân: *Sát cánh trên chiến trường Khu V* (Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, Sđd*, tr. 47).

trong những chiến công oanh liệt nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Khu V¹. Thắng lợi đó tỏ rõ tinh thần chiến đấu ngoan cường của quân, dân Khu V dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy V, đứng đầu là đồng chí Võ Chí Công², đã góp phần cùng quân, dân miền Nam giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh³, làm thay đổi cả cục diện của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Từ giữa năm 1965 đến năm 1968, trong “chiến tranh cục bộ” là giai đoạn Mỹ đưa vào miền Nam Việt Nam một số lượng quân đông nhất, quy mô rộng lớn nhất với một khối lượng phương tiện chiến tranh rất lớn và hiện đại hơn so với trước. Nhưng, dưới sự lãnh đạo

1. Trong đợt này, quân dân Khu V đã tiến công vào 12 thành phố, thị xã, 28 thị trấn, quận, ly, diệt 4 vạn quân địch, đánh thiệt hại nhiều cơ quan hành chính tỉnh, quận, cơ quan chỉ huy quân sự địch, tiến công 19 sân bay, bắn rơi, phá hủy 600 máy bay, 50 kho hậu cần... Hơn nửa triệu nhân dân ở nông thôn, thị trấn kéo vào các thành phố đấu tranh chính trị, giành quyền làm chủ cho 20 vạn dân ven thành phố, thị xã (Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 378).

2. Trong Tổng tiến công ta có tổn thất nhưng không lớn. Nhưng sau Tết, địch mở càn quét vùng Gò Nổi, Duy Xuyên, Đại Lộc ba tháng liền, triệt hạ 18 xã, sử dụng máy bay B52 hỗ trợ đánh phá một số vùng. Ở Quảng Ngãi, Sư đoàn Amêricôn (American) Mỹ đã gây vụ thảm sát Sơn Mỹ, giết hơn 500 đồng bào, ta đối phó không kịp thời.

3. Với thất bại Tết Mậu Thân, Mắc Namara (Mc Namara) buộc phải từ chức Bộ trưởng Quốc phòng, Clípphốt (Clifford) lên thay, Oétmolen, Tổng chỉ huy quân Mỹ tại miền Nam Việt Nam coi như bị cách chức, tướng Abram (Abrams) lên thay.

trực tiếp của đồng chí Võ Chí Công, Đảng bộ, quân và dân Khu V đã chấp hành nghiêm túc, vận dụng sáng tạo các quan điểm cơ bản, các phương pháp, phương thức tác chiến quân sự của Đảng quyết tâm đánh thắng quân địch ngay từ đầu và càng đánh càng thắng lớn hơn. Đồng chí Võ Chí Công đã góp phần quan trọng vào thắng lợi chung đó của quân và dân ta.

Chương V

LÃNH ĐẠO TIẾN TRÌNH TIẾN CÔNG GIẢI PHÓNG KHU V (1969 - 1975)

1. Chống “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở Khu V

Sau thất bại của chiến lược “chiến tranh cục bộ”, Tổng thống Mỹ L. Giôn-xơn tuyên bố không ra tranh cử tổng thống Mỹ, chấp nhận đàm phán ở Pari, rút dần quân Mỹ về nước, thực hiện “phi Mỹ hoá” cuộc chiến tranh xâm lược, nhưng vẫn âm mưu giữ được miền Nam. Quân Mỹ - ngụy tiếp tục càn quét lập vành đai bảo vệ căn cứ, thành phố, đánh phá ở vùng rừng núi, giáp ranh, đẩy ta lui xa ra, thực hiện “bình định cấp tốc” (tháng 11-1968). Đầu năm 1969, R. Ních-xơn (R. Nixon) lên làm Tổng thống Mỹ đã thực hiện chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”¹, quyết giữ miền Nam Việt Nam

1. Đầu năm 1969, Mỹ bắt đầu thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh”. Tại miền Nam, quân Mỹ và chư hầu có 61 vạn, quân đội Sài Gòn có 87 vạn. Ở Khu V, quân Mỹ và chư hầu có 23 vạn, quân đội Sài Gòn có 18 vạn, 1.730 máy bay, v.v..

bằng việc sử dụng sức mạnh tối đa về quân sự, tiến hành cùng lúc ba loại chiến tranh: chiến tranh giành dân, chiến tranh bóp nghẹt và chiến tranh hủy diệt¹.

Trung ương Đảng nhận định: “Việt Nam hóa chiến tranh” là một âm mưu chiến lược hết sức thâm độc của đế quốc Mỹ, nhằm kéo dài chiến tranh xâm lược, từng bước rút hết quân Mỹ ra khỏi Đông Dương mà quân đội chính quyền Sài Gòn vẫn mạnh lên. Thấy rõ âm mưu của địch, ngày 1-1-1969, trong thư Chúc mừng năm mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn mới là: “*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*”².

Cũng như các chiến lược trước, Mỹ và chính quyền Sài Gòn lấy bình định nông thôn là biện pháp chiến lược chủ yếu nhằm kiểm soát cho được 90% số dân, làm mất đi chỗ dựa cho cách mạng nên tập trung đánh phá hệ thống hạ tầng của ta³. Nếu không bình

1. Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” có ba bước: *Bước 1*: Chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu trên bộ cho quân đội Sài Gòn, rút quân Mỹ, bình định nông thôn. *Bước 2*: Giao chiến đấu trên không cho đội Sài Gòn, làm cho đội Sài Gòn mạnh, đủ sức đánh ta, giữ được miền Nam. *Bước 3*: Hoàn thành “Việt Nam hoá chiến tranh”, củng cố thành quả, làm ta suy yếu, chiến tranh tàn lụi dần.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr. 532.

3. Có khu vực chúng dùng trên một vạn quân đánh phá 1 - 3 xã, hết nơi này chuyển sang nơi khác, chà đi xát lại, cày, ủi, rải chất độc hoá học, làm sạch đảng viên, du kích và quần chúng nòng cốt, có xã chúng đóng 30 chốt.

định được tại chỗ, chúng xúc dân đi tập trung và dùng các thủ đoạn lừa mị về kinh tế, văn hóa, xã hội làm cho nhân dân bỏ cách mạng.

Tháng 4-1969, trước tình hình địch thay đổi chiến lược chiến tranh với các biện pháp chiến lược, thủ đoạn mới, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo tổ chức Hội nghị Khu ủy để đề ra nhiệm vụ cấp bách nhằm động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Khu V hạ quyết tâm đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch. Hội nghị đã đề ra chủ trương lấy việc chống bình định, giành dân, giữ dân, giải phóng nông thôn “là vấn đề gốc, cái trục của toàn bộ phong trào”¹. Bởi vậy, trong năm 1969, Khu V vừa chống bình định, vừa ra sức xây dựng lực lượng về các mặt để chuẩn bị cho những đòn chiến lược lớn sau này.

Về quân sự, trong năm 1969, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Khu V mở ba đợt hoạt động: xuân, hè, thu giành nhiều thắng lợi. Trong đó, cuộc chiến chống bình định của địch diễn ra gay go, ác liệt nhất. Quân, dân Khu V trụ bám đánh địch và đấu tranh chính trị kiên cường, đánh thắng nhiều đợt bình định của địch, loại khỏi vòng chiến đấu 30.000 tên, giữ được vùng kiểm soát của ta. Tuy nhiên, ta cũng gặp nhiều khó khăn.

1. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Sđd*, tr. 392.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời. Tin Người từ trần phát trên Đài Tiếng nói Việt Nam làm chấn động tinh thần các tầng lớp nhân dân miền Nam nói chung và Khu V nói riêng. Trước khi Chủ tịch Hồ Chí Minh mất, được Trung ương Đảng điện báo hàng ngày nên biết Người yếu dần, đồng chí Võ Chí Công rất lo lắng. Khi được tin báo Người đã từ trần, đồng chí vô cùng thương tiếc, “mấy ngày đêm không ăn, không ngủ”¹. Nén đau thương, đồng chí bình tĩnh chỉ đạo các cấp ủy đảng, mặt trận, các đơn vị quân đội thuộc Khu V tổ chức trọng thể lễ truy điệu cùng ngày, giờ với Thủ đô Hà Nội.

Ngày 9-9-1969, Khu ủy V tổ chức lễ truy điệu trọng thể Chủ tịch Hồ Chí Minh với hơn một ngàn người tham dự². Đồng chí Võ Chí Công đọc bài phát biểu động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Khu V biến đau thương thành sức mạnh, mở đợt sinh hoạt chính trị học tập và làm theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, củng cố quyết tâm đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà, hoàn thành di nguyện mà Người hằng mong ước.

Cuối năm 1969, ở Khu V, tổng số quân Mỹ, Nam Triều Tiên và quân đội chính quyền Sài Gòn là 390.000

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 246.

2. Tại vùng căn cứ Khu V ở sông Tranh, Quảng Nam.

tên. Đây là thời kỳ quân số địch cao nhất và tập trung đánh phá ác liệt các vùng trọng điểm bình định từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến Bình Định. Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, chúng càn quét sạch 68 xã ở vùng mới giải phóng, đồng bào bị tàn sát hàng loạt. Vùng ven biển Duy Xuyên, Thăng Bình, địch tàn sát 3.000 đồng bào. Vùng Bình Sơn, Quảng Ngãi 1.500 người dân bị giết. Năm 1969, quanh căn cứ Đà Nẵng, Chu Lai, địch thảm sát 90 vụ, giết 4.700 đồng bào, v.v..

Tháng 1-1970, Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra nhiệm vụ trước mắt là động viên nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền tiếp tục phát triển chiến lược tiến công một cách toàn diện, liên tục và mạnh mẽ, đẩy mạnh tiến công quân sự và chính trị, kết hợp tiến công ngoại giao, phá tan âm mưu “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ...

Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 3-1970, đồng chí Võ Chí Công tổ chức họp Hội nghị Khu ủy xác định nhiệm vụ trung tâm cấp bách lúc này là đánh thắng kế hoạch bình định của địch và đề ra kế hoạch hoạt động xuân - hè để thực hiện nhiệm vụ đó.

Trong chiến dịch xuân - hè năm 1970, ta đánh tan quân đội Sài Gòn và lực lượng bình định, phá hàng loạt khu dồn dân, buộc địch phải bỏ kế hoạch “bình định cấp tốc” thay bằng kế hoạch “bình định đặc biệt”

vào tháng 7-1970¹. Phong trào phật tử, học sinh ở Huế, Đà Nẵng, Tam Kỳ, Quảng Ngãi bùng lên, hàng chục vạn người biểu tình với khẩu hiệu “chống Thiệu độc tài, Mỹ cút về nước”...

Tháng 6-1970, trước tình hình đảo chính ở Campuchia, Xiha-nút bị Lon Non (Lon Nol) lật đổ (tháng 3-1970), Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp chủ trương tăng cường đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương trong tình hình mới. Đồng chí Lê Duẩn đã điện cho Khu V chỉ thị đưa quân đội ta sang giúp kháng chiến Campuchia. Chấp hành chỉ thị này, đồng chí Võ Chí Công điện cho lãnh đạo của lực lượng kháng chiến Campuchia² hỏi ý kiến và điện cho B3 (Bộ Tư lệnh Tây Nguyên) đưa hai

1. Riêng chiến dịch xuân - hè, 70.000 tên địch bị diệt, 600.000 dân nổi dậy phá khu đồn dân, 40.000 phụ nữ đấu tranh chính trị. Trong năm 1970, có hơn 10.000 cuộc đấu tranh trực diện với địch, 750.000 lượt người tham gia.

2. Là Iêng Xari (Ieng Sary) (Thường vụ Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, xuống làm Bí thư khu Đông Bắc Campuchia, quen với đồng chí Võ Chí Công từ trước). Đồng chí điện đề nghị giải phóng ngay khu vực Đông Bắc Campuchia, để chậm mất thời cơ sẽ không thực hiện được. Được biết lực lượng của kháng chiến Campuchia chỉ có du kích nên đồng chí đề nghị sẽ đem quân sang giúp giải phóng khu này. Iêng Xari điện lại cho đồng chí Võ Chí Công nói chỉ xin vũ khí chứ không nhận quân. Đồng chí Võ Chí Công hiểu Iêng Xari sợ quân ta ở lại nên trả lời Iêng Xari: giúp giải phóng xong quân tình nguyện Việt Nam sẽ rút quân ngay.

trung đoàn, bao gồm bộ binh và đặc công cùng lực lượng trợ chiến cần thiết, sang giúp giải phóng các tỉnh Đông - Bắc Campuchia.

Trong mấy ngày, bộ đội Việt Nam đã giải phóng xong một số tỉnh Đông - Bắc Campuchia. Sau khi giúp cho lực lượng kháng chiến Campuchia lập chính quyền, quân ta rút ngay. Trước đó, bộ đội ta cũng giúp Lào giải phóng Áttôpơ nối liền với Tây Nguyên, hình thành một vùng căn cứ rộng lớn ở ngã ba biên giới Đông Dương và mở ra một đoạn hành lang mới đi qua nước bạn Lào về phía nam, tiếp nối với đường hành lang 559.

Trước thắng lợi ở trong nước và quốc tế, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V chủ trương mở tiếp chiến dịch Thu - Đông năm 1970. Phong trào tiến công và nổi dậy của quân dân Khu V năm 1970 đã đẩy lùi một bước kế hoạch bình định của địch.

Tháng 5-1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, “buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trong thế thua”¹.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, tháng 9-1971, đồng chí Võ Chí Công và Thường vụ Khu ủy V chỉ đạo

1. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975*, Sđd, tr. 416.

tích cực chuẩn bị cho cao trào tiến công và nổi dậy năm 1972¹, trước hết là mở chiến dịch Xuân - Hè năm 1972. Bằng những nỗ lực cao độ, trong năm 1972, Khu V đã huy động 15 vạn ngày công mở 565km đường mới, sửa 600km đường cũ. Thu mua và vận chuyển đảm bảo cung cấp lương thực cho bộ đội và dự trữ 2.300 tấn gạo ở đồng bằng và 200 tấn ở Tây Nguyên.

Tháng 3-1972, chiến dịch Xuân - Hè năm 1972 mở ra ở Tây Nguyên (đợt I), sau đó chuyển sang tiến hành ở các địa phương ven biển (đợt II vào tháng 7-1972)². Đây là thắng lợi lớn nhất của Khu V trong hai năm chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, góp phần to lớn vào chiến thắng của cuộc tiến công chiến lược toàn miền Nam năm 1972. Ta đã phá vỡ nhiều tuyến phòng thủ

1. Với ba yêu cầu:

- Diệt và làm tan rã lớn quân đội Sài Gòn, phá vỡ từng mảng hệ thống phòng thủ cơ bản của địch.

- Đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, giành quyền làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng.

- Đẩy mạnh phong trào thành thị đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ rút quân, đòi hòa bình (Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Sđd*, tr.461).

2. Quân và dân Khu V đã loại khỏi vòng chiến đấu 17 vạn tên địch, làm tan rã 3 vạn, bắt 8.850 tù binh, phá hủy 487 máy bay, 2.120 xe..., giải phóng 82 xã và 100 thôn... (Xem Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Sđd*, tr. 428).

mạnh, hỗ trợ đắc lực cho phong trào chống bình định, giành dân làm chủ, làm thay đổi quan trọng so sánh lực lượng giữa ta và địch có lợi cho ta, tạo ra cục diện mới trên chiến trường, buộc Mỹ phải đi tới ký Hiệp định Pari chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam...

Khi được đồng chí Lê Đức Thọ điện hỏi về lựa chọn phương án đấu tranh chia vùng khi ngừng bắn: 1- Chia vùng theo vĩ tuyến, phía bắc miền Nam ta, phía nam miền Nam địch; 2- Chia dọc miền Nam theo quốc lộ 1 trở lên là ta (chỗ trên đoạn nào không rõ, phía dưới tức từ quốc lộ đến biển là được); 3- Ngừng bắn tại chỗ, ai ở đâu ở đó, hình thành thế xôi đỗ xen kẽ; đồng chí Võ Chí Công suy nghĩ và tán thành phương án 3. Theo đồng chí, phương án này không chia thành tuyến mà xen kẽ lẫn vào vùng địch, ta có điều kiện vận động quần chúng, đấu tranh chính trị, binh vận và củng cố điều kiện đấu tranh bằng ba mũi giáp công quân sự, chính trị và binh vận để tạo điều kiện cho sau này.

Hiệp định Pari được ký kết và thực hiện theo phương án thứ ba.

2. Trong đấu tranh thực hiện Hiệp định Pari ở Khu V

Thắng lợi rất lớn của cuộc tiến công liên tục ở miền Nam cũng như của Khu V năm 1972 và chiến công xuất sắc của quân và dân ta đập tan cuộc tập kích chiến lược của không quân Mỹ bằng máy bay B52 vào Hà Nội,

Hải Phòng... cuối năm 1972 đã buộc Chính phủ Mỹ phải đi tới ký hiệp định chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, rút hết quân Mỹ và quân các nước chư hầu của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Ngày 27-1-1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở miền Nam Việt Nam được ký kết tại Pari. Cách mạng Việt Nam đã giành được thắng lợi rất to lớn, chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã thất bại thảm hại. Chúng ta đã đẩy ra khỏi cuộc chiến tranh một lực lượng chiến lược rất quan trọng, làm cho chính quyền Sài Gòn dao động lớn.

Tuy nhiên, âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ không thay đổi, chúng vẫn dùng mọi cách duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới ở miền Nam nước ta. Ý đồ chiến lược của đế quốc Mỹ là chấm dứt sự tham chiến trực tiếp bằng quân chiến đấu Mỹ ở miền Nam, đồng thời tăng cường quân đội chính quyền Sài Gòn, tìm cách làm cho cách mạng yếu đi, hòng thực hiện học thuyết Níchxơn.

Ngày 28-1-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi quân và dân cả nước "Tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được, giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc"¹. Đồng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.34, tr.13.

chí Võ Chí Công đã triệu tập hội nghị Khu ủy quán triệt Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy Khu V nhận thấy những nhận định của Trung ương Đảng là đúng đắn và những điều quy định trong Hiệp định là rõ ràng, cụ thể về chấm dứt hoàn toàn chiến sự. Tuy nhiên, thực tiễn trên chiến trường Khu V cũng như cả miền Nam chưa giờ phút nào ngừng bắn. Bởi vậy, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy Khu V nhận định Mỹ - ngụy sẽ hành động lặp lại như đã làm với Hiệp định Giơnevơ trước đây là tiếp tục gây đánh phá cách mạng, tiếp tục gây chiến tranh, nên không thể ảo tưởng trong thi hành Hiệp định, ảo tưởng có hòa bình.

Với nhận định đó và trước hành động lấn chiếm của địch, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy lãnh đạo đầy mạnh công tác tư tưởng làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Khu V thấy rõ quan điểm tư tưởng, đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới. Rút kinh nghiệm xương máu từ hoạt động phá hoại Hiệp định Giơnevơ trước đây của địch, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy Khu V chỉ đạo phải kịp thời lãnh đạo và giải quyết tư tưởng hòa bình, xả hơi, phải kiên quyết đánh bại sự lấn chiếm của địch, tiếp tục tiêu diệt, tiêu hao địch, làm cho địch ngày càng suy yếu nhanh, khôi phục và mở rộng vùng giải phóng. Đây là cuộc lãnh đạo tư tưởng vô cùng phức tạp vì đã có Hiệp định Pari và vì

cuộc chiến tranh đã kéo dài 18 năm, với bao hy sinh, gian khổ, mệt mỏi.

Đúng như đồng chí Võ Chí Công và Hội nghị Khu ủy nhận định, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục chiến tranh xâm lược miền Nam bằng một chiến lược mới. Ngay sau Hiệp định Pari được ký kết, Mỹ - ngụy tập trung lực lượng tiến hành kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” đánh chiếm lại vùng giải phóng. Thượng tuần tháng 2-1973, chúng đã huy động 1 sư đoàn chủ lực và quân địa phương có máy bay yểm trợ đánh chiếm vùng giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng và dùng 1 sư đoàn khác đánh chiếm vùng giải phóng Quảng Ngãi và Bình Định. Cuộc chiến giành đất, giành dân diễn ra ác liệt giữa ta và địch. Trong chỉ đạo ban đầu có khuynh hướng tư tưởng hòa bình, xả hơi khá nặng, giảm sút tinh thần tiến công địch..., vì vậy, nhiều nơi lơ là đánh địch, hầu hết các tỉnh đều bị lấn chiếm một số nơi, nhất là vùng mới mở ra và vùng tranh chấp, dẫn tới những tổn thất không nhỏ cho ta.

Đầu tháng 5-1973, đồng chí Võ Chí Công ra Hà Nội¹ họp Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng)². Ngày 24-5-1973,

1. Cùng đi có đồng chí Chu Huy Mân.

2. Đại diện ở chiến trường có các đồng chí: Nguyễn Văn Linh, Hoàng Văn Thái, Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà (ở Nam Bộ), Võ Chí Công, Chu Huy Mân (Khu V), Trần Hữu Dực (Trị - Thiên).

đồng chí dự Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng nhằm nghiên cứu, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của cách mạng miền Nam lúc này. Hội nghị có sự nhất trí cao trong đánh giá tình hình địch, ta, về nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới là tiếp tục thực hiện đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân đấu tranh kết hợp chủ động và linh hoạt trên ba mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao. Phương châm, phương pháp đấu tranh trong giai đoạn mới là nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công. Phải giữ vững và phát triển lực lượng về mọi mặt của ta, làm suy yếu và tan rã lực lượng quân sự, chính trị của địch, làm cho so sánh lực lượng ngày càng thay đổi có lợi cho ta. Những vấn đề quan trọng được đặt ra và giải quyết tại hội nghị này trở thành nội dung chủ yếu của Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III và Nghị quyết Hội nghị ngày 13-10-1973¹.

1. Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phê phán những biểu hiện “lùng chừng”, hữu khuynh trong việc đối phó với địch làm cho ta không phát huy được khí thế chiến thắng sau khi Mỹ rút quân, đối phó không hiệu quả trước hành động lấn chiếm, bình định của Mỹ chính quyền Sài Gòn. Hội nghị khẳng định con đường cách mạng miền Nam là con đường bạo lực, xác định phương châm của cách mạng miền Nam là đánh địch phá hoại Hiệp định Pari, không những chỉ đánh trả mà còn phản công lại, tấn công cả vào căn cứ và sào huyệt của chúng.

Tháng 6-1973, Quân ủy Trung ương chỉ thị cho các chiến trường phải tiến công địch trên các phương diện quân sự, chính trị, binh vận và pháp lý; tiến công quân sự diễn ra bằng phản công đánh bại mọi hành động lấn chiếm của địch.

Trên tinh thần đó, tháng 7-1973, đồng chí Võ Chí Công đã chỉ đạo họp Hội nghị Khu ủy V để kiểm điểm tình hình nửa năm sau Hiệp định Pari ở Khu V và quán triệt tinh thần của Hội nghị Bộ Chính trị, chỉ thị của Quân ủy Trung ương. Tại hội nghị, đồng chí đã thẳng thắn phê phán tư tưởng hữu khuynh, không nắm quan điểm bạo lực cách mạng đã để mất đất, mất dân, lực lượng cách mạng và nhân dân bị tổn thất nhiều¹, đồng thời nhấn mạnh việc phải khẳng định con đường cách mạng miền Nam là con đường bạo lực, xác định phương châm của cách mạng miền Nam là đánh địch phá hoại Hiệp định Pari, không những chỉ đánh trả mà còn phản công lại, tấn công cả vào căn cứ và sào huyệt của chúng, theo đúng tinh thần của Hội nghị Bộ Chính trị.

Sau hội nghị này, đồng chí Võ Chí Công và phần lớn khu ủy viên đi xuống từng đơn vị quân đội, từng địa phương giải thích nội dung trên. Đồng thời, đồng chí cùng Khu ủy, Quân khu V quyết định tiến hành một đợt tiến công nhằm tiêu diệt lực lượng địch, giữ dân, đẩy mạnh mở rộng vùng ta làm chủ, phát triển nhanh

1. Địch đóng thêm 400 chốt, giành lại 20 vạn dân.

lực lượng cách mạng bằng việc mở các cuộc tiến công chính vào vùng địch, phát động đấu tranh chính trị ở thành phố, dùng lực lượng vũ trang địa phương, du kích và quần chúng nổi dậy chống bình định ở nông thôn. Đợt tiến công địch lần này mạnh mẽ, sôi nổi cho nên Khu V đã tiêu diệt được nhiều địch, giành lại những vùng bị lấn chiếm và mở rộng vùng giải phóng.

Đến cuối năm 1973, với những chỉ đạo sát sao của đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V, phong trào Khu V tiếp tục phát triển. Ở một số nơi có gặp khó khăn nhưng vẫn giữ được thế và lực. Mỹ và chính quyền tay sai sử dụng toàn bộ lực lượng để lấn chiếm, bình định nhưng đã bị quân, dân Khu V phản công lại nên chúng tiếp tục bị tổn thất, thêm suy yếu. Năm 1973, ở Khu V, số lượng địch còn khoảng 30 vạn nhưng đã giảm hơn nhiều và tinh thần lại hoang mang, dao động mạnh. Lực lượng của ta, nhất là các sư đoàn chủ lực, các đơn vị đặc công, pháo binh, cối, xe tăng,... tăng nhanh. Hệ thống đường cơ giới phát triển nhanh, đường 559 phát triển vào Nam Tây Nguyên giáp Đông Nam Bộ, các đường khác nối từ Tây Nguyên đến đồng bằng. Hệ thống kho tàng dự trữ vũ khí, thiết bị chiến trường được chuẩn bị. Lực lượng tập trung hiệp đồng tác chiến tốt, chiến tranh nhân dân địa phương phát triển, phong trào đấu tranh ở nông thôn, đô thị mạnh, cơ sở cách mạng được tăng cường đã tạo thế trận vững chắc cho Khu V đánh địch.

Từ ngày 15 đến ngày 22-12-1973, tại Phước Sơn (Quảng Nam)¹, Đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ Khu V đã được tổ chức². Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Võ Chí Công, Đại hội đã tổng kết công tác của Khu V và đề ra nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III. Đánh giá về tình hình trong thời gian đã thi hành Hiệp định Pari, đồng chí Võ Chí Công nêu rõ những khuyết điểm nghiêm trọng của Khu V để tình hình diễn biến phức tạp trong mấy tháng đầu sau khi công bố Hiệp định Pari với những nguyên nhân là: không đánh giá hết bản chất ngoan cố và âm mưu mới của địch, tư tưởng hữu khuynh, hòa bình chủ nghĩa, chỉ đạo không sát, có phần tách rời giữa đánh địch và chống lấn chiếm. Đồng chí đã chỉ ra nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và nhấn mạnh phải đẩy mạnh phản công và tiến công, hướng phản công để tiến công là đánh địch ở vùng ta, hướng

1. Cuối năm 1973, cơ quan Khu ủy V đóng trên đường 16, cuối huyện Phước Sơn, giáp huyện Hiệp Đức (Quảng Nam). Đây là điểm đóng cuối cùng ở căn cứ trong cuộc chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, đồng thời cũng là nơi Khu V chuẩn bị cuộc tiến công và khởi nghĩa giải phóng Đà Nẵng và cả Khu V.

2. Đây là Đại hội duy nhất của Khu V trong kháng chiến chống Mỹ, với 264 đại biểu từ các chiến trường, các địa phương, các đơn vị của Khu về dự.

tiến công chủ yếu là vùng tranh chấp, vùng địch kiểm soát. Quan điểm này của đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy đã mở ra hướng mới nhằm khắc phục những khuyết điểm trước đó ở Khu V. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, Đại hội Đảng bộ Khu V xác định những nhiệm vụ sắp tới trên các lĩnh vực và chủ trương mở các đợt hoạt động xuân - hè năm 1974 ở Khu V.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ Khu V gồm 38 đồng chí. Đồng chí Võ Chí Công tiếp tục được bầu là Bí thư Khu ủy V¹.

Sau Đại hội Đảng bộ Khu V, các quan điểm tiêu cực đã được khắc phục nhanh chóng trong thực tiễn làm cho sức mạnh tổng hợp của Khu V tăng lên gấp bội. Trên cơ sở đó, trong năm 1974, đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V chỉ đạo tiến hành mở các đợt hoạt động lớn, vừa chuẩn bị khẩn trương cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy ở Khu V.

Trong đợt hoạt động xuân - hè, quân và dân Khu V đã tiến công và nổi dậy tiêu diệt, bức hàng, bức rút 300 cứ điểm, giành quyền làm chủ một vùng rộng lớn ở đồng bằng. Tại Tây Nguyên, quân ta đánh một loạt cứ điểm, nhất là cụm cứ điểm Đắc Pét, Ea Súp, v.v..

1. Đồng chí Chu Huy Mân làm Phó Bí thư Khu ủy; Thường vụ Khu ủy gồm các đồng chí Bùi San, Nguyễn Xuân Nhĩ, Trần Kiên, Nguyễn Xuân Hữu, Đoàn Khuê, Nguyễn Quang Lâm, Hồ Nghinh.

Từ tháng 7 đến cuối năm 1974, Khu ủy và Quân khu ủy V quyết định mở các cuộc tiến công tương đối lớn đánh tiêu diệt địch ở Nông Sơn, Trung Phước và chi khu quận lỵ Thượng Đức (Đại Lộc), nhằm phá thế phòng ngự của địch ở tây nam và phía tây khu liên hợp quân sự Đà Nẵng của địch. Khi đưa ra thảo luận chọn đột phá khẩu, có ý kiến đề xuất nên đánh vào chi khu Quế Sơn thay vì Thượng Đức, song sau khi phân tích, đồng chí Võ Chí Công quyết định chọn Thượng Đức làm mục tiêu vì nếu đánh Quế Sơn chỉ uy hiếp Tam Kỳ, nhưng đánh Thượng Đức sẽ uy hiếp cả Tam Kỳ, Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn và nhất là Đà Nẵng bị uy hiếp mạnh. Việc chọn đánh Thượng Đức là trúng tử huyệt của địch và “chiến thắng Thượng Đức còn chứng tỏ khả năng chiến đấu của bộ đội chủ lực cơ động của ta hơn hẳn chủ lực cơ động của địch, chứng tỏ thủ đoạn phòng ngự cạm cứ điểm của địch đã phá sản”¹. Các cạm cứ điểm của địch nằm sâu trong vùng căn cứ của ta, từ Quảng Nam đến Đắc Lắc, bị tiến công đã uy hiếp mạnh mẽ thế trận phòng ngự của địch ở Tây Nguyên cũng như các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Tương quan lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường thay đổi, nghiêng về phía có lợi cho ta. Tiếp theo, quân chủ lực của ta đã tiến công vào tây Quế Sơn, giải phóng Minh Long,

1. Báo cáo về Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Quảng Nam - Đà Nẵng, hồ sơ Y-III-283, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

Giá Vụt, chiếm Đèo Nhông trên đường 1, đoạn Phù Mỹ, Bình Định. Hoạt động của quân, dân tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa và các tỉnh Tây Nguyên cũng diễn ra mạnh mẽ và giành những thắng lợi lớn, quan trọng.

Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân và dân Khu V đã mở rộng vùng giải phóng đồng bằng từ Quảng - Đà đến các tỉnh phía nam. Ở Tây Nguyên, ta diệt các cứ điểm ở phía bắc và những điểm phía tây còn lại, mở rộng thế làm chủ và xây dựng vùng căn cứ, bảo đảm thông đường chiến lược vững chắc, nối liền hành lang, đường ô tô vận tải từ Nam Tây Nguyên đến đồng bằng và đi vào Đông Nam Bộ.

Các đợt hoạt động đánh địch bằng ba thứ quân đã tạo thành cuộc chiến tranh nhân dân rộng lớn, mạnh mẽ làm cho địch bị tiêu diệt và tan rã. Vùng kiểm soát của Khu V mở rộng, liên hoàn từ Tây Nguyên, miền núi đến gần thành phố. Phong trào ở thành phố diễn ra sôi nổi, lực lượng cách mạng phát triển nhanh. Địch co về phòng ngự nhưng cũng bị phá vỡ ở nhiều nơi, thế phòng ngự của chúng bị suy yếu, tinh thần bộc lộ dao động.

Về phía ta, việc chuẩn bị lực lượng các mặt được tăng cường, tinh thần sục sôi với thế tiến công và nổi dậy tạo ra những điều kiện đủ để tiến lên giành thắng lợi quyết định cho năm 1975, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng Khu V.

3. Lãnh đạo tiến công giải phóng Khu V

Tháng 12-1974, đồng chí Võ Chí Công và Chu Huy Mân đi Hà Nội dự Hội nghị Bộ Chính trị (mở rộng)¹. Cuộc họp bắt đầu từ ngày 18-12-1974 đến ngày 8-1-1975, dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Duẩn. Trong 20 ngày, hội nghị đi sâu thảo luận về đánh giá tương quan so sánh lực lượng địch - ta trên chiến trường miền Nam từ sau ngày Hiệp định Pari có hiệu lực; trên cơ sở đó quyết định kế hoạch chiến lược và chọn hướng mở đầu, đồng thời thảo luận vấn đề Mỹ có quay trở lại không trước nguy cơ sụp đổ của chính quyền Sài Gòn...

Đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân, đại diện cho chiến trường Khu V, khi phát biểu về tương quan so sánh lực lượng địch và ta² đã xác định:

1. Bộ Chính trị có các đồng chí: Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp, Phạm Hùng, Lê Thanh Nghị, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn. Thành phần mở rộng gồm các đồng chí: Trần Văn Trà (chiến trường Nam Bộ); Võ Chí Công, Chu Huy Mân (Khu V). Cơ quan Bộ gồm các đồng chí: Song Hào, Đinh Đức Thiệu.

2. Đồng chí nói rõ về so sánh lực lượng giữa địch và ta ở Khu V: địch có 30 vạn quân chủ lực và quân địa phương, còn phòng vệ có vũ trang không kể, 750 máy bay, 250 xe tăng, nhiều pháo. Phía ta có 75.000 quân, du kích có 60.000 người, hơn 30 khẩu pháo. So sánh lực lượng bộ binh ta chưa bằng một phần ba địch. Đảng bộ Khu V vững vàng, đã trải qua vô vàn thử thách, dám hy sinh, lãnh đạo quần dân đánh địch kiên cường, linh hoạt nên thắng địch; nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh chung cũng như từng chiến trường là giành thế chủ động tiến công địch liên tục, bất ngờ, đánh vào chỗ yếu của địch, v.v..

tuy lực lượng bộ binh ta không bằng một phần ba địch, nhưng thực tiễn chiến tranh đã chứng minh so sánh yếu, mạnh giữa địch và ta không phải chỉ bằng số lượng quân, vũ khí mà phải tổng hợp các yếu tố mới thấy ta hơn địch về thế và lực. Sức mạnh tổng hợp của ta là các thứ quân, quân ta có tinh thần cao, trong khi tinh thần quân địch suy yếu, số lượng quân ta ít nhưng chất lượng mạnh hơn nhiều; hơn nữa còn tuyệt đại bộ phận lực lượng quân chúng ở nông thôn và thành phố đứng về phía ta đang náo nức nổi dậy. Do đó, ta nhất định đánh thắng. Ý kiến của đồng chí Võ Chí Công góp phần củng cố thêm quyết tâm tiến công chiến lược của hội nghị.

Bộ Chính trị xác định: chúng ta đang đứng trước thời cơ chiến lược mới tạo ra sau 20 năm đấu tranh liên tục, ngoài thời cơ này không còn thời cơ nào nữa. Ta đã tạo ra được cơ sở cần thiết về thế và lực, về vật chất và tinh thần, về chuẩn bị chiến trường và các mặt bảo đảm hạ quyết tâm chiến lược trong năm 1975 - 1976. Phải động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân cả hai miền đưa cuộc chiến tranh cách mạng lên bước phát triển cao nhất bằng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã nguy quân, đánh đổ nguy quyền, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước.

Hội nghị có hai ý kiến khác nhau về chọn hướng mở đầu tấn công: một bên là Đông Nam Bộ và Sài Gòn, một bên là Nam Tây Nguyên, mở đầu bằng đánh chiếm Buôn Ma Thuột¹. Là người đại diện ở chiến trường, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân thuộc nhóm kiên trì đề nghị theo hướng thứ hai. Cuối cùng, sau khi cân nhắc, Bộ Chính trị đã đi tới kết luận mở màn cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 bằng chiến dịch Tây Nguyên với trận mở màn đánh vào Buôn Ma Thuột.

Bộ Chính trị thông qua kế hoạch chiến lược hai năm 1975 - 1976, nhưng cũng dự kiến một phương án khác là: nếu thời cơ đến vào đầu năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975. Do vậy, các chiến trường phải tích cực thực hiện kế hoạch đánh địch và xây dựng lực lượng của ta về mọi mặt; phải tích cực, chủ động, kiên quyết, linh hoạt, tạo yếu tố bất ngờ về chiến lược dẫn đến những bước phát triển nhảy vọt. Cần tạo ra thời cơ, bất cứ tình huống nào cũng không được để lỡ thời cơ chiến lược.

1. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Ý kiến hai bên, thật tâm mà nói không có ý thức cục bộ địa phương, mà ý kiến đưa ra là để thảo luận, chọn phương án tối ưu, nhưng vô tình lại trùng lặp với những người phụ trách địa phương đó và hai bên đưa ra lý lẽ giải trình đều cho mình là đúng” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 264-265).

Ngày 9-1-1975, sau khi Hội nghị Bộ Chính trị kết thúc, đồng chí Võ Chí Công được mời dự họp với Thường trực Quân ủy Trung ương để quán triệt thêm việc thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị và xác định trọng tâm mở chiến dịch Tây Nguyên. Sau đó, đồng chí cấp tốc trở lại chiến trường và sau ba ngày đã về đến cơ quan. Đồng chí cho triệu tập ngay Hội nghị Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy truyền đạt nội dung Hội nghị Bộ Chính trị, quán triệt quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và thông qua phương án, kế hoạch thực hiện của Khu V. Cuộc họp này cũng bàn thảo, lựa chọn một trong hai phương án để đi vào tổ chức thực hiện nắm quyền chủ động. Sau hội nghị, đồng chí chỉ đạo Khu ủy phân công cán bộ đi truyền đạt và bàn kế hoạch với các tỉnh.

Mở đầu chiến dịch Xuân - Hè năm 1975, sau 15 ngày chiến đấu, quân dân Khu V đã giành thắng lợi bước đầu rất to lớn, thắng nhanh, vượt kế hoạch dự định, nhất là đòn tiến công của bộ đội chủ lực. Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu bằng cuộc tiến công giải phóng Buôn Ma Thuột. Địch chủ quan cho là ta chỉ đánh Bắc Tây Nguyên. Cuộc chuẩn bị cũng là cuộc đấu trí giữa ta và địch. Đến ngày 9-3-1975, ta đã cài thế trận xong, nghi binh phía bắc Tây Nguyên, đánh cắt đường giao thông quan trọng để chia cắt địch ở đồng bằng và Tây Nguyên, chia cắt Tây Nguyên; 12 trung

đoàn bộ binh, đặc công, xe tăng, pháo binh, bộ đội địa phương, du kích bám sát và vây chặt Buôn Ma Thuột.

Từ ngày 4 đến ngày 10-3-1975, trước khi đánh Buôn Ma Thuột, quân ta bắt đầu đánh một số cứ điểm tây Pleiku, cắt đường 14 giữa hai tỉnh Kon Tum, Gia Lai; ngày 4-3 cắt đường 19, đường 21; ngày 9-3, đánh Đức Lập, Nam Buôn Ma Thuột.

2 giờ sáng ngày 10-3-1975, quân ta bắt đầu pháo kích vào các mục tiêu, lực lượng đặc công và năm mũi tiến công có xe tăng yểm trợ chiếm các mục tiêu quan trọng trong thị xã Buôn Ma Thuột, chiếm sân bay, chiếm các điểm phòng ngự bên ngoài, thọc sâu đánh chiếm thị xã, chiếm tỉnh đường trước sự phản kích ác liệt của địch. Bảy vạn dân vùng giải phóng phục vụ chiến dịch, nhiều cơ sở tự vệ bên trong thị xã ra ngoài dẫn đường cho các cánh quân ta đánh vào thị xã. Sáng ngày 11-3, quân ta tiến công vào Sư đoàn 23 của địch, giải phóng Buôn Ma Thuột. Quân chúng nổi dậy bắt ác ôn, bảo vệ tài sản, bảo vệ cơ quan. Địch dùng máy bay trực thăng đưa quân lên phản kích quyết liệt với không quân đánh phá, nhưng bị ta đánh lại. Phong trào tiến công và nổi dậy của bộ đội, quần chúng diễn ra mạnh mẽ. Thắng lợi ở Buôn Ma Thuột đã điểm đúng tử huyệt của địch.

Trước thất bại ở Tây Nguyên, ngày 14-3-1975, Nguyễn Văn Thiệu quyết định rút bỏ Tây Nguyên, co về giữ đồng bằng. Ý định của địch tháo chạy theo các

đường lớn 21, 19, 14 bị ta chiếm giữ, buộc địch phải rút xuống theo đường 7 đi Cheo Reo. Đường này tuy có yếu tố bất ngờ vì không có chủ lực ta chiếm giữ, nhưng đường hư hỏng, qua nhiều đoạn hiểm trở nên 10.000 tên địch chui vào tử lộ, ta truy kích theo, hai tiểu đoàn bộ đội địa phương của Phú Yên chặn đánh ở Củng Sơn, cuộc rút lui của địch hoàn toàn bị bẻ gãy.

Chiến thắng Buôn Ma Thuột và cả Tây Nguyên tạo ra bước phát triển nhảy vọt cả về thời cơ và thế chiến lược mới. Hậu phương ta ổn định, phong trào phát triển rất rầm rộ, vừa phục vụ tiền tuyến vừa ra sức xây dựng, củng cố sức mạnh. Địch bị động, suy yếu, bị tiến công bất ngờ, liên tiếp nên thất bại rất lớn, thế chiến lược bị đảo lộn, tinh thần quân đội và chính quyền địch hoang mang, dao động chưa từng có, hậu phương địch hỗn loạn.

Chính quyền Sài Gòn đang trong tư thế suy sụp rất nhanh chóng về mọi mặt, hỗn quân, hỗn quan, làm cho tình hình càng thêm hỗn loạn. Mỹ đã thất bại và đang gặp nhiều khó khăn nên không dám can thiệp và không có cách nào cản nổi sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn. Ta thắng lợi với tốc độ nhanh, toàn diện, vững chắc và đã tạo ra một thuận lợi lớn. Đây là cao trào cách mạng nhảy vọt, là bước ngoặt lớn, là thời cơ chiến lược diễn ra với khí thế mãnh liệt nhất. Sự phát triển mau lẹ của tình hình cuộc chiến do nhiều nguyên nhân, trong đó

nguyên nhân quan trọng nhất là việc hạ quyết tâm chiến lược đúng đắn và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh tài trí của Bộ Chính trị.

Trước sự tiến công mạnh của quân dân ta, địch buộc phải co cụm về chiến lược để tránh bị tiêu diệt, giữ lực lượng, xây dựng thế phòng ngự ở những địa bàn quan trọng, trước hết co cụm về Đà Nẵng, Quy Nhơn rồi đến Nha Trang, Cam Ranh. Chúng co cụm trong thế thất bại lớn, tổn thất lực lượng nặng nề, tinh thần suy sụp, hậu phương rối loạn, trong thế bị bao vây, chia cắt, việc tiếp viện khó khăn chồng chất, cho nên ngay ở các khu vực co cụm lớn địch vẫn yếu. Ta biết phát huy kết hợp ba mũi tiến công, tiến công liên tục, mạnh mẽ với khí thế như chẻ tre, có đủ khả năng phá vỡ các khu vực co cụm, kể cả những khu vực trọng điểm co cụm lớn của chúng.

Nhận thức được thời cơ thuận lợi chưa từng có, đồng chí Võ Chí Công cùng Khu ủy, Quân khu ủy 5 hạ quyết tâm tập trung toàn bộ lực lượng, động viên sự nỗ lực phi thường của Đảng bộ, quân dân Khu V, phát huy thế thắng, thế tiến công địch liên tục, mạnh mẽ nhất nhằm giải phóng Khu V trong thời gian ngắn nhất.

Theo đó, đồng chí Võ Chí Công và lãnh đạo Khu ủy, Quân khu 5 chủ trương đẩy mạnh và kết hợp cả ba mũi tiến công: tiến công của lực lượng vũ trang, khởi nghĩa của quần chúng và binh vận làm tan rã địch; kết hợp ba thứ quân, nhất là chủ lực, tiến công, công kích

và khởi nghĩa ở thành thị, phát động một cao trào tổng công kích và khởi nghĩa trong phạm vi toàn Khu V, tiêu diệt và làm tan rã quân đội địch, đánh đổ chính quyền, tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân. Tập trung chỉ đạo, tập hợp lực lượng vào hướng tiến công và nổi dậy chủ yếu là thành phố, thị xã, trọng điểm là Đà Nẵng.

Với khẩu hiệu hành động là “Tất cả cho đánh đổ chính quyền địch, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân”, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Khu ủy V lãnh đạo khẩn trương bổ sung, tăng cường lực lượng vũ trang; phát động vùng ven tiến công và nổi dậy, đưa cao trào ba mũi giáp công sát thành phố và vào trong thành phố; cài lực lượng bộ binh tinh nhuệ, đặc công luồn sâu vào bên trong, đưa các lực lượng áp sát các căn cứ, thành phố... hình thành thế chia cắt, bao vây địch ngày càng chặt hơn, chia cắt cả đường bộ, đường biển, không chế sân bay. Tiếp tục tiêu diệt và làm tan rã chủ lực địch, chuyển ngay vào tiến công và khởi nghĩa ở thành phố, thị xã. Ở thành phố phải kết hợp bộ đội chủ lực (nơi có chủ lực) với bộ đội địa phương, du kích tập trung công kích địch kết hợp với khởi nghĩa của quần chúng. Các đảng bộ địa phương phải ráo riết chuẩn bị cuộc khởi nghĩa của quần chúng bên trong, thông qua cơ sở rải truyền đơn, treo cờ Mặt trận, cờ đỏ sao vàng, các đội vũ trang tuyên truyền tiến hành tuyên truyền xung phong để phát động quần chúng. Phát động và tổ chức

quần chúng thành cao trào công khai để đứng lên khởi nghĩa. Ra sức tranh thủ, vận động lôi kéo binh lính, sĩ quan, cảnh sát, đồng thời trấn áp, tiêu diệt bọn ngoan cố chống lại cách mạng.

Đồng chí Võ Chí Công và Khu ủy V chủ trương: tùy điều kiện từng nơi và phải rất linh hoạt, có nơi công kích khởi nghĩa ở nông thôn chuyển nhanh đến thành phố, có nơi song song, nhưng hướng chính là thành phố, có nơi từ thành phố rồi phát triển hoàn thành ở nông thôn. Mặt khác, phải đánh hướng này nghi binh hướng khác, giương đông kích tây, tìm cách vượt qua tuyến phòng ngự đánh thẳng vào đầu não địch. Mỗi đơn vị, nhất là các sư đoàn, trung đoàn phải có phương án cụ thể, thừa thắng xông lên chiến đấu, tiến công quân sự kết hợp với quần chúng nổi dậy đánh địch với sự quyết liệt và tốc độ nhanh nhất, liên tục phát triển trận này tiếp trận khác. Tiến công trong lúc địch suy sụp không nhất thiết phải chuẩn bị đầy đủ mà phải mạnh bạo tiến công làm cho địch tan rã, dám đánh thẳng vào thành phố, thọc sâu vào hậu phương, đánh vào đầu não của địch. Giải phóng tới đâu, phải nhanh chóng ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đến đó, nhất là ở thành phố, thị xã; phát động quần chúng đi đôi với trấn áp bọn phản động phá hoại, bọn có nhiều nợ máu, đồng thời khoan hồng với những người trước đây có làm việc cho địch nhưng nay phục tùng chính quyền cách mạng,

phục tùng nhân dân. Quản lý chặt chẽ chiến lợi phẩm, tài sản quốc gia (các công sở, kho tàng, tài liệu, vật tư...) và tài sản vắng chủ. Vùng giải phóng mở ra đến đâu phải nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, du kích bảo vệ vùng giải phóng để bộ đội chủ lực cơ động nhanh đi chiến đấu. Chăm lo các nhu cầu thiết yếu trong đời sống của nhân dân.

Với tinh thần đó, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo phải gấp rút tăng cường lực lượng lãnh đạo cho các thành phố, thị xã. Thường vụ Tỉnh ủy các tỉnh phải đến sát và vào bên trong chỉ đạo, kể cả huy động tăng cường cán bộ phía sau cho các cấp vào bên trong thành phố, thị xã.

Trước trận đánh Kon Tum, đồng chí Võ Chí Công nhận được điện đi gặp đồng chí Văn Tiến Dũng ở Nam Tây Nguyên. Trên đường đi tới điểm hẹn, đồng chí điện gửi đồng chí Văn Tiến Dũng đề nghị sau khi quân ta giải phóng Buôn Ma Thuột, địch ở hai tỉnh ngoài bị rối loạn, mất tinh thần nên cần chuyển một trung đoàn chủ lực ra cùng lực lượng địa phương đánh địch ở Pleiku, Kon Tum thì địch tan rã ngay.

Ngày 15-3-1975, đến Kon Tum, thấy địch đang rút chạy, đồng chí Võ Chí Công chỉ thị cho Tỉnh ủy Kon Tum nắm tình hình thị xã và đưa lực lượng vào quản lý. Sáng ngày 16-3-1975, không chờ tin của Tỉnh ủy, đồng chí Võ Chí Công và đoàn công tác vào thẳng thị xã Kon Tum, đồng thời điện cho lực lượng 773 đưa quân vào thị xã.

Ngày chiều ngày 16-3-1975, đồng chí Võ Chí Công và đoàn công tác đi Đức Cơ để xuống Pleiku.

Vào tối Pleiku, đồng chí Võ Chí Công gửi điện xin đồng chí Văn Tiến Dũng là sẽ không vào Buôn Ma Thuột nữa, vì tình thế quá khẩn trương, xin phép về lo giải phóng đồng bằng Khu V. Đồng chí Văn Tiến Dũng đồng ý và chỉ viện thêm cho Khu V một sư đoàn chủ lực.

Trên đường hành quân đêm, được tin quân và dân ta đang tiến công và nổi dậy ở Quảng Trị, Huế, đồng chí điện hỏa tốc về Bộ Chính trị bức điện mật, toàn văn như sau: “Hỏa tốc, số 12 - 23 giờ ngày 18-3-1975. Kính gửi Bộ Chính trị. Có hiện tượng địch rút Huế, lực lượng tổng dự bị cũng rút, đề nghị Bộ Chính trị điều quân tấn công giải phóng Đà Nẵng. Còn phía trong (các tỉnh đồng bằng) chúng tôi sẽ làm theo điện vừa báo cáo các anh”¹. Đồng thời, đồng chí cũng cho điện về Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 nói rõ tình hình đã có những diễn biến mới, cho thay đổi phương án cũ, không đánh về phía nam mà chớp thời cơ nhanh chóng chuyển hướng ngay ra phía bắc, đánh thẳng vào Đà Nẵng.

Khoảng 2 giờ sáng ngày 19-3-1975, đồng chí Võ Chí Công nhận được điện của đồng chí Lê Duẩn cho phép “Nếu thấy làm được thì giải phóng Đà Nẵng đi”, đồng chí

1. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

Võ Chí Công hiểu rằng đồng chí Lê Duẩn “tuy đồng ý nhưng không có tính ra lệnh mà cách nói để cho cấp dưới tùy thời linh hoạt ứng biến”¹. Vui mừng vì được sự đồng ý của Bộ Chính trị, đồng chí thấy đây là một bước ngoặt quyết định, phải thần tốc đánh ngay Đà Nẵng không cho địch kịp co cụm vào thế phòng ngự, nên đã điện ngay cho Khu ủy và Quân khu 5 lệnh chuyển Sư đoàn 2 của Quân khu 5, do đồng chí Nguyễn Chơn chỉ huy, từ phía nam ra đánh Sư đoàn 2 của địch ở Tam Kỳ (Quảng Nam) và tiến ra đánh Đà Nẵng².

Trong khi ta khẩn trương chuẩn bị nhưng vẫn giữ được bí mật với việc nghi binh, nên địch chủ quan cho rằng trong năm 1975 ta không thể đánh lớn và không đủ sức đánh các thành phố. Chúng cũng cho rằng, trong năm 1975 ở Khu V, ta chỉ đủ sức chống bình định và giành thêm dân, chứ không có những đợt đánh lớn như năm 1968.

Ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975, tranh thủ giải phóng trước mùa mưa, trước mắt tiêu diệt cho được Quân đoàn I - Vùng I

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 266.

2. Theo phương án cũ, sau khi diệt xong Sư đoàn 2 của địch, Sư đoàn của đồng chí Nguyễn Chơn sẽ phát triển về phía nam hỗ trợ giải phóng Quảng Ngãi, nhưng trong tình thế mới, Sư đoàn 2 nhận được lệnh bỏ phương án cũ, lập tức chuyển hướng tiến công có ý nghĩa quyết định cho việc giải phóng Đà Nẵng.

chiến thuật quân đội địch, cơ quan chỉ huy đóng ở Đà Nẵng, không cho địch chạy về co cụm ở Sài Gòn.

Ngày 21-3-1975, đồng chí Võ Chí Công họp Khu ủy để chỉ đạo việc giải phóng Đà Nẵng. Ngày 23-3-1975, đồng chí họp Ban Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy với Ban Thường vụ Đặc khu ủy Quảng - Đà hạ quyết tâm giải phóng Khu V và quyết định đánh vào Tam Kỳ - Quảng Ngãi, cô lập Đà Nẵng và tiến hành tiến công giải phóng Đà Nẵng theo ba phương án¹ để giành thắng lợi, trong đó nhấn mạnh phương án giải phóng Đà Nẵng bằng lực lượng tại chỗ của Khu V.

Ngày 24-3-1975, quân ta tấn công Tam Kỳ và Quảng Ngãi, địch rút chạy, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân cấp tốc điện xin Trung ương cho Khu V tấn công giải phóng Đà Nẵng với lực lượng của địa phương².

Ngày 26-3-1975, sau khi giải phóng tỉnh Quảng Nam, thị xã Tam Kỳ, trước chuyển biến nhanh của tình hình,

1. *Một là*, sau khi giải phóng Huế, Tam Kỳ, địch bên trong Đà Nẵng sẽ rối loạn; nếu quân chủ lực chưa đến kịp thì Quảng - Đà huy động toàn bộ lực lượng vũ trang tại chỗ tấn công, nổi dậy, giải phóng thành phố. *Hai là*, sau khi đánh giải phóng thị xã Tam Kỳ, lực lượng của Sư đoàn 2 chủ lực Quân khu sẽ tiến ra Đà Nẵng và Sư đoàn 304 đứng chân ở Thượng Đức sẽ từ phía tây nam đánh xuống. *Ba là*, phương án giải phóng Đà Nẵng bằng chủ lực cơ động phải chờ sau khi giải phóng Huế mới tiến vào được và phải có thời gian chuẩn bị để bảo đảm công tác hậu cần.

2. *Đồng chí Võ Chí Công - Người chiến sĩ cách mạng kiên cường, nhà lãnh đạo xuất sắc*, Sđd, tr. 439.

đồng chí Võ Chí Công chuyển từ căn cứ của Khu uỷ xuống cơ quan Đặc khu uỷ Quảng - Đà ở Tây Duy Xuyên để bàn bổ sung kế hoạch tấn công, nổi dậy giải phóng Đà Nẵng.

18 giờ ngày 27-3-1975, nhận được điện của đồng chí Lê Duẩn thông báo việc Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương đã thông qua kế hoạch đánh Đà Nẵng, quyết định lập Bộ Tư lệnh Mặt trận Đà Nẵng và nhấn mạnh một số điểm trong việc tấn công Đà Nẵng, ngay trong đêm 27-3-1975, đồng chí Võ Chí Công gấp rút đi tới Sở Chỉ huy tiền phương của Khu uỷ và Quân khu 5¹ gặp đồng chí Chu Huy Mân bàn kế hoạch cụ thể để thực hiện. Trên đường đi, qua điện đài, đồng chí làm việc với Khu uỷ, Quân khu, các tỉnh và các sư đoàn để chuẩn bị sẵn sàng tấn công.

Tại Sở Chỉ huy tiền phương, qua thảo luận, đồng chí Võ Chí Công và đồng chí Chu Huy Mân cùng Khu uỷ xác định phải dựa vào tình hình thực tiễn để tìm cách đánh bại địch. Các đồng chí thấy rằng, trước khi tiến công và nổi dậy ở Đà Nẵng, Sư đoàn 2 của ta đã đánh bại Sư đoàn 2 ngụy ở Tây Tam Kỳ, đặc công đánh một số điểm quan trọng ở Đà Nẵng. Địch sợ ta đánh chiếm thị xã Tam Kỳ liền đưa quân vào Tuần Dương.

1. Lúc đầu đóng ở nam cầu Bà Rén rồi lần lượt chuyển ra nam cầu Cầu Lâu, cuối cùng ra Thanh Quyết gần Đà Nẵng.

Như vậy, thế bố trí phòng ngự của địch bị bối rối, tiến thoái lưỡng nan: đưa quân về giữ Đà Nẵng làm mỏng vòng phòng ngự bên ngoài, giữ bên ngoài lại trống bên trong. Chỉ huy địch rối loạn, dự đoán tình hình lung tung. Lực lượng địa phương và quần chúng các tỉnh từ Quảng - Đà, Quảng Ngãi tiến công và nổi dậy diệt, làm rã và phá nhiều mảng lớn xưa nay bị chúng kìm kẹp nặng như vùng cát Quảng - Đà, Đông Thăng Bình, Đông Tam Kỳ - Quảng Nam, Sơn Tịnh, Bình Sơn - Quảng Ngãi. Địch sợ ta từ phía giáp ranh miền núi tiến xuống nên đã sử dụng Sư đoàn 2 ngự lên ngăn chặn phía tây Quảng Nam. Ta dùng lực lượng địa phương Quảng Nam và một bộ phận chủ lực của Sư đoàn 2 và quần chúng nổi dậy đánh vào thị xã Tam Kỳ, chiếm được tỉnh đường. Khi nghe tin tỉnh lỵ Tam Kỳ bị quân ta tấn công, cả Sư đoàn 2 của địch hoảng hốt, tan rã, bỏ chạy. Tam Kỳ được giải phóng ngày 24-3-1975. Ta cũng tấn công chiếm cả cứ điểm phòng ngự Tuần D dưỡng ở phía nam Đà Nẵng. Quân địch ở Đà Nẵng bị cắt hai đầu, phía bắc từ Huế đến đèo Hải Vân, phía nam là Tam Kỳ, Tuần D dưỡng. Ngày 24-3-1975, quân, dân ta tiến công và giải phóng Quảng Ngãi vào ngày 25-3-1975.

Cùng với sự tấn công mãnh liệt đó, ở các huyện đồng bằng và Tây Nguyên, bộ đội địa phương, du kích, cán bộ, nhân dân, bằng sức mạnh của ba mũi giáp công

đã tiến công mạnh mẽ địch, làm tan rã, bắt hàng binh, giải phóng toàn bộ các xã, huyện.

Trước sự phát triển nhanh và thuận lợi đó, đồng chí Võ Chí Công cho rằng tình hình địch diễn biến khác trước, nếu ta kéo dài thời gian chuẩn bị thì địch cũng có thời gian củng cố thể phòng ngự, co cụm, ta đánh không được. Bởi vậy, đồng chí cùng đồng chí Chu Huy Mân bàn bạc và thống nhất phương án tốt nhất để đánh Đà Nẵng là dùng ngay Trung đoàn 96 và lực lượng Sư đoàn 2 của Khu đang ở Tam Kỳ tấn công địch (vì các sư đoàn khác của Khu đang đánh ở xa, không thể nào điều về kịp).

Lực lượng của địch ở Đà Nẵng còn bốn sư đoàn chủ lực và các thứ quân địa phương, cộng lại khoảng 10 vạn (không tính dân vệ), các binh chủng kỹ thuật của địch còn khá mạnh, chúng quyết định co cụm về cố thủ Đà Nẵng. Nhưng trước tình hình áp đảo của ta, chúng đang rối loạn về phòng ngự. Cụm cứ điểm của địch ở Tuần Dương (phía nam Đà Nẵng) đã mất và cụm phòng ngự quan trọng phía nam cách Đà Nẵng hơn 30km ở núi Quế cũng đã rút là mở đường cho ta tiến quân. Mặc dù quân địch rút một số nơi để phòng ngự lại, nhưng trong tình hình rối loạn, nhất là tinh thần tan rã, ta đang áp đảo mạnh, địch cũng không phòng ngự được.

Về phía ta chủ động dùng sức mạnh công kích và nổi dậy để đánh chiếm Đà Nẵng với các lực lượng đã

sẵn sàng thế trận, gồm quân địa phương, các đơn vị đặc công, Trung đoàn 96 áp sát phía đông Đà Nẵng, đội biệt động Lê Độ và du kích của Quảng - Đà, Sư đoàn 2, Lữ đoàn 52 sẽ tiếp sau và đánh hỗ trợ ở các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn... Quân chúng đang chờ lệnh là nổi dậy đồng loạt tiến công vào bên trong, bên ngoài.

Với việc xem xét tương quan lực lượng và thế trận như vậy, đồng chí Võ Chí Công và các đồng chí trong Sở Chỉ huy tiền phương đặt ra yêu cầu đánh Đà Nẵng chủ yếu là làm cho quân ngụy tan rã; dùng cách lách qua các cụm, các đơn vị phòng ngự bên ngoài của địch, bất ngờ thọc sâu đánh vào đầu não và cơ quan quan trọng của địch là địch sụp đổ.

6 giờ sáng ngày 28-3-1975, pháo 130mm của Khu bắn chi viện cho bộ binh và uy hiếp địch ở ven biển Sơn Trà, sân bay Đà Nẵng và Quân khu I địch để mở đầu cuộc tấn công giải phóng Đà Nẵng.

Quân ta tiến ra Đà Nẵng theo quốc lộ. Địch dùng máy bay đánh sập cầu Câu Lâu, cầu Bà Rén và bố trí những cụm quân ở phía bắc đầu cầu Câu Lâu để ngăn chặn sự tiến công của ta. Vào 9 giờ sáng ngày 28-3, Trung đoàn 38 được xe tăng chi viện đã đánh tan cụm quân địch ở bắc cầu Bà Rén. Khi đến sông Câu Lâu, cầu đã bị đánh hỏng, bộ đội được thuyền của nhân dân đưa vượt sông.

Quân đoàn I quân đội chính quyền Sài Gòn một phần bị tiêu diệt, phần còn lại cùng với quân bại trận từ Huế

chạy dồn vào Đà Nẵng, nhưng bị quân, dân ta tiến công nên hoang mang, mất tinh thần cực độ. Cả một đội quân lớn với vũ khí đầy đủ, nhưng bị quân ta tiến công và nhân dân nổi dậy khắp nơi, nhất là thành phố Đà Nẵng làm cho tê liệt.

Trong hai ngày 28 và 29-3-1975, dưới sự lãnh đạo của Đặc khu ủy Quảng - Đà, các thành ủy, quận ủy, nhân dân đã nổi dậy rầm rộ khắp thành phố, treo cờ đỏ sao vàng, cờ Mặt trận, rải truyền đơn uy hiếp và vận động binh lính địch. Nhân dân nổi dậy làm chủ, chính quyền quận, phường của địch bị tan rã. Do đó, tuy quân địch đông nhưng mất tinh thần, bối rối, tổ chức rệu rã, chỉ huy rối loạn.

Đồng chí Nguyễn Chơn ra lệnh cho Trung đoàn 31 vượt trước Trung đoàn 38 để kịp tiến công các mục tiêu được giao. Trung đoàn 38 được lệnh tăng tốc đánh chiếm Sơn Trà. Vào hồi 8 giờ sáng ngày 29-3, Trung đoàn Ba Gia lách qua phía tây quốc lộ, áp sát mục tiêu chính. Trung đoàn Ba Gia cho hai tiểu đoàn vượt qua Cầu Đỏ đến ngã tư Hòa Cầm thì Tiểu đoàn 60 tiếp tục phát triển ra ngã ba Huế vào trung tâm chiếm Tòa thị chính và Ty cảnh sát. Nhưng đội biệt động Lê Độ của thành phố đã chiếm trước, treo cờ giải phóng lúc 11 giờ ngày 29-3. Tiểu đoàn 90 đánh chiếm Bộ Tư lệnh Sư đoàn không quân ngụy và sân bay Đà Nẵng. Khi đó, Tiểu đoàn 3 của Trung đoàn 31 từ Nghi An đánh vào phía tây sân bay, làm chủ sân bay Đà Nẵng lúc 12 giờ.

Tiểu đoàn 40 của Trung đoàn Ba Gia cùng với một bộ phận quan trọng của Trung đoàn 96 của Mặt trận 4 Quảng - Đà đánh chiếm Bộ Tư lệnh Quân đoàn I của địch. Đúng 12 giờ căn bản ta đã đánh chiếm xong, cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam bay trên nóc Sở chỉ huy của địch. 11 giờ ngày 29-3, một bộ phận chủ lực của Trung đoàn 52 và quân địa phương tiến công cùng quần chúng nổi dậy giải phóng thị xã Hội An.

Trung đoàn 96, bộ đội địa phương của Quảng - Đà, đã lập thế trận sát phía đông Đà Nẵng trước, đánh một số trận quyết liệt và đánh chiếm sân bay Nước Mặn, sau đó đánh chiếm cầu Trinh Minh Thế và đánh thẳng vào thành phố phối hợp với lực lượng của Sư đoàn 2.

Vào 15 giờ ngày 29-3, cuộc tấn công quân sự và nổi dậy của nhân dân đã làm chủ thành phố Đà Nẵng. Quân đoàn II của Bộ Quốc phòng vượt qua đèo Hải Vân để hỗ trợ tiến vào Nam Ô, cảng Phú Lộc và sang chiếm đỉnh Sơn Trà.

Nhân dân Đà Nẵng nổi dậy trước hai ngày quân ta tiến công, nhiều nơi nhân dân tuyên truyền công khai, mít tinh, treo cờ Mặt trận và cờ đỏ sao vàng. Quần chúng tích cực vận động và uy hiếp binh lính địch góp phần làm cho quân địch tan rã. Nhân dân nổi dậy chiếm và làm chủ nhiều quận, phường. Công nhân chiếm các nhà máy điện, các xí nghiệp, ga xe lửa, các công sở... Những hành động táo bạo đó là nhân tố rất quan trọng làm cho binh lính địch mất tinh thần và tan rã. Nhân dân Đà Nẵng cũng

lập chiến công xuất sắc trong việc vây chặt quân của Sư đoàn thủy quân lục chiến địch dồn về Hòa Hải cố thủ, vừa uy hiếp, vừa thuyết phục binh lính giao súng cho Mặt trận. Nhờ vậy, cả sư đoàn quân địch đều dồn súng lại giao cho đồng bào và tan rã.

Tình hình diễn biến rất nhanh chóng. Các sư đoàn, các cơ quan quan trọng, cứ điểm lớn của địch đến 12 giờ trưa ngày 29-3 căn bản đã sụp đổ. Đến 3 giờ chiều ngày 29-3, Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng.

Hồi 5 giờ chiều ngày 29-3, từ Thanh Quýt, đồng chí Võ Chí Công đi vào Đà Nẵng và triệu tập các đặc khu ủy viên, thành ủy viên bàn những việc cấp bách như truy quét bọn phản động, động viên quần chúng và lập lại trật tự cách mạng, lập chính quyền lâm thời, chăm lo đời sống nhân dân, giải tỏa dân bị địch dồn về để họ trở về quê làm ăn, sinh sống.

Trong niềm vui thắng lợi, đồng chí Võ Chí Công điện cho Bộ Chính trị báo tin: “Đà Nẵng giải phóng hoàn toàn và tôi đã ở trong Đà Nẵng”¹.

Trong 32 giờ, cuộc tiến công và nổi dậy thần tốc của quân dân Khu V đã quét sạch 10 vạn quân, 4 sư đoàn, các quân, binh chủng của quân nguy, trong đó có cơ quan Bộ Tư lệnh Quân đoàn I của địch. Căn cứ quân sự liên hợp mạnh nhất của địch ở Đà Nẵng đã bị đập tan.

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 280.

Ta thu khoảng 70.000 súng, 109 khẩu pháo, 138 xe tăng, 115 máy bay, 47 tàu thủy và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Chiến dịch giải phóng Đà Nẵng đã quét sạch hệ thống phòng ngự chiến lược của địch ở miền Trung, toàn bộ hệ thống phòng ngự còn lại của địch ở Vùng I chiến thuật. Kế hoạch co cụm chiến lược để giữ duyên hải miền Trung của địch chưa kịp triển khai đã bị đập tan. Trận tiến công và nổi dậy giải phóng Đà Nẵng đã kết thúc thắng lợi vẻ vang tạo thời cơ mới cho toàn miền Nam sớm được giải phóng.

Sau khi Đà Nẵng được giải phóng, trong cán bộ có ý kiến lo ngại địch sẽ phản kích cả bằng bộ binh, máy bay và hải quân. Đồng chí Võ Chí Công phân tích: địch đã thua ở Tây Nguyên, ở Huế - Đà Nẵng và các tỉnh duyên hải miền Trung, nên đuối sức lại hoảng loạn tinh thần, chỉ lo chống đỡ chứ không còn đủ sức để phản kích. Hơn nữa, các đội quân hùng mạnh của ta đã tiến thần tốc cùng quân dân miền Nam đang hình thành thế trận bao vây tiến công và nổi dậy đánh sập chính quyền Sài Gòn. Vì vậy, ta tiến sâu vào phía Nam thì địch không có điều kiện phản kích, máy bay địch đã cách xa căn cứ cũng không làm gì được. Với những lập luận đó, đồng chí quyết định chỉ để bộ đội địa phương và Sư đoàn 2 ở lại Khu V (vì Sư đoàn 2 đã chiến đấu liên tục nhiều ngày) bảo vệ chính quyền cách mạng, còn các sư đoàn của Quân khu ở đồng bằng và Tây Nguyên nhanh chóng tiến vào phía Nam phối hợp tiến công địch.

Để tạo điều kiện cho quân ta tiến về phía Nam, ngày 30-3-1975, đồng chí Võ Chí Công chỉ thị cho bí thư các tỉnh ủy của Khu V phải chịu trách nhiệm tạo mọi thuận lợi cho các đơn vị hành quân nhanh chóng đi qua các địa phương và điện cho Trung ương Cục về việc đưa quân theo quốc lộ vào phối hợp với lực lượng phía Nam. Đồng chí và Khu ủy, Quân khu 5 cũng đề ra nhiệm vụ giải phóng các đảo thuộc hải phận như Cù Lao Chàm, Cù Lao Ré, đảo Xanh, Hòn Tre, Cù Lao Thu...

Với sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, Quân đoàn II, lực lượng dự bị chiến lược từ miền Bắc tiến vào và bộ đội sung sức của Khu V thần tốc tiến theo quốc lộ 1 cùng quân dân miền Nam thực hiện thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, kết thúc cuộc chiến tranh chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Sau khi căn cứ Đà Nẵng bị ta đánh bại, từ tỉnh Bình Định trở vào, địch tuy lực lượng còn đông nhưng tinh thần càng rệu rã hơn nên không đủ sức chống lại sức mạnh của ta. Quân dân ta với khí thế mạnh mẽ, với lực lượng lớn gồm Sư đoàn 3, Lữ đoàn của Quân khu ở Bình Định, các sư đoàn ở Tây Nguyên tiến xuống (theo các đường 19, 21 và 7) cùng với quân dân các tỉnh tiến công và nổi dậy tiêu diệt, làm tan rã địch, giải phóng Bình Định ngày 1-4, Phú Yên ngày 1-4, Khánh Hòa ngày 2-4, Cam Ranh ngày 3-4.

Đồng thời, các địa phương có biển đã tiến hành giải phóng các đảo¹.

Ngày 4-4, đồng chí Võ Chí Công cùng các cơ quan của Khu ủy chuyển căn cứ ở Phước Trà xuống Hội An, kết thúc 20 năm bám trụ chiến đấu ở rừng núi.

Trên chiến trường Khu V, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra quyết liệt, dồn dập như bão táp, chỉ 31 ngày đêm đã đánh sập toàn bộ quân địch với 30 vạn quân chủ lực của địch, không kể hàng chục vạn dân vệ, cảnh sát và các phương tiện chiến tranh hiện đại, những cứ điểm dày đặc trên các tuyến phòng ngự thành thị của chúng đều bị tan rã. Đó là đòn hiểm mà địch không có cách gì chống đỡ, hồi phục được về cả chiến lược, chiến thuật, làm cho Mỹ - Ngụy hết sức kinh hoàng.

Ngày 2-4-1975, sau giải phóng Đà Nẵng ba ngày, trên đường đi vào Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ đã điện cho đồng chí Võ Chí Công đi gặp đồng chí ở đường 14, phía tây Quảng Nam - Đà Nẵng.

Tại điểm gặp ở giữa đường 14, đồng chí Võ Chí Công báo cáo với đồng chí Lê Đức Thọ tình hình và kinh nghiệm tiến công, nổi dậy giải phóng Đà Nẵng, đồng thời

1. Ngày 30-3-1975, Quảng Nam giải phóng Cù Lao Chàm, sau đó là Cù Lao Ré. Ngày 1-4, giải phóng đảo Xanh (Bình Định). Ngày 10-4, giải phóng đảo Hòn Tre (Khánh Hòa). Ngày 27-4, giải phóng Cù Lao Thu (Phan Thiết).

nêu ý kiến của mình về cuộc tấn công vào Sài Gòn. Đồng chí cho rằng, tuy lực lượng địch ở Sài Gòn còn mạnh nhưng trong bối cảnh tinh thần của chúng đã suy sụp, hỗn quân, hỗn quan, quân, dân ta đang trong khí thế hùng dũng, tiến công và nổi dậy đánh đổ địch, cho nên cần kết hợp cho được ba mặt: tiến công quân sự, quần chúng nổi dậy và binh vận làm tan rã địch. Lúc này, không nên rải lực lượng chủ lực mà dồn về tất cả cho Sài Gòn đủ lực lượng hình thành thế trận bao vây, chia cắt và nhiều hướng tiến công vào Sài Gòn. Chỉ đánh những trận bên ngoài rất cần để mở đường, còn có thể lách qua các tuyến phòng ngự mạnh để tránh tổn thất và bị chậm tốc độ tiến công. Đồng chí cũng báo cáo với đồng chí Lê Đức Thọ các hình thức nổi dậy của quần chúng ở Đà Nẵng (xã Hòa Hải). Đồng chí Lê Đức Thọ đồng ý với các ý kiến của đồng chí Võ Chí Công.

Ngày 13-4-1975, đồng chí Võ Chí Công đến Nha Trang bàn với Tỉnh ủy Khánh Hòa huy động thuyền máy chở quân ra Trường Sa, nếu gặp hải quân ta thì phối hợp, không gặp cũng đánh giải phóng các đảo, không để nước khác chiếm những đảo quan trọng này¹.

Ngày 16-4, Quân đoàn II, các binh chủng của Bộ và các sư đoàn của Quân khu 5, hình thành một cánh quân rất lớn phát triển vào phía nam tiến công địch.

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 284.

Địch xây dựng cụm phòng ngự xa Sài Gòn ở cuối phía bắc tỉnh Ninh Thuận, giáp Khánh Hòa. Quân ta chia nhiều cánh đánh chiếm sân bay Thành Sơn, mở ra Phan Rang, đánh nát tuyến phòng ngự của địch ở đường 1, một cánh khác đánh thẳng vào thị xã Phan Rang kết hợp với quần chúng nổi dậy. Quân địch ở đây chống cự yếu ớt rồi tan rã, thị xã Phan Rang được giải phóng ngày 16-4. Ngày 19-4, quân ta tiếp tục hành quân vào Bình Thuận rồi tiến vào Biên Hòa. Sư đoàn 3 của Khu V đánh xuống Vũng Tàu, các lực lượng còn lại phối hợp với các lực lượng khác của ta bao vây đánh giải phóng Sài Gòn.

Ngày 15-5-1975, tại sân vận động Chi Lăng, Đà Nẵng, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ Khu V, Chính ủy Quân khu 5 đọc diễn văn tại Lễ mừng chiến thắng ở Khu V.

Thắng lợi của Khu V do sự chỉ đạo chiến lược và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Bộ Chính trị và sự chỉ đạo, chỉ huy quyết tâm, khấn trương và linh hoạt của Khu ủy V, trong đó có sự đóng góp to lớn của đồng chí Võ Chí Công với những chủ trương, chỉ đạo rất sáng tạo, nhạy bén và táo bạo.

Giữa tháng 7-1975, đồng chí Võ Chí Công tiến hành cuộc thị sát các tỉnh đồng bằng Khu V, từ Quảng Nam đến Khánh Hòa, để nắm tình hình và góp ý chỉ đạo sau

ngày giải phóng. Đối với các tỉnh Tây Nguyên, đồng chí chỉ thị phải thực hiện tốt chính sách khoan hồng của Đảng trên cơ sở phân loại để xử trí đúng đắn.

Tháng 9-1975, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về quyết định giải thể Trung ương Cục miền Nam và các khu ủy để thành lập Ban đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam, Hội nghị Khu ủy V họp tại Đà Nẵng đã công bố quyết định giải thể Khu ủy V để thống nhất sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương xuống các tỉnh, thành ủy và lập cơ quan đại diện của Trung ương ở miền Trung Trung Bộ. Đồng chí Võ Chí Công được phân công làm Phó ban đại diện Trung ương Đảng và Chính phủ ở miền Nam, phụ trách Khu V. Từ đây, đồng chí bước vào thực hiện những nhiệm vụ mới trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thống nhất.

Chương VI

THAM GIA MỞ ĐƯỜNG ĐỔI MỚI TRONG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC (1976 - 1986)

Chiến thắng vĩ đại ngày 30-4-1975 kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trường kỳ, gian khổ nhưng đầy vẻ vang của dân tộc. Từ đây cách mạng Việt Nam chuyển sang giai đoạn mới, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Dưới ngọn cờ của Đảng, đồng chí Võ Chí Công tiếp tục cống hiến trên những cương vị mới.

1. Mở lối đổi mới trong sản xuất nông nghiệp

Ngày 27-4-1976, đồng chí Võ Chí Công được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa IV đơn vị tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và trúng cử đại biểu Quốc hội khóa IV¹. Tháng 7-1976, đồng chí được cử làm Phó Thủ tướng, Trưởng Ban

1. Tháng 10-1975, tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng - Đà hợp nhất thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Cải tạo nông nghiệp miền Nam, kiêm Bộ trưởng Bộ Hải sản¹.

Ngày 13-11-1976, đồng chí dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và là ứng cử viên của Trung ương tại Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, đồng chí dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, tiếp tục trúng cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu vào Bộ Chính trị.

Được cử làm Bộ trưởng Bộ Hải sản có nhiệm vụ xây dựng ngành thủy sản từ Tổng cục Thủy sản lên thành Bộ Hải sản, đồng chí Võ Chí Công bắt tay ngay vào việc tổ chức bộ máy để điều hành hoạt động của một bộ mới thành lập. Nhiệm vụ tổ chức bộ máy và điều hành một bộ không đơn giản nhưng cũng không khó khăn, phức tạp bằng tiến hành khôi phục, củng cố và phát triển một ngành kinh tế của đất nước. Lãnh đạo quản lý ngành hải sản là công việc của lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ đối với đồng chí, đặt trong bối cảnh chung của đất nước chịu thiệt hại nặng nề sau chiến tranh, với những xuất phát điểm và loại hình kinh tế không giống nhau giữa hai miền. Bởi vậy, bằng kinh nghiệm của mình, trước hết, đồng chí Võ Chí Công bắt tay vào việc điều tra nghiên cứu thực tiễn.

Đồng chí Võ Chí Công nhận thấy, đất nước ta có lợi thế bờ biển dài trên 3.000km và có nhiều mặt nước ao hồ,

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 290.

sông suối có khả năng phát triển ngành thủy sản thành một ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế quốc dân. Để cho ngành này phát triển đúng với tầm vóc của nó, đồng chí cho rằng cần phải xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của ngành trước mắt và lâu dài. Những mục tiêu thời kỳ đầu là tập trung vào đánh bắt và khai thác mặt biển, kết hợp kinh tế với quốc phòng, khai thác mặt nước các vùng nông thôn gắn với phát triển nông nghiệp toàn diện.

Qua các chuyến đi nghiên cứu thực tế, đồng chí nhận thấy nguyên nhân dẫn tới việc các cơ sở quốc doanh và các hợp tác xã nghề cá lâu năm sản xuất không phát triển, làm ăn thua lỗ là do quy mô tổ chức công kênh không phù hợp với truyền thống ngành, nghề, quản lý yếu kém, thiếu tinh thần làm chủ.

Nhằm tháo gỡ tình trạng này, đồng chí đề nghị Chính phủ cho các cơ sở quốc doanh, các hợp tác xã đánh cá lớn thực hiện cơ chế tự lo liệu, tự trang trải để phát triển sản xuất kinh doanh, lời ăn lỗ chịu. Nhà nước bỏ bao cấp, các hợp tác xã tự tổ chức lại cho phù hợp với truyền thống đánh cá theo thuyền nghề. Chủ trương đó lập tức được các cơ sở đánh cá quốc doanh và người dân nghề cá đồng tình. Việc triển khai chủ trương đã tạo ra động lực mạnh trong đánh bắt thủy, hải sản, phù hợp với trình độ của lực lượng và điều kiện sản xuất ở nước ta. Nhiều cơ sở quốc doanh đã bắt đầu dùng vốn sẵn có để trang bị phương tiện sản xuất, không trông chờ vào cung ứng của Nhà nước. Người dân tự phân công lao động và quản lý với khả năng và kinh nghiệm của mình, qua đó từng bước tháo gỡ được

khó khăn, khôi phục sản xuất kinh doanh. Nhờ sự đổi mới bước đầu, ngành hải sản nước ta từng bước được củng cố và chuyển sang một bước phát triển mới.

Công việc đang tiến triển, tháng 2-1977, theo sự phân công của Đảng và Chính phủ, đồng chí Võ Chí Công thôi kiêm chức Bộ trưởng Bộ Hải sản.

Cuối tháng 6, đầu tháng 7-1977, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp bàn về nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp nhằm đảm bảo lương thực, thực phẩm cho xã hội và có lương thực để dự trữ, cung ứng nguyên liệu nông - lâm và hải sản cho công nghiệp và xuất khẩu. Để đáp ứng nhiệm vụ quan trọng này, Phó Thủ tướng Võ Chí Công được Chính phủ phân công phụ trách khối nông, lâm, hải sản và kiêm Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp.

Đây là một lĩnh vực rất quan trọng vì nông nghiệp nước ta đang chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân và liên quan tới đời sống của phần lớn nhân dân vốn gắn chặt với sản xuất nông nghiệp vào thời gian này. Với tiềm năng đất đai nước ta khá lớn¹, đặc biệt

1. 33 triệu héc-ta so với dân số năm 1977 khoảng 50 triệu dân. Diện tích canh tác thời gian này khoảng 5 triệu héc-ta, nếu khai thác được hết thì khoảng 10 triệu héc-ta. Ngoài ra, còn 4 triệu héc-ta đất chưa khai hoang, trong đó phần lớn là đất tốt, phân bố chủ yếu ở Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long. Diện tích rừng và đất rừng khá lớn, trên 15 triệu héc-ta, trong đó diện tích rừng là 9,5 triệu héc-ta. Thủy sản trữ lượng 2 triệu tấn/năm, ngoài ra còn có các loại thủy sản nước lợ, nước ngọt được nuôi trồng khá lớn.

nhân dân ta vốn cần cù, thông minh sáng tạo, đã xây dựng nền văn minh nông nghiệp lúa nước trải qua hàng ngàn năm.

Chấp hành Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai của Đảng về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam, với vai trò là Trưởng Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam, đồng chí Võ Chí Công đã có những đóng góp tích cực trong thực hiện nhiệm vụ đưa nông dân miền Nam đi vào con đường làm ăn tập thể theo chủ trương của Đảng.

Trong những năm 1975 - 1978, nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp ở miền Nam đã đạt được một số thắng lợi quan trọng. Hợp tác xã nông nghiệp ở miền Nam đã thu hút được trên 90% số hộ nông dân, những tư liệu sản xuất chủ yếu đã được tập thể hóa: ruộng đất (96%), máy móc, trâu bò (80%). Đây được coi là vấn đề có tính nguyên tắc trong hợp tác hóa nông nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề tập thể hóa sản xuất nông nghiệp ở miền Nam cũng đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết.

Sau hai năm chỉ đạo thực hiện đường lối cải tạo nông nghiệp của Đảng, thông qua quá trình khảo sát thực tiễn, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo tổ chức Hội nghị sơ kết xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở miền Nam. Hội nghị được tiến hành từ ngày 26-7 đến ngày 1-8-1978.

Phát biểu tại hội nghị, đồng chí Võ Chí Công xác định nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở

miền Nam là vấn đề khó khăn, phức tạp vì đây “là cuộc đấu tranh gay go và quyết liệt giữa hai con đường tập thể và cá thể, tiến bộ và lạc hậu”¹. Để giải quyết các khó khăn, phức tạp đó, đồng chí Võ Chí Công chỉ rõ điều quan trọng trước hết là các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương cần phải quán triệt đúng đường lối, chủ trương của Đảng về hợp tác hóa nông nghiệp, trên cơ sở đó vạch ra kế hoạch và bước đi cụ thể; phải có sự chuẩn bị chu đáo; phải bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình để chỉ đạo, đồng thời có quyết tâm cao và biết tổ chức thực hiện. Trong quá trình xây dựng các hợp tác xã phải vận dụng thích hợp chính sách về hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng và Chính phủ. Các chính sách trả hoa lợi ruộng đất, phân phối trong hợp tác xã phải được thực hiện một cách linh hoạt trên cơ sở nắm vững nguyên tắc và phù hợp với tình hình cụ thể của từng nơi.

Đồng chí Võ Chí Công chỉ rõ, để đưa nông dân miền Nam vào con đường làm ăn tập thể, trước hết phải tích cực vận động nông dân tham gia vào các tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất (hình thức hợp tác xã quy mô nhỏ), qua đó nhằm giáo dục, giác ngộ, nâng cao ý thức làm chủ tập thể, làm quen với phương thức sản xuất mới,

1. Võ Chí Công - Tố Hữu: *Khẩn trương và tích cực đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1978, tr. 35.

tập vượt cách tổ chức, quản lý và đào tạo cán bộ. Đồng chí cho rằng, để thực hiện tốt chủ trương của Đảng, cần phải xây dựng các hợp tác xã thí điểm, nơi nào đủ điều kiện mới đi lên hợp tác xã, không được chủ quan, nóng vội nhưng cũng không được e ngại, chần chừ. Đồng chí yêu cầu việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp phải phù hợp với điều kiện từng nơi. Ở miền núi, việc xây dựng phải kết hợp với công tác định canh, định cư và khai hoang xây dựng vùng kinh tế mới; ở vùng biên giới xây dựng hợp tác xã phải đảm bảo tính chiến đấu, sản xuất và bảo vệ sản xuất.

Theo đồng chí, vấn đề quan trọng trong việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp miền Nam là phải tạo được niềm tin và sự phấn khởi trong quần chúng nông dân. Nói chung, nông dân miền Nam ủng hộ việc đi lên hợp tác xã nhưng vẫn còn những tư tưởng băn khoăn, lo ngại, vì từ nền sản xuất cá thể chuyển sang sản xuất tập thể sẽ đụng chạm đến việc tập thể hóa tư liệu sản xuất, đến cách làm ăn sinh sống và tâm lý lâu đời của người nông dân. Do đó, các hợp tác xã phải phát động tư tưởng quần chúng, đi sâu giáo dục, giác ngộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nông dân trong xây dựng hợp tác xã, đồng thời đấu tranh với những tư tưởng lạc hậu, ngăn chặn và đấu tranh kịp thời những hành động chống phá phong trào tập thể hóa. Đồng chí cho rằng: “Dù chính sách có đúng và cụ thể đến mấy nhưng quần chúng không được giáo dục, phát động, không nhận

thúc được sự thống nhất lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích nhà nước trong các vấn đề chính sách thì họ cũng khó tiếp thu và tự giác chấp hành”¹.

Đồng chí Võ Chí Công đã thẳng thắn chỉ rõ và phê bình một số nơi có hiện tượng gò ép, mệnh lệnh, chưa thật sự bảo đảm nguyên tắc tự nguyện của nông dân khi tham gia hợp tác xã và việc quản lý, phân công lao động trong hợp tác xã chưa tốt. Đó là, hầu hết số lao động được bố trí vào chăn nuôi, trồng trọt, chưa bố trí lao động đi sâu vào thâm canh; quy mô hợp tác xã ở nhiều nơi quá lớn (phổ biến là 600 - 700ha, có hợp tác xã trên 1.000ha) trong khi trình độ của cán bộ quản lý hợp tác xã miền Nam còn nhiều hạn chế làm phát sinh những lúng túng, khó khăn trong quản lý sản xuất cũng như trong chỉ đạo các mặt lao động, tài chính, vật tư... Do đó, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp phải đi lên từng bước, từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ giản đơn đến phức tạp, theo đúng quy luật, mỗi hợp tác xã ở miền Nam khoảng 200ha.

Xuất phát từ thực tế phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam trong những năm 1975 - 1978, những ý kiến của đồng chí Võ Chí Công tại hội nghị này đã đóng góp quan trọng cho sự ra đời của Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng

1. Võ Chí Công - Tố Hữu: *Khẩn trương và tích cực đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam*, Sđd, tr.20.

(khóa IV) họp tháng 1-1978 về kế hoạch kinh tế năm 1978, chủ trương khắc phục tình trạng trì trệ về sản xuất và quản lý kinh tế.

Thấy rõ khả năng hiện thực phát triển nông nghiệp, nhưng vấn đề làm đồng chí Võ Chí Công băn khoăn, lo lắng nhất là một nước có nền nông nghiệp truyền thống như nước ta lại chưa giải quyết được vấn đề lương thực cho nhân dân và chăn nuôi, nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa xuất khẩu. Năm 1977, bình quân lương thực đầu người mới đạt 240 - 250kg, không đủ cho người ăn, chăn nuôi, trước hết là chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tuy sản lượng lương thực hằng năm có tăng lên nhưng vẫn không đáp ứng kịp nhu cầu dân số tăng quá nhanh, do đó vẫn phải nhập khẩu mỗi năm trên dưới 2 triệu tấn lương thực. Cơ sở vật chất - kỹ thuật cũng như công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản quá thấp kém, các loại vật tư thiết yếu cho các lĩnh vực này còn quá thiếu thốn.

Để nghiên cứu tìm nguyên nhân dẫn đến năng suất trong nông nghiệp thấp, lương thực chưa đủ ăn, đồng chí Võ Chí Công bắt đầu bằng việc tìm hiểu trên thực tế về tình hình hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc. Từ quá trình nghiên cứu này, đồng chí thấy rằng, tuy có những hạn chế nhất định nhưng hợp tác xã đã có vị trí, vai trò rất to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và cần phải đánh giá hợp tác xã một cách khách quan, toàn diện. Là người ở chiến trường, đồng chí càng thấy

rõ hợp tác xã chính là cơ sở đảm nhận mọi nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quân sự, chính trị, văn hóa và huy động nhân lực, tài lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bộ đội chủ lực hầu hết là con em đồng bào miền Bắc rời quê hương, gia đình vào miền Nam chiến đấu và hợp tác xã chính là chỗ dựa mọi mặt vững chắc cho họ. Hợp tác xã là nguồn sức mạnh to lớn cung ứng về con người, vật chất và tinh thần một cách có tổ chức ở cơ sở cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tuy nhiên, khi chiến tranh kết thúc, trước tình hình và điều kiện mới, loại hình hợp tác xã này đã bộc lộ những khiếm khuyết ngày càng rõ. Trải qua 20 năm (1960 - 1980), sau nhiều lần củng cố, nhập vào, chia ra, nhưng hợp tác xã vẫn hoạt động sản xuất ít hiệu quả; nông dân ngày càng thiếu phấn khởi lao động sản xuất, không thiết tha lao động trong hợp tác xã, chỉ làm việc theo kiểu “rong công phóng điểm”, không quan tâm mấy đến kết quả sản xuất trên ruộng đất hợp tác xã, chỉ chăm lo đến mảnh ruộng 5%, nên năng suất thu hoạch gấp 2 đến 3 lần năng suất trên ruộng đất của hợp tác xã. Hiệu quả trên ruộng hợp tác xã ngày càng thấp làm cho ngày công càng giảm, thu nhập kém dẫn đến làm mất dần động lực sản xuất của nông dân.

Trực tiếp đi kiểm tra nhiều nơi và các tỉnh cũng báo cáo về tình trạng đó, đồng chí Võ Chí Công thấy rằng, nếu để tình trạng tiêu cực này kéo dài chẳng những gây

nguy hiểm về kinh tế - xã hội mà có thể dẫn đến tiêu cực về chính trị. Từ thực tiễn hoạt động cách mạng trong suốt hai cuộc kháng chiến, đồng chí thấy không ít vấn đề còn khó hơn nhiều lần, thậm chí có những việc tưởng chừng như bế tắc nhưng cuối cùng vẫn tìm ra giải pháp để vượt qua và giải quyết thành công. Vấn đề là phải bình tĩnh nghiên cứu thực tiễn một cách khoa học, cụ thể để từng bước tìm phương thức giải quyết tốt nhất.

Bởi vậy, đồng chí thấy phải đi sâu nghiên cứu thực tế cụ thể hơn để tìm ra các nguyên nhân. Khác với những lần kiểm tra trước đó là thăm hỏi hình thức, cấp dưới trả lời chung chung, không cụ thể, lần này đồng chí “làm theo phương pháp đánh giặc: xuống sát chiến trường, để hiểu địch, hiểu ta để chỉ đạo, tác chiến”¹.

Trên thực tế, từ năm 1979 đến năm 1980, tại miền Bắc đã có hiện tượng một số hợp tác xã ở Hải Phòng, Vĩnh Phú² đã tìm cách “làm chui”, thay chế độ khoán việc của hợp tác xã bằng chế độ khoán hộ hoặc khoán trực tiếp cho người lao động. Bị xem là “phá rào” nhưng cách “làm chui” đó lại đưa tới hiệu quả kinh tế rõ rệt, đó là năng suất lao động tăng, đời sống xã viên được cải thiện... Điều đó phản ánh sự bắt đầu đổ vỡ khó tránh khỏi của mô hình tập thể hóa triệt để ruộng đất, sức lao

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 295.

2. Tỉnh Vĩnh Phú gồm hai tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ ngày nay.

động và những tư liệu sản xuất khác của nông dân và phương thức quản lý tương ứng. Thực tiễn này là một gợi ý cho đồng chí Võ Chí Công nghiên cứu theo hướng cải tiến quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp nhằm tạo ra động lực phát huy được sức lao động sáng tạo dồi dào của nông dân.

Với trách nhiệm là người lãnh đạo mặt trận nông nghiệp, đồng chí quyết định tiến hành một loạt chuyến đi khảo sát tình hình thực tế các địa phương có các hợp tác xã “làm chui” như Đoàn Xá (Đồ Sơn, Hải Phòng) và nhiều hợp tác xã ở Thái Bình, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình... Đi thẳng xuống các hợp tác xã, đồng chí trực tiếp gặp gỡ các đội sản xuất để trao đổi, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của xã viên, cùng đồng bào ra ruộng xem cách làm và gợi ý cho xã viên phát biểu ý kiến của mình.

Đi vào thực tiễn với phong cách khoa học, dân chủ và quần chúng đó, đồng chí Võ Chí Công nhận thấy thực tế những hạn chế trong chế độ khoán việc không chỉ làm mất quyền làm chủ của các xã viên mà còn tập trung quá nhiều quyền hành vào tay các cán bộ quản lý, vì quyền làm chủ căn bản nhất về tư liệu sản xuất, quản lý sản xuất, phân phối sản phẩm hoàn toàn do ban quản trị hợp tác xã nắm. Chính khoán việc đã dẫn đến hiện tượng “rong công phóng điểm”. Đó là các nguyên nhân cơ bản của tình trạng làm mất động lực sản xuất của nông dân, đưa tới tình trạng làm ăn thua lỗ, thu nhập thấp của hợp tác xã và nông dân.

Để nghiên cứu việc sử dụng và năng suất của ruộng đất 5%, đồng chí đi đến một số gia đình nông dân để trực tiếp nghe ý kiến của họ. Những ý kiến của nông dân chỉ rõ việc làm công nhật và làm công điểm cho hợp tác xã dù có gắng sức cũng không đem lại lợi ích đầy đủ theo sự đóng góp của nông dân; còn làm khoán cũng giống như sản xuất trên ruộng 5%, người lao động thấy có lợi nên rất chăm lo, hăng hái¹. Thực tiễn đó cho đồng chí thấy sự cần thiết phải khoán ruộng đất cho xã viên mới tạo được động lực và xóa được những tiêu cực trong sản xuất nông nghiệp.

Theo hướng đó, sau khi đi nghiên cứu, xem xét tình hình cụ thể ở một số địa phương khác nhau, đồng chí Võ Chí Công tổ chức họp một số đội trưởng, xã viên để thảo luận các cách khoán. Đồng chí gợi ý một số phương án để mọi người thảo luận như hợp tác xã giao ruộng cho xã viên cày, cấy hoặc làm cỏ, thu hoạch, còn thủy lợi hợp tác xã đảm nhiệm... Qua thảo luận, mọi người đều đồng tình phương án khoán đến người lao động.

1. Đồng chí Võ Chí Công còn lấy từ thực tế đã trải qua để xem xét. Đó là khi làm đường xe lửa ở Đại Lãnh, đồng chí đã thấy phu đường làm công nhật thì mọi người nói chuyện nhiều hơn làm, hết ngày lĩnh tiền. Nhưng khi làm khoán, họ rất chăm chỉ, đi sớm về tối, hiệu quả cao. Hoặc ở nhà đày Buôn Ma Thuật, làm việc nhỗ cỏ chỉ cần hai ngày là xong, nhưng chính đồng chí và những người tù khác làm mất một tháng.

Từ cách làm ở một cơ sở cụ thể, đồng chí chỉ đạo tiến hành trao đổi ở một số hợp tác xã khác và thấy ý kiến của nông dân đều giống nhau, nhưng ban quản trị hợp tác xã và một số đội trưởng lo ngại không quản lý được sản phẩm. Đồng chí cho rằng, khoán sẽ giải quyết được lợi ích của người lao động, tạo ra động lực sản xuất; động cơ lợi ích của người lao động được tái tạo sẽ xóa được mọi tiêu cực trong sản xuất và cả trong quản lý nông nghiệp.

Trên cơ sở thực tiễn với những kết luận đó, đồng chí Võ Chí Công viết thư cho đồng chí Hoàng Quy, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú, đề nghị cho làm thí điểm khoán đến người lao động trong một số hợp tác xã ở Vĩnh Phú.

Tháng 5-1980, được Tỉnh ủy Vĩnh Phú nhất trí, đồng chí cùng hai cán bộ của Bộ Nông nghiệp đi Vĩnh Phú tổ chức họp với một số đồng chí tỉnh ủy viên và Huyện ủy Vĩnh Lạc bàn kỹ cách làm khoán cây lúa đến người lao động và quyết định chọn Hợp tác xã Thổ Tang và Hợp tác xã Đồng Văn (huyện Vĩnh Lạc) làm thí điểm. Phương thức khoán là hộ xã viên chịu trách nhiệm ba khâu là gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch; hợp tác xã chịu trách nhiệm khâu giống, phân bón, nước, làm đất, bảo vệ thực vật¹. Đồng chí Võ Chí Công đề nghị tỉnh Vĩnh Phú cho để lại địa phương hai cán bộ

1. Xem Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (1930 - 2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 479.

của Bộ Nông nghiệp để trực tiếp theo dõi hai hợp tác xã thực hiện, thỉnh thoảng đồng chí đến kiểm tra tình hình và góp ý kiến.

Phương thức khoán mới được thực hiện thí điểm tại hai hợp tác xã ở Vĩnh Phú đã phát huy tác dụng. Trước tình hình đó, một số hợp tác xã trong huyện Vĩnh Lạc cũng tự thực hiện phương thức khoán sản phẩm cây lúa, cây màu.

Đến vụ thu hoạch xong, đồng chí Võ Chí Công tới huyện Vĩnh Lạc cùng các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phú và Huyện ủy Vĩnh Lạc họp sơ kết rút kinh nghiệm. Kết quả thấy rõ, làm khoán mới được tiến hành ở nửa huyện nhưng năng suất và sản lượng tăng lên trên 20% so với hợp tác xã chưa khoán; số lượng lao động, ngày công lao động tăng 20 - 25%, tinh thần nhân dân phấn khởi, các hiện tượng tiêu cực như chây lười, thiếu trách nhiệm trong lao động sản xuất không còn.

Đánh giá kết quả đó về nhiều mặt, đồng chí Võ Chí Công động viên và chỉ đạo nên thực hiện khoán mới trong toàn huyện ở vụ mùa tiếp theo và cho rằng nếu có cán bộ trực tiếp hướng dẫn, có hội nghị tập huấn chỉ đạo chặt chẽ, có thể làm hết trong tỉnh. Cuộc họp sơ kết khoán ở Vĩnh Phú đã cho thấy hiệu quả của phương thức quản lý mới trong nông nghiệp. Bởi vậy, tháng 9-1980, Huyện ủy Vĩnh Lạc xây dựng kế hoạch khoán sản phẩm cây lúa cho người lao động và quyết định

thực hiện ở 38 - 45 hợp tác xã trong huyện từ vụ đông - xuân 1980 - 1981.

Cùng với việc tiến hành chỉ đạo thí điểm khoán ở Vĩnh Phú, đồng chí Võ Chí Công cũng đến Hải Phòng nghiên cứu thêm và tổ chức một hội nghị về khoán để rút kinh nghiệm về chỉ đạo và tổ chức khoán trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương này. Theo đồng chí, “cách làm có bài bản mới mang lại hiệu quả”¹.

Kết quả thí điểm khoán ở Vĩnh Phú và Hải Phòng đã cho hiệu quả rõ ràng nhưng đồng chí Võ Chí Công chưa quyết định báo cáo với Chính phủ, Ban Bí thư và Bộ Chính trị về kết quả khoán này. Trước ý kiến cho rằng thí điểm khoán là “làm chui”, đồng chí thẳng thắn nhận đây là lĩnh vực thuộc trách nhiệm của đồng chí, không làm trái đường lối, chủ trương của Đảng, hơn nữa đây mới là thí điểm.

Tuy nhiên, do lợi ích của nó, phong trào khoán bắt đầu nở rộ và trở thành cơ sở thực tiễn để Bộ Chính trị và Chính phủ nghiên cứu, xem xét. Trước sự biến chuyển tốt của tình hình sản xuất nông nghiệp, đồng chí đề nghị Ban Bí thư: trong khi chờ quyết định chính thức của Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần có một thông báo nhằm xác định tính pháp lý của khoán mới trong các hợp tác xã nông nghiệp ở nước ta.

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.297.

Ngày 21-10-1980, Ban Bí thư ra Thông báo số 22-TB/TW về “Kết luận của Ban Bí thư về một số công tác trước mắt trong việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng huyện ở đồng bằng và trung du miền Bắc”¹. Theo đó, xã viên có quyền chọn cách làm ăn, cách khoán trong hợp tác xã của mình. Thông báo số 22 đã tạo ra động lực mạnh mẽ trong lao động sản xuất nông nghiệp ở nước ta. Đây cũng là cơ sở để Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (họp vào tháng 12-1980) ra Nghị quyết số 34-NQ/TW “Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981”² quyết định mở rộng việc hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp.

Trên cơ sở Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng và kiến nghị của đồng chí Võ Chí Công, Bộ Chính trị giao cho đồng chí Lê Thanh Nghị và đồng chí Võ Chí Công xây dựng Chỉ thị 100. Đồng chí Võ Chí Công được phân công trực tiếp chỉ đạo xây dựng dự thảo Chỉ thị 100 để đưa ra thảo luận trong Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nhưng cái mới ra đời bao giờ cũng gặp những khó khăn. Khi được đưa ra, vấn đề khoán có nhiều ý kiến phản đối gay gắt và bị xem như phá hợp tác xã, xóa bỏ thành quả 20 năm xây

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t.41, tr. 391-406, 567-572.

dựng hợp tác xã của Đảng, phá hoại cơ sở xã hội chủ nghĩa ở nông thôn và đi đến chủ nghĩa xét lại...

Để đi đến kết luận, từ ngày 3 đến ngày 7-1-1981, Ban Bí thư triệu tập hội nghị tổ chức tại Hải Phòng, thành phố đã công khai chuyển toàn bộ nông thôn ngoại thành sang khoán sản phẩm, loại bỏ hoàn toàn khoán việc¹.

Hội nghị đã thảo luận sôi nổi và có phần gay gắt, nhất là về vấn đề khoán sản phẩm tác động như thế nào đến sự tồn tại của hợp tác xã và chủ nghĩa xã hội. Sau khi nghe các ý kiến khác nhau, đến ngày thứ ba của hội nghị, đồng chí Võ Chí Công mới phát biểu ý kiến. Đồng chí thẳng thắn nói rõ quan điểm của mình là phải lấy thực tiễn làm thước đo chân lý. Lãnh đạo phải bám sát cơ sở, phải gần dân, nghe dân và khẳng định rằng tình trạng tiêu cực trong sản xuất là do ta áp đặt khoán việc, bắt buộc hợp tác xã nông nghiệp phải làm theo dù nông dân không muốn làm. Nông dân không chấp nhận khoán việc, chỉ làm chiếu lệ, lại cho là nông dân chưa tiếp thu cái mới và kéo dài nhiều năm vẫn không quan tâm đến nguyện vọng chính đáng của nông dân. Dân đói, cuối cùng phải tự tìm cách làm ăn

1. Hội nghị do đồng chí Lê Thanh Nghị - Thường trực Ban Bí thư chủ trì. Tham dự hội nghị, ngoài các đại biểu cơ quan trung ương, tỉnh, thành, còn có 121 đoàn của huyện và 16 đoàn của xã cùng với nhiều cán bộ khoa học, quản lý, chuyên gia đầu ngành.

no cơm, ấm áo, ta lại cấm, bắt quay về với khoán việc nên đành chịu.

Đặt vấn đề tại sao sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp trì trệ, đồng chí chỉ rõ: do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết là giá trị ngày công quá thấp, thu nhập của nông dân không đủ sống ở mức tối thiểu, thiếu ăn quanh năm không đảm bảo tái sản xuất sức lao động. Khoán việc có ưu điểm nhưng lại nhiều nhược điểm, không gắn lao động sản xuất với sản phẩm cuối cùng, chỉ chạy theo công điểm chứ không nhằm vào sản phẩm làm ra. Mọi việc, kể cả họp hành, huấn luyện, hoạt động thể thao, văn nghệ... đều tính thành công điểm để cuối vụ chia thóc, vì vậy phổ biến tệ nạn “thằng còng làm, thằng ngay ăn”...

Đồng chí cho rằng khoán mới, khoán sản phẩm từ trong nông dân mà ra, không những mang lại lợi ích cho Nhà nước và tập thể mà người lao động cũng đủ ăn, thừa ăn và đã trở thành phong trào quần chúng. Lãnh đạo phải suy nghĩ: đã là nguyện vọng của quần chúng thì phải tiếp thu, không nên chống lại. Phải tôn trọng quyền kinh tế của nông dân, có quyền kinh doanh lợi cho cả ba lợi ích, không trói buộc nông dân. Công nông là chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước, “không thể trói buộc chỗ dựa của mình”¹. Đồng thời,

1. Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, Sđd*, tr. 478-483.

đồng chí phân tích rõ, khoán sản phẩm là hợp lòng dân, không làm tổn hại đến chủ nghĩa xã hội và khẳng định: “Việc khoán sản phẩm đến người lao động là phù hợp với quy luật khách quan và bước đi trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”¹.

Trình bày không có giấy tờ trên tay trong khoảng nửa giờ, đồng chí phân tích chỉ có một nguyên nhân hàng đầu gây nên tổn thất lớn ở miền Nam trước Đồng khởi năm 1960 đến “khoán chui”, khoán lúa năm 1980, hai thời kỳ của chiến tranh và hòa bình, là do lãnh đạo quan liêu, xa dân, xa cơ sở, rất chủ quan, không chịu lắng nghe dân, áp đặt chủ trương, mệnh lệnh, xa rời cuộc sống. Quan liêu biểu thị ngay tại hội nghị này, khoán việc vẫn tồn tại vững chắc với khoán sản phẩm, còn khoán hộ là mơ ước, là khát vọng cháy bỏng của nông dân lại cấm kỵ².

Kết thúc bài phát biểu, đồng chí đề nghị đại biểu nào có ý kiến khác thì trao đổi vì đây là diễn đàn tự do và gợi ý rằng: trước khi có Nghị quyết 15 cũng cọ xát ý kiến suốt mấy năm, tại hội nghị này một chỉ thị của Ban Bí thư đang soạn thảo, nội dung chỉ thị như thế

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 299.

2. Thái Duy (Trần Đình Vân): “Người đi tìm no ấm cho dân” in trong cuốn Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr. 483-484.

nào sẽ trên cơ sở quan điểm của các đại biểu. Ý kiến thẳng thắn và thuyết phục của đồng chí được hội nghị đồng tình, ủng hộ.

Dự thảo Chỉ thị 100 được đồng chí Võ Chí Công chuẩn bị xong. Vấn đề tâm đắc của đồng chí trong dự thảo là “khoán đến người lao động” nhưng lại phải thêm “khoán đến nhóm người”¹. Để có thể thực hiện được và nhằm thúc đẩy tiến trình đổi mới trong sản xuất nông nghiệp, đồng chí chấp nhận ý kiến về khoán nhóm để Chỉ thị 100 nhanh chóng được ban hành².

Ngày 13-1-1981, sau hội nghị ở Hải Phòng một tuần, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100-CT/TW về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng “khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động” trong hợp tác xã nông nghiệp”³.

1. Thực chất của khoán nhóm vẫn là khoán đội, khoán việc theo kiểu cũ. Nhưng có thể xem một hộ có mấy người lao động cũng là “nhóm người” và “người lao động” có thể là hộ độc thân. Đó là cách xử lý linh hoạt để ban hành được văn bản khi chưa có được nhất trí ngay và hoàn toàn trong cơ quan lãnh đạo.

2. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Cuối cùng tôi thỏa hiệp để cho Chỉ thị 100 được ban hành. Tháng 11-1981, Chỉ thị 100 ban hành, các địa phương, các cấp và quần chúng nhiệt liệt tán thành, phong trào khoán mới sôi nổi phấn khởi đi vào thực tế, cuối cùng là khoán đến người lao động, những ý kiến khác với Chỉ thị 100 cũng biến mất” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.298).

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.42, tr.25-35.

Đón nhận Chỉ thị 100-CT/TW, các địa phương, các cấp, ngành và nhân dân nhiệt liệt tán thành, phong trào khoán mới đi vào thực tiễn. Có thể nói, đến lúc này, chưa có một chủ trương nào của Đảng trên mặt trận nông nghiệp lại được nhân dân tiếp nhận mau chóng và phấn khởi như vậy. Cả nước nổi lên một phong trào khoán mới với khí thế lao động sản xuất chưa từng có, đưa lại kết quả thiết thực, mở ra nhiều triển vọng tốt đẹp¹.

Sản xuất nông nghiệp của nước ta chủ yếu là lao động thủ công, gắn với ruộng đất. Nhờ khoán mới nên thực hiện tốt tăng vụ, mở rộng diện tích, thâm canh, cơ sở vật chất - kỹ thuật, quy trình kỹ thuật được phát huy, khoa học kỹ thuật được áp dụng, thực hiện tốt ba lợi ích, trước hết là lợi ích thiết thân của người lao động. Trước đây, phân phối lao động theo chủ nghĩa bình quân không khuyến khích lợi ích của người lao động, nên họ không quan tâm đến sản phẩm làm ra. Phân phối

1. Chỉ riêng vụ đông - xuân ở miền Bắc năm 1981, sản lượng lương thực tăng bình quân 15%, có nơi tăng 25 - 30%, một số hợp tác xã tăng 40%, phát huy được tiềm năng đất đai, lao động, tiết kiệm được chi phí sản xuất, sức lao động tăng rõ rệt, số người tham gia lao động sản xuất tăng lên trên 10%, ngày công, giờ công lao động tăng lên 25 - 30%, thời gian lao động chung tăng lên 50%, người lao động làm việc có tinh thần trách nhiệm, tự giác, có kỹ thuật.

bình quân đã làm mất đi sự gắn bó với ruộng đất, làm mất đi truyền thống cần cù, chăm chỉ đã ngàn đời vun đắp, tạo ra sự thờ ơ, lười biếng của người nông dân. Khoán sản phẩm, lợi ích của người lao động tăng lên và các lợi ích khác đã làm cho người nông dân trở lại với truyền thống lao động cần cù của mình, đồng thời cũng đòi hỏi phải chọn người có đủ phẩm chất, năng lực để quản lý sản xuất.

Thực tiễn của kết quả khoán đến người lao động đã bác bỏ những ý kiến khác đối với Chỉ thị 100. Chỉ thị 100 chưa phải tư duy mới hoàn chỉnh và cơ chế quản lý rõ ràng, nhưng từ thực tế đó đã dần hình thành tư duy mới, cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp ở nước ta.

Việc khoán sản phẩm đến người lao động là phù hợp với quy luật khách quan và bước đi trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là sự điều chỉnh một bước về quan hệ sản xuất phải phù hợp trình độ của lực lượng sản xuất, do đó đáp ứng được nguyện vọng của nông dân, tạo ra một động lực mạnh mẽ trong phong trào phát triển sản xuất, phân công, sử dụng lao động một cách hiệu quả. Việc nào làm tập trung có điều kiện và kết quả hơn, lợi ích hơn thì tập trung; việc gì làm từng gia đình, từng người có kết quả hơn thì phân công từng nhà, từng lao động, trong một gia đình sử dụng được hết sức lao động khác nhau và tránh được tình trạng “cha chung không ai khóc”.

Triển khai chủ trương khoán mới, trước hết là tập trung khoán sản phẩm cho người lao động canh tác cây lúa rồi mở rộng ra cả các loại cây màu, cây công nghiệp dài ngày cũng như ngắn ngày, đến chăn nuôi, cơ khí công nghiệp, chế biến, công, nông trường.

Bởi vậy, sau một thời gian làm thí điểm với cây lúa, đồng chí Võ Chí Công đề nghị tổ chức hội nghị toàn quốc khối nông, lâm, thủy lợi, thủy sản nhằm sơ kết khoán sản phẩm và bàn công việc tiến hành tiếp theo. Hội nghị này đã xác định tùy theo từng lĩnh vực mà có hình thức khoán sản phẩm cuối cùng cho người lao động: trong nông nghiệp là khâu làm đất bằng máy; trong lâm nghiệp là khoán trồng, chăm sóc, khai thác, vận chuyển; trong ngư nghiệp là khoán cho từng thuyền, từng tàu đi trong một chuyến (hợp tác xã ngư nghiệp trước làm quá lớn, nay chia nhỏ để quản lý). Nói chung là phải vận dụng linh hoạt tùy theo lĩnh vực. Với chủ trương đó, các lĩnh vực đều mở rộng nhanh, đều có phong trào sôi nổi trong khoán sản phẩm cuối cùng đến người lao động. Khoán chẳng những thúc đẩy sản xuất phát triển mạnh mẽ mà còn cải tiến mối quan hệ về làm chủ tư liệu sản xuất, làm chủ quản lý sản xuất kinh doanh, làm chủ phân phối - những quyền mà trước đây chỉ là hình thức vì do ban quản trị hợp tác xã chi phối.

Tác dụng tích cực của Chỉ thị 100 trong sản xuất nông nghiệp đã tác động tới lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Ngày 21-1-1981, Hội đồng Chính phủ

ban hành Quyết định số 25/CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm tiếp tục phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26/CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng các hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.

Khoán sản phẩm là sáng kiến của quần chúng nông dân nhưng lịch sử ghi nhận công lao to lớn của đồng chí Võ Chí Công là một người lãnh đạo sâu sát với thực tiễn, bằng sự năng động của mình, đã tổng hợp những sáng kiến và kinh nghiệm của nông dân, đề xuất với Đảng và Nhà nước đưa ra những giải pháp đột phá nhằm tháo gỡ khó khăn trong nông nghiệp nói chung và quản lý hợp tác xã nói riêng, góp phần mở đường đổi mới trong lĩnh vực nông nghiệp nước ta.

Tháng 7-1981, đồng chí Võ Chí Công trúng cử đại biểu Quốc hội khóa VII.

2. Đổi mới hoạt động của Đảng

Sau 5 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thống nhất, vượt qua nhiều khó khăn chồng chất thực hiện nhiệm vụ ổn định chính trị - xã hội, khôi phục kinh tế - văn hóa sau chiến tranh giải phóng, lại phải trải qua cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới ở hai đầu đất nước, nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Tuy nhiên, đất nước cũng đứng trước nhiều khó khăn mới do

điều kiện khách quan và chủ quan, nhất là công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước phạm nhiều sai lầm, khuyết điểm. Thực trạng đó đòi hỏi Đảng phải kiểm điểm lại đường lối, chủ trương, đánh giá khách quan thành tựu và khuyết điểm, giải quyết đúng những vấn đề quan trọng và cấp bách về xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, về sản xuất và đời sống... nhằm tiếp tục đưa cách mạng nước ta tiến lên.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã được tổ chức tại Hà Nội. Đồng chí Võ Chí Công tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

Ngày 17-4-1982, Bộ Chính trị họp và phân công đồng chí Võ Chí Công thôi giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sang làm Thường trực Ban Bí thư¹.

Trên trọng trách mới, đồng chí Võ Chí Công khẩn trương cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội V của Đảng. Trước hết, đồng chí trực tiếp chỉ đạo khẩn trương chuẩn bị nội dung, tài liệu cho Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xây dựng Chương trình công tác và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương.

1. Ngày 26-4-1982, Ban Bí thư ra Thông báo "Về việc phân công các đồng chí trong Bộ Chính trị". Đồng chí Võ Chí Công được phân công làm Thường trực Ban Bí thư.

Ngày 2-7-1982, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) đã họp thảo luận và thông qua Chương trình công tác toàn khóa và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ V. Đây là lần đầu tiên Đảng ta dành riêng một hội nghị đi sâu vào bàn bạc, xác định và thông qua Chương trình công tác và định ra Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Sở dĩ như vậy là “... xuất phát từ chỗ chúng ta rất coi trọng việc cải tiến lề lối làm việc để nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng, của các cơ quan đầu não của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư... là yêu cầu và cũng là một tiền đề quan trọng để chuyển biến tình hình các mặt công tác hiện nay... cũng là một trong những điều mà cán bộ, đảng viên mong đợi ở Ban Chấp hành Trung ương khóa này”¹.

Chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được Hội nghị lần thứ hai xác định lại, trong đó, theo quy định sau 5 năm, tức năm 1987, sẽ tổ chức Đại hội VI, nhưng vì chiến lược kinh tế dài hạn và kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1986 - 1990) lại phải xét duyệt và thông qua cuối năm 1985 hoặc đầu năm 1986, nên Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương rút ngắn nhiệm kỳ V khoảng 1 năm để Đại hội lần thứ VI họp vào đầu năm 1986 cho khớp với kế hoạch 5 năm.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr. 464-465.

Hội nghị cũng thông qua trong toàn khóa sẽ có 10 hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương. Từ sau Hội nghị lần thứ hai còn chín hội nghị toàn thể để cụ thể hóa các nghị quyết của Đại hội V. Nội dung của các hội nghị Trung ương chia thành ba loại vấn đề là:

1) Những chuyên đề lớn như: phát triển sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là lương thực, thực phẩm và cải tạo nông nghiệp; sản xuất hàng tiêu dùng và cải tạo công thương nghiệp; chương trình phát triển năng lượng (điện, than, dầu khí); công tác phân phối lưu thông (cải cách giá cả, tiền lương, tiền tệ); cải tiến quản lý kinh tế; công tác tư tưởng, văn hóa.

2) Về kế hoạch nhà nước gồm: kế hoạch 3 năm (1983 - 1985) và kế hoạch các năm 1983, 1984, 1985, 1986; chiến lược kinh tế dài hạn và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chủ trương, biện pháp của kế hoạch 1986 - 1990.

3) Chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng: nội dung các văn kiện trình ra Đại hội; nhân sự Ban Chấp hành Trung ương mới và những vấn đề quan trọng khác về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, công tác quần chúng thì Trung ương giao cho Bộ Chính trị bàn và giải quyết.

Hội nghị đã quyết định dự kiến nội dung các hội nghị Trung ương một cách cụ thể theo kế hoạch thời gian và nội dung trên¹.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr. 469.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) đã thảo luận và thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương nhằm mục tiêu “tạo ra sự chuyển biến về mọi mặt hoạt động của Đảng và Nhà nước”¹, với yêu cầu phải thể hiện đầy đủ nguyên tắc leninist trong sinh hoạt đảng là:

1) Tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2) Thể hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ.

3) Thống nhất giữa tính cách mạng và tính khoa học trong phương pháp công tác và chế độ làm việc.

4) Gắn liền thực hiện Quy chế với kiện toàn tổ chức.

Theo đó, Quy chế quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương bao gồm:

1) Trách nhiệm của tập thể Ban Chấp hành Trung ương; Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; Bộ Chính trị; Ban Bí thư.

2) Trách nhiệm, quyền hạn của cá nhân trong Ban Chấp hành Trung ương gồm: Tổng Bí thư; các ủy viên Bộ Chính trị; các đồng chí Bí thư, các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

3) Các cơ quan nhà nước, các đoàn thể đối với sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng: Quốc hội,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr. 472.

Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng và các đoàn thể quần chúng.

Quy chế cũng xác định về phương pháp công tác và chế độ làm việc như: chế độ thông tin trong Ban Chấp hành Trung ương; chế độ lập và thực hiện chương trình công tác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư; chế độ chuẩn bị các quyết định và về tiến hành hội nghị và ra nghị quyết. Quy chế cũng xác định việc đảm bảo hiệu lực tổ chức thực hiện các quyết định và dành riêng một phần nói rõ về việc “nâng cao trình độ lãnh đạo của Trung ương”. Theo đó, có chế độ học tập; phê bình, tự phê bình; chế độ liên hệ thực tế, tiếp xúc với quần chúng và gặp cán bộ; chế độ làm việc với các cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc.

Quy chế cũng dành riêng một phần nói rõ về việc “kiện toàn cơ quan tham mưu và quản lý quy chế làm việc của Trung ương”¹.

Về trách nhiệm và quyền hạn của Thường trực Ban Bí thư mà đồng chí Võ Chí Công đảm nhiệm, Quy chế ghi rõ: “Nhiệm vụ chủ yếu của đồng chí Thường trực Ban Bí thư là: giải quyết công việc hàng ngày không thuộc đồng chí bí thư nào phụ trách; theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc của Trung ương; phối hợp hoạt động giữa các đồng chí bí thư và trao đổi

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr. 496-497.

những vấn đề có liên quan đến các đồng chí bí thư chịu trách nhiệm về từng lĩnh vực khi cần thiết; chỉ đạo công tác của Văn phòng Trung ương”¹.

Tháng 7-1983, triển khai thực hiện nội dung của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), để chế độ làm việc của các cấp đi vào nền nếp, đồng chí Võ Chí Công triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn quốc các phó bí thư và chánh văn phòng tỉnh ủy, thành ủy, họp tại Đà Nẵng. Đây là lần đầu tiên có cuộc họp chuyên đề về công tác của thường trực cấp ủy. Cuộc thảo luận tại Hội nghị đã xác định rõ chức trách, thẩm quyền của phó bí thư thường trực, về quan hệ giữa phó bí thư thường trực với bí thư, với các ủy viên thường vụ, với chánh văn phòng; về việc xây dựng quy chế nhằm định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng chức danh, từng người để không trùng lặp công việc và không lỏng lẻo về trách nhiệm.

Với thành công của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) và Hội nghị toàn quốc các phó bí thư và chánh văn phòng tỉnh ủy, thành ủy họp tại Đà Nẵng, Đảng ta đã có chuyển biến mới trong mọi hoạt động của mình, đặc biệt là trong điều kiện Đảng cầm quyền, lãnh đạo đất nước xây dựng chế độ mới khoa học và phát triển lên chủ nghĩa xã hội.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr. 480.

Đây cũng là những tiên đề cho mọi hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được thực hiện một cách khoa học theo chương trình, kế hoạch cụ thể.

Ngày 6-7-1982, phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Trường Chinh - Ủy viên Bộ Chính trị, đã đánh giá: “Ban Chấp hành Trung ương định ra được chương trình và quy chế làm việc của Trung ương... là một tiến bộ đáng kể; nó mở ra khả năng mới để khắc phục những vi phạm nguyên tắc của Đảng, tạo ra bước phát triển mới trong năng lực lãnh đạo của Trung ương và của toàn Đảng, củng cố tổ chức đảng, sớm đi đến những quyết định có hiệu lực đối với các vấn đề cấp bách và vô cùng phức tạp đang đặt ra trước mắt chúng ta”¹.

Khả năng và triển vọng đó có những đóng góp quan trọng của đồng chí Võ Chí Công trong vai trò Thường trực Ban Bí thư với nhiệm vụ trực tiếp chuẩn bị nội dung và tổ chức cho thành công của hội nghị quan trọng này.

Tháng 1-1984, sau Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn về công tác tư tưởng và tổ chức, thấy rõ những khuyết điểm của công tác tư tưởng và tổ chức là một trở ngại lớn cho việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng chí Võ Chí Công

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.43, tr. 502.

chỉ đạo triệu tập cuộc họp với cán bộ đảng các cơ quan Trung ương.

Phát biểu tại hội nghị, đồng chí nhấn mạnh việc phải tiến hành đấu tranh chống tư tưởng quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ, đồng thời phải chống lại sự tàn mạn, vô tổ chức, vô kỷ luật trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng chí cho rằng, đây là cuộc đấu tranh giằng co với nhau và ở từng cấp, từng người, mặt này hoặc mặt kia nặng hơn và ở một số cơ quan cấp trên, quan liêu, bao cấp và bảo thủ, trì trệ nặng hơn cần phải khắc phục cho được. Tình trạng đó thể hiện trong thực tế là, trong khoán nông nghiệp, cứ nghĩ rằng khi phong trào quần chúng đã lên, sản xuất đã phát triển thì không ai chống đối lại khoán sản phẩm nữa, nhưng vẫn còn có người chống lại chủ trương đó của Đảng¹.

Tháng 5-1985, Bộ Chính trị họp về vấn đề giá, lương, tiền. Phát biểu tại hội nghị, đồng chí Võ Chí Công lại nhắc tới vấn đề các cấp, ngành, địa phương phải thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng và nhấn mạnh rằng: Nền kinh tế của ta phải thực hiện khoán trong các lĩnh vực, các cấp, đến từng đơn vị, từng người lao động để tạo ra động lực mạnh mới làm ăn có

1. Xem Nguyễn Khánh: “Một nhà lãnh đạo bình dị, khiêm tốn, luôn ủng hộ cái mới” in trong cuốn Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr. 84-85.

hiệu quả. Phải bắt buộc các ngành, các cấp xóa hẳn kiểu quản lý kinh tế bao cấp hành chính, chuyển sang kinh doanh hạch toán. Các bộ làm kinh tế phải làm đúng chức năng của hệ thống quản lý nhà nước, không được dãi tay cản trở đơn vị sản xuất kinh doanh. Các tổng công ty, công ty, liên hiệp xí nghiệp phải đi sâu vào kinh doanh hạch toán thực sự. Bắt buộc các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở và từng người phải tính toán lỗ lãi, có trách nhiệm lời ăn lỗ chịu...¹.

Để triển khai vào thực tiễn có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, đồng chí Võ Chí Công rất chú ý đến vai trò quan trọng của tổ chức cơ sở đảng và vấn đề lề lối làm việc của tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện và yêu cầu mới của đất nước. Bởi vậy, sau khi chuẩn bị và trình Ban Bí thư, ngày 12-6-1985, đồng chí Võ Chí Công ký Chỉ thị số 64-CT/TW “Về tăng cường trách nhiệm, nâng cao sức chiến đấu của các đảng bộ cơ sở phường và xây dựng các đảng bộ phường, quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh) vững mạnh”.

Chỉ thị nêu rõ: Để đạt được sự chuyển biến trong xây dựng phường, quận, kiện toàn cơ sở đảng ở các phường và xây dựng đảng bộ quận vững mạnh, cần

1. Xem Nguyễn Khánh: “Một nhà lãnh đạo bình dị, khiêm tốn, luôn ủng hộ cái mới” in trong cuốn Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr. 84-85.

phải xác định rõ trách nhiệm và ra sức nâng cao chất lượng lãnh đạo của đảng bộ phường; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, ra sức xây dựng chính quyền, các đoàn thể, các tập thể lao động và các lực lượng quốc phòng, an ninh vững mạnh; nâng cao sức chiến đấu của đảng bộ phường, xây dựng đảng bộ phường vững mạnh, trong sạch; bồi dưỡng, sử dụng tốt các lực lượng cán bộ ở phường; kiện toàn cấp quận, xây dựng đảng bộ quận vững mạnh và tăng cường sự chỉ đạo của cấp trên¹.

Tiếp theo đó, ngày 14-6-1985, để tăng cường trách nhiệm của tổ chức đảng ở cơ sở, đồng chí Võ Chí Công ký Quyết định số 55-QĐ/TW “Về quy chế làm việc của đảng bộ phường”. Quy chế nói rõ kết quả xây dựng phường, củng cố cơ sở đảng ở nội thành, nội thị còn chưa cao, những mặt non kém còn nhiều; việc xây dựng cấp phường còn là vấn đề mới... Để thực hiện tốt đường lối của Đảng, Quy chế xác định gồm 19 điều quy định rất cụ thể về chức năng, nhiệm vụ chung (1 điều) và những nhiệm vụ cụ thể (11 điều) của đảng bộ phường; về mối quan hệ trong thực hiện cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý ở phường (3 điều); về chế độ công tác (4 điều); và 1 điều khoản thi hành².

1, 2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.46, tr.142-151, 152-172.

Vào lúc cuộc đấu tranh giữa cái mới đang hình thành với cái cũ vẫn tồn tại dai dẳng trong đời sống và hoạt động của Đảng, những hoạt động tích cực, bài bản, khoa học của đồng chí Võ Chí Công đã tác động tích cực, mạnh mẽ tới sinh hoạt, hoạt động của Đảng ở các cấp trên mọi phương diện và góp phần quan trọng vào hiện thực hóa Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng cũng như cuộc đấu tranh đổi mới hoạt động của tổ chức đảng về cả tư tưởng, tổ chức, từ trung ương đến cơ sở.

3. Tham gia lãnh đạo đổi mới trong quản lý kinh tế

Trên cơ sở những cố gắng trong xây dựng kinh tế từ cuối nhiệm kỳ Đại hội IV, Đại hội V của Đảng đặt ra bốn mục tiêu quan trọng, trong đó mục tiêu hàng đầu là vấn đề ổn định dân dân, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; đồng thời tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Bởi vậy, trong toàn bộ chương trình hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V tập trung vào giải quyết các nhiệm vụ kinh tế theo chủ trương của Đại hội V. Tất cả những nội dung này đều phải được chuẩn bị chu đáo, do đó trách nhiệm của đồng chí Võ Chí Công trong vai trò là

Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng với nhiệm vụ chỉ đạo, tham mưu, chuẩn bị nội dung và tổ chức triển khai các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng rất quan trọng, nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng đã được thông qua tại Đại hội.

Tháng 12-1982, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) họp xác định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và mức phấn đấu cụ thể từ năm 1983 đến năm 1985; đồng thời quyết định một số vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, về phân cấp quản lý kinh tế, về công tác xây dựng và tăng cường cấp huyện. Đối với vấn đề lưu thông, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương phải thiết lập trật tự trong lĩnh vực này, nhanh chóng ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, trước hết là đời sống của công nhân, cán bộ, các lực lượng vũ trang. Trước mắt, cần phải nắm và tập trung nguồn lực, quản lý chặt chẽ tài chính, tiền tệ và giá cả; mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường quản lý thị trường...

Tháng 12-1983, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) được tổ chức để thông qua phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1984 và quyết định những chủ trương và biện pháp chấn chỉnh mặt trận lưu thông, phân phối.

Tháng 7-1984, để thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội đã được xác định tại Đại hội lần thứ V của Đảng và khắc phục nhiều khuyết điểm, nhược điểm trong

lãnh đạo thực hiện, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ sáu quyết định: phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tính chủ động, sáng tạo và mọi khả năng của cơ sở tổ chức lại sản xuất, từng bước xây dựng cơ chế quản lý mới, phân cấp quản lý đúng đắn; giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, đặc biệt là trên lĩnh vực thị trường, giá, lương, tiền nhằm phục vụ tốt cơ sở, đồng thời giải quyết đúng mối quan hệ phân phối trong nền kinh tế quốc dân.

Mặc dù những nghị quyết của các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã được triển khai vào thực tiễn, nhưng tình hình kinh tế, nhất là thị trường giá cả vẫn diễn biến xấu, tiền lương thực tế liên tục bị giảm sút. Vì vậy, tháng 6-1985, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ tám bàn về vấn đề giá, lương, tiền. Tại hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã quyết định phải *“đứt khoát xóa bỏ tập trung quan liêu - bao cấp, thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa”*¹, để đẩy mạnh được sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu, bao cấp trong giá và lương là yêu cầu cấp bách, là khâu đột phá có tính chất quyết định để chuyển nền kinh tế bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Ban Chấp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.46, tr. 116.

hành Trung ương Đảng cho rằng “việc đổi mới chính sách giá, lương và cơ chế quản lý kinh tế là sự thay đổi lớn có ý nghĩa cách mạng”¹. Trên cơ sở đó, ngày 17-6-1985, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V đã ra Nghị quyết số 25-NQ/TW “Về giá - lương - tiền”.

Ngày 10-8-1985, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 28-NQ/TW “Về việc phê chuẩn các phương án giá và lương”, cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V. Đây là công tác trung tâm, đột xuất của Đảng và Chính phủ năm 1985. Cuộc điều chỉnh lớn và toàn diện về giá, lương, tiền lần này phải tiến hành khẩn trương, kiên quyết nhưng phải tính toán thận trọng các phương án vững chắc gắn chặt với việc xây dựng và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới.

Ngày 20-6-1985, thay mặt Ban Bí thư, đồng chí Võ Chí Công đã ký Chỉ thị số 66-CT/TW “Về việc phổ biến và tuyên truyền Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng”. Chỉ thị nhấn mạnh tới ý nghĩa cách mạng của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng “không những trên lĩnh vực các chính sách giá - lương - tiền mà cả trên các lĩnh vực phân phối lưu thông, cơ chế kế hoạch hóa và quản lý kinh tế, cách lãnh đạo kinh tế của Đảng nhằm triệt để

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.46, tr. 133.

xóa bỏ cơ chế quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa”¹.

Mặc dù đã có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IV), nhất là từ khi có Chỉ thị số 100-CT/TW của Ban Bí thư, quan hệ sản xuất ở nông thôn đã có tiến bộ một bước, tuy nhiên, “công tác quản lý kinh tế cũng như việc thực hiện cơ chế khoán sản phẩm trong hợp tác xã còn những khuyết điểm quan trọng”² trong thực hiện cơ chế khoán, “bộ máy quản lý của hợp tác xã công kênh nặng nề, không phù hợp với cách thức quản lý mới, nhưng chưa được thay đổi”³.

Trước tình hình đó, để tiến hành đồng bộ và đẩy mạnh đổi mới quản lý kinh tế, ngày 17-6-1985, đồng chí Võ Chí Công, thay mặt Ban Bí thư ký Chỉ thị số 65-CT/TW “Về việc tiếp tục xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thủy sản, nông - lâm - diêm nghiệp và ngành nghề miền biển”.

Tiếp theo đó, ngày 22-6-1985, đồng chí Võ Chí Công ký Chỉ thị số 67-CT/TW của Ban Bí thư “Về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp”. Chỉ thị xác định: “Cần *chuyển hẳn công tác quản lý hợp tác xã* sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa,

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.46, tr. 137, 185, 186.

hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động đi đôi với việc xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện và sửa đổi một số chính sách của Nhà nước đối với hợp tác xã”¹. Theo đó, những nội dung cần thực hiện là: xác định và thực hiện cơ cấu kinh tế đúng đắn; xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, thực sự chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; hoàn thiện và mở rộng việc áp dụng cơ chế khoán sản phẩm; kết hợp chặt chẽ việc cải tiến quản lý kinh tế và hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm với tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã; củng cố hợp tác xã nông nghiệp về mặt tổ chức và phối hợp chặt chẽ hoạt động của các hợp tác xã sản xuất, mua bán, tín dụng ở nông thôn; tăng cường xây dựng huyện, làm cho cấp huyện đủ sức chỉ đạo và phục vụ các hợp tác xã đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm, phát triển sản xuất nông nghiệp².

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị và những chỉ thị của Ban Bí thư trong thời gian này tỏ rõ quyết tâm của Đảng ta nhằm xóa bỏ cơ chế quan

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.46, tr. 187.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.46, tr.188-193.

liều bao cấp trong quản lý kinh tế trên tất cả các lĩnh vực trong tình hình nền kinh tế đang biến động mạnh, có tác động to lớn đối với tiến trình đổi mới quản lý kinh tế ở nước ta. Tuy nhiên, trong chỉ đạo thực hiện do thiếu biện pháp đồng bộ và giải pháp cụ thể, tiến hành thiếu chuẩn bị chu đáo, không phù hợp với tình hình thực tế nên khi triển khai đưa vào cuộc sống đã phạm sai lầm nghiêm trọng, nhất là việc đổi tiền.

Ngày 14-9-1985, Nhà nước công bố đổi tiền theo tỷ lệ 10 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước cũ ăn 1 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước mới phục vụ cuộc cách mạng về giá và lương. Nhà nước đã cho phát hành thêm vào lưu thông một khối lượng lớn tiền tương đương với 1,38 lần khối lượng tiền mới đã phát hành trong đợt đổi tiền trước đó để phục vụ công cuộc cải cách lương và giá. Sau đổi tiền, tình hình phân phối càng thêm rối ren căng thẳng, vật giá tăng nhanh, ngân sách thâm hụt lớn, lạm phát tăng nhảy vọt, giá trị đồng tiền giảm sút, thị trường diễn biến phức tạp, tình hình đó không thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh và hạch toán kinh tế, chủ yếu là quốc doanh. Những hiện tượng tiêu cực trong phân phối, lưu thông phát triển. Bọn đầu cơ buôn lậu, bọn xấu lợi dụng cơ hội này hoạt động ráo riết. Định lợi dụng sơ hở của ta phá hoại, làm cho thị trường giá cả ngày càng rối loạn.

Nghiên cứu tình hình, đồng chí Võ Chí Công cho rằng phải hết sức tỉnh táo nhìn thẳng vào sự thật để xem xét cái đúng, cái sai và tìm ra nguyên nhân.

Phải thấy Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị là đúng, nhưng khuyết điểm chính dẫn đến hậu quả nghiêm trọng là ở công tác chỉ đạo thực hiện. Đó là việc không quán triệt đầy đủ hai nghị quyết nói trên, nhất là không nắm vững phương châm chỉ đạo của nghị quyết đã đề ra là phải xem đó là một quá trình phấn đấu toàn diện, phải làm từng bước vững chắc, nên đã phạm khuyết điểm chủ quan, nóng vội, sai lầm nghiêm trọng, thể hiện trong việc quyết định về tổ chức thực hiện các phương án giá - lương - tiền. Trước tình hình nền kinh tế mất cân đối nhiều mặt rất nghiêm trọng, việc cần thiết là phải soát xét toàn bộ quá trình, định ra những bước đi thích hợp, bàn kỹ nội dung từng bước, nhất là bước đầu cho sát thực tế và có những biện pháp đồng bộ bảo đảm để thực hiện, thì trái lại khi thực hiện chủ trương chuyển đổi đã đưa ra phương án vội vàng, tổng điều chỉnh một loạt vấn đề lớn ở mức cao, trong một thời gian ngắn mà đáng ra phải làm mấy bước và trong vài năm.

Đồng chí cũng nhận thấy chủ trương đổi tiền vội vã là sai lầm nghiêm trọng, gây chấn động về thị trường, lưu thông, giá cả, sản xuất, gây tâm lý hoang mang trong các tầng lớp nhân dân. Sau đổi tiền, trước những chấn động đó, nếu kiểm điểm đánh giá lại, nghiên cứu thận trọng, chưa làm dồn dập tiếp ngay giá - lương - tiền thì tình hình chắc đã hoàn toàn khác. Việc lớn và phức tạp như vậy, cần có thời gian chuẩn bị kỹ, song do

không đánh giá rõ tình hình, nên ta vẫn cố làm khi chưa đủ điều kiện. Việc chuyển sang hạch toán kinh doanh, xóa bù lỗ cũng phải làm từng bước, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở đi vào hạch toán. Sự tính toán sai lầm với lý giải của các nhà chuyên môn là phải triệt để xóa bù lỗ, phải “đưa hết đầu vào” rồi xử lý “đầu ra” theo chính sách, nên nâng giá vật tư lên và tính theo lượng thu giá mới, đưa giá lên để thu vào ngân sách, từ ngân sách để bù lỗ, lạm phát giảm được. Cần phải thấy là, từ đổi tiền đến giá, khi thực hiện lại dẫn tới hậu quả ngược lại: giá buôn vật tư, giá cước phí tăng lên 10 - 20 lần, đã gây ra biến động lớn, đẩy mọi thứ giá lên cao, ngân sách lại thâm hụt lớn hơn, lạm phát gấp nhiều lần, theo đó đồng tiền mất giá, lương trượt dài. Thêm vào đó, do chỉ đạo không chặt chẽ đã để các ngành, các cấp, các đơn vị và bọn đầu cơ, buôn lậu tăng giá vô tội vạ...¹.

Hệ thống lương mới thi hành từ ngày 1-9-1985 trong điều kiện sản xuất thị trường, giá cả tăng vọt, nâng lương danh nghĩa theo giá mới quá khả năng thu nhập quốc dân cho phép, đã khoét sâu mâu thuẫn giữa cung - cầu, tiền - hàng, gây thêm khó khăn cho ngân sách; tổng quỹ lương trước đây là 13 tỷ đồng, năm 1986 lên 35 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần, trong khi thu có 10 tỷ đồng, lương thực tế và đời sống người ăn lương tụt xuống. Đáng lẽ trong tình hình đó nên

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 345-346.

giải quyết bù giá vào lương, rồi tính toán kỹ để tăng lương qua nhiều bước, xử lý bất hợp lý của chế độ cung cấp hiện vật, giữ giá cho được để giữ lương.

Đồng chí Võ Chí Công cho rằng, trong thực hiện không quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị và còn nóng vội, không đi từng bước và chuẩn bị kỹ lưỡng, thận trọng nên gây ra rối loạn. Điều đó không khác gì mở một chiến dịch quân sự đánh địch mà không biết địch, biết ta, không có phương hướng rõ ràng, không tổ chức chuẩn bị chiến trường, lực lượng bảo đảm hậu cần, công tác tư tưởng, tổ chức, phương án tác chiến, v.v. nên bị động, không giữ được thế chủ động, lúng túng, rồi ren dần đến tình hình trở nên xấu đi¹.

Trước tình hình nói trên, từ ngày 29-10 đến ngày 1-11-1985, Bộ Chính trị đã họp kiểm điểm và bàn cách chỉ đạo trong thời gian tới.

Ngày 2-11-1985, đồng chí Võ Chí Công ký Thông báo số 68-TB/TW về “Ý kiến Bộ Chính trị trong cuộc họp ngày 29-10 – 1-11-1985, về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng”.

1. Đồng chí Võ Chí Công viết: “Bộ Chính trị về quan điểm, chủ trương và biện pháp, bước đi thì đúng, đã thể hiện rõ trong hai Nghị quyết tám và 28, nhưng đi vào cụ thể giá - lương - tiền vì các biện pháp quá phức tạp thì bị động với các nhà chuyên môn nghe họ thuyết trình, cường điệu, che lấp sự thật,... Bộ Chính trị họp bàn vấn đề này, ai cũng lo ngại, suy nghĩ ngẩn ngại, nhưng cuối cùng chấp nhận hơi miễn cưỡng” (Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký, Sđd, tr. 346-347)*).

Thông báo xác định: các phương án đã có nhưng “khi thi hành, đã bộc lộ một số khuyết điểm, chưa sát với thực tế, nhất là thực tế ở cơ sở. Trong tổ chức chỉ đạo việc thực hiện, khuyết điểm bao trùm nhất là chủ quan, nóng vội, tiến hành dồn dập một lúc cả ba vấn đề lớn giá - lương - tiền trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ, chu đáo về điều kiện vật chất, về chính sách chế độ, về tổ chức và cán bộ, về tuyên truyền giáo dục, về đánh địch”¹. Trên cơ sở đánh giá đó, Thông báo nêu lên phương hướng để “kiên quyết và kịp thời sửa chữa những thiếu sót trên” mà Bộ Chính trị đã chỉ ra trong việc tiếp tục triển khai thi hành Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Quán triệt tinh thần của Thông báo, đồng chí Võ Chí Công trực tiếp chỉ đạo việc thực hiện ý kiến của Bộ Chính trị. Trong thời gian này, đồng chí “phải làm việc ngày đêm chuẩn bị cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư giải quyết rất nhiều việc mới và khó, mà để giải quyết tốt những vấn đề gai góc có nhiều ý kiến khác nhau, phải trao đổi ý kiến riêng rất kỹ giữa đồng chí với từng đồng chí một trong Bộ Chính trị trước khi vào Hội nghị”².

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.46, tr. 292.

2. Nguyễn Khánh: “Một nhà lãnh đạo bình dị, khiêm tốn, luôn ủng hộ cái mới” in trong cuốn Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, Sđd*, tr.82.

Trong suốt cả năm 1985, tuần nào đồng chí cũng đến báo cáo tình hình chung, công việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư với Tổng Bí thư Lê Duẩn đang điều dưỡng ở khu biệt thự Hồ Tây. Mệt và căng thẳng nhưng đồng chí lúc nào cũng giữ thái độ bình tĩnh, vui vẻ, giải quyết công việc của Thường trực Đảng rất nhanh¹.

Cuối năm 1985, Bộ Chính trị thành lập Tiểu ban chuẩn bị đề án đổi mới quản lý kinh tế chung, cử đồng chí Võ Chí Công làm Trưởng ban.

Thực hiện nhiệm vụ này, đồng chí tiến hành phân công các thành viên Tiểu ban đi nhiều tỉnh, thành phố và đồng chí cũng trực tiếp đi 40 tỉnh, thành để nghe báo cáo thực tế của nhiều điển hình, gợi ý cho các cơ sở này phát biểu về cơ chế, chính sách. Trên cơ sở đó, đồng chí chỉ đạo tiến hành mở các cuộc hội nghị trưng cầu ý kiến nhiều cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu và trên cơ sở đó tổng kết một bước tình hình thực tiễn về quản lý kinh tế ở các cơ sở, xây dựng thành đề án, rồi gửi đến các cấp ủy tỉnh, thành, các ban, bộ, ngành Trung ương, lấy thêm ý kiến trước khi trình Bộ Chính trị.

Ngày 8-4-1986, sau khi đã thảo luận thận trọng, bổ sung và nhất trí cao về những vấn đề nêu ra trong đề án,

1. Xem Nguyễn Khánh: “Một nhà lãnh đạo bình dị, khiêm tốn, luôn ủng hộ cái mới” in trong cuốn Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng, Sđd*, tr. 82-83.

Bộ Chính trị quyết định ban hành Nghị quyết số 306-NQ/TW (dự thảo) “Về bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở”¹.

Nghị quyết số 306-NQ/TW của Bộ Chính trị nêu rõ, mặc dù đã thực hiện các nghị quyết sáu, bảy, tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), nhưng “... đến nay cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp về cơ bản chưa bị xóa bỏ; cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa chưa hình thành; các chính sách, chế độ đã lỗi thời đang gây cản trở cho sản xuất; các chế độ quản lý mới ban hành còn chấp vá, thiếu đồng bộ”². Vì vậy, Bộ Chính trị quyết định “phải kiên quyết xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, *bảo đảm đầy đủ quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở* dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước, đồng thời *đổi mới cơ chế quản lý chung*, nhằm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy mạnh mẽ động lực làm chủ của nhân dân lao động, nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của cơ sở và của các cấp, các ngành để đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, phát triển sản xuất, kinh doanh với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao”³.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr.53-81, 54, 55.

Nghị quyết chỉ rõ, vì tình hình đổi mới quản lý kinh tế “trong điều kiện nước ta đang ở chặng đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” nên phải vận dụng sáng tạo, sát hợp với thực tiễn những nguyên tắc cơ bản của chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm:

Một là, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế. Theo đó, phải thực hiện nhất quán việc đảm bảo quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở gắn với việc tăng cường hiệu lực lãnh đạo và quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước. Thực hiện việc đảm bảo và mở rộng quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở, phải thúc đẩy cải tiến và tăng cường sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước trung ương và sự phân cấp hợp lý giữa Trung ương và địa phương.

Hai là, việc bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở phải nhằm mục đích chuyển hoạt động của các xí nghiệp sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lấy kế hoạch làm trung tâm; vận dụng các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội, đồng thời sử dụng đúng đắn quy luật giá trị, các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, gắn sản xuất với lưu thông, thông qua các chính sách kinh tế đồng bộ, thích hợp và các hợp đồng kinh tế.

Ba là, gắn quyền hạn, lợi ích với trách nhiệm và nghĩa vụ; kết hợp hài hòa ba lợi ích: đảm bảo lợi ích toàn xã hội mà Nhà nước đại diện, chú ý thích đáng lợi ích của cơ sở và người lao động; thực hiện phân phối theo lao động phù hợp với tình hình và nhiệm vụ ở từng ngành, từng địa phương.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp trong quản lý, biện pháp kinh tế là cơ bản; sử dụng đúng đắn các biện pháp hành chính, tổ chức.

Năm là, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ nhằm phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm và sức mạnh của các ngành, các cấp cùng làm chủ, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng ngành và từng vùng, tạo điều kiện và đòi hỏi các đơn vị kinh tế hoạt động có hiệu quả.

Nghị quyết 306 nêu rõ những vấn đề cơ bản về cơ chế quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở bao gồm: các cơ sở kinh tế quốc doanh¹; kinh tế tiểu thủ công nghiệp; kinh tế gia đình và thành phần kinh tế cá thể, tư nhân trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp; đối với các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất và kinh tế cá thể trong nông nghiệp.

Trên cơ sở đó, ngày 23-4-1986, thay mặt Ban Bí thư, đồng chí Võ Chí Công ký Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư về việc thi hành Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị “Về đảm bảo quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở”. Đây là vấn đề

1. Với vấn đề: kế hoạch hóa; cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm, kể cả thông qua xuất nhập khẩu; quyền tự chủ tài chính của các xí nghiệp; về định giá; lao động, tiền lương; khoa học kỹ thuật; vấn đề thực hiện đúng đắn cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý và chế độ một thủ trưởng trong quản lý kinh tế cơ sở; về tổ chức liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh.

quá mới mẻ, nên trong Chỉ thị nêu rõ: “Tuy Nghị quyết còn là dự thảo nhưng Bộ Chính trị đã thảo luận kỹ, nhất trí và cho phép thực hiện rộng rãi, trừ một số điểm còn phải làm thử để kịp thời đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; sau một thời gian thực hiện sẽ bổ sung, hoàn chỉnh thành nghị quyết chính thức”¹.

Để thực hiện tốt Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị, Chỉ thị 83 của Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành cần phải làm ngay một số việc:

*Trước hết, “phải làm tốt việc nghiên cứu, quán triệt trong cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý chủ chốt và cán bộ nghiên cứu chính sách ở các cấp, các ngành và phổ biến rộng rãi nghị quyết trong toàn Đảng, toàn dân”*².

*Hai là, “phải giữ nghiêm kỷ luật chấp hành nghị quyết của Đảng”*³. Theo đó, phải rà soát và bãi bỏ các quy định, chế độ, thể lệ cũ không phù hợp với nội dung nghị quyết của Bộ Chính trị... Ngay trong tháng 5-1986, cần ban hành ngay tám văn bản pháp quy tạm thời của Hội đồng Bộ trưởng (đang gửi trưng cầu ý kiến các ngành, các địa phương) và những hướng dẫn của các ngành nhằm cụ thể hóa tám văn bản pháp quy đó; đồng thời gấp rút tổ chức nghiên cứu để ban hành các văn bản pháp quy khác...

*Ba là, phải “có chương trình hành động cụ thể nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị”*⁴. Theo đó,

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr. 91, 92, 94.

“chú trọng thực hiện chỉ đạo điểm; làm thử; tăng cường kiểm tra đi sát thực tế, giải quyết công việc tại chỗ; làm tốt việc thường xuyên sơ kết, tổng kết kinh nghiệm; và báo cáo lên Ban Bí thư”¹.

Tuy là dự thảo nhưng tinh thần và nội dung Nghị quyết 306 cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu tình hình thực tế nên Bộ Chính trị cho phép thi hành rộng rãi². Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư, do đồng chí Võ Chí Công ký, đã thúc đẩy việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 306 của Bộ Chính trị, mở ra giai đoạn đổi mới trong quản lý kinh tế ở nước ta.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là quá trình đổi mới toàn diện, đồng bộ, từng bước thích hợp, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, có chính sách và cơ cấu kinh tế hợp lý gắn với một chiến lược kinh tế - xã hội. Ngoài việc đổi mới cơ chế nông nghiệp làm trước, chọn khâu đổi mới quản lý kinh tế với các đơn vị kinh tế cơ sở doanh nghiệp nhà nước làm khâu đầu tiên là xuất phát từ vai trò rất quan trọng của đơn vị kinh tế cơ sở là nền tảng của tổ chức kinh tế - xã hội, nơi sản xuất của cải vật chất, phải tháo gỡ sự kìm hãm và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tạo ra sản phẩm thặng dư và

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t.47, tr. 94.

2. Trong Báo cáo chính trị của Đại hội VI, Nghị quyết 306 đã được đánh giá là có ý nghĩa đổi mới sâu sắc. Do đó dự thảo Nghị quyết 306 coi như nghị quyết chính thức.

nguồn vốn tích lũy, nơi tập trung các mối quan hệ kinh tế - xã hội, nơi nhân dân lao động thực hiện một cách trực tiếp quyền làm chủ tập thể dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Có bảo đảm quyền tự chủ của đơn vị kinh tế cơ sở, thực hiện đầy đủ quyền hạn và lợi ích, trách nhiệm và nghĩa vụ của nó thì sản xuất kinh doanh mới phát triển có hiệu quả, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Qua thực tiễn của một số đơn vị kinh tế cơ sở, một số ngành và địa phương đã bắt đầu từng bước đổi mới quản lý kinh tế theo phương hướng trên, nên đã vượt qua nhiều khó khăn, khắc phục được tình trạng trì trệ, giảm sút trước đây, đưa lại những hiệu quả thiết thực trong sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, qua việc đổi mới quản lý đối với các đơn vị kinh tế cơ sở, cũng phát hiện ra những sai lầm, khuyết điểm, những vấn đề bất hợp lý quá mức trở thành khuyết tật nặng nề trong quản lý kinh tế để nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý chung.

Những chủ trương đúng đắn của Đảng đã từng bước khắc phục nhiều trói buộc của cơ chế quản lý tập trung quan liêu hành chính, bao cấp, từng bước phát huy tư duy mới, quyền tự chủ và nâng cao trách nhiệm, tính năng động của các cơ sở, các cấp, các ngành, của các cán bộ và nhân dân lao động; khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng sẵn có để đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, tạo ra những chuyển biến mới đáng phấn khởi

trên mặt trận kinh tế, nhất là mặt trận nông nghiệp, có nhiều kết quả rõ rệt và đúc kết được nhiều kinh nghiệm quý báu.

Tuy vậy, cơ chế tập trung quan liêu hành chính, bao cấp về cơ bản vẫn chưa được xóa bỏ; cơ chế quản lý mới trong sản xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa chưa hình thành, các chính sách đã lỗi thời, đang cản trở sự phát triển sản xuất; các chế độ quản lý mới ban hành chấp vá, thiếu đồng bộ, sửa đổi ở dưới mà trên không sửa nên đưa lại kết quả thực tế có hạn, v.v.. Quản lý kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu, nặng về cấp phát và giao nộp, không gắn quyền hạn với trách nhiệm, lợi ích với nghĩa vụ. Bộ máy quản lý không phân biệt rõ hai chức năng quản lý. Phải có cơ chế quản lý phát huy được các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ (trước đây, thực tế chỉ còn hai thành phần kinh tế là quốc doanh và tập thể) thì mới giải phóng và phát triển mọi tiềm năng, mọi lực lượng sản xuất, kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác mới dần dần trở thành nền tảng. Lúc này, bên cạnh tình trạng tập trung quan liêu, những hiện tượng vô tổ chức, vô kỷ luật, vi phạm pháp luật, cục bộ bản vị khá phổ biến. Năng lực bộ máy quản lý còn hạn chế về trình độ, năng lực, tinh thần làm chủ trong công nhân viên còn thấp, đội ngũ cán bộ quản lý từ tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang cơ chế quản lý mới,

hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhưng còn mang tính tập quán, thói quen và bảo thủ, còn nhiều bỏ ngõ với cách quản lý mới. Tổ chức đảng và quần chúng trong cơ sở quốc doanh nhiều nơi chưa nhận thức rõ về cơ chế mới vì vậy phải ra sức khắc phục tình trạng trên, vừa chống tập trung quan liêu hành chính, bao cấp, vừa tăng cường nghiên cứu công tác quản lý thống nhất cần thiết của Nhà nước trung ương, việc bảo đảm quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở phải đặt trong mối quan hệ đó.

Đổi mới quản lý bắt đầu từ đơn vị kinh tế cơ sở như vậy có nghĩa là giải quyết lại mối quan hệ giữa Nhà nước và đơn vị kinh tế cơ sở. Đây là vấn đề quan trọng, phức tạp nhất, vì từ trước tới nay do Nhà nước quản lý, theo cơ chế hành chính, bao cấp, cơ sở không có quyền. Phân biệt cơ chế mới và cơ chế cũ là nền tảng ở tầm chiến lược của quá trình đổi mới cơ chế quản lý. Việc đổi mới cơ chế quản lý bắt đầu từ đơn vị kinh tế cơ sở, gắn liền với sự thay đổi sâu sắc trong nhận thức về đơn vị kinh tế cơ sở trên ba mặt: chức năng, mô hình tổ chức và quyền tự chủ của nó. Trong đó, mấu chốt là phải coi đơn vị kinh tế cơ sở là người sản xuất hàng hóa. Sự thay đổi quan niệm ấy thống nhất với quan điểm mới: coi nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế hàng hóa, thật sự chấp nhận và sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong cơ chế quản lý mới, đơn vị kinh tế cơ sở được đặt

trong hệ thống quản lý kế hoạch theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong cơ chế cũ, đơn vị kinh tế cơ sở không được coi là sản xuất hàng hóa, chức năng của nó bị hạn chế ở mặt công nghệ, kỹ thuật, là tổ chức sản xuất nội bộ, theo sự xếp đặt quyết định mọi việc khép kín, quyền tự chủ rất hẹp, vì chủ yếu hoạt động theo quan hệ dọc với trách nhiệm thừa hành mệnh lệnh cấp trên. Trong cơ chế mới, đơn vị kinh tế cơ sở chuyển sang làm chức năng người sản xuất hàng hóa, với mô hình mở rộng quy mô dọc, ngang (liên kết, liên doanh), với quyền tự chủ rộng rãi, tương ứng với chế độ tự chủ chịu trách nhiệm về kinh tế với mở rộng sản xuất kinh doanh có hiệu quả, phát huy vai trò chủ động trong sản xuất kinh doanh trong cơ cấu nhiều thành phần kinh tế, từ đó làm nền tảng cho hệ thống quản lý thống nhất, khắc phục cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

Tháng 6-1986, Hội đồng Bộ trưởng phân công đồng chí Võ Chí Công làm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng thường trực, phụ trách phân phối, lưu thông và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế¹. Đảm nhiệm trọng trách mới, đồng chí Võ Chí Công trực tiếp chỉ đạo thực hiện những chủ trương của Đảng nhằm thúc đẩy tiến trình từng bước đổi mới kinh tế ở nước ta.

1. Đồng chí Nguyễn Văn Linh thay đồng chí Võ Chí Công làm Thường trực Ban Bí thư.

Trong cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm 41 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 tổ chức tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, đồng chí Võ Chí Công đã đọc diễn văn với tiêu đề “Đoàn kết chặt chẽ chung quanh Trung ương Đảng, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược”. Sau khi nêu rõ, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thử thách trong công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, khoa học kỹ thuật, đặc biệt là những khó khăn về nguyên liệu, năng lượng, hàng hóa, tài chính, tiền tệ, giá cả và thị trường, toàn dân và toàn quân ta cần phải đoàn kết chung quanh Đảng, đồng chí nhấn mạnh: “Hơn bao giờ hết, sức mạnh đoàn kết của toàn dân là điều kiện bảo đảm quan trọng trong mọi thắng lợi mới của cách mạng”. Đồng thời, đồng chí cũng chỉ ra những yêu cầu cấp bách trước mắt cần giải quyết là “những vấn đề của lĩnh vực phân phối, lưu thông mà chúng ta có mắc sai lầm”, trong đó “trước hết phải từng bước ổn định giá cả và tiền lương thực tế”, do đó “phải phát triển sản xuất và làm chủ thị trường”, phải “nắm vững và vận dụng đúng quy luật giá trị trong tổng thể các quy luật đang phát sinh tác dụng trong xã hội nước ta thời kỳ quá độ”.

Đồng chí cũng khẳng định yêu cầu của cách mạng Việt Nam giai đoạn này là cần có sự đổi mới trong mọi lĩnh vực, mà trước hết là lĩnh vực kinh tế “nhằm tạo ra sức sống mới cho toàn xã hội”. Do đó, trước hết

“Đảng phải làm trong sạch đội ngũ của mình, làm trong sạch các cơ quan nhà nước, bảo đảm cho được quyền làm chủ của nhân dân”. “Đảng và Nhà nước kiên quyết sửa chữa những thiếu sót, sai lầm trong quản lý kinh tế - xã hội, tìm ra cách làm ăn mới, dựa vào nhân dân, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân lao động”¹.

Từ ngày 21 đến ngày 29-10-1985, về tham dự và chỉ đạo Đại hội đại biểu tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIV, đồng chí đã phân tích, đánh giá những hạn chế, khuyết điểm của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng về nhận thức lý luận và thực tiễn trong tổ chức thực hiện, trong phương pháp công tác quần chúng, công tác xây dựng Đảng về tư tưởng, tổ chức..., đồng thời, đồng chí cũng nói rõ những quan điểm đổi mới quan trọng về tư duy kinh tế của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiến đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI sắp tới.

Trong khoảng 10 năm chuyển mình của đất nước, từ chiến tranh sang xây dựng Tổ quốc, trên các cương vị công tác được Đảng và Nhà nước giao phó, với lập trường cách mạng kiên định vì lợi ích của nhân dân, bằng tư duy sáng tạo, khoa học, xuất phát từ thực tiễn với phong cách dân chủ, quần chúng, đồng chí Võ Chí Công đã góp phần to lớn trong tiến trình đổi mới hoạt

1. Báo Nhân Dân, số ra ngày 2-9-1986.

động của Đảng và mở đường đổi mới nền kinh tế ở nước ta, tạo ra những cơ sở thực tiễn và lý luận để Đảng ta tiến tới Đại hội lần thứ VI khẳng định và thực hiện đường lối đổi mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương VII

LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1991)

1. Đổi mới hoạt động của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội

Tháng 12-1986, tại Đại hội lần thứ VI của Đảng, đồng chí Võ Chí Công tiếp tục được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị. Để chuẩn bị nhân sự cho Quốc hội khóa VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI phân công đồng chí ứng cử chức Chủ tịch Hội đồng Nhà nước.

Ngày 19-4-1987, cuộc bầu cử Quốc hội khóa VIII được tiến hành trên toàn quốc, đồng chí Võ Chí Công trúng cử đại biểu Quốc hội.

Từ ngày 17 đến ngày 22-6-1987, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VIII đã bầu Hội đồng Nhà nước gồm 15 thành viên. Đồng chí Võ Chí Công được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhiệm kỳ 1987 - 1992.

Phát biểu trước Quốc hội tại phiên bế mạc kỳ họp thứ nhất, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công nêu rõ quan điểm: “Trên cơ sở thấm nhuần tư tưởng “lấy dân làm gốc”, thực hiện đúng phương châm “dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra”, cần bảo đảm cho Quốc hội và Hội đồng Nhà nước thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Hiến pháp và luật định, nhằm góp phần tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, xây dựng và thực hiện quyền làm chủ nhà nước của nhân dân lao động, khẩn trương và kịp thời thể chế hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng thành pháp luật và các chính sách, quy định phù hợp; đổi mới toàn diện cơ chế quản lý kinh tế, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn...”¹.

Đồng chí xác định rõ: “phải hướng trọng tâm công tác của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước vào việc thực hiện hai chức năng chủ yếu là lập pháp và giám sát, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện thắng lợi đường lối và chủ trương của Đảng; không ngừng cải tiến cách làm việc và nâng cao chất lượng các kỳ họp của Quốc hội, các phiên họp của Hội đồng Nhà nước đối với việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, việc thực hiện kế hoạch nhà nước, ngân sách nhà nước về tăng cường quản lý

1. Phát biểu của đồng chí Võ Chí Công tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VIII, báo *Quảng Nam - Đà Nẵng*, số ra ngày 25-6-1987.

kinh tế - xã hội bằng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo cho pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất trong cả nước, giữ vững kỷ cương Nhà nước”¹.

Những quan điểm và định hướng hoạt động của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước nêu trên đã được chính đồng chí Võ Chí Công thực hiện đầy trách nhiệm với trọng trách của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo Hiến pháp năm 1980, Hội đồng Nhà nước là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội, là Chủ tịch tập thể của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hội đồng Nhà nước thực hiện những nhiệm vụ và sử dụng những quyền hạn được Hiến pháp, các luật và nghị quyết của Quốc hội giao cho, quyết định những vấn đề quan trọng về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, giám sát việc thi hành Hiến pháp, các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và của Hội đồng Nhà nước thông qua, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Trong nhiệm kỳ Quốc hội khoá VIII chưa có Đảng đoàn Quốc hội, là Ủy viên Bộ Chính trị, trên cương vị là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Võ Chí Công được phân công phụ trách chung công tác của cả Quốc hội và

1. Phát biểu của đồng chí Võ Chí Công tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VIII, báo *Quảng Nam - Đà Nẵng*, số ra ngày 25-6-1987.

Hội đồng Nhà nước. Hơn nữa, đa số cán bộ công tác Quốc hội và Hội đồng Nhà nước đều kiêm nhiệm¹. Do đó, trách nhiệm rất nặng nề đặt lên vai đồng chí Võ Chí Công cũng như những thành viên khác của Hội đồng Nhà nước và các đại biểu Quốc hội khoá VIII.

Trong tình hình đó, đồng chí Võ Chí Công thấy phải tìm phương thức hoạt động của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội để thực hiện có hiệu quả đường lối đổi mới của Đảng, mà nhiệm vụ quan trọng trước hết của Hội đồng Nhà nước lúc này là tích cực và khẩn trương đẩy mạnh công tác lập hiến và lập pháp để thể chế hóa các nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VI thực hiện sứ mệnh mở đường cho công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta về mặt Nhà nước. Tiến hành đồng bộ và có hiệu quả các hoạt động nhằm thực hiện chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ do Hiến pháp quy định là lập hiến, lập pháp, giám sát, quyết định các vấn đề trọng đại về quốc kế dân sinh, về đối nội và đối ngoại, đáp ứng yêu cầu quản lý đất nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Hội đồng Nhà nước được Quốc hội bầu ra là cơ quan tối cao giữa hai kỳ họp Quốc hội có vai trò thực thi các quyết định của Quốc hội và những nhiệm vụ

1. Ngoài Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, chỉ có 4/6 Phó Chủ tịch, 1 Tổng thư ký, 2/7 Ủy viên Hội đồng Nhà nước; Chủ tịch Quốc hội, 2/5 Phó Chủ tịch Quốc hội hoạt động chuyên trách. Đa số đại biểu trong Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban Thường trực của Quốc hội là kiêm nhiệm, chỉ có một số người hoạt động chuyên trách.

được Quốc hội ủy quyền. Hội đồng Nhà nước làm việc thường xuyên, thực hiện quy chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Bởi vậy, vấn đề đồng chí Võ Chí Công quan tâm hàng đầu là đổi mới sinh hoạt và lề lối làm việc của Hội đồng Nhà nước trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa VIII theo đà phát triển và đổi mới hoạt động của Quốc hội nước ta.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, Hội đồng Nhà nước đã chủ động kiến nghị với Quốc hội về chương trình làm luật và theo chương trình đó, Hội đồng Nhà nước kiểm tra công tác chuẩn bị, xem xét nội dung các dự án luật bảo đảm chất lượng mới trình Quốc hội. Bởi vậy, mỗi kỳ họp của Hội đồng Nhà nước, các chủ dự án luật và các ủy ban chuyên trách của Quốc hội báo cáo nội dung các dự án luật để tập thể Hội đồng Nhà nước thảo luận dân chủ rồi trình ra Quốc hội quyết định theo đa số. Theo đó, mỗi thành viên trong Hội đồng Nhà nước phải nghiên cứu các dự thảo dự án luật, tham khảo ý kiến các chuyên gia, nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng luật của các nước để có chính kiến của mình trước Hội đồng Nhà nước. Theo ủy quyền của Quốc hội, trong khi các dự án luật chưa xây dựng hoàn thiện, Hội đồng Nhà nước phải đề ra việc xây dựng và ban hành các pháp lệnh đáp ứng kịp thời yêu cầu đổi mới quản lý kinh tế - xã hội, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động của đất nước, đưa dần việc quản lý đất nước theo pháp luật.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, trong nhiệm kỳ khóa VIII, Hội đồng Nhà nước đã xem xét và công bố 31 luật và bộ luật, ban hành 39 pháp lệnh. Trong đó có những bộ luật quan trọng, có vai trò mở đường về phát triển kinh tế của đất nước như Luật đất đai, Luật thuế xuất nhập khẩu, Luật đầu tư nước ngoài, Luật thuế lợi tức...

Đồng chí Võ Chí Công cũng đặc biệt quan tâm đến công tác kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là kiểm tra việc thi hành luật pháp. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí, các thành viên của Hội đồng Nhà nước được phân công có trách nhiệm thường xuyên đi các địa phương, xuống cơ sở để kiểm tra cụ thể từng chuyên đề nhằm đánh giá tình hình thực hiện, uốn nắn kịp thời những sai sót, lệch lạc và được báo cáo tại kỳ họp tập thể của Hội đồng Nhà nước xem xét, kết luận. Nhờ có kiểm tra thực tế và uốn nắn kịp thời của Hội đồng Nhà nước nên các cơ quan thi hành pháp luật đã cải tiến và sửa chữa được nhiều thiếu sót trong việc chấp hành luật như chấn chỉnh việc bắt giam trái phép, đảm bảo quyền dân chủ của công dân, cải tiến chế độ giam giữ với tội phạm, phát hiện những quyết định sai lệch của các cơ quan nhà nước trong các văn bản pháp quy và hướng dẫn đối với cấp dưới, v.v.. Việc giải quyết các kháng nghị của các án mức cao (tử hình, giảm án tù...), Hội đồng Nhà nước đã quyết định theo tinh thần tập thể. Tất cả các thành viên được nghe các cơ quan luật

pháp trình bày và bày tỏ chính kiến của mình trên từng vụ việc, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước quyết định theo tỷ lệ đa số tuyệt đối của thành viên.

Cùng với việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội đồng Nhà nước, đồng chí Võ Chí Công cùng với Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo và các đồng chí lãnh đạo khác của Hội đồng Nhà nước chú trọng đến việc đổi mới hoạt động, lề lối làm việc, từng bước nâng cao hiệu quả của các kỳ họp Quốc hội, của các cơ quan của Quốc hội, các đoàn đại biểu Quốc hội, các đại biểu Quốc hội, nhất là sự phối hợp chặt chẽ, hài hòa với Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo, người thực hiện điều hành và chủ tọa các phiên họp của Quốc hội.

Trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới, khối lượng công việc rất lớn về lập hiến và lập pháp cùng với nhiều công việc quan trọng khác của đất nước thuộc thẩm quyền của Hội đồng Nhà nước đều phải được xem xét, quyết định tại các phiên họp. Do đó, đồng chí Võ Chí Công rất quan tâm đến việc chỉ đạo tổ chức, điều hành các phiên họp Hội đồng Nhà nước để có hiệu quả, chất lượng và tiết kiệm thời gian¹. Bởi vậy, các cơ

1. Thông thường mỗi phiên họp, Hội đồng Nhà nước họp từ 2 - 3 ngày, và nhiều phiên họp chỉ 1 ngày. Để tiết kiệm thời gian họp mà vẫn bảo đảm tốt nội dung, đồng chí cho ý kiến và chỉ đạo việc chuẩn bị, tổ chức từng phiên họp và điều hành việc thảo luận chặt chẽ. Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước được giao nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Nhà nước theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc chuẩn bị, đảm bảo gửi đầy đủ tài liệu trước để chuẩn bị kỹ cho các phiên họp.

quan được giao chuẩn bị các nội dung của phiên họp phải thực hiện nghiêm túc và phần lớn các báo cáo, tờ trình đều do các Bộ trưởng trực tiếp trình bày. Các vấn đề thuộc chương trình phiên họp được tiến hành khẩn trương, tập trung vào những vấn đề chủ yếu và trên cơ sở tổng hợp các ý kiến phát biểu một cách dân chủ, có chính kiến riêng, đồng chí Võ Chí Công kết luận ngắn gọn, súc tích. Cách làm việc đó là nguyên nhân trực tiếp giúp cho Hội đồng Nhà nước giải quyết có hiệu quả khối lượng công việc lớn trong điều kiện ít thành viên Hội đồng Nhà nước hoạt động chuyên trách và tuyệt đại bộ phận thành viên các cơ quan khác của Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm.

Để đảm bảo thực hiện quan điểm của Đảng về tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đã được nhấn mạnh tại Đại hội Đảng lần thứ VI, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo phải có sự phối hợp công tác chặt chẽ với các cơ quan nhà nước hữu quan, với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và trước hết là với Hội đồng Bộ trưởng. Bởi vậy, các vấn đề thuộc nội dung chương trình hoạt động của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước có liên quan đều đã được Hội đồng Bộ trưởng chuẩn bị đầy đủ, nghiêm túc. Đại diện Hội đồng Bộ trưởng (thường là Phó Chủ tịch, có khi là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng) phải thường xuyên tham dự các phiên họp Hội đồng Nhà nước. Mặt khác, đồng chí cũng đặc biệt chú trọng đến việc khai thác ý kiến của các thành viên Hội đồng

Nhà nước với tư cách là đại diện cho các tổ chức, đoàn thể nhân dân.

Là một cán bộ lãnh đạo có chính kiến rõ ràng, đồng chí Võ Chí Công rất quan tâm, chú ý lắng nghe ý kiến của những đồng chí cùng cộng tác cũng như đời sống, tâm tư, nguyện vọng của những cán bộ giúp việc ở Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Bởi vậy, đồng chí đã tạo nên không khí làm việc dân chủ và thu nhận được nhiều ý kiến để đổi mới các hoạt động của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội.

Cùng với việc đổi mới trong tổ chức hoạt động cụ thể của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội, đồng chí yêu cầu các cơ quan dân cử phải tăng cường giám sát đối với hoạt động của các cơ quan nhà nước. Ngoài những hoạt động giám sát của Quốc hội, đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng chương trình giám sát và điều hành hoạt động giám sát của Hội đồng Nhà nước.

Giữa năm 1987, ngay từ những tháng đầu tiên mới nhận nhiệm vụ, đồng chí đã chỉ đạo Hội đồng Nhà nước quyết định những vấn đề cần xem xét và những vấn đề Hội đồng Nhà nước phải tổ chức đoàn đi kiểm tra từ tháng 8 đến hết năm 1987. Tiếp theo đó, chương trình giám sát hằng năm đều được đồng chí xem xét quyết định ngay từ đầu năm và luôn được điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, việc triển khai thực hiện chương trình giám sát tập trung chủ yếu

ở hai hình thức: cử các đoàn công tác giám sát và xem xét các vấn đề cần giám sát tại các phiên họp Hội đồng Nhà nước. Do tình hình đất nước trong những năm đầu đổi mới còn rất nhiều khó khăn, nhiều vấn đề phát sinh, do đó đồng chí rất quan tâm đến việc cử các đoàn giám sát về các địa phương, cơ sở. Theo đó, Hội đồng Nhà nước bàn kỹ kế hoạch và phân công cụ thể các Phó Chủ tịch và một số Ủy viên Hội đồng Nhà nước dẫn đầu các đoàn công tác. Các Phó Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Lê Quang Đạo, Nguyễn Quyết, Đàm Quang Trung, Nguyễn Thị Định đều sắp xếp công việc để dành thời gian thỏa đáng chủ trì các đoàn giám sát. Các đoàn công tác đi kiểm tra sâu sát tại nhiều cơ sở và tổng hợp, báo cáo kết quả với Hội đồng Nhà nước để rút ra những kiến nghị cần thiết với cơ quan chức năng liên quan kịp thời khắc phục những sai sót.

Với sự chỉ đạo sát sao của đồng chí Võ Chí Công, nhiệm vụ giám sát được thực hiện cả trên bề rộng và chiều sâu. Địa bàn giám sát và nội dung giám sát vừa có tính chất chung trong phạm vi toàn quốc và cũng có nhiều vấn đề cụ thể của một ngành, một địa phương, một cơ sở. Trong lĩnh vực thi hành pháp luật, Hội đồng Nhà nước tập trung giám sát về nhiều vấn đề bức thiết trong thời gian này như tình hình trật tự an toàn xã hội; tình hình truy tố, xét xử các vụ án trọng điểm về kinh tế; tình hình chấp hành án đã có hiệu lực pháp luật; tình hình vi phạm pháp luật về dự trữ

lương thực quốc gia; tình hình giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân còn để tồn đọng kéo dài không được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết v.v.. Về địa bàn giám sát, đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo Hội đồng Nhà nước chú trọng đến các cơ quan bảo vệ pháp luật như xem xét tình hình công tác của các ngành công an, tòa án, kiểm sát, tư pháp, kể cả tình hình công tác của Tòa án Quân sự cấp cao và Viện Kiểm sát Quân sự Trung ương.

Trong điều kiện kinh tế nước ta còn rất nhiều khó khăn và có những diễn biến phức tạp, đồng chí Võ Chí Công rất coi trọng nội dung giám sát về lĩnh vực kinh tế. Ngoài tình hình chung về kinh tế - xã hội, đồng chí chỉ đạo Hội đồng Nhà nước tiến hành xem xét các vấn đề cụ thể về chống lạm phát; tình hình đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu; các biện pháp bình ổn giá lương thực và giải quyết khó khăn trong thời điểm giáp hạt; tháo gỡ khó khăn cho các xí nghiệp quốc doanh và các đơn vị sản xuất tiểu thủ công nghiệp; các chủ trương, biện pháp giải quyết vấn đề tiêu thụ nông sản hàng hóa, giá nông sản, giá điện và giá vật tư cho nông nghiệp, đời sống của nông dân, bộ đội, công nhân, viên chức, sinh viên... Bên cạnh đó, nhiều vấn đề quan trọng khác cũng được đồng chí chú trọng như xây dựng chính quyền, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, vấn đề việc làm, tiền lương và các chính sách xã hội, v.v..

Để nâng cao hiệu quả các hoạt động giám sát, đồng chí Võ Chí Công thường xuyên cùng Hội đồng Nhà nước nghe các thành viên của Hội đồng đang công tác tại các ngành báo cáo tình hình cụ thể, xem xét báo cáo kết quả giám sát và thường xuyên chỉ rõ phương thức để giải quyết các kiến nghị¹.

Cũng nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả của hoạt động giám sát, đồng chí chỉ đạo phải huy động lực lượng tổng thể và sức mạnh tổng hợp để góp phần giải quyết tình hình. Các kết luận quan trọng tại các phiên họp Hội đồng Nhà nước, ngoài việc gửi đến các cơ quan đảng, Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí yêu cầu phải gửi đến các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội để sử dụng và thông báo tới các đại biểu Quốc hội. Đặc biệt, đồng chí luôn nhấn mạnh quan điểm phải coi trọng vai trò của nhân dân và cho rằng: “Vấn đề then chốt vẫn là phát động được phong trào quần chúng, dựa vào dân, tổ chức được lực lượng nhân dân để bảo vệ kỷ cương và pháp luật, tích cực đấu tranh chống tiêu cực. Các cơ quan bảo vệ pháp luật phải bàn bạc để có kế hoạch hành động chung, một cách đồng bộ trong việc tổ chức,

1. Đồng chí cho rằng, từng kiến nghị phải chuẩn bị thành đề án cụ thể và sẽ được xem xét cụ thể; nếu Hội đồng Nhà nước nhận thấy các kiến nghị đó là hợp lý thì sẽ giao cho Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước bàn với Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và các ngành trình Hội đồng Nhà nước xem xét và có quyết định.

huy động lực lượng nhân dân. Muốn huy động được sức dân phải coi trọng việc bảo vệ các quyền tự do dân chủ của dân. Phải coi trọng vai trò các tổ chức, đoàn thể nhân dân, trước hết là Mặt trận các cấp; đặc biệt phải phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân..."¹.

Mặc dù Hội đồng Nhà nước thường họp ngắn, nhưng trong khi điều hành, đồng chí dành thời gian thỏa đáng cho chương trình hoạt động giám sát. Vì vậy, đã có trên 2/3 số phiên họp có nội dung về giám sát, có phiên Hội đồng Nhà nước xem xét đến 2 - 3 vấn đề².

Chịu trách nhiệm trước toàn Đảng, trước Bộ Chính trị về chỉ đạo hoạt động đối với Quốc hội, đồng chí Võ Chí Công đã cùng với các đồng chí chủ trì công tác Quốc hội lãnh đạo Quốc hội xem xét và quyết định đúng đắn nhiều vấn đề quan trọng theo đúng đường lối của Đảng, phù hợp với lòng dân và góp phần cùng với toàn Đảng, toàn dân đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới. Ngoài những vấn đề phải xem xét, quyết định thường xuyên như nhiệm vụ kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách nhà nước hàng năm, còn nhiều vấn đề về tổ chức bộ máy, nhân sự cấp cao của Nhà nước, việc phân vạch địa giới hành chính một số tỉnh và thành phố trực

1. Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr. 106-107.

2. Những phiên họp không có nội dung giám sát chủ yếu vì thời gian quá ngắn, thường là các phiên họp chỉ tiến hành trong một ngày.

thuộc Trung ương sau nhiều năm nhập tỉnh để tạo điều kiện cho các địa phương thực hiện việc quản lý nhà nước sát cơ sở và sát dân hơn, phát huy tốt hơn các tiềm năng để xây dựng địa phương phát triển về mọi mặt. Đồng chí đã cùng với Quốc hội cân nhắc thận trọng trong khi bàn về vấn đề tổ chức bộ máy nhà nước, nhất là việc sáp nhập các bộ và thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao của Nhà nước.

Dưới sự lãnh đạo của đồng chí Võ Chí Công, phương thức làm việc của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội được thực hiện với sự bàn bạc và biểu quyết dân chủ, cởi mở, thể hiện trách nhiệm của Quốc hội và các đại biểu Quốc hội trên mọi lĩnh vực. Vì vậy, các quyết định của Quốc hội đều thể hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, tình hình thực tế và được nhân dân hoan nghênh. Sự kiện nổi bật biểu thị tinh thần dân chủ mới trong sinh hoạt của Quốc hội nước ta là việc bầu cử Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng sau khi đồng chí Phạm Hùng qua đời. Với sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, Quốc hội đã đề nghị đưa ra danh sách để bầu chọn một trong hai ứng cử viên đều là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước. Sự kiện này mở đầu cho việc Quốc hội bầu lựa chọn người đứng đầu Chính phủ ở nước ta.

Theo tinh thần của Đại hội lần thứ V của Đảng, nội dung chủ yếu và trước hết của đổi mới chính trị ở nước ta là thực hiện phương châm Đảng lãnh đạo,

Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Ba vấn đề này là một thể thống nhất nhưng đều có chức năng riêng rõ ràng. Trước hết, từng bước đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong các cấp, các ngành, phát huy dân chủ, tính độc lập, tự chủ, sáng tạo trong hệ thống chính trị, đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở cấp mình, ngành mình, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong các cơ quan dân cử, từ Hội đồng nhân dân các cấp đến Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, nâng cao vai trò, trách nhiệm đại biểu của dân, nhằm xây dựng một nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân.

Hội đồng nhân dân là cơ quan do nhân dân trực tiếp bầu ra và đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân trong việc thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh được thực tế tình hình kinh tế - xã hội ở từng địa phương, là cơ quan quyền lực nhà nước ở từng địa phương, thực thi mọi chủ trương, chính sách, pháp luật trong nhân dân. Để thực hiện được vai trò, trách nhiệm lớn lao đó của Hội đồng nhân dân các cấp, trước hết phải sửa đổi Luật bầu cử và tổ chức Hội đồng nhân dân nhằm bảo đảm quyền dân chủ của công dân trong việc chọn lựa những đại biểu xứng đáng của mình vào tổ chức Hội đồng nhân dân. Thành phần Hội đồng nhân dân được mở rộng bao gồm đại diện các tầng lớp nhân dân, các đoàn thể, các thành phần kinh tế - xã hội.

Tiếp đó, phải hướng dẫn, cải tiến sinh hoạt của Hội đồng nhân dân các cấp để thật sự dân chủ bàn bạc, quyết định việc thực hiện các chủ trương, chính sách và luật pháp của Đảng và Nhà nước ở từng địa phương, giám sát các cơ quan chính quyền địa phương chấp hành những nhiệm vụ đó, chống hách dịch, cửa quyền đối với nhân dân; phải thực hiện đầy đủ phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công, việc đổi mới hình thức và nội dung hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đã khiến cho Hội đồng nhân dân ở nhiều nơi có những tiến bộ đáng kể, hoạt động thiết thực. Các đại biểu Hội đồng nhân dân đã thường xuyên tiếp xúc với cử tri để nghe ý kiến cử tri, phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách cho nhân dân. Do đó, vai trò các thành viên Hội đồng nhân dân được nâng cao và bước đầu làm đúng, đủ chức năng của mình.

Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, cơ quan duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp và giám sát toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước, tuân thủ và thi hành luật pháp. Bởi vậy, trước hết phải sửa đổi Luật tổ chức Quốc hội và Luật bầu cử đại biểu Quốc hội nhằm bảo đảm quyền làm chủ của công dân trong ứng cử và bầu cử, sử dụng quyền dân chủ thật sự để chọn lựa những đại biểu có đủ đức, tài, thay mặt mình tham gia vào Quốc hội thực hiện việc bàn bạc và quyết định các

mặt quản lý của đất nước. Luật sửa đổi xác định những tiêu chuẩn phải có của đại biểu Quốc hội để các cử tri làm căn cứ giới thiệu người ra ứng cử, đồng thời thông qua hiệp thương của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiến hành sàng lọc danh sách các đại biểu mà cử tri đã giới thiệu và theo luật, công dân có quyền tự ra ứng cử đại biểu Quốc hội trước khi bầu cử. Như vậy, cử tri thực hiện quyền dân chủ trực tiếp chọn lựa đại biểu cho mình, đồng thời thông qua tổ chức chính trị - xã hội để kiểm tra tư cách đại biểu đã chọn.

Nội dung chủ yếu của đổi mới hoạt động của Quốc hội là dân chủ hóa mọi mặt sinh hoạt của Quốc hội, tránh dân chủ hình thức, đề cao trách nhiệm của đại biểu Quốc hội trong sinh hoạt và làm việc của Quốc hội. Theo hướng đó, đồng chí Võ Chí Công cùng Quốc hội chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc của các kỳ họp Quốc hội, lập các ủy ban chuyên trách của Quốc hội để thẩm tra, xem xét trước các vấn đề mà kỳ họp Quốc hội đặt ra đối với mọi mặt của đất nước.

Một bước tiến có chất lượng của Quốc hội khóa VIII là quy định hình thức đại biểu Quốc hội tiếp xúc các cử tri trước khi họp Quốc hội để tiếp thu ý kiến của cử tri đối với nội dung các kỳ họp Quốc hội và sau khi có quyết định của Quốc hội phải báo cáo kết quả của kỳ họp Quốc hội để cử tri được biết và theo dõi việc thực hiện.

Mặt khác, hoạt động của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội là thực hiện dân chủ hóa trong quá trình xây

dựng và thông qua các luật trong các kỳ họp Quốc hội. Các luật được trình ra Quốc hội thông qua phải qua một quy trình làm luật chặt chẽ. Theo đó, cơ quan chủ dự án luật dự thảo phải tham khảo các chuyên gia, các ngành liên quan, lấy ý kiến cơ sở và nhân dân, chỉnh lý nhiều lần rồi trình ra Hội đồng Nhà nước xem xét trước khi đưa ra Quốc hội thông qua. Tại kỳ họp Quốc hội, dự án luật được các đại biểu nghiên cứu, thảo luận từng chuyên mục và tranh luận những vấn đề quan trọng mới đi đến biểu quyết và thông qua. Đối với những đạo luật hay bộ luật quan trọng, Quốc hội xem xét chỉnh lý, trước khi thông qua phải đưa ra toàn dân thảo luận một cách công khai. Dân chủ hóa trong tiến trình làm luật đã tổng hợp được nhiều ý kiến của các tầng lớp nhân dân đóng góp vào việc xây dựng pháp luật, làm cho những quy định pháp luật thể hiện được ý chí và nguyện vọng của nhân dân, tăng tính hiệu lực của pháp luật.

Quốc hội khóa VIII cũng đã thực hiện quyền giám sát các cơ quan nhà nước thông qua các báo cáo của Chính phủ, của các cơ quan luật pháp như tòa án, kiểm sát trong từng kỳ họp của Quốc hội. Quyền chất vấn những vấn đề cần thiết của đại biểu Quốc hội mà cử tri quan tâm phải được các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội hoặc cá nhân có liên quan trả lời nghiêm túc trong kỳ họp hoặc trả lời bằng văn bản cho Quốc hội. Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của đồng chí Võ Chí Công, với sự nỗ lực của toàn thể Quốc hội, trong nhiệm kỳ Quốc hội

khóa VIII đã xây dựng và thông qua được nhiều luật quan trọng đáp ứng kịp thời những yêu cầu đổi mới trong quản lý kinh tế - xã hội.

Với tinh thần khẩn trương xây dựng luật pháp, thực hiện nhanh việc quản lý kinh tế - xã hội theo luật pháp, ổn định chính trị - xã hội trong thời kỳ đổi mới, kỳ họp Quốc hội trước luôn thông qua chương trình làm luật cho kỳ họp tiếp theo và Quốc hội khóa VIII cũng xây dựng chương trình làm luật cho Quốc hội khóa IX. Theo các chương trình này, Quốc hội thực hiện được chức năng quan trọng là lập pháp theo Luật tổ chức Quốc hội.

Tháng 12-1989, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá VIII, trong cuộc họp các trưởng đoàn đại biểu Quốc hội, phát biểu về sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội, đồng chí Võ Chí Công nhấn mạnh: “Nói đổi mới sự lãnh đạo của Đảng tuyệt đối không có nghĩa là phủ nhận hạ thấp vai trò của Đảng... Nói đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội trước hết phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của Đảng và của Quốc hội. Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất cho quyền làm chủ của nhân dân. Đảng phải tạo điều kiện để Quốc hội thật sự thay mặt nhân dân quyết định các vấn đề quan trọng về quốc kế, dân sinh của cả nhà nước. Yêu cầu đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Quốc hội cần được thể hiện trong từng lĩnh vực hoạt động của Quốc hội...”. Đồng chí cũng phân tích cụ thể về đổi mới sự lãnh đạo

của Đảng trong các lĩnh vực hoạt động của Quốc hội, đồng thời, xác định trách nhiệm của các đại biểu Quốc hội phải “giữ vai trò quan trọng trong việc đóng góp vào việc đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Quốc hội”¹.

Để phát huy những thắng lợi của công cuộc đổi mới ở nước ta, Đảng và Nhà nước chủ trương tăng cường mối quan hệ với các nước trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị khác nhau, mở đường thực hiện đường lối đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa trong quan hệ quốc tế, góp phần phá thế bao vây, cô lập đối với nước ta. Thay mặt Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công đã đi thăm một số nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô và Đông Âu), một số nước dân tộc chủ nghĩa như Angiêri, Nam Tư, Libi, Irắc, Indônêxia, Nicaragoa và dự Hội nghị cấp cao Phong trào không liên kết lần thứ 9 (ở Nam Tư) và lần thứ 10 (ở Indônêxia).

Thông qua các cuộc tiếp xúc với nhiều nguyên thủ các nước tại hai Hội nghị Phong trào không liên kết, đồng chí đã đóng góp vào việc tuyên truyền công cuộc đổi mới của nước ta, làm cho các nước hiểu Việt Nam hơn, góp phần vào việc củng cố, đoàn kết phong trào và

1. Vũ Mão: “Ghi nhớ sâu sắc về chặng đường hoạt động Quốc hội và Hội đồng Nhà nước của anh Võ Chí Công” in trong cuốn sách Tỉnh ủy Quảng Nam: *Võ Chí Công - Người con ưu tú của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Sđd, tr. 110-111.

đề ra phương hướng hoạt động của các nước không liên kết trong tình hình nội bộ phong trào xuất hiện những quan điểm không nhất trí về mục tiêu đoàn kết chống chủ nghĩa đế quốc trong tình hình mới. Đồng thời, góp phần củng cố mối quan hệ hữu nghị, bảo vệ và giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền của các nước trong phong trào. Những hoạt động và quan điểm, lập trường đúng đắn của Việt Nam đối với phong trào được đánh giá cao.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo cụ thể của đồng chí Võ Chí Công, các hoạt động của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội khóa VIII ở nước ta từng bước đổi mới, đáp ứng được yêu cầu triển khai thực hiện đường lối đổi mới trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí đã thực hiện lời hứa trước Quốc hội: “Hội đồng Nhà nước sẽ cố gắng góp phần làm cho các cơ quan dân cử từ Quốc hội đến Hội đồng nhân dân các cấp làm tròn trách nhiệm đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, hoạt động có hiệu quả, khắc phục chủ nghĩa hình thức, quan liêu, phát huy đầy đủ trí tuệ tập thể, dân chủ bàn bạc, thường xuyên cải tiến và tổng kết các mặt hoạt động, hướng trọng tâm công tác của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước vào việc thực hiện hai chức năng chủ yếu là lập pháp và giám sát, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng”¹.

1. Phát biểu của đồng chí Võ Chí Công tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa VIII, *Tlđđ*.

Trong vai trò là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, thống lĩnh các lực lượng vũ trang, đồng chí Võ Chí Công đã góp phần to lớn trong việc lãnh đạo bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

2. Lãnh đạo sửa đổi Hiến pháp

Từ những kinh nghiệm thực tế trong đổi mới kinh tế - xã hội và từng bước đổi mới chính trị đã xuất hiện nhiều vấn đề mới về kinh tế - xã hội - chính trị, đòi hỏi phải nhanh chóng sửa đổi Hiến pháp năm 1980 cho phù hợp với thời kỳ mới.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa VI thông qua vào năm 1980, gọi tắt là Hiến pháp năm 1980 đã thể chế hóa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội Đảng lần thứ IV (tháng 12-1976) vạch ra. Ra đời 5 năm sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, độc lập, thống nhất trong khí thế chiến thắng có tính chất lịch sử, Hiến pháp năm 1980 ghi nhận những thành quả cách mạng lâu dài của nhân dân cả nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng, củng cố chính quyền nhân dân và theo quan điểm truyền thống về mô hình xã hội chủ nghĩa ở một số nước trước đây. Qua thi hành Hiến pháp năm 1980, nhân dân ta đã giành được những thành tựu to lớn, từng bước khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, xây dựng

quan hệ sản xuất mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng chính quyền nhân dân trong cả nước.

Đồng thời, trong quá trình thực thi, một số quy định của Hiến pháp năm 1980, nhất là về chế độ kinh tế đã bộc lộ rõ sự chưa phù hợp về vận dụng quy luật quan hệ sản xuất, thể hiện sự chủ quan, giản đơn, duy ý chí trong quan niệm về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong một đất nước mà nền sản xuất nhỏ là phổ biến, còn nghèo nàn lạc hậu, lại vừa thoát ra khỏi chiến tranh. Các quy định của Hiến pháp năm 1980, trực tiếp hay gián tiếp, còn ghi cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế - xã hội theo mô hình tập trung quan liêu, bao cấp, do đó không giải phóng được mọi năng lực sản xuất, không phát huy được mọi tiềm năng của xã hội. Những năm 1980, đất nước thực sự đã ở trong một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài.

Yêu cầu sửa đổi Hiến pháp năm 1980 được đặt ra tương đối sớm và dưới ánh sáng của đường lối đổi mới do Đại hội Đảng lần thứ VI khởi xướng. Đó là cột mốc lịch sử quan trọng về sự vận dụng quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất trong giai đoạn đầu cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Trên cơ sở đó, Đảng ta từng bước đề ra yêu cầu sửa đổi cơ bản, toàn diện Hiến pháp năm 1980, phục vụ cho sự nghiệp đổi mới.

Tháng 6-1988, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa VIII đã thông qua Nghị quyết về việc sửa đổi Lời nói đầu của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tháng 12-1988, tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa VIII thông qua Nghị quyết về việc thành lập Ủy ban dự thảo sửa đổi và bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1980) nhằm đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Tháng 6-1989, theo chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa VIII đã ra Nghị quyết thành lập Ủy ban sửa đổi Hiến pháp. Đồng chí Võ Chí Công được cử làm Chủ tịch Ủy ban sửa đổi Hiến pháp.

Đây là một nhiệm vụ hết sức to lớn, tuy chưa có kinh nghiệm, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao trước Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Quốc hội, đồng chí Võ Chí Công đã tiến hành tập hợp lực lượng chuyên gia, các nhà khoa học để thành lập các tiểu ban nghiên cứu từng chuyên đề, mở nhiều cuộc hội thảo. Mặt khác, đồng chí chỉ đạo phân công cán bộ đi sâu, đi sát cơ sở, các cấp, các ngành, tổng hợp ý kiến của các tầng lớp nhân dân và cán bộ, đồng thời kết hợp quá trình xây dựng Hiến pháp của nước ta với nghiên cứu kinh nghiệm, nội dung hiến pháp các nước để xây dựng đề cương nội dung sửa đổi Hiến pháp nước ta.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ, đồng chí Võ Chí Công yêu cầu phải xây dựng đề cương nội dung sửa đổi theo những quan điểm cơ bản là:

1- Khẳng định mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, từ sự vận dụng các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tế của Việt Nam với sự điều chỉnh cho sát hợp với chặng đường đầu của thời kỳ quá độ dưới ánh sáng của đường lối đổi mới; khẳng định tiếp tục đổi mới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội đã được bắt đầu 5 năm trước, trước hết là đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới chính trị một cách vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2- Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: chính quyền về tay ai và phục vụ quyền lợi của ai là vấn đề cơ bản quyết định toàn bộ nội dung của Hiến pháp. Do đó, dự thảo Hiến pháp phải khẳng định bản chất của Nhà nước ta là nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân, liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân. Điều chỉnh những hình thức, biện pháp, phương thức thực hiện tương ứng với chặng đường đầu và chặng đường tiếp theo của thời kỳ quá độ.

Dự thảo Hiến pháp sửa đổi tiếp tục khẳng định mọi quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân sử dụng quyền lực thông qua chế độ đại diện của mình (Quốc hội và Hội đồng nhân dân) theo nguyên tắc quyền lực nhà nước

là tập trung thống nhất vào Quốc hội, nhưng có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp. Xét về thực chất, lập pháp, hành pháp, tư pháp là sự phân công quyền lực và những phương thức thực hiện quyền lực nhà nước thống nhất của nhân dân; bằng cách đó, mỗi cơ quan thực thi có hiệu quả chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình nhằm bảo đảm cho quyền lực của nhân dân được thực hiện vì lợi ích của nhân dân.

3- Dự thảo Hiến pháp sửa đổi thể chế hóa các quyền dân chủ, tự do của công dân, thể hiện địa vị làm chủ của nhân dân trong xã hội, một bộ phận cấu thành cơ bản nền dân chủ xã hội chủ nghĩa; quyền con người được khẳng định không tách rời địa vị công dân. Thể chế hóa thành nguyên tắc cơ bản chỉ đạo chế định công dân trong xã hội ta, dự thảo Hiến pháp sửa đổi khẳng định quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Các quyền dân chủ, tự do của công dân được bảo đảm trên cơ sở trật tự, kỷ cương xã hội được tôn trọng; chủ động phòng ngừa và ngăn chặn các hiện tượng lạm quyền, quan liêu cũng như vô tổ chức, vô chính phủ, xem thường kỷ cương, phép nước.

4- Dự thảo Hiến pháp sửa đổi khẳng định, thể chế hóa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong tình hình thế giới hiện nay, việc tiếp tục thể chế hóa vị trí lãnh đạo của Đảng trong đạo luật cơ bản của Nhà nước là điều không chỉ quan trọng mà còn rất cần thiết.

Vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xã hội đối với Nhà nước là một tất yếu của lịch sử, là lựa chọn của chính lịch sử trong quá trình đấu tranh dân tộc, xã hội lâu dài đầy thử thách. Sự lãnh đạo của Đảng đã và vẫn là một bảo đảm có ý nghĩa quyết định của ổn định, tiến bộ và phát triển xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa, bảo đảm phát huy và nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước trong quản lý, điều hành công việc đất nước. Nhiệm vụ quan trọng đối với việc thể chế hóa vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng là bảo đảm để Đảng hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của một đảng cầm quyền, khắc phục được những khuyết, nhược điểm lâu nay là các cấp ủy đảng bao biện, làm thay công việc chính quyền hoặc can thiệp quá sâu vào công việc quản lý của Nhà nước, thậm chí có cả hiện tượng độc đoán, chuyên quyền. Vấn đề rất quan trọng là phân định, không lẫn lộn chức năng của tổ chức đảng đối với chức năng của Nhà nước.

Đồng chí Võ Chí Công quán triệt: Đảng lãnh đạo là để đề ra đường lối, chiến lược, các định hướng về chủ trương, chính sách, tiến hành công tác chính trị, tư tưởng, quyết định và giới thiệu cán bộ ưu tú vào hoạt động trong các cơ quan nhà nước, đơn đốc, kiểm tra thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, nhằm nâng cao hiệu quả công tác, tạo ra tính tích cực trong bộ máy nhà nước, đảng viên phải gương mẫu trong mọi công tác.

Đặc biệt, theo đồng chí, là một đảng lãnh đạo xã hội, Đảng ta không thể không quan tâm đến công việc chính quyền, công việc nhà nước, tổ chức và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước luôn luôn phải trở thành mối quan tâm thường xuyên của các tổ chức đảng. Các đảng viên của Đảng và những người được Đảng tiến cử phải trực tiếp nắm các vị trí cần thiết trong bộ máy nhà nước. Không làm được như vậy Đảng không còn là đảng cầm quyền mà trở thành đảng đứng ngoài chính quyền hoặc tham gia chính quyền với vai trò thứ yếu. Đây là vấn đề cần phải được nhận thức rõ.

Tuy vậy, đồng chí cho rằng, không được lẫn lộn tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Tổ chức đảng thuộc hệ thống Đảng, được thành lập và hoạt động theo những nguyên tắc do Điều lệ Đảng quy định. Cơ quan nhà nước tổ chức và hoạt động với những quyền hạn, nhiệm vụ được Hiến pháp, pháp luật quy định, tổ chức đảng không giải quyết những công việc thuộc chức năng của chính quyền. Tổ chức nhà nước thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân. Nhà nước phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật nhà nước, liên hệ thường xuyên với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Người đảng viên trong bộ máy nhà nước, thực thi chức trách theo quy định của pháp luật với

những quyền hạn, nhiệm vụ tương ứng với từng chức danh nhà nước và phải làm tròn trách nhiệm của một nhân viên nhà nước. Từ trước và cho đến nay không ít đảng viên ở các cấp của Đảng do chưa có quan niệm rõ ràng, đầy đủ về vấn đề này mà trong hoạt động thực tiễn hằng ngày đã gây ra không ít sự lẩn lộn đáng tiếc, làm sai lạc mối quan hệ giữa các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước.

Dự thảo Hiến pháp sửa đổi được xây dựng song song với việc soạn thảo các văn kiện lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam là dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và dự thảo Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Bởi vậy, dự thảo Hiến pháp sửa đổi được xây dựng dựa trên cơ sở trí tuệ, kiến thức, kinh nghiệm của toàn Đảng, toàn xã hội đã được huy động trong quá trình xây dựng các văn kiện lớn của Đảng. Các văn kiện đã trở thành chỗ dựa chính thức, trực tiếp của dự thảo Hiến pháp sửa đổi.

Đường lối, chủ trương, các quyết sách lớn được hoạch định trong các văn kiện Đảng trở thành điểm khởi nguồn, xuất phát của dự thảo Hiến pháp sửa đổi, về phần mình, Hiến pháp có nhiệm vụ thể chế hóa, hiến pháp hóa đường lối, chủ trương, các quyết sách đó của Đảng thành văn bản nhà nước, thành hệ thống các quy định có hiệu lực pháp lý cao nhất đối với toàn xã hội.

Nhiệm vụ này được đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo tiến hành rất cẩn trọng và công phu từ khâu chuẩn bị cho đến khi lần lượt công bố các bản dự thảo Hiến pháp.

Tháng 5-1991, lấy ý kiến cán bộ trung, cao cấp vào Dự thảo I.

Tháng 7-1991, Dự thảo II trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 9.

Sau gần hai năm chuẩn bị, được sự lãnh đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Trưởng ban Ủy ban sửa đổi Hiến pháp Võ Chí Công đã trình lên Bộ Chính trị những nguyên tắc chỉ đạo và nội dung sửa đổi cơ bản của Hiến pháp nước ta.

Trong quá trình xây dựng nội dung sửa đổi Hiến pháp cũng diễn ra quá trình đấu tranh xây dựng với chống lại những quan điểm sai trái trong Đảng và trong nhân dân, giữa đổi mới với bảo thủ, giữa mở rộng dân chủ với tập trung quan liêu, giữa nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi công dân, v.v.. Đặc biệt là đấu tranh với một bộ phận cán bộ có những quan điểm đòi đưa vào Hiến pháp mới những nội dung của thể chế nhà nước pháp quyền kiểu tư bản chủ nghĩa, đòi thực hiện chế độ tam quyền phân lập tư sản.

Quan điểm của Đảng thể hiện trong Hiến pháp là theo nguyên tắc quyền lực nhà nước tập trung, thống nhất vào Quốc hội, nhưng có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa ba cơ quan thực hiện ba quyền

lập pháp, hành pháp, tư pháp và kiên quyết bác bỏ một số ít ý kiến nêu ra chế độ lương viện và không muốn đưa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vào Hiến pháp, v.v..

Sau khi đã hoàn chỉnh được nội dung cụ thể của dự thảo Hiến pháp sửa đổi, thay mặt Ủy ban sửa đổi Hiến pháp, đồng chí Võ Chí Công trình ra Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (họp từ ngày 25-11 đến ngày 5-12-1991), để xem xét. Từ những ý kiến đóng góp của Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí tiếp tục chỉ đạo chỉnh lý toàn văn Hiến pháp sửa đổi để đưa ra toàn dân thảo luận từ cuối tháng 12-1991 đến tháng 1-1992.

Sửa đổi Hiến pháp năm 1992 là sự điều chỉnh lớn nhiều quy trình, chế định của Hiến pháp năm 1980. Bởi vậy, ngày 3-1-1992, nhân dịp công bố lấy ý kiến nhân dân về dự thảo Hiến pháp sửa đổi, đồng chí Võ Chí Công viết bài đăng trên báo *Nhân Dân* nêu rõ: “Càng ngày chúng ta càng thấy rõ rằng xã hội ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong những điều kiện đặc thù, con đường chúng ta sẽ đi không thể sao chép từ một mô hình nào có sẵn. Chắc chắn phải có thời gian và đòi hỏi phải có những bước đi quá độ, những biện pháp, phương thức chuyển tiếp, và phải tìm tòi, thử nghiệm trong thực tế mới có thể từ bỏ mô hình cũ vốn đã rất quen thuộc để chuyển sang mô hình còn khá mới mẻ. Một thực tế đã thành quy luật là cái mới mẻ chỉ có thể

ra đời khi có những tiền đề đầy đủ cho nó nảy sinh. Do đó, phương châm là: Toàn diện, tích cực, năng động, sáng tạo, song thận trọng, có bước đi vững chắc, không nôn nóng, vội vàng”¹.

Từ tháng 2 đến tháng 3-1992, Dự thảo III được công bố lấy ý kiến nhân dân.

Với tinh thần đổi mới và phát huy dân chủ thật sự của nhân dân trong việc đóng góp xây dựng đất nước và sự nhận thức mới của toàn Đảng, toàn dân rằng Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước ta, là sự thể chế hóa cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam, nên các cấp ủy đảng, các ngành từ trung ương đến địa phương đã chỉ đạo chặt chẽ đợt lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân đóng góp vào bản Hiến pháp mới, xác định đây là một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng và là ngày hội trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Các tầng lớp nhân dân trong cả nước tập hợp đông đảo trong Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã tham gia thảo luận rất sôi nổi, đóng góp hàng triệu ý kiến có giá trị.

Tiếp thu ý kiến của toàn dân, đồng chí Võ Chí Công và Ủy ban sửa đổi Hiến pháp đã nghiên cứu và chỉnh lý nhiều mặt từ hình thức, bố cục, nội dung, kể cả lời văn trong Hiến pháp sửa đổi để trình ra Quốc hội.

1. Báo *Nhân Dân*, số ra ngày 3-1-1992.

Ngày 15-4-1992, Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 11, sau nhiều ngày thảo luận sôi nổi từng chương, từng điều của nội dung Hiến pháp sửa đổi, đã biểu quyết thông qua toàn văn Hiến pháp sửa đổi năm 1992, gọi tắt là Hiến pháp năm 1992.

Hiến pháp năm 1992 được Quốc hội thông qua đã được toàn dân nhiệt liệt ủng hộ và nhận được sự đồng tình của thế giới. Đó là một dấu mốc lịch sử về sự nghiệp đổi mới toàn diện của đất nước ta trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; là đạo luật cơ bản của Nhà nước ta, nhà nước của dân, do dân và vì dân; làm cơ sở vững chắc cho việc xây dựng hệ thống pháp luật quản lý mọi mặt đất nước và xây dựng tổ chức hệ thống chính trị ở những năm tiếp theo, bảo đảm sự ổn định chính trị để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới tiến lên, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn mới.

Hiến pháp sửa đổi năm 1992 ra đời thể hiện trách nhiệm lớn lao và đóng góp to lớn trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Trưởng ban Ủy ban sửa đổi Hiến pháp - đồng chí Võ Chí Công.

3. Nỗ lực đến cùng vì Đảng và dân tộc

Tháng 6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng được tổ chức tại Hà Nội, trong bối cảnh diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước. Đó là sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa trong sự hoang mang, dao động của bộ phận lớn những người

cộng sản thế giới đã tác động mạnh đến tư tưởng, tình cảm của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân Việt Nam. Đất nước ta cũng đang phải đương đầu với các hoạt động phá hoại quyết liệt của các lực lượng thù địch cả trong và ngoài nước.

Ngày 24-6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII được tiến hành. Đồng chí Võ Chí Công đã đọc diễn văn khai mạc Đại hội.

Sau khi nêu rõ những phức tạp của tình hình trong và ngoài nước, những cố gắng của Đảng trong nhiệm kỳ Đại hội VI để giữ vững sự ổn định của đất nước, đồng chí chỉ rõ: “Chúng ta biết rằng khó khăn còn chồng chất, lực cản còn nhiều, mâu thuẫn cũ được khắc phục, mâu thuẫn mới lại nảy sinh. Cuộc sống là như vậy. Biện chứng của sự phát triển là như vậy. Điều cơ bản bảo đảm cho chúng ta vững bước đi lên, không để cho mình bị chìm ngập trong khó khăn là một mặt, Đảng phải có đường lối chính trị đúng, trên cơ sở đó tập hợp, đoàn kết và phát huy được sức mạnh của toàn dân; mặt khác, Đảng phải trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Hơn lúc nào hết, hiện nay hai vấn đề trọng yếu có liên quan với nhau nói trên có tính thời sự cấp bách đặc biệt, đòi hỏi chúng ta phải cố gắng gấp bội để vượt lên tầm cao mới, bảo đảm cho Đảng xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Chính đó là trọng tâm trong chương trình nghị sự mà Đại hội VII của chúng ta phải giải quyết”¹.

Trên cơ sở đó, đồng chí Võ Chí Công nêu lên những yêu cầu để các đại biểu tham dự Đại hội lưu ý tham gia đóng góp ý kiến nhằm tiếp tục hoàn chỉnh và thực hiện đường lối đổi mới của Đảng:

Trước hết, với quan niệm “tư duy để tiếp cận chân lý là một quá trình, không thể nói mọi vấn đề đã hoàn tất”, đồng chí yêu cầu các đại biểu chú ý việc nghiên cứu, thảo luận, tranh luận, để nâng cao chất lượng các văn kiện của Đảng nhằm “*đạt được sự nhất trí cao hơn nữa về những quan điểm, nguyên tắc, những nội dung chủ yếu trong các văn kiện*”. Đồng chí nhấn mạnh: “Đó là điều hệ trọng, vì nó bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng, chính trị trong Đảng và trong xã hội, là cơ sở để triển khai các hoạt động thực tiễn nhằm thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội VII”².

Hai là, trên phương diện tổ chức, cán bộ, “Phải bám sát tiêu chuẩn và cơ cấu, số lượng và chất lượng trong đó vấn đề số một là tiêu chuẩn”. “Để làm việc này, cần phải có thái độ khách quan, công tâm, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên hết, kiên quyết không để lọt vào ban lãnh đạo cao nhất những người cơ hội về chính trị, cá nhân chủ nghĩa, địa phương cục bộ, tham nhũng”³.

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.9-10, 10-11, 11.

Ba là, phải “thật sự phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận và tranh luận đóng góp ý kiến vào các văn kiện, trong bầu cử và ứng cử, trong việc điều hành công việc của Đại hội, tạo bầu không khí cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Đó là cơ sở quan trọng để đạt tới sự thống nhất cao trong các đại biểu về những vấn đề trình ra Đại hội”¹.

Bốn là, “tuân thủ quy chế làm việc của Đại hội VII. Đây là một điều kiện bảo đảm Đại hội diễn ra thông suốt theo kế hoạch dự định”².

Với định hướng trên, Đại hội lần thứ VII của Đảng đã tiến hành thành công mà trước hết là thông qua Cương lĩnh của Đảng, trong đó vạch ra những quan niệm và phương hướng cơ bản về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Những văn kiện này là một bước hoàn chỉnh đường lối đổi mới, hoàn chỉnh về tổ chức của Đảng, đoàn kết toàn Đảng, toàn dân vững bước thúc đẩy sự nghiệp đổi mới ở nước ta tiến lên trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Trên cương vị của mình, đồng chí Võ Chí Công đã nỗ lực hết mình cho sự thành công của Đại hội.

Do tuổi cao, sức yếu, đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng được cử làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, *Sổđ*, tr.11-12, 12.

Với trách nhiệm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí tiếp tục dành hết tâm sức cống hiến cho Đảng bằng việc tích cực tham gia góp ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong những vấn đề lớn, quan trọng về sự lãnh đạo của Đảng, nhất là trong thực hiện Cương lĩnh và Hiến pháp vừa được Đại hội VII của Đảng và Quốc hội khóa IX thông qua. Bên cạnh đó, đồng chí cũng dành nhiều trí lực, thời gian đóng góp cho công tác xây dựng Đảng và chính quyền của quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng.

Sau Đại hội VII, trong Đảng bộ và chính quyền ở Quảng Nam - Đà Nẵng xuất hiện những hiện tượng mất đoàn kết, tham nhũng, tiêu cực, nhiều đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí ở địa phương đã viết thư lên Bộ Chính trị yêu cầu thay đổi lãnh đạo tỉnh. Trước diễn biến phức tạp đó, đồng chí trực tiếp về Quảng Nam - Đà Nẵng để tìm hiểu tình hình và kiến nghị với Trung ương ổn định tình hình.

Từ ngày 29 đến ngày 31-3-1994, đồng chí về dự Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng và tham dự tất cả các phiên họp. Phát biểu ý kiến chỉ đạo Hội nghị, trước tình hình mất đoàn kết của Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng, đồng chí nhấn mạnh: “Trước hết phải xây dựng đoàn kết thật sự trong Đảng, tạo nên sự nhất trí cao trong nội bộ Đảng về đường lối và các chủ trương, chính sách, các biện pháp kinh tế - xã hội. Đoàn kết trong nội bộ cấp ủy, giữa cán bộ, đảng viên

các cấp, đoàn kết trên dưới, đoàn kết giữa các đồng chí hữu trí với các đồng chí đương chức”. Đồng chí nêu rõ quan điểm chỉ đạo: “Trong quá trình đấu tranh cách mạng, Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng đã có một truyền thống đoàn kết hết sức tốt đẹp và đã góp phần quan trọng cho sự nghiệp vẻ vang trong lịch sử dân tộc và của Đảng. Trong giai đoạn mới này, phải ra sức phát huy truyền thống tốt đẹp đó để thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội của Đảng”.

Coi vấn đề xây dựng và sử dụng đội ngũ cán bộ là một vấn đề hết sức quan trọng, đồng chí xác định nhiệm vụ của Hội nghị: “Một vấn đề hết sức quan trọng trong xây dựng Đảng là phải tích cực và biết sử dụng tốt đội ngũ cán bộ sẵn có và đào tạo đội ngũ cán bộ kế thừa. Quảng Nam - Đà Nẵng không thiếu nhân tài, đời nào cũng có nhiều nhân tài, đời nay càng có nhiều nhân tài hơn. Vấn đề là phải tập hợp được nhiều trí tuệ của anh chị em, sử dụng hợp lý trên các lĩnh vực, có chính sách thỏa đáng, tạo điều kiện thuận lợi để anh chị em phát huy được tài năng của mình”. Bởi vậy, phải “mạnh dạn đào tạo lớp cán bộ kế thừa có phẩm chất cách mạng, có tri thức, trẻ, có chuyên môn, qua thử thách công tác để tiếp tục sự nghiệp cách mạng”¹.

1. Mai Thúc Lân: “Những ấn tượng sâu sắc về đồng chí Võ Chí Công”, in trong cuốn sách Ban Tuyên giáo Trung ương - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh ủy Quảng Nam: *Đồng chí Võ Chí Công với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr. 52-53.

Những hoạt động và ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Võ Chí Công là định hướng tư tưởng căn bản để khôi phục, củng cố sự đoàn kết trong Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng đã đưa tới sự thành công của Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng, góp phần ổn định tình hình của địa phương trên tất cả các phương diện. Nhận thức được tư tưởng chỉ đạo đúng đắn đó, Đảng bộ cũng như cán bộ Quảng Nam - Đà Nẵng coi những ý kiến phát biểu của đồng chí Võ Chí Công trong Hội nghị này là phương châm trong công tác của mình.

Tháng 7-1996, đồng chí Võ Chí Công tham dự Đại hội VIII của Đảng. Tháng 12-1997, tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, đồng chí cùng với các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng xin thôi trách nhiệm cố vấn và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng chấp thuận. Mặc dù không trực tiếp tham gia công tác của Đảng, nhưng đồng chí vẫn luôn theo dõi các hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương và đóng góp cho Đảng những ý kiến quý báu, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng Đảng.

Từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp tại Hà Nội. Đại hội IX đã đánh giá về chặng đường 71 năm lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết

Đại hội VIII, 15 năm đổi mới, 10 năm thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, rút ra những bài học kinh nghiệm của công cuộc đổi mới, từ đó phát triển và hoàn thiện đường lối, định ra chiến lược phát triển đất nước trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI. Đại hội cũng tiến hành kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng ta ngang tầm với đòi hỏi của dân tộc trong thời kỳ mới; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương.

Với tinh thần Đại hội IX của Đảng là vạch ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, không chỉ cho nhiệm kỳ tới mà cả một vài thập niên đầu của thế kỷ XXI, đồng chí Võ Chí Công đã gửi bài phát biểu của mình tới Đại hội.

Đặt vấn đề để Nghị quyết Đại hội IX đi vào cuộc sống, động viên sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân và củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng nhằm hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn mới này, đồng chí Võ Chí Công đề nghị, “Đảng phải lãnh đạo thực hiện mạnh mẽ hai vấn đề mà toàn Đảng, toàn dân rất quan tâm trong chỉnh đốn, xây dựng Đảng”. Đó là:

Một là, phải kiên quyết tự phê bình và phê bình, chống quan liêu trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và

Nhà nước ở các cấp, các ngành trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Từ tổng kết diễn biến tình hình của đất nước, đồng chí Võ Chí Công chỉ rõ sự điều hành của các cơ quan nhà nước các cấp “còn biểu hiện bệnh quan liêu rất nặng nề” và “phạm vi biểu hiện của bệnh quan liêu là rất rộng” trong Đảng. Theo đồng chí, “thực chất của nó là xa rời nhân dân, thoát ly thực tế, quay lưng lại với cuộc sống” biểu hiện ở một số chủ trương, chính sách, một số quyết định của Đảng, một số luật của Nhà nước và quan liêu trong tổ chức thực hiện. Đồng chí cho rằng, đó là sự quan liêu trong tư duy và phương pháp hoạt động, trong phong cách và thái độ đối với nhân dân, đối với mỗi con người; là quan liêu của từng người và của từng cấp ủy, thậm chí từng đảng bộ ở nhiều cấp, nhiều ngành.

Đồng chí chỉ ra nhiều sắc thái và sự đa dạng của bệnh quan liêu trong Đảng và Nhà nước. Trong các dạng đó, dạng nặng nhất và cùng một lúc là quan liêu, sách vở trong tư duy, bàn giấy trong chủ trương, mệnh lệnh trong phương pháp, hách dịch trong thái độ. Theo đồng chí, bệnh quan liêu là căn bệnh nguy hiểm nhất của một đảng cầm quyền.

Bởi vậy, đồng chí kiến nghị với Đảng: trước tình hình của đất nước, mong muốn của nhân dân, tiến trình đổi mới và phát triển, thời cơ và thách thức của một vài

thập niên tiếp sau Đại hội IX của Đảng, tất cả đều khẩn trương và bức xúc, đòi hỏi chúng ta phải kiên quyết và kiên trì chống bệnh quan liêu, bằng giải pháp toàn diện, thiết thực và hiệu quả, được thực hiện nghiêm túc, liên tục và bền bỉ từ Trung ương đến mỗi cán bộ, đảng viên. Với sự tham gia chủ động của nhân dân, được Đảng và Nhà nước phát huy mạnh mẽ.

Hai là, phải kiên quyết đấu tranh đẩy lùi nạn tham nhũng trong Đảng và bộ máy nhà nước.

Đồng chí Võ Chí Công cho rằng, tham nhũng là hiện tượng xã hội có từ khi xuất hiện những hình thức ban đầu của nhà nước, là căn bệnh ác tính của loài người, là tệ nạn của tệ nạn ở tất cả các quốc gia, là sức tàn phá ngăn cản rất lớn đối với sự phát triển xã hội và nhiều nước vì có tham nhũng của những người lãnh đạo mà dẫn đến tình hình chính trị thường xuyên không ổn định, đảng cầm quyền mất vai trò lãnh đạo. Đồng chí cũng chỉ rõ các hành vi tham nhũng là trăm phương nghìn kế, thiên biến vạn hóa, nhưng tham nhũng có biểu hiện quan hệ đặc trưng là mối quan hệ tiền và quyền. Trong đó, quyền là các quyền của Nhà nước các cấp và các quyền kinh doanh; tiền là tên gọi tóm tắt của mọi lợi ích tư nhân, bao gồm các loại lợi ích hữu hình như: tiền, nhà đất, các tiện nghi của cải vật chất và các loại lợi ích vô hình, song lại rất thiết thực như cơ hội, chức vị, ưu thế... Đồng chí cho rằng, biểu hiện của mối quan hệ

quyền và tiền của tham nhũng là từ chỗ có quyền đi đến bán quyền để kiếm tiền và từ chỗ có quyền, tạo ra quyền mới, nhất là các đặc quyền để tự mình và gia đình mình sử dụng quyền mới ấy, hoặc bán quyền mới ấy cho người khác để lấy tiền.

Đồng chí chỉ rõ, Đảng ta đã sớm nhận ra vấn đề tham nhũng là vấn đề phức tạp nên đã đặt thành quốc sách và đã đề ra các biện pháp đẩy lùi nó, nhưng hiện tượng này lại càng phát triển phổ biến và kết quả không đạt được như mong muốn của toàn Đảng. Bởi thế, bên cạnh việc xác định các nguyên nhân, đồng chí cho rằng phải nhấn mạnh thêm một số nguyên nhân chung nhất tạo nên như đời sống, chế độ tiền lương chưa đảm bảo, nên phải đặt ra và giải quyết vấn đề tiền lương một cách căn bản gắn với việc tinh giản bộ máy, làm cho các luật lệ đồng bộ, chặt chẽ, không bị lợi dụng, phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, nhất là của Quốc hội và thanh tra nhân dân, sự lên án của công luận và đặc biệt là phải tăng cường công tác giáo dục phẩm chất và đạo đức cho cán bộ, đảng viên.

Đồng chí Võ Chí Công cho rằng, để chống tham nhũng có kết quả, trước hết cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp phải thật sự gương mẫu. Cần tiến hành tự phê bình và phê bình thường xuyên, mạnh mẽ, không được né tránh, không sợ bút dây động rừng. Bởi vậy, phải xử lý kỷ luật một cách nghiêm minh, công bằng trong Đảng và trong bộ máy nhà nước. Đảng phải

thật sự dân chủ, nhưng phải hết sức nghiêm minh về kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên tham nhũng. Quy chế cán bộ, bộ máy nhà nước phải hết sức chặt chẽ ngay từ khi tuyển dụng và kiểm tra thường xuyên trong quá trình làm việc thì bộ máy mới trong sạch...

Trong phần kết luận, đồng chí Võ Chí Công viết: Cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu và tham nhũng là một nội dung căn bản của xây dựng và chỉnh đốn Đảng... phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước trong sạch thì mới có hiệu lực lãnh đạo và điều hành đất nước, tăng cường được đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng và khối đại đoàn kết toàn dân. Theo đồng chí: Lấy lại lòng tin của nhân dân đối với chế độ, củng cố được vai trò lãnh đạo, có như vậy Đảng mới hoàn thành sứ mệnh lịch sử mà dân tộc đã giao cho trong giai đoạn cách mạng mới.

Bên cạnh việc tiếp tục nghiên cứu khoa học và nghiên cứu thực tiễn để đóng góp ý kiến hết sức trách nhiệm, chân thực với Đảng, Nhà nước, đồng chí dành thời gian đóng góp với Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng, động viên nhân dân của quê hương trên mỗi bước đường phát triển.

Ở tuổi 90, mỗi lúc sức khỏe cho phép, đồng chí đều dành thời gian đi thăm hỏi, động viên nhân dân ở các địa phương, đặc biệt là đến những nơi căn cứ cách mạng như Trà My, Hiệp Đức, nơi đồng bào dân tộc còn

gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống; thăm các gia đình cơ sở từng che chở, nuôi giấu đồng chí trong thời kỳ hoạt động bí mật. Do sức khỏe yếu, nếu không về dự được các sự kiện quan trọng ở Quảng Nam - Đà Nẵng, đồng chí đều gửi điện chỉ đạo, thăm hỏi, chúc mừng. “Anh Năm Công”, “bác Năm Công” là tiếng gọi thân thương của đồng chí, đồng bào Nam Trung Bộ dành cho đồng chí.

Ngày 8-9-2011, mặc dù được Đảng và Nhà nước hết sức chăm lo, cứu chữa, nhưng do sức khỏe yếu, đồng chí Võ Chí Công qua đời tại Bệnh viện Thống Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho Đảng, Nhà nước, đồng chí, đồng bào và bạn bè quốc tế.

Với những công lao to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, đồng chí đã được Nhà nước ta tặng Huân chương Sao Vàng và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Chương VIII

TẤM GƯƠNG SÁNG CỦA NGƯỜI CỘNG SẢN

1. Người chiến sĩ cách mạng kiên trung

Cuộc đời của đồng chí Võ Chí Công gắn liền với quá trình cách mạng với những sự kiện lịch sử oanh liệt của Đảng và nhân dân ta trong suốt thế kỷ XX.

Bắt đầu từ những hoạt động yêu nước đầu tiên, đồng chí Võ Chí Công tham gia trong đội ngũ những người cộng sản vào năm 1935. Con số ấy không ý nghĩa đặc biệt nếu không thấy sự cam go của sự kiện trở thành người cộng sản vào thời điểm phải đối diện ngay với cuộc khủng bố trắng hết sức tàn bạo, khốc liệt của chế độ thực dân, phong kiến sau sự kiện Xôviết - Nghệ Tĩnh nhằm sát hại những người cộng sản, xóa bỏ hệ thống tổ chức được hình thành còn non trẻ sau khi Đảng mới ra đời, trong mưu toan hòng dập tắt phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc với tính chất mới của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Xuất hiện với tư cách người cộng sản trong bão lửa khủng bố tàn khốc, điên cuồng, kéo dài triền miên của địch là một thử thách ý chí, bản lĩnh hết sức lớn lao đối với một con người. Nhưng, thách thức đó càng lớn hơn đối với người đảng viên cộng sản Võ Chí Công trong vai trò của một Bí thư chi bộ khi bắt đầu nhiệm vụ của mình bằng việc lãnh đạo tổ chức đấu tranh chống lại sự đàn áp của địch, khôi phục tổ chức đảng, giữ vững phong trào cách mạng ở địa phương. Hoàn thành những nhiệm vụ rất khó khăn trong điều kiện hết sức cam go đó với sự kiên trì, bền bỉ để giác ngộ từng người yêu nước và kết nạp họ vào Đảng, tăng cường đội ngũ cho Đảng và bằng những nỗ lực cao độ để vận động nhân dân giữ vững niềm tin nhằm duy trì, mở rộng phong trào cách mạng ở địa phương, đã biểu thị cao độ ý chí kiên cường của đồng chí Võ Chí Công trong những tháng năm mới bước vào hàng ngũ của Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập.

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1939), thực thi chính sách phát xít ở Đông Dương, thực dân Pháp lại tiến hành hàng loạt những đợt khủng bố mới đối với phong trào cách mạng nước ta. Trước tình hình Đảng bộ Quảng Nam liên tục bị vỡ, nhiều cán bộ chủ chốt và đảng viên ở các phủ, huyện bị địch bắt, đồng chí đã quyết định thoát ly gia đình để hoạt động. Trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp nhưng mất liên lạc với

hệ thống tổ chức của Đảng, đồng chí Võ Chí Công đã cùng những cán bộ lãnh đạo còn lại ở các phủ, huyện trong tỉnh chủ động “phân công nhau đi khắp các chi bộ củng cố tinh thần và bàn công việc với các đồng chí còn lại để tiếp tục hoạt động”¹. Vượt qua sự săn đuổi, truy sát của kẻ thù và những khó khăn, vất vả trong hoạt động bí mật, với sự kiên nhẫn và nỗ lực vượt bậc, vừa tiến hành lập lại hệ thống tổ chức của Đảng ở Quảng Nam và thực hiện các công tác nhằm nhanh chóng khôi phục hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, vừa tìm cách chấp nối liên lạc với cấp trên, trong quá trình đó, đồng chí cũng từng bước trưởng thành, đảm trách Bí thư Phủ ủy Tam Kỳ (tháng 1-1940) rồi Bí thư lâm thời Tỉnh ủy Quảng Nam (tháng 3-1940).

Sau khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940), thực dân Pháp lại điên cuồng tiến hành những đợt khủng bố trắng rất ác liệt với hàng loạt cuộc lùng sục, bắt bố tràn lan trên cả nước, phá vỡ nhiều tổ chức, bắt và hành quyết, sát hại nhiều cán bộ lãnh đạo trọng yếu của Đảng ta². Trên cương vị Ủy viên Xứ ủy Trung Kỳ phụ trách các tỉnh từ Quảng Nam đến Phú Yên (tháng 10-1941), rồi Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam (tháng 1-1943), đồng chí bí

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 46.

2. Các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... đã bị sát hại trong thời gian này.

mật lặn lội đi khắp miền Trung, làm nhiều việc che mắt địch, vừa lãnh đạo cuộc đấu tranh chống lại sự khủng bố của địch, vừa gây dựng thêm nhiều cơ sở cách mạng, tái lập lại hệ thống tổ chức của Đảng và phát triển rộng rãi Mặt trận Việt Minh ở Quảng Nam và Trung Bộ...

Bị địch bắt, đồng chí đã “lấy tinh thần cách mạng thắng đau đớn bản thân và thắng kẻ thù tàn ác, dã man”¹, kiên cường vượt qua những thử thách khủng khiếp trong những tháng năm bị cực hình tra tấn ở nhà tù Hội An cũng như khi bị đày ải, giam cầm trong địa ngục trần gian ở nhà đày Buôn Ma Thuột. Thoát khỏi nơi tù ngục đế quốc, đồng chí lập tức tìm cách trở về, trực tiếp tham gia chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám trong Ủy ban khởi nghĩa của tỉnh Quảng Nam. Dưới sự đóng góp quan trọng của đồng chí, Hội An đã tiến hành khởi nghĩa thắng lợi vào ngày 17-8-1945. Quảng Nam trở thành một trong bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất nước.

Cách mạng Tháng Tám thành công, tiếp tục gắn bó với Quảng Nam - Đà Nẵng trong các nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ chế độ mới và tổ chức kháng chiến ở Khu V, nhưng để giúp nhân dân Campuchia đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, với vai trò Bí thư kiêm Chính ủy Ban Cán sự khu Đông Bắc Campuchia,

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 77.

đồng chí đã lãnh đạo đoàn quân “*tây chinh, nam chiến*” vượt Trường Sơn cực kỳ gian khổ sang giúp nước bạn. Trước yêu cầu phải khắc phục những khó khăn trong kháng chiến ở Quảng Nam - Đà Nẵng, đồng chí lại được điều động về nước với trách nhiệm Khu ủy viên Liên khu V, trực tiếp làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng và đã thành công trong nhiệm vụ lãnh đạo giành lại vùng du kích cũ, phá thế uy hiếp và tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta qua các chiến dịch chống lại sự càn quét của địch ở Quảng Nam - Đà Nẵng, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống thực dân Pháp.

Mặc dù đã được điều động ra Bắc tham gia tiến hành cải cách ruộng đất (tháng 3-1953 đến tháng 7-1954), nhưng khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, đồng chí tình nguyện xin trở về miền Nam, đi thẳng vào nơi bão lửa khốc liệt của cuộc chiến đấu chống xâm lược, để trực tiếp tham gia tổ chức, lãnh đạo đấu tranh chống đế quốc Mỹ. Trên cơ sở đường lối cách mạng miền Nam của Đảng, trong các cương vị Phó Bí thư và Bí thư Liên khu ủy V (1954 - 1960), Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam (1961 - 1965) Bí thư Khu ủy V (1964 - 1975), suốt 21 năm (1954 - 1975) kiên cường bám trụ, hoạt động, chiến đấu ở một chiến trường ác liệt và khó khăn nhất, đồng chí đã góp phần lãnh đạo quân và dân miền Nam nói chung, Khu V nói riêng, vượt qua những thử thách

khắc nghiệt nhất trong chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Hiện diện trong những ngày đầu của cuộc chiến đấu chống kẻ thù mới, đồng chí đã lãnh đạo góp phần nhanh chóng tổ chức chuẩn bị mọi mặt cho nhân dân Khu V giữ vững ý chí và tổ chức đấu tranh vượt qua mọi thủ đoạn và hành động khủng bố tàn bạo kết hợp giữa sự thâm thù điên cuồng đến tột đỉnh man rợ của bọn phong kiến phản động với sự độc ác, xảo quyệt đã thành bài bản hết sức tinh vi, thâm độc của đế quốc Mỹ, hòng tiêu diệt cả thể chất lẫn ý chí, tinh thần của những người cộng sản yêu nước ở miền Nam. Đó là sự đóng góp quan trọng của đồng chí trong lãnh đạo tổ chức một cách sáng tạo cuộc chiến đấu không tương quan về lực lượng vật chất của quân và dân ta chống lại các chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ” và “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở chiến trường miền Nam, góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đảng ta khẳng định: đồng chí Võ Chí Công “luôn có mặt ở những địa bàn trọng yếu, ác liệt nhất của chiến trường; bám sát thực tiễn, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm, đường lối chiến tranh nhân dân, cùng tập thể Trung ương Cục miền Nam, Khu ủy Khu V trực tiếp chỉ đạo việc đoàn kết, tập hợp, động viên mọi lực lượng trong Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, lãnh đạo quân và dân miền Nam vượt qua muôn

và hy sinh, gian khổ, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”¹.

Tổ quốc hòa bình, đất nước thống nhất, đồng chí lại có mặt ở lĩnh vực liên quan trực tiếp tới đời sống của đông đảo nhân dân nước ta là nông nghiệp và thực hiện thành công các chức trách, nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân tin tưởng giao phó. Trực tiếp tổ chức, chỉ đạo quá trình nghiên cứu thực tiễn, tiến hành thí điểm để đấu tranh với những quan điểm bảo thủ, để chuẩn bị, hình thành Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, đồng chí đã góp phần quan trọng bước đầu tạo ra sự xoay chuyển nền nông nghiệp nước ta từ một nước phải nhập khẩu sang xuất khẩu lương thực và làm đổi thay toàn diện đời sống của nông dân nước ta. Điều đặc biệt của sự xoay chuyển này là không chỉ nâng cao đời sống vật chất của hàng chục triệu người dân mà còn khơi lại mạch nguồn, tiếp tục phát huy truyền thống cần cù, chịu khó vốn có của người nông dân nước ta.

Không phải ngẫu nhiên khi cả nước bắt đầu triển khai công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội chưa có tiền lệ, đầy khó khăn, phức tạp, đồng chí lại được tín nhiệm trao trọng trách Chủ tịch Hội đồng Nhà nước để tổ chức triển khai đổi mới các hoạt động của Hội đồng Nhà nước và sau đó trong vai trò Trưởng ban Ủy ban sửa đổi

1. Lời điều do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Lễ tang đọc tại lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công, ngày 12-9-2011, *Tlđđ*.

Hiến pháp nhằm thể chế hóa đường lối đổi mới của Đảng bằng Hiến pháp, pháp luật. Đồng chí đã rất thành công trên cương vị và lĩnh vực mới đầy thách thức này, góp phần quan trọng triển khai thắng lợi công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đưa đất nước từng bước khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, vượt qua hiểm nghèo trước những biến đổi nhanh chóng, bất lợi của tình hình quốc tế với sự tan rã và sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu vào cuối những năm 80, đầu những năm 90 thế kỷ XX, mở đường cho tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế vững chắc của nước ta.

Can trường, đầy khí phách, suốt đời chiến đấu không quản hy sinh cho lý tưởng của Đảng và cách mạng, đồng chí Võ Chí Công biểu thị chuẩn mực hàng đầu của đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

2. Nhà lãnh đạo tài năng của Đảng và Nhà nước

Cống hiến của đồng chí Võ Chí Công với Đảng và cách mạng nước ta được khẳng định bởi sự kiên định lý tưởng và thành công của đồng chí trong những nhiệm vụ phải vượt qua các thử thách nghiệt ngã nhất từ thời kỳ vận động cách mạng giải phóng dân tộc (1932 - 1945), qua hai cuộc chiến tranh vệ quốc (1945 - 1975) đến hoàn thành các trọng trách ở những lĩnh vực phức tạp của thời kỳ cả nước chuyển từ chiến tranh sang xây dựng trong hòa bình cũng như vào lúc cả nước ta bắt đầu tiến hành sự nghiệp xây dựng

đất nước theo đường lối đổi mới của Đảng. Đặc biệt, sự cống hiến của đồng chí Võ Chí Công còn được ghi nhận ở thái độ dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân để sẵn sàng đối diện và làm thay đổi những quan niệm, những phương thức hoạt động, những phương án có sẵn hoặc những quan điểm cũ kỹ, giáo điều nhân danh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhưng trên thực tế là xa rời thực tiễn, không theo kịp, không phù hợp với sự vận động, phát triển của tình hình, thậm chí đi ngược lại với lợi ích của nhân dân.

Trước Cách mạng Tháng Tám, trong sự khủng bố ác liệt và liên tục của địch, Đảng bộ Quảng Nam nhiều lần bị địch phá vỡ, đứt liên lạc với cấp trên. Đồng chí Võ Chí Công cùng các đồng chí còn lại đã thay đổi phương thức hoạt động, địa bàn để tận dụng các điều kiện tiếp tục và kiên nhẫn xây dựng cơ sở, khôi phục và phát triển phong trào cách mạng. Bám sát thực tiễn, nhận thức chính xác sự biến đổi của tình hình cách mạng, đồng chí đã quyết định thay đổi phương án định sẵn, góp phần giành thắng lợi sớm ở Hội An cũng như ở Quảng Nam trong Cách mạng Tháng Tám.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, khi nạn đói xảy ra ở một số địa phương làm nhiều người chết, vì nhân dân, đồng chí lại dũng cảm quyết định ra lệnh vượt cấp cho xuất gạo kho dự trữ để cứu dân. Trước những diễn biến “tả khuynh” trong cải cách ruộng đất ở

miền Bắc, sớm phát hiện thấy tình trạng cán bộ vừa không giữ vững tư tưởng, quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta, vừa “thiếu thực tế, thiếu suy nghĩ, thiếu quan điểm độc lập tự chủ” nên “phương pháp thực hiện cải cách rất giáo điều, cường điệu, đấu tố tràn lan rất ác liệt, mà tập quán xã hội Việt Nam không hề có những hành động như vậy”, với trách nhiệm của mình, đồng chí cũng không ngần ngại phản ánh với cấp trên và sẵn sàng chấp nhận “thà thất sủng còn hơn làm bậy, gây họa cho nước”. Trong thời kỳ chống Mỹ xâm lược, khi tham gia giải quyết ruộng đất ở miền Nam, đồng chí cũng đề xuất phương án làm cho “mục đích thì đạt được, nhưng sách lược, phương pháp thì nhẹ nhàng, bớt dây không động rừng, không đoàn, không đội, không đấu tố, không kiểu đao to búa lớn”¹.

Sau Hiệp định Giơnevơ, đường lối chiến lược của Đảng ta là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc, người cày có ruộng, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chính trị hòa bình, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, giữ vững hòa bình, tiến tới hiệp thương tổng tuyển cử, thống nhất nước nhà, theo phương châm đấu tranh chính trị, hợp pháp và nửa hợp

1. Xem Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.142-145.

pháp là chính; bảo tồn và tập hợp lực lượng. Trong khi đó, địch lại ra sức phá hoại Hiệp định, xóa bỏ thành quả cách mạng mà nhân dân ta đã giành được trong kháng chiến chống Pháp, khủng bố và tiến hành trả thù cực kỳ tàn bạo. Chấp hành đúng chủ trương của Đảng về cách mạng miền Nam và nhanh chóng lãnh đạo tổ chức, sắp xếp và thay đổi phương thức hoạt động phù hợp với tình hình mới, nhưng đồng chí đã nhìn thấy cần phải độc lập, tự chủ trong xây dựng chiến lược, không phụ thuộc vào quan điểm hòa bình của các nước lớn. Bởi vậy, cuối năm 1957, đồng chí đã ra Bắc trực tiếp báo cáo với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị quan điểm của mình. Những ý kiến của đồng chí về sự cần thiết phải dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng của địch đã góp phần quan trọng đối với sự ra đời của Nghị quyết 15, mở ra giai đoạn phát triển mới cho cách mạng miền Nam.

Đi hầu khắp Nam Bộ để tổng kết và áp dụng kinh nghiệm đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang nhằm phổ biến khắp chiến trường, đồng chí đã góp phần hiện thực hóa chiến lược của Đảng đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở miền Nam (1960 - 1964) và sau đó lại đóng góp vào việc vạch ra kế hoạch đánh sụp uy thế quân đội Mỹ khi chúng bắt đầu tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ”, với chiến thắng ở Núi Thành và trận Vạn Tường, hình thành vành đai diệt Mỹ, mở ra những hình thức mới của chiến

tranh nhân dân với phong trào đánh Mỹ rộng khắp miền Nam...

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy năm 1975, bằng sự nhảy bén và tinh thần kiên quyết tiến công địch, trước sự biến đổi nhanh chóng của diễn biến trên chiến trường, đồng chí đã đề xuất thay đổi phương án tấn công nhanh chóng giải phóng Đà Nẵng. Mặc dù quân ta chưa đủ thời gian chuẩn bị, nhưng với tinh thần quyết chiến, chiến dịch giải phóng Đà Nẵng đã được quyết định và giành thắng lợi, làm cho tinh thần quân địch suy sụp đến cực độ, thúc đẩy nhanh quá trình tan rã của chính quyền Sài Gòn, góp phần quan trọng đẩy nhanh chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Là người nhìn nhận đúng đắn về vai trò to lớn của hợp tác xã trong chiến tranh giải phóng, đồng chí Võ Chí Công cũng là một nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước đã trực tiếp đi thẳng xuống hợp tác xã nghiên cứu nguyên nhân của tình trạng không quan tâm đến sản xuất của người nông dân trong hợp tác xã nông nghiệp trong thời bình và chịu trách nhiệm cá nhân trong việc tổ chức làm thí điểm khoán ruộng để tổng kết rút kinh nghiệm và báo cáo Bộ Chính trị. Đồng chí cũng là người trực tiếp xây dựng phương án đổi mới quản lý trong nông nghiệp tạo nên bước chuyển đầu tiên trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, phát huy quyền làm chủ của người nông dân, mở lối cho đổi mới trong lĩnh vực

kinh tế khác của đất nước (Chỉ thị 100 của Ban Bí thư). Mặc dù phải đối diện và tranh đấu với những quan điểm bảo thủ, nhưng với lòng tin tưởng “thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý”, mà trước hết là không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân, trên cương vị của mình, đồng chí đã góp phần quan trọng vào sự hoàn thiện hơn nữa quan điểm đổi mới của Đảng trong quản lý kinh tế nông nghiệp và các lĩnh vực khác.

Đổi mới trong lĩnh vực kinh tế là cuộc đấu tranh hết sức khó khăn, nhưng nó còn đặc biệt khó khăn hơn trên lĩnh vực chính trị. Kinh nghiệm ở các nước cho thấy, đã có những nguyên nhân dẫn đến thất bại trong lĩnh vực này là do sự phản bội của người lãnh đạo, do sai lầm về thứ tự, phương pháp, nguyên tắc tiến hành... đã dẫn đến đánh mất vai trò của Đảng Cộng sản và làm tan rã, sụp đổ chế độ. Vậy, làm thế nào để có thể từng bước thực hiện đổi mới chính trị một cách vững chắc? Trên cương vị là Thường trực Ban Bí thư, đồng chí Võ Chí Công đã góp phần đổi mới hoạt động từ cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng đến các cấp một cách khoa học và góp phần đổi mới các hoạt động khác trong quản lý và lãnh đạo đất nước. Với trọng trách là Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí lại góp phần quan trọng vào tiến trình từng bước thực hiện dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa trong hoạt động của Hội đồng Nhà nước - cơ quan tối cao giữa hai kỳ họp Quốc hội, có vai trò thực thi các quyết định của Quốc hội, những nhiệm vụ được Quốc hội

ủy quyền, đồng thời góp phần vào việc thể chế hóa đường lối của Đảng do Đại hội Đảng lần thứ VI đề ra với tư cách là Trưởng ban Ủy ban sửa đổi Hiến pháp. Sự ra đời của Hiến pháp năm 1992 không chỉ là đạo luật cơ bản khẳng định sự nghiệp đổi mới toàn diện của nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng mà còn là kết quả của quá trình đấu tranh xây dựng và chống lại những quan điểm và tư tưởng sai trái trong Đảng, trong nhân dân, giữa đổi mới và bảo thủ, giữa mở rộng dân chủ và tập trung quan liêu, giữa nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi công dân..., nhất là chống lại các quan điểm đòi đưa vào Hiến pháp những nội dung của thể chế nhà nước pháp quyền tư bản chủ nghĩa hoặc không muốn đưa vào Hiến pháp vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam... Những đóng góp trên thể hiện rõ bản lĩnh và trách nhiệm chính trị của đồng chí Võ Chí Công trong vai trò quyết định với tư cách Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Trưởng ban Ủy ban sửa đổi Hiến pháp.

Đổi mới là một quá trình cải cách có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, là cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, cái tiên tiến và cái lạc hậu. Cuộc đấu tranh để đổi mới không những gặp trở ngại bởi trở lực mạnh của thói quen cũ, bảo thủ mà còn vấp phải những đặc quyền, đặc lợi của không ít người gắn bó với cơ chế cũ, suy nghĩ cũ. Đây là cuộc đấu tranh từ trong nội bộ Đảng, cơ quan nhà nước, đấu tranh giữa những người đồng chí, đấu tranh với chính bản thân mình từ trong tư tưởng, lý luận

đến cả quá trình triển khai và đưa vào thực tiễn. Rõ ràng, đổi mới trong bảo vệ và xây dựng đất nước không chỉ yêu cầu cao về tri thức khoa học, trong tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực tiễn mà còn đòi hỏi cao tinh thần trách nhiệm, dám chịu trách nhiệm của những người tiên phong chống lại những trở lực đó để làm nên thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Đồng chí Võ Chí Công là một mẫu mực của nhà lãnh đạo như vậy.

Đảng ta chỉ rõ: “Đồng chí luôn trăn trở về con đường đi lên của cách mạng; sớm thể hiện sự tìm tòi đổi mới tư duy về kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; trân trọng, ủng hộ những sáng kiến của cán bộ, nhân dân và các địa phương; cùng tập thể Trung ương lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, phá thế bị bao vây, cấm vận; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; tăng cường quốc phòng - an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹.

Đổi mới trong sáng tạo và phát triển là phong cách tư duy nhất quán của một nhà lãnh đạo đầy bản lĩnh, trách nhiệm và năng động mà đồng chí Võ Chí Công thể hiện trên mọi lĩnh vực theo tư tưởng, phong cách Hồ Chí Minh.

1. Lời điều do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Lễ tang đọc tại lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công, ngày 12-9-2011, *Tlđđ*.

3. Học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Suốt đời phấn đấu dưới ngọn cờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vì độc lập của dân tộc, vì tự do và hạnh phúc của con người Việt Nam, đồng chí Võ Chí Công thấm nhuần sâu sắc, đồng thời cũng là người gương mẫu trong thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người.

Trước hết và trong bất cứ hoàn cảnh nào, đó là sự tin tưởng của đồng chí vào sức mạnh vô địch và trí tuệ sáng tạo vĩ đại của nhân dân đối với Đảng và cách mạng. Đồng chí khẳng định: “Chính trong những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất mới thấy hết vai trò to lớn của nhân dân. Nếu không có sự giúp đỡ che chở của họ chắc chắn những người cách mạng không thể làm được gì”. Nhưng theo đồng chí, “nhân dân không chỉ là người giúp đỡ, chở che, họ còn là nguồn sáng tạo vô tận để chúng tôi học tập. Nhiều ý tưởng chúng tôi có được là từ sự gợi mở của quần chúng nhân dân. Chẳng hạn phong trào khoán mới trong sản xuất nông nghiệp lúc đầu là do nhân dân tự phát thực hiện, rồi được chúng tôi phát hiện, tổng kết, xây dựng thành cơ chế, chính sách”.

Từ thực tiễn quá trình cách mạng đã qua có thể nói rằng, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Mọi thành công và thất bại của cách mạng đều do quần chúng nhân dân quyết định. Bác Hồ đã từng nói:

*“Để mười lần không dân cũng chịu.
Khó trăm lần dân liệu cũng xong”¹.*

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.280.

Vì vậy, toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của dân tộc và con người Việt Nam. Sức mạnh của Đảng là sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những hậu quả khôn lường đối với vận mệnh của đất nước. Đảng phải có các chủ trương, chính sách phù hợp với lợi ích của nhân dân. “Việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”¹.

Đó cũng là nguồn cội củng cố chủ nghĩa nhân văn sâu sắc vì con người, vì dân tộc mà đồng chí Võ Chí Công luôn sẵn sàng chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, sẵn sàng hy sinh vì lợi ích của dân tộc và đồng bào. Chấp nhận kỷ luật, chịu tù nhưng quyết không để đồng bào chết đói; kiên quyết đấu tranh với những sai lầm giáo điều, chủ quan duy ý chí cả trong đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ, xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bản lĩnh cách mạng can trường của đồng chí Võ Chí Công theo tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh.

Chủ nghĩa nhân văn trong đồng chí không chỉ là phấn đấu cho dân tộc mà còn là sự thương yêu đối với con cháu đồng chí, đồng bào yêu nước đã cống hiến, hy sinh cho cách mạng².

Thấm nhuần tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, trên cơ sở nắm vững nguyên tắc, mục tiêu của Đảng, đồng chí đã

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.4, tr.65.

2. Đồng chí nhận nuôi hai cháu là con em những người đã hy sinh vì giải phóng dân tộc.

thể hiện một ý chí và quyết tâm vô cùng to lớn, dám nghĩ dám làm, quả quyết mở đường mà đi, táo bạo và sáng tạo để thúc đẩy sự nghiệp cách mạng nước ta đi đến thắng lợi. Đó là giá trị tiên phong của người cộng sản đích thực Võ Chí Công.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận phải gắn với thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, đồng chí đã tổng kết: “Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, Đảng phải luôn luôn nắm vững quan điểm thực tiễn. Tùy từng giai đoạn cách mạng cụ thể mà đề ra các chủ trương, chính sách phù hợp với thực tế khách quan. Chủ quan, duy ý chí sẽ dẫn đến những kết cục đau lòng. Độc lập tự chủ, tự lực tự cường là một truyền thống quý báu của Đảng và nhân dân ta, một nguyên nhân quan trọng dẫn đến những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Thực tiễn cách mạng hơn 70 năm qua đã khẳng định, lúc nào Đảng ta có đường lối độc lập, tự chủ, sáng tạo thì cách mạng giành được thắng lợi to lớn, ngược lại sẽ gặp khó khăn, tổn thất. Các cấp, các ngành, các địa phương và toàn thể cán bộ, đảng viên phải có tinh thần chủ động sáng tạo, không được thụ động ngồi chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của bên ngoài trong mọi vấn đề của cách mạng. Trên cơ sở giữ vững nguyên tắc, lập trường cách mạng, phải có sự mềm dẻo, linh hoạt trong từng trường hợp cụ thể, phải có tinh thần “dĩ bất biến ứng vạn biến”¹.

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr. 391.

Theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đồng chí xác định: “Người chiến sĩ cộng sản phải luôn luôn rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, phải có tinh thần “cần kiệm liêm chính, chí công vô tư”, phải luôn luôn đặt lợi ích cách mạng lên trên hết, trước hết như Bác Hồ đã dạy, có như vậy mới được nhân dân tin yêu, kính trọng.

Trong giai đoạn cách mạng mới, tuy còn gặp nhiều khó khăn, thử thách, nhưng vững bước trên con đường cách mạng mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy những truyền thống tốt đẹp được hình thành trong lịch sử lâu dài của dân tộc, nhân dân ta nhất định sẽ đi tới ấm no, hạnh phúc”¹.

Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, đồng chí Võ Chí Công đã phấn đấu và hoạt động theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và trở thành một tấm gương của người chiến sĩ cộng sản, một nhà lãnh đạo luôn trung thành với lý tưởng của Đảng, của dân tộc, vì lợi ích của con người Việt Nam, nói đi đôi với làm, cương trực, không ham danh vị, lợi quyền, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết và luôn có một lối sống giản dị, gần gũi, thủy chung son sắt với đồng bào, đồng chí.

1. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Sđd, tr.391-392.

Đi tới giây phút cuối của sự sống, đồng chí Võ Chí Công vẫn thể hiện những giá trị của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đảng ta khẳng định: “Là một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí luôn thể hiện phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trung thành tuyệt đối với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, làm hết sức mình để giữ gìn, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự gắn bó máu thịt giữa Đảng và nhân dân; luôn gần gũi, quý trọng nhân dân; sống giản dị, khiêm tốn, đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của nhân dân lên trên hết; được đồng chí, đồng bào quý mến, tin cậy; được bạn bè quốc tế trân trọng”¹.

Càng tiến lên phía trước của cuộc cách mạng giải phóng con người theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa chưa có tiền lệ, càng lắm gian nan. Những gian nan, khó khăn đó, suy cho cùng, đều xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan mà chủ yếu là từ vấn đề con người, do con người với các nguy cơ mà ngày nay Đảng ta đã chỉ ra. Điều đó làm cho chúng ta càng ngày càng thấu hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải xây dựng đạo đức cách mạng, cái gốc của người cán bộ, đảng viên cách mạng, của người lãnh đạo xã hội. Trong cuộc hành

1. Lời điều do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Lễ tang đọc tại lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công, ngày 12-9-2011, *Tlđđ*.

trình gian khó để đi tới thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, chúng ta càng cần nhiều hơn bao giờ hết những tấm gương thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh của người cộng sản như đồng chí Võ Chí Công.

Cuộc sống không ngừng vận động với vận tốc ngày càng cao. Sự vận động đó làm cho mọi giá trị có thể thay đổi nhưng những giá trị của người cộng sản, của nhà lãnh đạo cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh được hiện thực hóa với tấm gương Võ Chí Công mãi không đổi thay và vẫn là những giá trị cần đạt tới của mỗi con người chúng ta.

*

* *

Suốt đời phấn đấu cho lý tưởng của Đảng, vì lợi ích dân tộc, trải qua mọi biến cố thăng trầm của lịch sử đất nước, cuộc đời của đồng chí Võ Chí Công gắn liền với tất cả những sự kiện trọng đại của Đảng và đất nước ta - từ chiến tranh cách mạng đến hòa bình xây dựng xã hội mới dưới ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là một cuộc đời vẻ vang của một chiến sĩ cộng sản, nhà lãnh đạo cách mạng chuyên nghiệp đã dâng hiến cả đời mình cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Kiên cường, đầy bản lĩnh và trách nhiệm cao cả, dựa trên sự sáng tạo của trí tuệ khoa học và cách mạng với sự tin tưởng vô biên vào sức mạnh nhân dân, hết lòng phục vụ nhân dân của người chiến sĩ cộng sản đã

góp phần tạo nên những cống hiến to lớn của Đảng và cách mạng nước ta, đồng chí Võ Chí Công thật xứng đáng - như Đảng ta đã khẳng định - là một “chiến sĩ cộng sản kiên cường, suốt đời phấn đấu cho độc lập, tự do của dân tộc, vì hạnh phúc của nhân dân và vì lý tưởng cộng sản”; “một nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta”, “một trong những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh” mà cuộc đời “gắn liền với quá trình cách mạng và những sự kiện lịch sử vô cùng quan trọng của Đảng và nhân dân ta”¹.

Đồng chí mãi là một tấm gương sáng để cán bộ, đảng viên và đồng bào, chiến sĩ cả nước trân trọng, biết ơn và noi theo.

1. Lời điều do đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Trưởng ban Lễ tang đọc tại lễ truy điệu đồng chí Võ Chí Công, ngày 12-9-2011, *Tlđđ*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954-1975)*, Bình Định, 1996.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ Thừa Thiên - Huế: *Lịch sử Đảng bộ Thừa Thiên - Huế, tập 2 (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên: *Lịch sử Phú Yên kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, 1996.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Kon Tum, tập 1 (1930-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1930-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ Khánh Hòa: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Khánh Hòa (1945-1954)*, Khánh Hòa, 1990.

8. Ban Chấp hành Đảng bộ Lâm Đồng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng 1930-1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng: *Tình hình và nhiệm vụ xây dựng Đảng ở miền Nam* (Báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, tháng 9-1960), tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc (1930-2005)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
11. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
12. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
13. Ban Chỉ đạo và Ban biên tập truyền thống Tây Nam Bộ: *Tây Nam Bộ ba mươi năm kháng chiến (1945-1975)*, tháng 12-2000.
14. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo đặc biệt về tình hình Đảng ở miền Nam từ sau hòa bình tới nay*, tháng 8-1956, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.

15. Ban Sưu tầm biên soạn lịch sử Đảng Tam Kỳ: *Tam Kỳ, đất nước, con người và những truyền thống yêu nước trước khi có Đảng*, 1988.
16. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình 3 tháng ở Liên khu V*, tháng 9-1956, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
17. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình Đảng ở miền Nam*, tháng 9-1956, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
18. Ban Thống nhất Trung ương: *Tình hình Đảng ở miền Nam*, tháng 12-1956, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
19. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình miền Nam năm 1956*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
20. Ban Thống nhất Trung ương: *Tình hình cơ sở 6 tháng đầu năm 1957*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
21. Ban Thống nhất Trung ương: *Tình hình miền Nam trong năm 1957*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
22. Ban Thống nhất Trung ương: *Tình hình miền Nam 6 tháng cuối năm 1958*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
23. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình miền Nam năm 1959*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.

24. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình Liên khu V*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
25. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tối mật về một số tình hình miền Nam*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
26. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo một số kinh nghiệm của Nam Bộ*, tháng 11-1959, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
27. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình Liên khu V về cơ sở đảng và quần chúng*, tháng 11-1959, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
28. Ban Thống nhất Trung ương: *Sơ lược phản ánh tình hình Nam Bộ gần đây*, ngày 6-4-1960, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
29. Ban Thống nhất Trung ương: *Tình hình miền Nam năm 1960*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
30. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình Liên khu V giai đoạn 1958-1960*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
31. Ban Thống nhất Trung ương: *Tình hình miền Nam năm 1961*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
32. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo về việc đổi tên Đảng bộ miền Nam*, tháng 5-1961, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.

33. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo về vấn đề đổi tên cho Đảng bộ miền Nam*, tháng 5-1961, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
34. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo về lý do đổi tên Đảng bộ miền Nam thành Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam*, năm 1961, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
35. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo về vấn đề lấy một tên cho Đảng bộ miền Nam*, tháng 11-1961, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
36. Ban Thống nhất Trung ương: *Tổ chức và nhiệm vụ của Trung ương Cục miền Nam*, năm 1961, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
37. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình công tác xây dựng Đảng ở miền Nam*, năm 1964, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
38. Ban Thống nhất Trung ương: *Báo cáo tình hình phát triển của phong trào cách mạng Nam Bộ từ hòa bình lập lại đến nay (tháng 7-1954 đến tháng 6-1966)*, tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
39. Ban Tuyên giáo Trung ương - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Tỉnh ủy Quảng Nam: *Đồng chí Võ Chí Công với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

40. Ban Tổng kết chiến tranh B2: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường B2*, tập 2, tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
41. Báo cáo tổng quát thành tích phát động cải cách ruộng đất ở 6 xã thí điểm - phong Phủ Thủ tướng - Trung tâm lưu trữ quốc gia III.
42. Báo cáo tổng kết công tác phát động quần chúng ở các xã thí điểm trong Liên khu Việt Bắc - phong Phủ Thủ tướng - Trung tâm lưu trữ quốc gia III.
43. Báo cáo của Bộ Canh nông về chính sách ruộng đất năm 1950-1951 - phong Phủ Thủ tướng - Trung tâm lưu trữ quốc gia III.
44. Báo cáo của Liên khu III về tình hình thực hiện chính sách ruộng đất - phong Liên khu III, đơn vị bảo quản 289 - Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
45. Báo cáo của Liên khu IV về tình hình cải cách ruộng đất - phong Liên khu IV, đơn vị bảo quản 35 - Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
46. Báo cáo của Liên khu V về tình hình điền địa - phong Liên khu V, đơn vị bảo quản 20 - Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
47. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1997.
48. Bộ Chính trị Trung ương Đảng: *Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ công tác ở miền Nam*, tháng 6-1956, tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.

49. Bộ Chính trị Trung ương Đảng: *Chỉ thị về phương hướng công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*, tháng 1-1961, tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
50. Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, 1989, t.1, 2.
51. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1991.
52. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, t.2.
53. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975, tập 2 - Chuyển chiến lược*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
54. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
55. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Báo cáo của Chính phủ tại các kỳ họp của Quốc hội khoá IX và khoá X (1992 - 2002)*.
56. *Chỉ thị đẩy mạnh phong trào đấu tranh phá kế hoạch “bình định cấp tốc” ở nông thôn*. P42 - ĐVBQ 0321 - (29-51), lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

57. *Chỉ thị số 60-CT/TUC, ngày 1-1-1967 của Trung ương Cục “Phát huy mạnh mẽ thế tiến công kiên quyết đánh bại âm mưu bình định nông thôn của Mỹ - ngụy”*. II3/6/17.25, tài liệu Viện Lịch sử Đảng.
58. *Chỉ thị số 8-CT/TVTUC, ngày 1-5-1965 của Thường vụ Trung ương Cục về “Cuộc phát động quần chúng nông thôn năm 1965”*. II3/6/15.33, tài liệu Viện Lịch sử Đảng.
59. *Chỉ thị số 58-CT/TUC ngày 5-12-1968 của Trung ương Cục “Khẩn trương đẩy mạnh tấn công toàn diện, ra sức giải phóng nông thôn, đánh bại kế hoạch “bình định cấp tốc” của địch”*. II3/6/18.30, tài liệu Viện Lịch sử Đảng.
60. Võ Chí Công: *Tăng cường quyền lực nhà nước của nhân dân đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992.
61. Võ Chí Công: *Những vấn đề cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1989.
62. Võ Chí Công, Nguyễn Thành Thơ, Phạm Văn Khiết, Phan Văn Đáng: *Con đường làm ăn tập thể của nông dân*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1978.
63. Võ Chí Công: *Báo cáo bổ sung của đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Việt Nam tại Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam lần thứ hai*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1964.

64. Nông Đức Mạnh, Võ Chí Công, Hà Mạnh Trí: *Một số bài nghiên cứu về tham nhũng và phòng, chống tham nhũng đăng trên các tạp chí*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
65. Võ Chí Công, Tố Hữu: *Khẩn trương và tích cực đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1979.
66. Võ Chí Công, Nguyễn Thành Thơ: *Phát triển tích cực và vững chắc tập đoàn sản xuất*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1979.
67. Võ Chí Công: *Đổi mới quản lý kinh tế bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1986.
68. Võ Chí Công: *Mở rộng việc thực hiện các hình thức lương khoán sản phẩm và tiền thưởng trong các đơn vị quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp và thủy lợi*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982.
69. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng (Hồi ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
70. *Các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
71. *Chung một bóng cờ (về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.

72. Lê Duẩn: *Thư vào Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985.
73. Lê Duẩn: *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993.
74. Văn Tiến Dũng: *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
75. *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. Thuận Hóa, 1997, t.2.
76. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.26-52.
77. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập* (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
78. Lê Mậu Hãn: *Đảng Cộng sản Việt Nam - Các Đại hội và Hội nghị Trung ương*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
79. *Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
80. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, PGS.TS. Nguyễn Quý (Chủ biên): *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
81. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Đồng chí Nguyễn Văn Linh và cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.

82. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng, GS.TS. Trịnh Nhu (Chủ biên): *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
83. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *30 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước (Kỷ yếu hội thảo khoa học)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.
84. Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
85. Hội đồng Bộ trưởng: *Báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng tại các kỳ họp của Quốc hội khoá VII và VIII từ 1981-1992*.
86. Hội đồng Bộ trưởng: *Báo cáo kiểm điểm sự chỉ đạo của Hội đồng Bộ trưởng sáu tháng và hằng năm từ 1981-1992*.
87. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam: *Phụ nữ Nam Trung Bộ trong sự nghiệp kháng chiến cứu nước (1930-1975)*, Nxb. Đà Nẵng, 1999.
88. Huyện ủy Núi Thành, Đảng bộ xã Tam Xuân 1 - Đảng bộ xã Tam Xuân 2: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Tam Xuân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

89. *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
90. Liên khu ủy V: *Báo cáo tổng quát của tình hình Hội ở Nam Trung Bộ*, ngày 1-9-1948, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, ký hiệu K5/2.1.
91. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình cực Nam Trung Bộ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu V lần thứ I*, 1949, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/3.1.
92. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình chung các mặt Liên khu V quý III năm 1949 của Ban Chấp hành Đảng bộ Liên khu V*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/3.2.
93. Liên khu ủy V: *Báo cáo Tây Nguyên quý 3 năm 1949*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/3.3.
94. Liên khu ủy V: *Báo cáo về bầu cử Hội đồng nhân dân và giám tô*, ngày 30-10-1949, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/3.4.
95. Liên khu ủy V: *Báo cáo tổng kết năm 1949*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/3.6.
96. Liên khu ủy V: *Quyết nghị về xây dựng chính quyền tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu lần thứ I (tháng 3-1949)*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ

- Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 21.
97. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình nội bộ Đảng Liên khu V 3 tháng thứ 3 năm 1949*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 297.
 98. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình và nhiệm vụ nội bộ Đảng bộ Liên khu V tại Đại hội Đảng bộ Liên khu V lần thứ nhất*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 149.
 99. Liên khu ủy V: *Báo cáo về chính quyền miền Nam Trung Bộ tại Đại hội Đảng bộ Liên khu V lần thứ nhất*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Phong số 51, ML 01, ĐVBQ 149.
 100. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình vùng bị chiếm Liên khu V*, ngày 19-8-1949, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/3.9.
 101. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình chung Liên khu V từ 1945 - 1950*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.3.
 102. Liên khu ủy V: *Báo cáo 2 năm cầm cự, 1 năm chuẩn bị tổng phản công ở miền Nam Trung bộ*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/3.8.
 103. Liên khu ủy V: *Báo cáo 6 tháng đầu năm 1950 tại Hội nghị Liên khu ủy mở rộng*, từ ngày 8 đến 16-7-1950, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.4.

104. Liên khu V: *Chỉ thị về đơn giản hóa cấp huyện của Liên khu ủy V*, ngày 23-3-1950, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.5.
105. Liên khu ủy V: *Chỉ thị về việc xây dựng căn cứ địa vùng tự do của Liên khu ủy V*, năm 1950, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.6.
106. Liên khu ủy V: *Chỉ thị về tăng cường vận động tôn giáo vận ở Liên khu V*, năm 1950, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.7.
107. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy V mở rộng tháng 5-1950*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu II/3/6/1.1.
108. Liên khu ủy V: *Tình hình thượng du miền Nam Trung Bộ* (kèm theo Nghị quyết Hội nghị cán bộ Thượng Du vận ngày 20 - 23-6-1950 về Xây dựng thượng du Châu Thành căn cứ được vững chắc để chuyển mạnh sang tổng phản công và xây dựng dân chủ mới), năm 1950, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu II/3/6/1.2.
109. Liên khu ủy V: *Báo cáo và Nghị quyết của Hội nghị cán bộ Đảng bộ Liên khu V lần thứ 2*, từ ngày 18 đến 24-1-1950, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 82.

110. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về xây dựng Đảng tại Hội nghị Liên khu ủy*, từ ngày 8 đến 16-7-1950, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 33.
111. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình chung Liên khu V năm 1950*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, ĐVBQ 174.
112. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy mở rộng*, ngày 25-5-1950, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu II3/6/1/1.
113. Liên khu ủy V: *Kiểm thảo tóm tắt 2 năm lãnh đạo của Liên khu ủy V về sự phát triển cục diện chiến tranh 2 năm vừa qua và sự chỉ đạo của Đảng*, ngày 11-11-1950, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.9.
114. Liên khu ủy V: *Báo cáo tại Hội nghị Đảng vụ toàn Liên khu*, từ ngày 26 đến 31-1-1951, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn Phòng Trung ương Đảng, Phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 88.
115. Liên khu ủy V: *Báo cáo của Đoàn đại biểu Liên khu V sau khi dự Đại hội II Đảng bộ Liên khu V*, tháng 7-1951, về các văn kiện của Đại hội II của Đảng, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.1.
116. Liên khu ủy V: *Phụ lục báo cáo về mặt trận, trích biên bản của Đại hội II Đảng bộ Liên khu V*, phiên bản họp ngày 21-7-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.2.

117. Liên khu ủy V: *Báo cáo về công việc của Đảng tại Đại hội lần thứ II*, tháng 7-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.4.
118. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ nhất*, từ ngày 16 đến 19-8-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.11.
119. Liên khu ủy V: *Chỉ thị về hoạt động Đông Xuân của Liên khu ủy V*, ngày 27-10-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.15.
120. Liên khu ủy V: *Chỉ thị về công tác Hoa vận của Liên khu ủy V*, ngày 30-10-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.16.
121. Liên khu ủy V: *Chỉ thị chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác tôn giáo vận của Liên khu ủy V*, năm 1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.17.
122. Liên khu ủy V: *Báo cáo và Nghị quyết của Hội nghị Liên khu ủy V*, ngày 11-4-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.19.
123. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Kiểm thảo sự chỉ đạo của Liên khu ủy V*, ngày 16 và 17-4-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.20.
124. Liên khu ủy V: *Dự thảo báo cáo tự kiểm thảo của Liên khu ủy V*, năm 1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.21.

125. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về nhiệm vụ công tác dân vận và Mặt trận tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.5.
126. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị thường vụ Liên khu ủy V*, từ ngày 27 đến 29-12-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.6.
127. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về công tác vùng tạm bị chiếm và vùng du kích tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.7.
128. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về quân sự tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.8.
129. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về công tác kinh tế tài chính tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.9.
130. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về củng cố nội bộ tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.10.
131. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ hai*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, về tình hình chung và nhiệm vụ chung của Liên khu, tài

- liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 37.
132. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ I*, từ ngày 16 đến 19-8-1951, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 36.
133. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu lần thứ II*, từ ngày 16-7-1951 đến 2-8-1951, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.23.
134. Liên khu ủy V: *Tóm tắt Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy*, ngày 16-10-1951, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 34.
135. Liên khu ủy V: *Tóm tắt Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy*, ngày 5-12-1951, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 34.
136. Liên khu ủy V: *Báo cáo công tác tổ chức tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ III*, năm 1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.12.
137. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ III*, từ ngày 3 đến 6-10-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.13.

138. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về tình hình chung và nhiệm vụ chung của Liên khu tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.14.
139. Liên khu ủy V: *Tự phê bình của Liên khu ủy tại Hội nghị Liên khu ủy lần thứ II*, từ ngày 15 đến 24-2-1952, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.22.
140. Liên khu ủy V: *Báo cáo về công tác dân vận và chính sách ruộng đất*, năm 1953, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.8.
141. Liên khu ủy V: *Chỉ thị về việc đẩy mạnh thi hành chính sách ruộng đất từ nay đến cuối năm 1953*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.1.
142. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình chung Liên khu V 6 tháng đầu năm 1952*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 300.
143. Liên khu ủy V: *Báo cáo tổng kết năm 1952*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 300.
144. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình Liên khu V từ 1949 - 1951*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 175.

145. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị tổ chức Liên khu ủy*, từ ngày 1 đến 6-9-1952, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 91.
146. Liên khu ủy V: *Báo cáo tổng kết tình hình năm 1952*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 177.
147. Liên khu ủy V: *Chỉ thị của Thường vụ Liên khu ủy V về trọng tâm công tác trong vùng địch*, ngày 16-5-1952, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 141.
148. Liên khu ủy V: *Chỉ thị của Thường vụ Liên khu ủy V về công tác chống đói ngày 25-8-1952*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 141.
149. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy ngày 8-3-1953*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.4.
150. Liên khu ủy V: *Kiểm điểm việc thi hành nghị quyết quân sự của Hội nghị Liên khu ủy lần thứ 3*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.5.
151. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về “đẩy mạnh thi hành chính sách ruộng đất, chuẩn bị phát động quần chúng” của Hội nghị Liên khu ủy lần thứ 4*

- (tháng 5-1953), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.6.
152. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy lần thứ IV* (từ ngày 12 đến 19-5-1953), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.7.
153. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về công tác địch, nguy vận* (được Thường vụ Liên khu ủy thông qua ngày 20-8-1953), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.8.
154. Liên khu ủy V: *Nghị quyết về chuẩn bị phóng tay phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất ở các vùng công giáo*, ngày 21-4-1953, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.9.
155. Liên khu ủy V: *Chỉ thị chấn chỉnh công tác phụ vận của Liên khu ủy V*, ngày 10-2-1953, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.10.
156. Liên khu ủy V: *Chỉ thị hướng dẫn kế hoạch thi hành chính sách ruộng đất từ nay đến cuối năm 1953*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.12.
157. Liên khu ủy V: *Chỉ thị bổ sung chỉ thị số 206 VP/LKU*, ngày 3-7-1953 của Thường vụ Liên khu ủy về việc hướng dẫn thi hành chính sách ruộng đất từ nay đến cuối năm 1953, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.11.

158. Liên khu ủy V: *Chỉ thị cụ thể về chuẩn bị phóng tay phát động quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất năm 1953*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.13.
159. Liên khu ủy V: *Chỉ thị của Liên khu ủy V về phòng đói, cứu đói ở vùng thượng du*, ngày 15-8-1953, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.14.
160. Liên khu ủy V: *Chỉ thị của Liên khu ủy V về việc thi hành chính sách ruộng đất ở vùng địch hậu và vùng giáp ranh Quảng Nam*, ngày 31-1-1953, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.15.
161. Liên khu ủy V: *Báo cáo 6 tháng đầu năm 1953*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 179.
162. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình 3 tháng 7, 8, 9 năm 1953*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 179.
163. Liên khu ủy V: *Báo cáo cuối năm 1953*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 179.
164. Liên khu ủy V: *Dự thảo Báo cáo tự kiểm thảo của Liên khu ủy*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 179.
165. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy V*, ngày 10-1-1953, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 62.

166. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy V*, ngày 19 và 20-3-1953, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 62.
167. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu ủy V*, ngày 19 và 21-4-1953, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 62.
168. Liên khu ủy V: *Báo cáo tổng kết hoạt động Đông - Xuân năm 1953*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 180.
169. Liên khu ủy V: *Giải thích thêm những phần cụ thể về chính sách ruộng đất*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/6.1.
170. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V*, từ ngày 18 đến 21-10-1954, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/7.2.
171. Liên khu ủy V: *Góp ý kiến về “thi hành chính sách dân tộc thiểu số ở Liên khu V”*, ngày 14-2-1954, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/7.3.
172. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V lần thứ 5*, ngày 20-4-1954, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/7.5.

173. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V*, từ ngày 18 đến 21-10-1954, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/7.6.
174. Liên khu ủy V: *Chỉ thị của Liên khu ủy V về công tác binh vận* (tháng 10-1954), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/7.7.
175. Liên khu ủy V: *Chỉ thị của Liên khu ủy V về công tác nông vận hiện nay* (tháng 10-1954), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/7.8.
176. Liên khu ủy V: *Chỉ thị của Liên khu ủy V*, ngày 8-6-1954, *về tích cực phá kế hoạch bắt lính của địch*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/7.9.
177. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu V*, ngày 12 và 13-6-1954, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 63.
178. Liên khu ủy V: *Biên bản Hội nghị Thường vụ Liên khu V*, ngày 22-6-1954, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phong số 51, ML 01, ĐVBQ 63.
179. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V*, từ ngày 18 đến 21-10-1954, tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
180. Liên khu ủy V: *Tổng kết Hội nghị kiểm thảo của Khu ủy V về sự chỉ đạo phong trào ở Liên khu V*, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/8.3.

181. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V*, tháng 2-1956, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
182. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị cán bộ Liên khu V*, từ ngày 12 đến 17-5-1955, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 93.
183. Liên khu ủy V: *Những tư tưởng sai lệch trong việc vận dụng phương châm công tác và cơ sở vận dụng phương châm công tác vùng sau lưng địch*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng số 51, ML 01, ĐVBQ 180.
184. Liên khu ủy V: *Nghị quyết bổ sung và chỉnh đốn nghị quyết tháng 2-1956*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
185. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình Đảng ở miền Nam*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
186. Liên khu ủy V: *Đề cương công tác vùng cực Nam Tây Nguyên của Liên khu V*, tháng 5-1958, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
187. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình Đảng bộ Liên khu V (1955 - 1959)*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
188. Liên khu ủy V: *Sơ lược nhận thức vấn đề củng cố, xây dựng Đảng ở vùng dân tộc*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.

189. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình miền núi Liên khu V*, năm 1959, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
190. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình Liên khu V*, tháng 11-1959, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
191. Liên khu ủy V: *Báo cáo về Tây Nguyên Liên khu V*, năm 1959, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
192. Liên khu ủy V: *Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V*, tháng 4-1960, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
193. Liên khu ủy V: *Dự thảo chỉ thị Ra sức xây dựng Đảng*, tháng 4-1960, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
194. Liên khu ủy V: *Báo cáo tình hình Liên khu V (1958-1960)*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
195. Liên khu ủy V: *Bài tổng kết Hội nghị Liên khu ủy V*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
196. Liên khu ủy V: *Tổng hợp số liệu xây dựng Đảng từ năm 1961 đến tháng 6-1974*, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng.
197. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (1954 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2.
198. *Nghị quyết của Trung ương Cục “Đẩy mạnh phong trào vùng yếu ở nông thôn”*, tháng 10-1966, II/3/6/16.8, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

199. *Nghị quyết chỉ đạo phong trào Khu IX của Thường vụ Trung ương Cục miền Nam*. P42 - 0337, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.
200. *Những sự kiện Lịch sử Đảng, tập 3 - Về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985.
201. *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, Bộ chỉ huy quân sự Nghĩa Bình, Nxb. Tổng hợp Nghĩa Bình, 1988.
202. Quân đội nhân dân Việt Nam: *Báo cáo tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Quân khu 6* (cục Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên), (Dự thảo), tập I, Ban Tổng kết kinh nghiệm chiến tranh Quân khu 6 - Ban Tổng kết chiến tranh B2, (lưu hành nội bộ).
203. Quân đội nhân dân Việt Nam - Ban Tổng kết chiến tranh B2: *Đề cương tỉ mỉ báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Nam Bộ và cục Nam Trung Bộ (B2), tập 5*, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
204. Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu V: *Công tác Đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu V (1945 - 2000), biên niên, tập 2, quyển 1 (1954 - 1965)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2002.

205. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Các văn kiện của các kỳ họp của Quốc hội từ khoá VI đến khoá XI (1976 - 2002)*.
206. Nguyễn Viết Thảo: *Tìm hiểu bộ máy nhà nước: Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1982.
207. Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu V: *Lịch sử Khu 6 (cực Nam Trung Bộ - Nam Tây Nguyên) kháng chiến chống Mỹ 1954 - 1975*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1995.
208. Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và Thành ủy - Ủy ban nhân dân Đà Nẵng: *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.
209. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành phố Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
210. Tổng Quân ủy Trung ương: *Tình hình địch, ta ở Liên khu V, chủ trương chiến lược và kế hoạch công tác quân sự của ta sắp tới ở Liên khu V* (Báo cáo của tổng quân ủy ngày 27-11-1953 đã được Bộ Chính trị thông qua), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu II/3/6/3.8.
211. Nguyễn Duy Trinh: *Gấp rút hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị tổng phản công chuyển mạnh sang tổng phản công* (Báo cáo của đồng chí Bí thư tại Đại hội

- đại biểu nông dân cứu quốc Liên khu V, lần thứ I, ngày 14 - 17-3-1950), tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/4.1.
212. Nguyễn Duy Trinh: *Tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công* - báo cáo của đồng chí Nguyễn Duy Trinh tại Đại hội II Đảng bộ Liên khu V, tài liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu K5/5.3.
213. Trung tâm nghiên cứu về tổ chức, PGS.TS. Nguyễn Hữu Tri - TS. Nguyễn Thị Phương Hồng (Đồng chủ biên): *Lịch sử công tác tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2000)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
214. Trung ương Cục miền Nam: *Chỉ thị về việc đấu tranh chính trị sắp tới*, ngày 11-8-1954, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
215. Trung ương Cục miền Nam: *Báo cáo về tình hình và nhiệm vụ mới*, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
216. Trung ương Cục miền Nam: *Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục miền Nam mở rộng lần thứ nhất*, tháng 10-1961, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
217. Trung ương Cục miền Nam: *Báo cáo tóm tắt tình hình tổ chức Đảng và phương hướng công tác sắp tới*, năm 1966, tư liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phong Trung ương Đảng.

218. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập II, 1954 - 1975, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
219. Viện Lịch sử Đảng: *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 5-1975 - tháng 12-1995)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
220. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam: *Lịch sử diễn biến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, tập 1 (1954-1968)*, lưu hành nội bộ.
221. Xứ ủy Nam Bộ: *Báo cáo một số kinh nghiệm về Nam Bộ đấu tranh chống khủng bố, xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng Đảng*, ngày 17-11-1959, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
222. Xứ ủy Nam Bộ: *Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ lần thứ tư*, tháng 11-1959, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
223. Xứ ủy Nam Bộ: *Vấn đề chi bộ*, tháng 10-1959, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
224. Xứ ủy Nam Bộ: *Chỉ thị về phương hướng công tác trước mắt*, tháng 3-1960, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.
225. Xứ ủy Nam Bộ: *Báo cáo tổng kết tình hình mọi mặt của địch và ta trong 6 tháng đầu năm 1960*, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

226. Xứ ủy Nam Bộ: *Tình hình Nam Bộ từ sau hòa bình lập lại đến hiện nay*, tháng 10-1961, tư liệu lưu tại Viện Lịch sử Đảng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	7
<i>Lời nói đầu</i>	9

Chương I

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ

(1912 - 1935) 13

- | | |
|--|----|
| 1. Quảng Nam và Tam Xuân | 13 |
| 2. Họ Võ ở Khương Mỹ và tuổi trẻ Võ Chí Công | 39 |

Chương II

TRƯỞNG THÀNH TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG

CÁCH MẠNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

(1935 - 1945) 56

- | | |
|---|----|
| 1. Từ người yêu nước trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp | 56 |
| 2. Lãnh đạo khôi phục Đảng bộ và phong trào cách mạng Quảng Nam | 71 |
| 3. Tham gia lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám ở Quảng Nam | 96 |

Chương III

**GÓP PHẦN BẢO VỆ THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG
VÀ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP**

(1945 - 1954)	125
1. Xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng	125
2. Thực hiện nhiệm vụ quốc tế và kháng chiến ở Quảng Nam	139
3. Tham gia cải cách ruộng đất ở miền Bắc	158

Chương IV

**KIÊN CƯỜNG THAM GIA LÃNH ĐẠO ĐÁNH BẠI
CÁC CHIẾN LƯỢC LEO THANG CHIẾN TRANH
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ Ở KHU V**

(1954 - 1968)	172
1. Bám trụ giữ gìn lực lượng cách mạng ở Liên khu V	172
2. Góp phần chống “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam	203
3. Chống “chiến tranh cục bộ” của Mỹ ở Khu V	218

Chương V

**LÃNH ĐẠO TIẾN TRÌNH TIẾN CÔNG
GIẢI PHÓNG KHU V**

(1969 - 1975)	255
1. Chống “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ ở Khu V	255
2. Trong đấu tranh thực hiện Hiệp định Pari ở Khu V	263
3. Lãnh đạo tiến công giải phóng Khu V	274

*Chương VI***THAM GIA MỞ ĐƯỜNG ĐỔI MỚI
TRONG XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
(1976 - 1986)**

	300
1. Mở lối đổi mới trong sản xuất nông nghiệp	300
2. Đổi mới hoạt động của Đảng	324
3. Tham gia lãnh đạo đổi mới trong quản lý kinh tế	335

*Chương VII***LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI
ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG
(1986 - 1991)**

	359
1. Đổi mới hoạt động của Hội đồng Nhà nước và Quốc hội	359
2. Lãnh đạo sửa đổi Hiến pháp	380
3. Nỗ lực đến cùng vì Đảng và dân tộc	391

*Chương VIII***TẤM GUƠNG SÁNG CỦA NGƯỜI CỘNG SẢN**

	404
1. Người chiến sĩ cách mạng kiên trung	404
2. Nhà lãnh đạo tài năng của Đảng và Nhà nước	411
3. Học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh	419
TÀI LIỆU THAM KHẢO	426

Chiu trách nhiệm xuất bản

Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PHAM CHÍ THÀNH

Chiu trách nhiệm nội dung

PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH

ThS. PHẠM NGỌC BÍCH

ThS. NGUYỄN THI THÚY

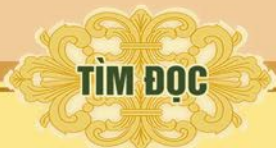
ThS. ĐÀO QUỲNH HOA

Trình bày bởi: NGUYỄN MANH HÙNG

Chế bản vi tính: PHAM THU HÀ

Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT

Đọc sách mẫu: NGUYỄN THI THÚY



- TRẦN PHÚ - Tiểu sử
- LÊ HỒNG PHONG - Tiểu sử
- HÀ HUY TẬP - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN CỪ - Tiểu sử
- LÊ DUẨN - Tiểu sử
- TRƯỜNG CHINH - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN LINH - Tiểu sử
- TÔN ĐỨC THẮNG - Tiểu sử
- PHẠM VĂN ĐỒNG - Tiểu sử
- VÕ NGUYỄN GIÁP - Tiểu sử
- PHẠM HÙNG - Tiểu sử
- HỒ TÙNG MẬU - Tiểu sử
- NGUYỄN PHONG SẮC - Tiểu sử
- NGUYỄN ĐỨC CẢNH - Tiểu sử
- NGÔ GIA TỰ - Tiểu sử
- HOÀNG QUỐC VIỆT - Tiểu sử
- HOÀNG VĂN THỤ - Tiểu sử
- VÕ VĂN TÀN - Tiểu sử
- NGUYỄN LƯƠNG BẰNG - Tiểu sử
- PHAN ĐĂNG LƯU - Tiểu sử
- PHÙNG CHÍ KIÊN - Tiểu sử
- VÕ VĂN KIỆT - Tiểu sử
- NGUYỄN HỮU THỌ - Tiểu sử
- HUỲNH THỨC KHÁNG - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN TỐ - Tiểu sử
- LÊ QUANG ĐẠO - Tiểu sử
- HUỲNH TẤN PHÁT - Tiểu sử

